NĂM THỨ BẢY • #73 • MAY 1995

English Section Page 45

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

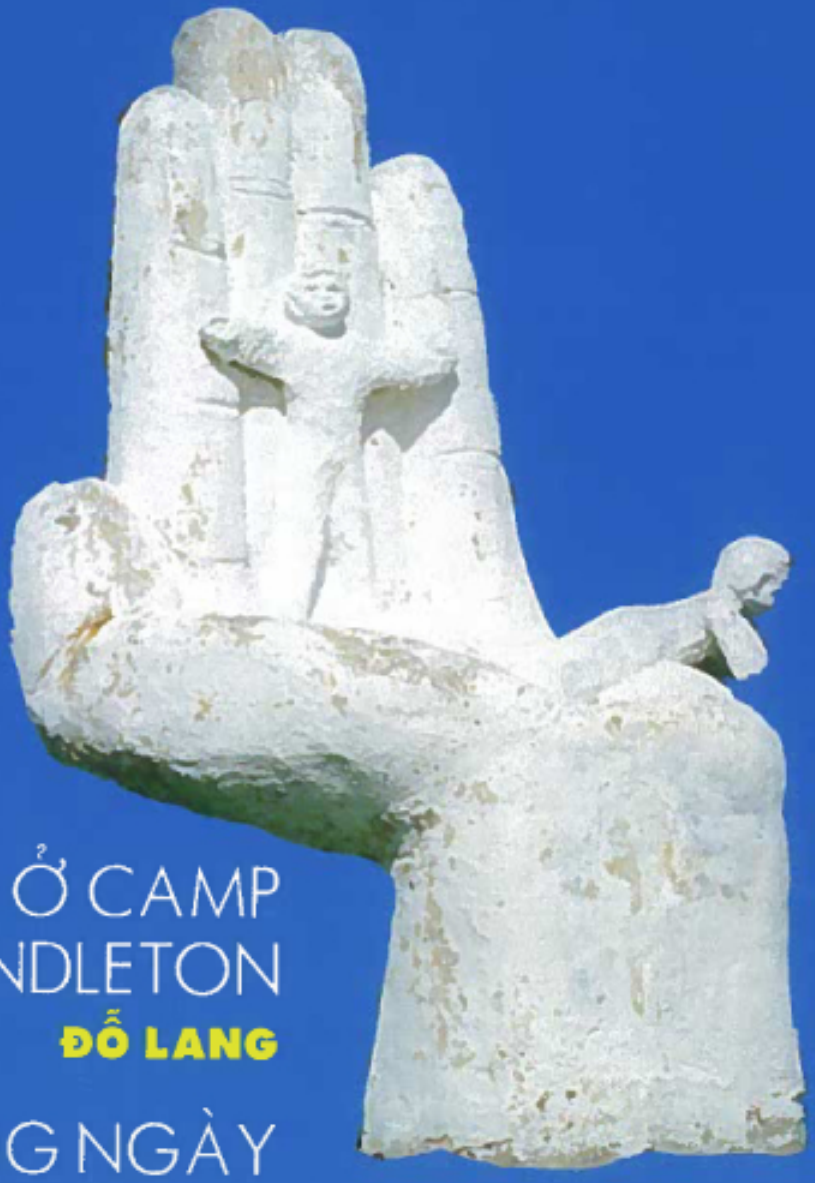

1975: Ở CAMP PENDLETON
ĐỖ LANG

1975: NHỮNG NGÀY TRÊN ĐẢO GUAM
PHAN LẠC TIẾP

MÙA TÔM BẠC RẠI
NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU *Thẩm Mỹ & Thẩm Mỹ Da*

PHẠM NGUYỄN HỮU, M.D.

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA GIẢI PHẪU THẨM MỸ & TẠO HÌNH

Plastic & Reconstructive Surgery

* Tốt nghiệp Giải Phẫu Thẩm Mỹ & Tạo Hình tại trường New York Hospital. **CORNELL** Medical Center và Memorial Sloan-Kettering Cancer Center.
* Tốt nghiệp Giải Phẫu Bàn Tay, **STANFORD** University Medical Center, Palo Alto VAMC.
* Tốt nghiệp Giải Phẫu Tổng Quát. **STANFORD** University Medical Center.
* Tốt nghiệp Y Khoa. **STANFORD** Medical School.

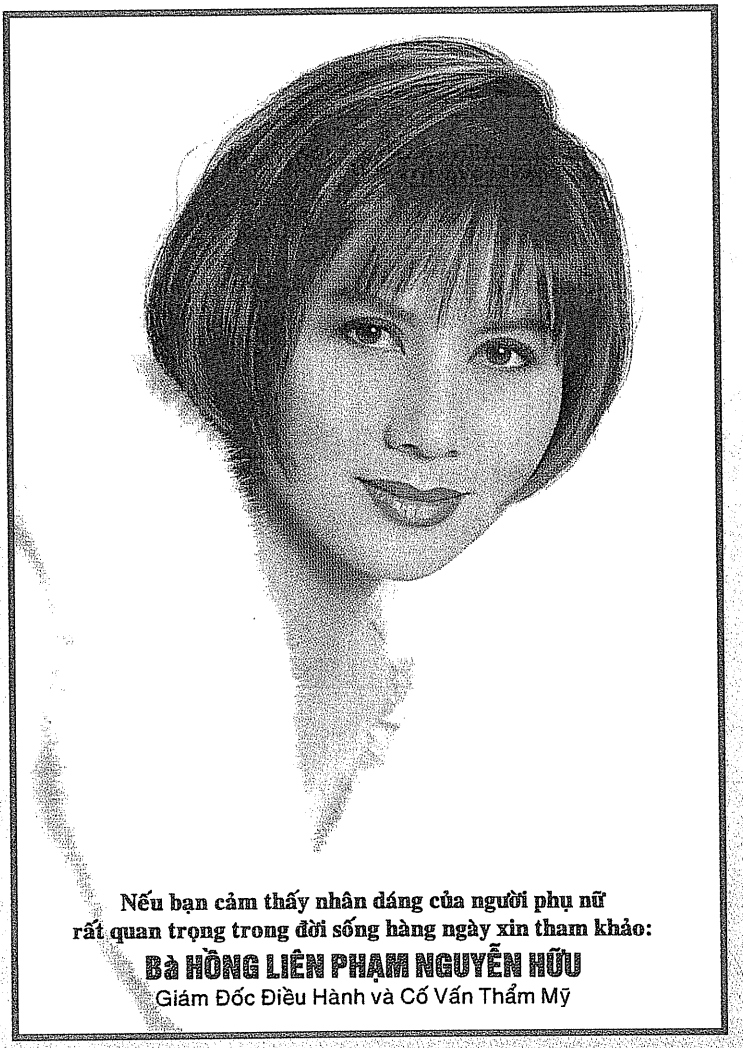

Nếu bạn cảm thấy nhân dáng của người phụ nữ rất quan trọng trong đời sống hàng ngày xin tham khảo:

Bà HỒNG LIÊN PHẠM NGUYỄN HỮU

Giám Đốc Điều Hành và Cố Vấn Thẩm Mỹ

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ CHỮA TRỊ DA

- Cắt mí mắt trên dưới
- Căng da đuôi mắt, căng da mặt, căng da bụng, căng da trán...
- Nâng mũi cao dọc dừa.
- Làm cằm chẻ, núm đồng tiền.
- Bơm môi và cấy mỡ lên mặt làm mất đường nhăn.
- Hút mỡ mặt, mỡ cổ, mỡ bụng, mỡ đùi...

GIẢI PHẪU TẠO HÌNH VÀ CHỈNH HÌNH

- Chữa trị và giải phẫu bệnh nghẹt mũi.
- Chữa trị và giải phẫu ngực bị chích Sillicon hay bị ung thư...
- Điều trị và giải phẫu tật do tai nạn, khuyết tật hoặc tật bẩm sinh.
- Giải phẫu các bệnh tật bàn tay và cổ tay, vì tai nạn nghề nghiệp hay tai nạn thông thường gây ra.

THẨM MỸ DA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- Điều trị và giải phẫu ung thư da.
- Mài da mặt, lột da, chữa nám, mụn nốt ruồi, sẹo, rỗ và gân máu não.

PHÒNG MẠCH CÓ DƯỢC MỸ PHẨM ĐẶC CHẾ TRỊ BỆNH CHO TỪNG LOẠI DA

NHẬN VISA MASTER CARD

NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDICARE CHO GIẢI PHẪU TẠO HÌNH VÀ BÀN TAY

- Phòng mạch trang bị máy móc tối tân.
- Giải phẫu hoàn toàn không đau vì dùng kỹ thuật gây mê an toàn.
- Có Bác sĩ chuyên khoa về tim và gây mê theo dõi sức khỏe cho quý vị.
- Có phương tiện di chuyển và chỗ ở cho quý vị ở xa.

ORANGE COUNTY CLINIC
17150 Euclid St., # 218, Fountain Valley, CA 92708
(Bên cạnh Fountain Valley Hospital)
(714) 556-1233

LA JOLLA - SAN DIEGO CLINIC
8899 University Ctr Ln, Suite 340, La Jolla, CA 92122
(Gần Scripps Memorial Hospital, La Jolla)
(619) 455-9919

NGOÀI VÙNG 619 VÀ 714 XIN GỌI SỐ MIỄN PHÍ 1-800-ĐẸP-5568

1975 - 1995

Hai mươi năm, người Việt xa lìa quê cha đất tổ.
Hai mươi năm, một thế hệ mới con cháu Việt Nam sinh trưởng tại hải ngoại.

- Những hình hài là con người Việt Nam.
- Những tâm hồn có còn một chút gì Việt Nam không?

ĐỂ TRỞ VỀ NGUỒN DÂN TỘC
ĐỂ NHỚ LẠI MỘT THOÁNG HƯƠNG XƯA

Thúy Nga xin Quý Vị hãy cho gia đình, con em mình nghe lại ít nhất một lần (1995) những ca khúc tình tự dân tộc khóc cười theo mệnh nước nổi trôi

PHẠM DUY
Người Tình
Tình Yêu đất nước. Tình Yêu đôi lứa.
PARIS BY NIGHT 30

Giới thiệu chương trình: **LÊ VĂN (đài VOA)**

Giá 25$ 1 bộ 2 cuốn
luôn cước phí (TẠI USA & CANADA)

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
9295 BolsaAve. - Westminster, CA 92683 - USA
P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673

Âu Châu:
44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France - Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

Khánh Hà - Ái Vân - Phi Khanh
Hương Lan - Lệ Thu - Dalena
Thái Hiền - Thái Thảo - Thiên Hương - Sơn Ca - Phương Hồng Quế - Trang Thanh Lan - Elvis Phương - Duy Quang - Tuấn Ngọc - Thái Châu - Don Hồ Quang Bình - Chí Tài ...

HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC
Để có hình ảnh và âm thanh tuyệt hảo

THE KY 21

OFFICE: 11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510. Fax: (714) 638-1944

ADVERTISING RATES

I. COVER (full color):

- Back cover:.....$640.00
- Inside (front/back):.....$520.00

II. INSIDE GLOSS PAPER (full color):

- 1 page.....$460.00

† (Less than 1 page size: not available).

III. INSIDE (black and white):

- 1 page:.....$200.00
- 1/2 page:.....$110.00
- 1/4 page:.....$60.00
- 1/8 page:.....$40.00

† Add-on color (red/blue) any size:.....$40.00

DISCOUNTS:

- 05% for 4 runnings.
- 10% for 8 runnings.
- 20% for 12 runnings.
- 25% for paying in advance.

PHIẾU ĐẶT MUA BÁO

Thế Kỷ 21

□ Xin gửi ngay cho tôi tạp chí THẾ KỶ 21, kể từ số.....
Tôi kèm theo đây số tiền $US40.00 (trong nước Mỹ, *bulk rate; hoặc $52.00 first class*);
US$58.00 (Canada); $76.00 (Âu châu); $86.00 (Úc/Á châu) một năm (12 số báo),
trong đó đã tính cả cước phí. Xin trả bằng ngân phiếu / lệnh phiếu Mỹ kim.

Họ tên:.....
Địa chỉ:.....
.....

THẾ KỶ 21: 11022 Acacia Pkwy #A, Garden Grove CA 92640 USA •(714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

TRUNG TÂM XUẤT BẢN, NHÀ SÁCH, VÀ PHÁT HÀNH

MINH VĂN

2808 GRAHAM ROAD

FALLS CHURCH, VA 22042

Điện thoại: (703) 698-8490 / 698-8491

Fax: (703) 204-9239

Minh Văn là nhà sách qui mô tại vùng Falls Church, Virginia với đầy đủ tất cả các loại sách và băng nhạc, có chỗ ngồi đọc sách và uống cà phê thoải mái. Nhà sách tọa lạc tại khu thương mại khang trang, có chỗ đậu xe rộng rải. Chúng tôi khai trương từ ngày 01 tháng 04 năm 1995. Quí vị từ xa có dịp về vùng Hoa Đô hãy ghé lại nhà sách Minh Văn để thấy tận mắt khung cảnh thân mật và ấm cúng của một nhà sách đúng ý nghĩa phục vụ văn chương.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu 2 quyển sách vừa mới ấn hành:

BÓNG THIÊN ĐƯỜNG

Tập một, quyển ba trong bộ trường thiên Dung Thân của Trần Long Hồ. Nếu đã từng say mê theo dõi quyển một, *CÕI SA MÙ* và quyển hai, *CỬA ĐỊA NGỤC* thì quí vị cần phải tìm đọc cho được *BÓNG THIÊN ĐƯỜNG*. Đây là quyển sách không thể thiếu trong tủ sách gia đình của quí vị.

ÂM BẢN

Tuyển tập gồm 10 truyện ngắn của Ngô Nguyên Dũng

Sách của nhà xuất bản Minh Văn:

1. NGÀY QUANH QUẨN (tập truyện, Trần Long Hồ)..... $10.00
2. NIỀM VUI UNG THƯ (tập truyện, Trần Long Hồ) $10.00
3. KẺ ĐÀO MỒ (tập truyện, Trần Long Hồ) $11.00
4. CÕI SA MÙ (quyển 1, trường thiên Dung Thân của Trần Long Hồ)..... $18.00
5. CỬA ĐỊA NGỤC (quyển 2, trường thiên Dung Thân của Trần Long Hồ)..... $22.00
6. BÓNG THIÊN ĐƯỜNG (tập 1,quyển 3, t. t. Dung Thân của Trần Long Hồ)... $15.00
7. CHÂN TRỜI LAM NGỌC (ký sự, Hồ Trường An)..... $11.00
8. ÂM BẢN (tập truyện của Ngô Nguyên Dũng)..... $11.00

Tổng cộng: .....

Tên và địa chỉ của độc giả mua sách:

Tên họ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Quí vị muốn mua sách của Minh Văn xin hỏi tại các nhà sách trong vùng hay liên lạc về địa chỉ như trên. Chi / lệnh phiếu xin đề MINH VĂN

Sách do Thế Kỷ xuất bản và phát hành

Hà Nội Trong Mắt Tôi

Bút ký, tùy bút...của **Phạm Xuân Đài,** viết tại Việt Nam và Hoa Kỳ trong năm năm qua. Trần Hồng Châu (tức Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Saigon) cho rằng: "Niềm yêu đời thấm thiết, niềm tin vào tình người và cái thiện...(...) Phạm Xuân Đài đã được nuôi dưỡng trong khí hậu tinh thần đó."

Tựa của **Trần Hồng Châu**

■ *185 trang. Giá $10.00*

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

Mua sách có quà tặng và được trừ tiền!
Độc giả của *Thế Kỷ 21*
mua sách do nhà
Xuất bản và Phát hành
Thế Kỷ
được bớt 10% giá sách
và được tặng
một cát-xét nhạc.
Thư về:
Cô Phan Mỹ Sương
11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92640
USA
(714) 638-9510

SÁCH MỚI

Nhà phát hành **THẾ KỶ** hân hạnh giới thiệu các sách mới sau đây. Quý vị độc giả của báo *Thế Kỷ 21* có thể đặt mua các sách này nơi nhà phát hành **THẾ KỶ**, được bớt 10%.

1. **Ngụ Ngôn La Fontaine**, tập I: $10.00
2. **Ngụ ngôn La Fontaine**, tập II: $10.00
3. **Hồi Ký Một Đời Người**, của *Phạm Ngọc Lũy*, tập I: $25.00
4. **Hồi Ký Một Đời Người**, của *Phạm Ngọc Lũy*, tập II: $25.00
5. **Tự Điển Giải Nghĩa Điện Toán**, của *Lê Thiệu Lương* và *Đỗ Thông Minh*: $20.00
6. **Phiên Dịch Sách Báo Anh Việt**, của *Nguyễn Văn Tạo*: $30.00
7. **Để Thương Để Nhớ**, của *Nguyễn Sĩ Tín*: $12.00
8. **Super mini Dictionary** (lớn): 3500yen.
9. **Super mini Dictionary** (nhỏ): 2911yen.
10. **Tự Điển Tin Học Tổng Hợp**, của *Đỗ Thông Minh*: $30.00
11. **Những Mối Ưu Tư Của Người Việt Đôi Bờ**, của *Bửu Sao*: $15.00.
12. **Na Uy và Tôi**, của *Nguyễn Thị Vinh*: $15.00

THẾ KỶ
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

Quý-Vị muốn thưởng-thức

THI-CA CỔ-ĐIỂN & VĂN-NGHỆ DÂN-GIAN

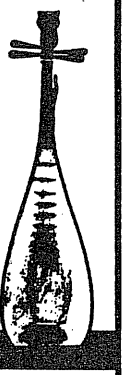

trong 28 cuốn băng Audio-Cassette với những giọng ca ngâm đọc đào truyền cảm và

1 Lê Thánh-Tông	11 Dương-Khuê	21 Trống-quân, Cò-lả
2 Nguyễn-bỉnh-Khiêm.	12 Nguyễn-khắc-Hiếu	22 Quan-âm Thị-Kính
3 Chinh-phụ-ngâm	13 Trần-tuấn-Khải	23 Lưu-Bình, Dương-Lễ
4 Cung-oán ngâm-khúc	14 Các điệu hát chèo	24 Chu-mãi-Thần
5 Nguyễn-Du.	15 Ca-trù	25 Trương-Viên
6 Hồ-xuân-Hương	16 Quan-họ	26 Tấm, Cám
7 Nguyễn-công-Trứ	17 Chầu-văn	27 Ỷ-Lan phu-nhân
8 Nguyễn-Khuyến	18 Cổ-nhạc	28 Văn-tế
9 Trần-tế-Xương	19 Hát ru	
10 Chu-mạnh-Trinh	20 Hát xẩm	

Giá đồng loạt mỗi cuốn băng cassette là 8 Mỹ-kim (hay 10 Gia-kim)

Xin viết thư, hỏi chi-tiết và cách-thức đặt mua băng cùng giá-cả nơi bà PHẠM THỊ MỸ:

Bà Phạm thị Mỹ
P.O. Box 24072
Dufferin Mall Postal Outlet,
Toronto, Canada, M6H-4N6

Quý Vị Yêu Thích Những Ca Khúc Nghệ Thuật
Hãy Tìm Mua Đĩa Nhạc

Quỳnh Giao

Tiếng Chuông ChiềuThu

Duy Cường hoà âm

Với Mười Một Bài Ca Bất Hủ Của Tân Nhạc Việt Nam:

* **Ngọc Lan** *Dương Thiệu Tước* * **Tiếng Chuông Chiều Thu** *Tô Vũ* * **Sao Đêm** *Lê Trọng Nguyễn* * **Bến Xuân** *Văn Cao & Phạm Duy* * **Dạ Lai Hương** *Phạm Duy* * **Nguyệt Ca** *Trịnh Công Sơn* * **Đường Chiều Lá Rụng** *Phạm Duy* * **Tà Áo Văn Quân** *Phạm Duy Nhượng* * **Gửi Áng Mây Hàng** *Vũ Thành* * **Đêm Màu Hồng** *Phạm Đình Chương, thơ Thanh Tâm Tuyền* * **Hoàng Hạc Lâu** *Cung Tiến, thơ Thôi Hiệu, Vũ Hoàng Chương cảm dịch*

Có Bán Tại Những Nhà Sách và Trung Tâm Băng Nhạc Uy Tín

Gửi Thẳng Về Nhà, Kể Cả Cước Phí:
Hoa Kỳ: 12 US$, Ngoài Hoa Kỳ: 14 US$
Thư Từ, Chi Phiếu hay Lệnh Phiếu:
Đoantrang Nguyen
P.O. Box 1445
Tustin, CA 92681-1445

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng. Công ty Người Việt sáng lập (1989). Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail: 75504.3510
(Compuserve)

Nhóm chủ biên: Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc,

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh
Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Bài vở gửi cho *Thế Kỷ 21* xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ánh quan điểm của Nhóm Chủ biên. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và phải dẽ rõ xuất xứ. Tiền nhuận bút tùy thỏa thuận giữa tòa báo và người viết.

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Miền Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Mme Lê Tất Luyện*
45 83 19 12
Đức: *Thế Giang*
2389 537 672
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Tháng Năm 1995: năm thứ 20 của cộng đồng người Việt hải ngoại, kể từ những ngày đầu tháng Năm 1975, khi hơn 100,000 người được Hạm đội 7 của Mỹ "bốc" trên Thái Bình Dương. Từ đó đến nay, nhiều đợt người Việt tiếp tục bỏ nước ra đi, bằng nhiều cách khác nhau và ở những thời điểm khó mà phân định lằn ranh — nhưng tính chung hiện nay đã có khoảng 2 triệu người Việt Nam định cư ở gần 50 quốc gia trên thế giới.

Nói như nhà sử học Phạm Cao Dương thì chúng ta đã hình thành một nước *Đại* Việt (*a Greater Vietnam*) với biên giới lãnh thổ vượt ra khỏi chu vi hơn 328 ngàn cây số vuông hình chữ S ở Đông Nam Á Châu!

Nhìn lại những ngày đầu đặt chân lên các vùng đất xa lạ, tập thể người Việt hải ngoại vừa ngậm ngùi chua sót, vừa phơi phới tự hào. Bắt đầu từ những mái lều vải của các trại lính — từ Guam đến Pendleton, hoặc Chaffee, Murray... — những người "di tản buồn" dựng lại một cuộc đời mới cho chính mình, và hình thành một cộng đồng ngày càng đông đảo và có sức mạnh, nếu chưa phải là sức mạnh chính trị hay kinh tế, thì cũng đã có sức mạnh trí tuệ. Hàng chục ngàn chuyên viên cao và trung cấp đã góp mặt trong các cơ sở, xí nghiệp, công ty. Hàng trăm ngàn người trẻ đang theo học các trường trung và đại học. Trí tuệ đó, trong tương lai, sẽ thay đổi chẳng những đất nước mà cả thế giới.

Ở thời điểm năm thứ 20 này, chúng ta cùng nhìn lại những mảnh rời của đời sống, để có một tổng quan về cả cộng đồng, và để tìm hướng đi đúng cho tương lai.

Thế Kỷ 21 không định đưa ra "chủ đề" cho một số báo, nhưng tình cờ trong số này bạn đọc sẽ được đọc nhiều bài liên quan tới thời gian đầu ở Mỹ của người Việt tị nạn Cộng sản sau khi bỏ nước ra đi. Rất tiếc tòa soạn không có những bài từ các vùng khác trên thế giới. Nhưng trong những số sau, nếu các văn hữu và độc giả từ Pháp, Đức, Úc, v.v..., có những tài liệu, hình ảnh về 20 năm trên đất mới, xin cứ gửi về. Hình ảnh trong số này, liên quan tới các trại tạm cư ở Guam, Pendleton, v.v..., được trích từ những số báo *Time* đầu tháng Năm 1975.

*

Các số sau, xin các bạn đóng góp cho những đề tài như: âm nhạc (số tháng Sáu, nhân dịp Dự Án 20 tổ chức buổi hòa nhạc với tổ khúc giao hưởng "1975" của Lê Văn Khoa), y tế (số tháng Bảy, nhân dịp có đại hội Y Nha Dược Việt Nam hải ngoại tại San Jose), đi tìm một đàn giải oan cho những người đã chết trong suốt thế kỷ qua vì mưu cầu tự do, độc lập và hạnh phúc cho mình và cho dân tộc (số tháng Tám, nhân dịp lễ Vu Lan và Đại lễ Cầu Siêu), về hợp ca và nhạc dân tộc (số tháng Chín, nhân dịp Ca Đoàn Ngàn Khơi trình diễn trong Dự Án 20), về nhà văn Võ Phiến (số tháng Mười, nhân dịp nhóm văn hữu miền Đông Hoa Kỳ tổ chức họp mặt chúc mừng Võ Phiến vào cuối tháng Chín). Bài vở cho mỗi số, xin gửi về tòa soạn trước ngày 10 mỗi tháng. Nếu gửi đĩa chữ, xin gửi trước ngày 15. Nếu dùng *e-mail*, xin gửi về 75504.3510@compuserve.com. Chúc quý vị luôn vui và mong tin.■

THẾ KỶ 21

Tranh bìa: "Hand of Hope", tượng của Lưu Nguyễn Đạt, dựng tháng Sáu năm 1975, tại Trại Huấn luyện Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ, có tên là Camp Pendleton, Nam California.
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Nguyễn Thanh Thu, Vũ Thái Hòa, Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Đinh Cường
Hí họa: Hiếu Đệ, Babui 75 Mamburao
Ảnh: Lý Kiến Trúc, Lê Tam Ca, *Time*

MỤC LỤC

Số 73 • Tháng Năm 1995

CHÍNH TRỊ - KINH TẾ

12. Năm 1975 trong lịch sử dân Việt *(Vương Hữu Bột)*
18. Một vấn đề luật học, hai cách nhìn, hai lô gích *(Trần Thanh Hiệp)*
21. Đầu tư Hoa Kỳ tại Việt Nam *(Nguyễn Vân Hán)*
26. Cộng Sản mới đổi tố khổ Cộng Sản đổi mới *(Lâm Lễ Trinh)*
30. Việt Nam 20 năm sau: Mức sống của người dân *(Đinh X. Quân)*
36. Chiến dịch thư đi tin lại... *(Cam Vũ)*

LỊCH SỬ - TÔN GIÁO - BÁO CHÍ

58. Hồ Tá Bang *(Phạm Trọng Chánh)*
62. Đạo nào xuất thế tiêu cực hay nhập thế tích cực *(Nguyễn Hoài Vân)*
73. Vị trí của người làm truyền thông... *(Phạm Trần)*

KHOA HỌC - ÂM NHẠC - NGHỆ THUẬT

41. Một thuần phong mỹ tục mới *(Lê Đạt)*
65. Công viên văn hóa Việt Nam *(Nguyễn Đạt)*
67. Tiếng hát ru đời, ru người *(Ngô Đình Vận)*
69. Đi tìm lỗ sâu *(Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh)*

TIẾNG VỌNG

53. Tú Xương đi thi năm nào? *(Nguyễn Thị Chân Quỳnh)*
57. Một nơi xứng đáng cho người nằm xuống *(Phan Văn Huấn)*

VĂN HỌC

76. Mùa tôm bạc rại *(Nguyễn Lê Hồng Hưng)*
79. 1975: Những ngày trên đảo Guam *(Phan Lạc Tiếp)*
83. Chuyện của Hương *(Thái Ngọc Sơn)*
85. 1975: Ở Camp Pendleton *(Đỗ Lang)*
88. Đám cưới tại trại Pendleton *(Trần Mộng Tú)*
90. Thư về Bloomington, Illinois *(Lê Tất Điều)*

THƠ

64 Về tới nơi *(Hoàng Xuân Sơn)*, Cổ điển, Ấn tượng *(Cổ Ngư)*. 71 Tẩy hết giùm tôi (Nguyễn Thị Thanh Bình). 74 Em ơi, gió *(Nguyễn Duy)*. 77 Cỏ lú *(Lê Đạt)*, Vóc trăng *(Trần Thiện Hiệp)*. 84 Mừng bạn xa đến thăm *(Đặng Hiền)*. 89 Bài "Hành" Hát Ô *(Thái Bình)*. 96 Như với thời gian *(Nguyễn Đăng Ngọc)*, Ngày cũ *(Hoài Vũ)*

MỤC THƯỜNG LỆ

6. Thư tòa soạn
8. Bạn đọc viết
9. Tòa soạn và bạn đọc
11. Hộp thư trị sự
38. Sổ tay ký giả
98. Vòng chân trời VHNT
102. Sách báo trong tháng

ENGLISH SECTION

45. Exiles in the land of the free... *(Qui Phiet Tran)*
50. Feeling of acceptance *(Pamela Nguyen)*

Hòa nhã, thông cảm và tôn trọng nhau

Tôi có đọc qua bài của ông Thang Ma và hai bài phản bác của GS Nguyễn Đình Hòa và ông Nguyễn Anh Tuấn. Tôi không góp ý về nội dung, chỉ xin góp ý về tinh thần trao đổi kiến thức: Cần có sự hòa nhã và thông cảm, bởi vì tất cả chúng ta đều có sự hiểu biết rất giới hạn.

Hai bài phản bác ông Thang Ma đều tỏ ra gay gắt hơn mức cần thiết. Trong khi ông Tuấn vạch ra những sai lầm của ông Thang Ma, ông cũng mắc một sai lầm lớn khi cho rằng "Tần Thủy Hoàng hạ lệnh đốt sách, giết học trò và trí thức, nhằm thủ tiêu chữ viết." Thực tế, Tần Thủy Hoàng tin dùng thừa tướng Lý Tư thuộc Pháp gia, nên hạ lệnh đàn áp Nho gia; ông chỉ muốn giới hạn học vấn cho một thiểu số phục vụ nhà Tần, chứ không có ý định thủ tiêu chữ viết bao giờ.

Sự lầm lẫn của ông Tuấn là bình thường, bởi vì tất cả chúng ta đều mắc những sai lầm. Cho nên tôi đề nghị những bài trao đổi kiến thức cần phải có sự hòa nhã, thông cảm và tôn trọng nhau theo như tinh thần dân chủ hiện nay.

Phạm Ngọc Khôi *Montréal)*

Quan tâm đến nhau

Tôi viết mấy dòng này chẳng để nói một chuyện gì rõ rệt cả. Chỉ là một sự "quan tâm đến nhau" sau khi đọc xong chuyện cái đầu gối của Phạm Xuân Đài.

Tù tội, bể cái đầu gối, nhưng trong hai mươi năm qua tác giả đã tìm thấy tình người trong người khác và trong anh. Ngược lại, trong hai mươi năm qua tôi chẳng thấy tình người. Ở đây mọi người sống máy móc và theo qui ước trong một xã hội thanh bình và tổ chức khá hoàn hảo nên tình người không có một chỗ lớn trong cuộc sống. Tôi giựt mình khi nghĩ tới chuyện nầy vì hai mươi năm trước đây, tôi cũng là một người rất nhạy cảm và rất có tình. Bài viết có một tác dụng tốt đối với tôi vì nó làm tôi *tolérant* hơn. Cám ơn anh.

Nguyễn Hữu Chung *(Montréal)*

Trục trặc kỹ thuật

Bài *Sức mạnh của Mỹ Quốc và Mỹ Kim* trong số 72 vừa qua đã đạt một kỷ lục riêng của *Thế Kỷ 21* về lỗi chính tả. Điều đáng nói, đây không phải là những lỗi "bác học", kiểu *lãi suất* đánh thành *lãi xuất, hành sử* thành *hành xử, phía* thành *phiá* hoặc *giá* thành *gía*, vốn là những lỗi khó tránh cho những ai không mấy quan tâm tới tự vựng (trừ *Thế Kỷ 21* là nơi khá cẩn thận về chữ và nghĩa), mà là những lỗi đả tự thông thường khi ta sử dụng một số nhu liệu điện toán để bỏ dấu. Điều đáng nói hơn nữa là tôi cẩn thận gửi bài đã in ra rõ ràng, cùng với đĩa rời (*floppy*) có đánh bài theo cùng một nhu liệu đã từng dùng để gửi bài cho nhật báo Người Việt. Hình như các bạn không chuyển ra được nên phải đánh lại cả bài và lại không có thầy cò kiểm lại giờ chót. Chỉ đọc lại là thấy ngay. Vất vả quá, làm sao bây giờ đây: đưa bài in sẵn, đưa đĩa, rồi đưa chân vào làm thầy cò thì có đỡ được gì cho các bạn không? Thân.

Nguyễn Vân Hán *(Orange County)*

Chuyến này bổn báo đúng là bị tổ trác. Đọc bài của bạn trên giấy, thấy hoàn hảo, thế là yên chí, cứ dùng cái đĩa của bạn mà in ra, không cần coi lại. Kết quả là lỗi tùm lum để bạn phải phiền hà, mà đúng ra khi cho chạy lại cái đĩa, thì thấy bạn quên không sửa ở bản gốc (DOC), chỉ sửa ở bản đã tạo dạng (TXT). Dù sao chúng tôi xin nhận lỗi về phần mình, là đã cả tin không đọc lại những gì trong máy chạy ra. Một bài học nho nhỏ về việc quá tin vào máy móc mà quên phần tham dự của con người!

Đa dạng hóa đề tài tranh hí họa

Việc đầu tiên khi tôi cầm tờ *Thế Kỷ 21* mới nhận được là giở xem các tranh hí họa. Các tranh đó phần nhiều vui và sâu sắc. Riêng tranh của họa sĩ Babui 75 Mamburao tôi nhận thấy ngày càng phong phú về số lượng cũng như nội dung. Như gần đây trên số 71 tôi sững sờ gần chảy nước mắt vì bức hí họa "Tôi bước đi không thấy phố, không thấy nhà, Chỉ thấy 'đô la' trên màu cờ đỏ." Chỉ với ý lấy từ hai câu nhại thơ Trần Dần, tác giả đã lột tả gần như toàn bộ thực chất bức tranh xã hội Việt Nam hiện nay: sức mạnh đàn áp của đảng Cộng Sản và sức mạnh thao túng của đô la, và dưới hai sự đè nén đó là lớp dân chúng nghèo nàn.

Tôi mong các họa sĩ hí họa cộng tác với *Thế Kỷ 21* sáng tác ngày càng phong phú hơn nữa, và tôi nghĩ nên mở rộng đề tài thêm ra ngoài các chủ đề chính trị để đi vào cuộc sống thường nhật của cộng đồng người Việt hải ngoại chúng ta. Ví dụ bức "Xưa...và nay" của Babui (TK 21 số 72, tr.24) là một bức rất thú vị, một cái cười rất gần gũi với mọi người.

Lê Tiến Đạt *(Houston, TX)*

Lại chuyện chữ nghĩa

(từ bài thảo luận của ông Nguyễn Anh Tuấn với ông Thang Ma)

1. **Hợp Chúng Quốc hay Hợp Chủng Quốc.**

Theo thiển ý khi dịch một chữ hay một cụm từ nào, người dịch thường lựa chọn một trong hai cách duy danh dịch nghĩa hay duy tính dịch nghĩa, hoặc phối hợp cả hai cách này. Thông thường người dịch dùng cách duy danh dịch nghĩa trước. Nếu tìm không ra từ tương đương và sát nghĩa, người dịch mới dùng cách duy tính, nghĩa là dịch theo đặc tính của sự vật mang tên từ đó. Về chữ Hợp Chúng Quốc, ông Thang Ma viết "...Hợp Chúng Quốc *dịch sát chữ United States tức là nhiều tiểu bang hợp lại." Như vậy ông Ma đã dùng phương pháp duy danh để giải thích thỏa đáng và rất sát vào nguyên gốc Anh ngữ của chữ này. Trong khi đó ông Nguyễn Anh Tuấn viết là "Người Trung Quốc cho rằng Hoa Kỳ là nơi tập hợp* quần chúng *của các nước khác nhau trên thế giới nên họ gọi là Hợp Chúng Quốc."* Riêng tôi, tôi lại lúng túng không biết qui định phương pháp trên là duy danh hay duy tính. Nếu gọi nước Mỹ là *Hợp Chủng Quốc* theo lối người Việt chúng ta đã gọi với ý niệm multi-racial và đã được cả ông Ma và ông Tuấn đồng ý, thì đây chính là phương pháp duy tính định nghĩa vậy.

2. **Chính trị hay không chính trị?**

Tôi đồng ý với ông Tuấn ở điểm trong ngôn ngữ không có yếu tố chính trị. Ngôn ngữ là một khả năng trời cho loài người, nó chỉ là một chuỗi ký hiệu được một nhóm người hay một dân tộc dùng chung. Cũng như chất nổ *dynamite* và năng lượng nguyên tử đã bị lạm dụng để chế tạo mìn và bom, ngôn ngữ đã bị lạm dụng để trở thành vũ khí tuyên truyền. Tôi thiết tưởng ông Thang Ma đã không đi quá đà mà chỉ trình bày theo quan điểm thực nghiệm mà thôi chứ không thuần lý như ông Tuấn.

Có một điều đáng mừng là những từ ngữ được bày đặt để dùng vào mục tiêu tuyên truyền chính trị chỉ có một đời sống rất ngắn ngủi trong một giai đoạn nhất thời. Trái lại văn chương thuần túy phi chính trị sẽ không những tồn tại mà còn mỗi ngày một phát triển huy hoàng.

Nguyễn Hưng Quảng *(Connecticut)*

Định mệnh là tự do, dân chủ, no ấm, nhân phẩm

Theo ông Lý Quang Diệu, dân chủ "Tây phương" không áp dụng ở Á đông được vì "văn hóa" Á đông không có truyền thống đó. Người Á đông phải theo "văn hóa" của mình. Nghĩa là ông Diệu, và những lãnh đạo như ông, trong đó có mấy ông lãnh tụ ĐCSVN, chủ trương chống đối dân chủ "Tây phương" và duy trì "truyền thống văn hóa" Á đông. Theo "truyền thống văn hóa" này thì người dân bị những người cầm quyền đá đít và gõ đầu không được chống dối phản đối gì hết, phải ngậm miệng chịu đựng!

Ông Diệu và đồng chí của ông quên rằng lúc mấy ông dương cờ cách mạng chống thực dân cách đây hơn nửa thế kỷ thì trong các lý do các ông đưa ra có lý do là các ông muốn dân tộc Á đông cũng được hưởng dân chủ như người Tây phương. Nay giành được quyền hành rồi thì các ông lại nói không nên đòi dân chủ Tây phương, dân Á đông phải tiếp tục theo "văn hóa" của mình, nghĩa là khi nào bị nhà cầm quyền đá đít và gõ đầu thì đừng phản đối gì hết, và phải nói "Thank you, sir!" Từ trước đến nay như thế, và mãi mãi phải như thế! Đó là "định mệnh" của người Á đông!

No, sir! Những thứ "văn hóa" và "truyền thống" đó, xin đem lộng kiếng hết đi!

Không có dân tộc nào hay cá nhân nào có định mệnh nô lệ cả. Định mệnh của con người, là tự do, dân chủ, no ấm, nhân phẩm. Và chúng ta có nhiệm vụ tranh đấu mãi để dẹp bỏ tất cả những "văn hóa" buộc con người phải chấp nhận tình trạng nô lệ như là "định mệnh", dù Âu hay Á, và thay thế nó bằng văn hóa dân chủ. Không có vấn đề dân chủ Tây phương hay

Đón đọc những sách sắp ra của nhà xuất bản THẾ KỶ:

- THƠ TÌNH
Tuyển tập thơ của **Phạm Văn Hải** và **Dương Đình Hưng.**

- CÓ BUỒN KHÔNG NHỮNG DÒNG SÔNG
Tuyển tập nhạc của **Nguyên Chương.**

- NHỚ ĐẤT THƯƠNG TRỜI
Tuyển tập thơ của **Trần Hồng Châu.**

- NHỮNG NGÀY XA XƯA ẤY
Hồi ký của **Thu Tâm**

Liên lạc:
THẾ KỶ
(Ô. Vũ Duy Tự, hoặc Cô Phan Mỹ Sương)
11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92640 USA
(714) 638-9510. Fax (714) 638-1944

không Tây phương. Chỉ có một vấn đề, là có hay không có dân chủ, có hay không có tình trạng người cầm quyền trấn áp, bắt nạt, áp bức những người không có quyền thế mà thôi.

Tôn Thất Thiện *(Ottawa, Canada).*

Nói rõ hơn về bức tượng "Hand of Hope" tại Camp Pendleton

Tôi rất mừng khi đọc tin về "Project 20-Camp Pendleton Home Coming" được tổ chức vào ngày May 6, 1995, như đã đăng trong tạp chí *Thế Kỷ 21* #72 vừa qua. Xin mạn phép được góp thêm vài chi tiết về tượng "Hand of Hope" mà tôi là tác giả:

Bài đăng tải bằng Việt ngữ ghi là "Tượng do Lưu Nguyễn Đạt *phác thảo*, một nhóm quân nhân TQLC Mỹ *dựng* vào *cuối năm 1975*" có phần sai lầm. (Bản Anh ngữ xác thực hơn: ...The "Hand of Hope" was *created* in 1975 by one of the refugees Lưu Nguyễn Đạt... Several Camp Pendleton Marines *assisted* him in the construction).

Xin xác nhận: Với sự đồng ý của vị Commanding General Graham, tôi *tạo dựng* tượng này bằng "reinforced concrete" qua nhiều giai đoạn: hàn sắt; làm khuôn đúc "bê tông"; điêu khắc chi tiết bằng máy đục hơi v.v..., với sự phụ giúp của một nhóm quân nhân TQLC Hoa Kỳ. Tác phẩm được hoàn tất vào tháng Sáu, năm 1975.

Chúng tôi rất hãnh diện đã có mặt tại Camp Pendleton, cách đây 20 năm, trong hoàn cảnh đặc biệt đó. Sự tạo dựng tác phẩm "Hand of Hope" nói lên niềm hy vọng chung của chúng ta về thế hệ trẻ Mỹ gốc Việt trên đất nước "Đất Nước hứa hẹn" Hoa Kỳ.

Lưu, Nguyễn Đạt *(Fairfax, VA)*

Trên đây là một đoạn thư của điêu khắc gia Lưu Nguyễn Đạt gửi anh Phạm Xuân Quang trong Dự án 20 để nói rõ hơn về bức tượng "Hand of Hope" tại Camp Pendleton.

Xin góp thêm vài chi tiết về tác giả:

- Nguyên luật sư Tòa Thượng Thẩm Huế và Sài Gòn;

- Nguyên Tổng thư ký Hội Họa sĩ Trẻ và Điêu khắc gia tại Việt Nam;

- Ph.D., Michigan State University & LL.M., Howard University;

- Giáo sư các trường Đại học Michigan State University (East Lansing, MI) & University of Michigan (Ann Arbor, MI);

- Chuyên viên tại IRS, Chief Counsel Office, International, Washington, D.C.

Ngoài ra, nhân đây *Thế Kỷ 21* cũng xin chuyển lời của Ban Tổ Chức chương trình "Camp Pendleton Homecoming" (thuộc Dự Án 20, được Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ), thông báo việc dời ngày, thay vì mùng 6 tháng Năm, sẽ là ngày:

Thứ Bảy 24 tháng Sáu 1995.

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Cao Hoàng (*Seattle*): Đã nhận được truyện ngắn, đang đọc. Rất nhớ chuyến đi và những gặp gỡ trên miền Tây Bắc. Đã chuyển lời thăm hỏi của anh đến các bạn. Thân.

Bảo Vân (Canada): Đánh xong bài THĐH để đi trên số này thì mới hay là bài ấy đã xuất hiện trên nhiều tờ báo khác. Đành thôi. Kính chúc cụ luôn dồi dào sức khỏe.

Nguyễn Đức Tâm (*Chicago*): Cám ơn những lời khen ngợi của anh đối với tờ báo. Đã chuyển lời chào của anh đến C. và những bạn khác. Về bài của anh gửi, rất tiếc không đăng được. Chúc sức khỏe của anh và các bạn trên ấy.

Anh Phong (*Canada*): Đã nhận được "T.R.20 N.S.", không đăng được. Chúc bạn vẫn viết đều và mong nhận các sáng tác mới. Thân.

Nguyễn Linh Quang (*Paris*): Sẽ đăng "C.N.N.M.N.", các bài thơ cũng thế. Mong được tiếp tục "duyên văn nghệ" với anh. Chúc anh viết khỏe.

Đỗ Thì Kênh G (*CA*): Đã nhận được bài thơ trào phúng, nhưng "không tiện đăng." Xin anh tùy nghi gửi cho các báo khác. Thân.

Bs. Phạm Hữu Thành (Montbard, Pháp): Chúng tôi vẫn đăng những vấn đề khoa học, dĩ nhiên ở mức độ không quá chuyên môn. Xin ông cứ gửi bản thảo cho chúng tôi xem. Theo lệ thường chúng tôi không gửi trả lại bản thảo, nhưng cũng có thể có trường hợp ngoại lệ. Kính.

Nguyễn Lê Hồng Hưng (*Dronten, Netherlands*): "M.T.B.R." đã đăng trên số này. Chúng tôi sẽ liên lạc với ông bằng thư hoặc điện thoại để thảo luận thêm một số chi tiết về bài còn lại. Mong các bài khác của ông. Thân kính.

Đỗ Thông Minh (*Tokyo*): Đã nhận được bài "Khủng bố xe điện ngầm..." và đã chuyển hộ anh đến nơi anh cần.

Nguyễn Anh Tuấn (*London*): Bài và thư của anh đến trong lúc bài vở số này đã hoàn tất (theo lịch trình làm việc mới). Đang xem. Chúng tôi thấy mọi ý kiến chủ yếu đều trong tinh thần tự do, xây dựng, trao đổi trong sự tương kính. Chúc anh luôn vui vẻ và viết nhiều.

Cáo lỗi: Vì dành chỗ cho bài vở chủ đề "20 năm sau", chúng tôi phải gác bài "Bờ biển Cali..." của Ngô Thanh Tùng. Thành thật xin cáo lỗi với tác giả và quý độc giả.

Hộp thư tri sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Nhắn tin chung quý độc giả gia hạn báo:

Xin quý vị gởi cho chúng tôi mẫu *label* dán trên bìa sau tờ báo. Nếu không muốn bóc *label*, xin viết trong phiếu hoặc thư, HỌ TÊN của quý vị ĐÚNG NHƯ TRÊN *LABEL*. Hai con số bên trên họ tên của quý vị là số báo đầu tiên và số báo cuối cùng của hạn kỳ báo. Quý vị sẽ giúp rất nhiều cho tờ báo nếu gởi tiền gia hạn đúng hoặc trước kỳ hạn. Cám ơn sự hợp tác của quý vị và mong được quý vị giúp tờ báo có thêm độc giả. Thân ái chào và chúc quý vị vạn an.

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Trần Mỹ Đức (Lawrence MA), Phạm văn Huệ (Arlington Heights IL), Nguyễn Công Oanh (Hayward CA), Uyên Jackson (Gardena CA), Lê Ngọc Minh (La Habra CA), Khanh Công Nguyễn (Des Moines WA), Nguyễn Nga Mỹ (Indianapolis IN), Nguyễn Văn (Canoga Park CA), Hà Dương Bưu (Huntington Beach CA), Vũ văn Định (Westminster CA), Khương Phương Lan (Vienna VA), Trần Đ. Quang (Lowell MA), Chi Huỳnh (Caldwell ID), Vũ Quốc Liên (El Cajon CA), Lê văn Đức (Van Nuys CA), Trần Mộng Lâm (Montreal Que CANADA), Trà Lũ (Toronto CANADA), Quốc Minh Nguyễn (Orange CA), Nguyễn Huy Thứ (Las Vegas NV), Mai Thị Quỳnh Nguyễn (Colorado Springs CO), Băng Diễm Phạm Võ (Salem OR), Trung Đức Nguyễn (Magna UT), Tuấn Huy (Westminster CA), Phan văn Quang (Fairfax VA), Nguyễn Trọng Cơ (Downey CA), Mai Đông Thành (Garden Grove CA), Trịnh Như Toàn (San Jose CA), Nguyễn thị Thu & Đạt (Ventura CA), Library Houten (Houten NETHERLANDS), Chu T. Minh Công (Winnetka IL), Đỗ Kim Nhung (Lynnwood WA), Đặng Chu (Westminster CA), Từ Doanh (Burke VA), Trần Vũ Huyền (Montclair CA), Nguyễn Hoàng Thịnh (Montreal PQ CANADA), Đặng thị Nhâm (Falls Church, VA), Nguyễn văn Lộc (Anaheim CA), Lib Harvard Yenching (Cambrige MA), Lib Chapman Br (Salt Lake UT), Lê Duy Hồng (San Diego CA); Lê Duy Chánh (San Jose CA), Nguyễn Thu Hằng (Northridge CA), Lê Văn Hương (Los Angeles CA), Trần Văn Sơn (Glendale Hights IL), Nguyễn Hoàng Hưng (Melbourne AUSTRALIA), Dương Thành Lợi (Toronto, Ont CANADA), Hoàng M Vũ (Fullerton CA), Nghi Phan (Anaheim CA), Chu Xuân Viên (McLean CA), Lê Công Giao (Upland CA), Trương Hoa Diên (Newton MA).

Hà Dương Bưu (*Huntington Beach CA*): Toà soạn đã nhận được chi phiếu của cụ, gia hạn báo đến số 84. Xin cám ơn và kính chúc cụ khoẻ luôn.

Nguyễn Tấn Hưng (*De Fazant 30 NETHERLANDS*): Bưu phiếu kỳ trước vẫn chưa nhận được. Tiền anh gởi kỳ này xin được tính để gia hạn thêm một năm nữa. Thân mến.

Hồng Đế Minh (*Carthage MO*): Cám ơn cụ đã gởi chi phiếu mua báo TK 21 đến thế kỷ 21 (5 năm). Đã chuyển lời yêu cầu của cụ đến báo HL và VH . Xin chúc cụ an khang. Kính.

Khương thị Phương Lan (*Vienna VA*): Đã nhận được chi phiếu gia hạn hai năm báo đến số 88. Toà soạn cám ơn lời chúc của chị và xin chị thêm cho một chữ "trường"! Thân mến.

Vũ Quốc Liên (*El Cajon CA*): TK 21 cám ơn lời khen tặng của ông. Đã nhận được chi phiếu gia hạn và cũng đã làm đúng như lời "dặn dò"! Về loại và tên các băng nhạc tặng kèm sách mua, thưa ông, nhiều lắm, xin kể đại khái: xưa, nay, có lời, không lời, nhạc xanh, nhạc vàng, nhạc một thời, nhạc muôn thuở, v.v... Thân kính.

Nguyễn Xuân Như (*Victoria AUSTRALIA*): Đã gởi gấp đến ông báo số 65 (tháng Chín, 1994). Thân chào.

Phạm Ngọc Anh (*Anaheim CA*): Đã nhận được chi phiếu của anh NVL gia hạn báo đến số 86 (tháng Sáu, 1996). Thân mến.

Mai Nguyễn (*Colorado Springs CO*): Cám ơn bạn đã yêu thích TK 21. Đã gởi đến bạn báo số 70. Thân mến.

Phạm Hữu Thành (*Montbard FRANCE*): Toà soạn đã nhận được chi phiếu gởi mua sách và trả thêm tiền mua báo dài hạn hai năm. Nhà xuất bản Thế Kỷ cũng đã gởi sách đến ông. Thân kính.

Nhà sách Trung Việt (*Montreal, Que CANADA*): Đã nhận được lệnh phiếu trả cho ba số: 69, 70, 71. TK 21 cám ơn sự ủng hộ và góp sức của TV. Thân mến.

Lê Văn Hương (*Los Angeles CA*): Toà soạn rất phấn khởi trước nhận xét nhiều ưu ái của ông. Đã nhận được chi phiếu gia hạn thêm ba năm báo. Thân chúc ông vui, khoẻ.

Nguyễn Hưng Quảng (*Bridgeport CT*): Đã nhận được chi phiếu tặng một năm báo TK 21 cho ông bà TVS. Cám ơn ông đã giới thiệu thêm độc giả mới. Thân kính. ■

NĂM 1975 TRONG LỊCH SỬ DÂN VIỆT

VƯƠNG HỮU BỘT

Năm 1975 là thời điểm phong trào Cộng sản ở Việt Nam lên cao nhất, đảng Cộng sản chiếm được quyền cai trị trên cả nước. Nhưng cũng từ năm đó chế độ Cộng sản bắt đầu một quá trình suy thoái, càng ngày càng thấy rõ. Sự suy thoái gây ra từ kinh nghiệm thất bại khi thực hiện hệ thống kinh tế, chính trị lối Cộng sản trên toàn thể lãnh thổ Việt Nam. Trong 30 năm trước đó đảng Cộng Sản đã che giấu những nhược điểm này, nấp sau tình trạng chiến tranh. Từ 1975 họ phải đóng vai Cộng sản thời bình, các nhược điểm mới lộ rõ.

Những thất bại thời bình của họ một phần sinh ra từ thái độ quá tự tin, vội vã, và kiêu căng sau khi thắng trận. Và sau đó, cơn thoái trào lại được thúc đẩy bởi sự sụp đổ từ bên trong của khối Xã hội Chủ nghĩa, năm 1989. Cảnh suy thoái đã diễn ra một cách chậm chạp nhưng không thể nào ngừng. Bây giờ chúng ta có thể nhìn lại vai trò của cả phong trào cộng sản tại Việt Nam và sự thăng trầm của phong trào đó trong bối cảnh của lịch sử nước ta ở thế kỷ này.

Trong hơn một thế kỷ vừa qua, biến cố lớn nhất trong lịch sử dân tộc ta là sự va chạm của một dân tộc sống trong nền kinh tế nông nghiệp và văn minh Đông Á suốt hai ngàn năm, với nền văn minh Tây phương cùng truyền thống Hy-La, Thiên chúa giáo đã kỹ nghệ hóa sớm hơn hai thế kỷ trước. Trong cuộc va chạm này có hai vận động lớn: vừa có những nỗ lực tranh đấu cưỡng lại sự khống chế của Tây phương, đồng thời cũng có một quá trình cố gắng canh tân, đưa đất nước vào thời hiện đại để theo kịp Tây phương. Trong các vận động đó có hai khuynh hướng tiêu biểu ở nước ta. Một bên có Tôn Thất Thuyết, Đề Thám, Phan Bội Châu, v.v... chú trọng vào vấn đề cứu nước, bài Tây phương và thiên về bạo động; và bên kia chủ trương phải mở cửa học hỏi người phương Tây, chú trọng nâng cao dân trí nhiều hơn, tiêu biểu là những Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ, Phan Châu Trinh, cho tới Nguyễn Thái Học, Trương Tử Anh, Lý Đông A, Huỳnh Phú Sổ, v.v... với các ý hướng đa dạng.

Cuộc chiến Quốc Cộng 1945-1975 là biểu hiện sau cùng của sự đối nghịch giữa hai khuynh hướng trong cả hai cuộc vận động lớn là cứu nước và canh tân. Sau khi Pháp đánh Nam Bộ phản ứng đầu tiên của dân ta là chiến đấu bảo vệ chủ quyền. Lúc đó đã có những lời hô hào và dự án canh tân nhưng ít người quan tâm vì cái nhục mất nước ám ảnh ngay trước mắt. Từ đó óc bài ngoại cực đoan được nung nấu, như qua các khẩu hiệu Bình Tây Sát Tả. Sau khi các phong trào Cần Vương, Văn Thân thất bại, trí thức nước ta mới đi tìm cách khác giải quyết vận mệnh đất nước. Từ đó họ bắt đầu đặt cả hai vấn đề cùng một lúc: làm cách nào cứu nước đồng thời canh tân đất nước? Bắt đầu từ đó cũng có sự bất đồng ý kiến về chuyện mục tiêu nào ưu tiên hơn, như sự bất đồng giữa Phan Châu Trinh và Phan Bội Châu.

Rồi khi vấn đề canh tân được đặt ra thì cũng dần dần có những chọn lựa khác biệt. Sự chọn lựa đường lối canh tân lại ảnh hưởng trên cả đường lối cứu nước. Từ thập niên 1920-30 đã xuất hiện hai khuynh hướng, hai bản hoạch đồ khác nhau về việc canh tân và cứu nước.

Một bên là những người chủ trương chỉ lo cho dân tộc, lấy đó làm cứu cánh, và lấy các mô hình kinh tế, chính trị dân chủ kiểu Tây Phương làm phương tiện tổ chức cho việc canh tân. Đó là những đảng phái dân tộc, mà về sau chúng ta thường gọi là "phe quốc gia," như Quốc Dân Đảng, Duy Dân, Phục Quốc, Đại Việt, Dân Xã, v.v..hay các nhóm người nối kết với nhau bằng tôn giáo cũng không thuận theo cộng sản, từ Bắc vào Nam, từ thập niên 1920 cho tới bây giờ. Phía bên kia là những người lấy bản hoạch đồ xã hội chủ nghĩa và giấc mộng quốc tế vô sản đại đồng làm cứu cánh. Do đó họ chọn mô hình chính trị và kinh tế kiểu Liên Xô làm phương thức canh tân đất nước. Đó là những người theo Cộng sản đệ tam quốc tế, họ đã gây dựng nên đảng Cộng Sản Việt Nam bây giờ.

Theo đường quốc tế hay đường dân tộc

Khi Hồ Chí Minh sống ở Pháp, đọc Lenin và khám phá ra con đường theo Cộng sản Đệ tam Quốc tế là con đường duy nhất để cứu nước, sự lựa chọn của ông ảnh hưởng tới cả lịch sử dân tộc. Phút giác ngộ đó giống như kinh nghiệm tôn giáo khiến ông gắn bó với viễn ảnh vĩ đại mà Karl Marx và Lenin đã vẽ ra. Ngay lúc trở về nước, sống tại hang Pác Bó, hành động đầu

1975: Thế giới Đại đồng xã hội chủ nghĩa sắp đến đằng xa.

tiên của con người đã rời đất nước, xa quê hương gần 30 năm đó, là tạc pho tượng Karl Marx, là đặt tên núi Karl Marx và suối Lenin, là cặm cụi ngồi dịch sang tiếng Việt và in bằng tay cuốn lịch sử Đảng Cộng Sản Liên Xô do Stalin biên soạn.

Những hành động đó cho thấy trong thâm tâm con người Hồ Chí Minh thiết tha gắn bó điều gì nhất. Cũng như trong chúc thư ông nói sẽ đi theo Marx, Engel vậy, không phải về với tổ tiên. Cũng như hàng chục năm sau khi về nước ông mới về thăm làng xóm, họ hàng. Cho nên chúng ta không ngạc nhiên khi Hồ Chí Minh có ý chê công trình của Trần Hưng Đạo (*Bác đưa non nước qua giông tố*), không thể so sánh với giấc mộng lớn của chính mình (*Tôi dẫn năm châu tới Đại đồng*).

Sự lựa chọn của Hồ Chí Minh gây ra một hậu quả, là cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của người Việt Nam đã được quốc tế hóa. Thay vì chỉ là cuộc tranh đấu chống Pháp giành độc lập như phong trào giải thực ở nhiều nước khác, thì bây giờ cả dân tộc Việt được đưa vào dự một cuộc tranh chấp quốc tế. Dân Việt được đưa ra tuyến đầu, ở chỗ nóng nhất trong cuộc chiến tranh khi nóng khi lạnh giữa Tư bản và Cộng Sản, giữa hai khối quân sự Mỹ, Anh, Pháp với Nga và Tầu. Ở những nước không do đảng Cộng sản lãnh đạo, hay những người cộng sản của họ không tài giỏi như ông Hồ, thì trong cuộc đấu tranh đuổi thực dân họ không được dẫn vào giữa cuộc tranh chấp quốc tế đó. Người Việt đã được hy sinh bao nhiêu xương máu vì giới lãnh đạo cộng sản nuôi giấc mơ thế giới đại đồng mà thống chế Stalin và chủ tịch Mao Trạch Đông thời đó đang hô hào, còn Tây Phương chống lại. Suốt 50 năm qua, bộ máy tuyên truyền của Cộng Sản Việt Nam không ngừng đề cao vai trò quốc tế vinh quang của dân Việt mà nhờ có đảng người Việt mới được dự, do giấc mộng "Dẫn năm châu tới Đại đồng" mà ông Hồ đã học nơi các cụ Marx, Lenin, Stalin và Mao. Chỉ từ năm 1990 đảng CSVN mới đổi giọng.

Ngược lại với con đường Quốc tế của Hồ Chí Minh, nhiều người khác chọn con đường lấy dân tộc làm cứu cánh, họ không mơ tưởng xây dựng một thế giới lớn lao ngoài tầm sức của dân Việt. Chủ trương như vậy chỉ dựa trên quyền lợi của nước Việt mà thôi, họ không nhất thiết phải coi nước nào là thù hay là bạn. Về phương cách canh tân hiện đại hóa đất nước, họ lựa chọn mô thức tổ chức kinh tế, chính trị dân chủ kiểu Tây phương, dù được biến đổi cho thích hợp với phong hóa Á Đông, như chủ nghĩa Tam Dân chẳng hạn. Những người muốn chứng tỏ một nhãn quan rộng lớn hơn thì đặt ra thêm học thuyết duy dân, chủ nghĩa dân tộc sinh tồn, hay chủ thuyết dân chủ xã hội lồng trong Phật giáo của Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ, v.v...Các nỗ lực đó đều chứng tỏ một khuynh hướng chung là trong việc canh tân đất nước người trí thức Việt Nam vẫn thao thức tìm cách tạo nên các ý hệ cơ bản đặc thù cho dân tộc. Phải chăng từ thời Chu Văn An, Hồ Quý Ly người Việt vẫn có khuynh hướng này?

Khuynh hướng thứ hai trong các nỗ lực đó là họ vẫn tiếp tục, như Nguyễn Trường Tộ hay Phan Châu Trinh đã khuyến cáo, học theo kinh nghiệm mấy thế kỷ đi trước của Tây Phương trong phương cách tổ chức cuộc sống xã hội; tựu chung không ra ngoài mô thức kinh tế thị trường và thể chế dân chủ. Các mô thức đó không có hào quang của một tôn giáo, chúng lại dễ bị đồng hóa với tất cả các di sản khác của Tây Phương, như chế độ thực dân bóc lột. Điểm thiếu sót nhất là các mô thức đó chỉ quan tâm đến cuộc sống phàm tục, không có ai đủ tài thuyết phục biến chúng thành các huyền thoại như kinh thánh, nhất là không có một tòa thánh xa xôi như cõi thiên đường hạ giới ở Liên Xô cho người ta mơ ước và thờ phụng, cho

nên khó đem dùng để biện minh cho một cuộc thánh chiến.

Dân chủ và thị trường vốn chỉ là những cái sườn, cái khung trống, vốn không có nội dung. Mỗi cá nhân sống trong những cái khung đó tự chọn lấy ý nghĩa, nội dung cho cuộc đời mình. Nhiều anh chị em chúng ta ở Việt Nam mới từ bỏ chủ nghĩa Mác xít thường không hiểu điều đó. Họ vẫn cứ thao thức đi tìm một tín ngưỡng trần gian như kiểu đạo Mác xít, muốn đời sống phàm tục như làm ăn, buôn bán, đọc báo, cãi cọ về thuế má,lương bổng, hay đi xem hát cũng phải có những ý nghĩa biện minh bằng một hệ thống tín điều có tính cách thiêng liêng. Nhưng hệ thống thị trường và các kiểu thức tổ chức xã hội gọi chung là tự do dân chủ ở các nước Tây phương, không có tham vọng biến nhà nước thành một giáo hội. Họ còn lo chống lại khuynh hướng đó nữa là khác.

Tự do chính trị vốn không mang một nội dung, không có tính tích cực. Một xã hội dân chủ lo bảo vệ các quyền tự do có tính tiêu cực (theo sự phân biệt của Isaiah Berlin). Tự do chỉ có nghĩa là không bị ai can thiệp, áp chế, là cưỡng lại sự tập trung quá nhiều quyền lực. Chuyện những người có tự do sẽ theo hệ thống giá trị, đạo lý nào, đó là chuyện riêng của họ. Xã hội chỉ lo các chuyện phàm tục, còn các ý nghĩa thiêng liêng của cuộc đời xin quí vị tìm lấy theo sở thích, mà quyền lựa chọn đó một xã hội dân chủ sẽ bảo vệ. Quan niệm này thật ra không xa lạ gì với truyền thống của Á Đông, ít nhất là đã thể hiện ở nước ta với tinh thần tam giáo đồng nguyên. Thời đó Khổng giáo được dùng làm mô thức tổ chức xã hội. Dù mô thức đó không có hình thức dân chủ, nhưng nhà nước của nó vẫn cho phép các sinh hoạt tư nhân được tư nhân quyết định và tổ chức lấy. Như các khát vọng thiêng liêng của con người sẽ tùy mỗi người mà thờ cúng, quý vị theo chánh pháp hay mê tín dị đoan là đời tư của quý vị. Việc làm thơ, chuyện ca hát cũng không nhất nhất phải theo nghị quyết của hoàng tộc hay triều đình.

Ngược lại, chủ nghĩa Mác Lenin vẫn theo khuynh hướng bảo thủ ở Tây phương, là tạo nên một quyền hành đạo lý, quyền uy đó thể hiện qua nhà nước, chi phối mọi sinh hoạt xã hội. Cho nên bản chất tư tưởng của Marx là một tôn giáo, đảng mà Lenin lập ra là một giáo hội. Họ biến những công chuyện phàm tục như lao động, sản xuất, giải trí, yêu đương thành các nghi lễ có nội dung thiêng liêng cả. Mà lúc đó thì thanh niên trí thức Việt Nam 1930-1945, vừa từ một xã hội nông nghiệp bước ra, vẫn còn lãng mạn, say sưa tìm lý tưởng theo dấu chân Tự Lực Văn Đoàn. Họ đi tìm và đón nhận dễ dàng một tín ngưỡng trần gian mới.

Vì Hồ chí Minh là cộng sản nên cuộc chiến tranh ở Việt Nam mới bị đem quốc tế hóa. (Phải chăng khi Hồ Chí Minh bàn với các nhân viên OSS của Mỹ ở Hà Nội — như Patty tiết lộ — việc đổi vai trò với Bảo Đại, hoặc xin Mỹ bảo hộ, ông đã nhìn thấy hiểm họa của vụ quốc tế hóa đó và ông cũng muốn tránh tai họa đó cho nước ta?) Khi cuộc chiến bị quốc tế hóa, những lựa chọn khác nhau của người Việt trong nội bộ bị pha lẫn vào cuộc tranh hùng giữa các cường quốc, gọi là chiến tranh ủy nhiệm. Hệ quả là những người Việt không chọn đường lối cộng sản cho nước mình bị đẩy vào thế phải đứng về phía các nước Tây phương trong mặt trận quốc tế. Đây là một điểm xoay kỳ lạ trong lịch sử: Phe chủ trương quốc tế thì dùng chiêu bài dân tộc, dùng tiềm năng của truyền thống ái quốc, do đó mà chống Pháp, chống Tây phương trong lòng người Việt Nam. Ngược lại, phe chỉ nghĩ đến dân tộc thì vì muốn dùng mô thức kinh tế chính trị tự do, thị trường nên phải liên kết với các nước Tây phương, tự đặt vào thế khó nói. Họ khó giải thích cho đồng bào mình hiểu được vì sao yêu nước mà lại đồng minh với Tây, với Mỹ.

Cuộc nội chiến chắc cũng tránh được nếu sau năm 1954 phía Cộng Sản Việt Nam kiên nhẫn, chờ đợi bao giờ chủ nghĩa xã hội thắng trên toàn thế giới (mà chuyện này thì họ tin chắc thế nào cũng xẩy ra) thì lúc đó dân Việt nhân đà thắng lợi mà thống nhất đất nước trong chủ nghĩa xã hội. Như thế đỡ hao tổn xương máu bao nhiêu. Tội nghiệp cho dân ta là người ta không suy nghĩ như thế, hay không kiên nhẫn chờ đợi được. Các sử gia chắc sẽ tìm hiểu rõ hơn tại sao những người vẫn tin ở lẽ tất thắng của chủ nghĩa xã hội lại không chờ đợi, khi nào bánh xe lịch sử quay tới đó thì dân Việt được đi "quá giang" chuyến xe lịch sử mà thống nhất? Chỉ có thể tạm giả thiết là họ coi nghĩa vụ đi hàng đầu trong cuộc cách mạng quốc tế cao hơn chuyện tiết kiệm xương máu của người Việt Nam. Vả lại lối nghĩ đến chuyện chờ đợi và đi nhờ xe là chí khí của kẻ tầm thường, kẻ anh hùng "mang năm châu tới đại đồng" không nghĩ như vậy! Từ thế kỷ 17 nước Việt Nam đã từng chia đôi.

Ngẫm lại những lý do chính yếu chia rẽ nước ta thời Trịnh Nguyễn, bây giờ ta thấy thật tình vô nghĩa. Nhưng chúng ta chỉ tiếc trong hoàn cảnh chia đôi rồi chúa Trịnh còn mở bẩy chiến dịch tấn công vào Nam. Bao xương máu đổ ra ở vùng sông Gianh chỉ vì những cuộc tấn công đó. Ngày xưa các chúa Trịnh nhân danh Vua Lê khi đánh vào Nam, thời 1959 Cộng Sản Việt Nam nhân danh việc giải phóng miền Nam, khích động lòng yêu nước. Ngày xưa các chúa Nguyễn có thể cũng lấy việc phù Lê hiệu lệnh thiên hạ. Ngày nay miền Nam phải nêu cao một khẩu hiệu mới, là Tự Do, hay Thế giới Tự do, những từ rất trừu tượng, xa xôi đối với người dân Việt.

Đó là lý do khiến phe quốc gia sau cùng thua trận năm 1975. Nói như nhà văn Dương Thu Hương, đảng Cộng sản Việt Nam đã khai thác được cả một mỏ vàng ròng, đó là lòng ái quốc của người Việt Nam. Từ 1945 đến 1975, Cộng Sản Việt Nam nắm được thế mạnh trong cuộc chiến tranh nhờ khai thác cái mỏ vàng ròng này. Ngay từ 1945, họ cũng biết dùng các kỹ thuật và thủ đoạn chính trị, tuyên truyền khôn khéo hơn để tiêu diệt các nhóm chủ trương khác họ. CSVN cũng may mắn gặp tình thế quốc tế rất thuận lợi trong 30 năm đó. Đó là những năm của phong trào "giải thực" trên toàn thế giới. Trong các năm đó, khắp thế giới phong trào Cộng sản đệ tam liên tục bành trướng nhờ khẩu hiệu chống đế quốc. Tới năm 1975, khắp mọi nơi, từ Angola, Ethiopia, Mozambique, Chili, Nicaragua, cho tới Campuchia, Việt Nam, ở đâu cũng chứng kiến sự thắng thế của phe Cộng sản đệ tam. Năm 1975 CSVN đã thực hiện giấc mộng lớn của Hồ Chí Minh, đưa cả nước Việt Nam vào hàng ngũ các chiến sĩ tiền phong của quốc tế vô sản. Thật là một vinh dự! Và vinh dự đó dân ta phải trả một giá rất đắt. Nhưng đúng lúc đó thì chính cộng sản quốc tế cũng bắt đầu suy yếu.

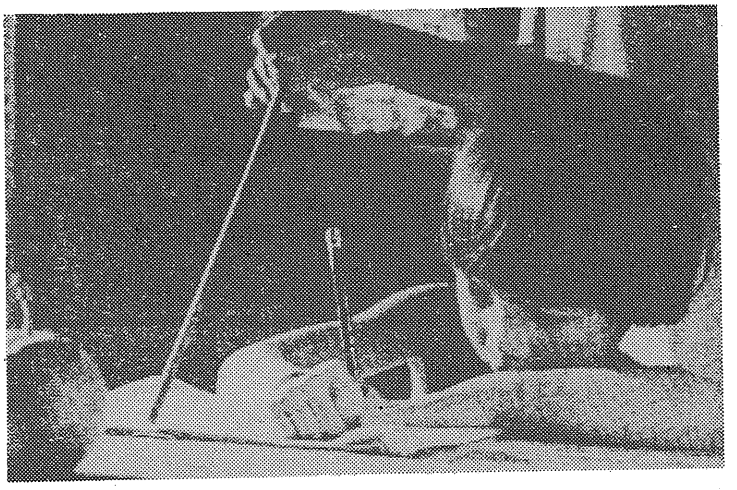

Nhìn rõ, tương lai đây!

Cuộc suy thoái bắt đầu

Sự thắng thế của cộng sản quốc tế từ 1945 dựa vào tình trạng căng thẳng của chiến tranh lạnh. Một giai đoạn hòa bình tương đối trên thế giới sẽ khiến cho chính người dân các nước cộng sản, bắt đầu từ Đông Âu, có thời giờ so sánh và nhìn thấy sự thua kém của hệ thống kinh tế, chính trị họ đang sống. Các đảng viên cộng sản, nhất là những người nắm quyền, nhìn thấy tất cả hệ thống của họ thất bại trong việc nâng cao mức sống của dân. Từ đó chính các đảng cộng sản Hung, Liên Xô, Ba Lan... bắt đầu tự thay đổi. Quá trình thay đổi này đưa đến sự tan rã của quốc tế cộng sản năm 1989.

Từ 1975 Cộng Sản VN ở trong nước cũng phải đối phó trên một trận địa mới. Thay vì mặt trận quân sự và phong trào giải phóng dân tộc, bây giờ họ phải bắt tay lo xây dựng hệ thống chính trị kinh tế mà ông Hồ đã chọn lựa từ 1920. Họ không còn lý do chui trong địa đạo "giải phóng dân tộc" nữa, đảng CSVN từ nay phải đóng vai trò bình thường của một đảng cầm quyền. Người dân Việt lần lần nhìn thấy họ cũng là một nhóm người đã giành quyền cai trị đất nước, với những chủ trương kinh tế, chính trị riêng. Những chủ trương đó, người dân cũng nhận ra ngay là sai lầm, là gây hại. Và ai cũng nhìn thấy kinh tế miền Nam sau các đợt tập thể hóa của ông Đỗ Mười đã suy sụp thế nào.

Các huyền thoại tan vỡ. Nhà văn thì tự hỏi mình chỉ được đóng vai trò minh họa cho một thiên đường mù mãi hay sao? Sử gia bỗng hỏi tại sao bộ máy chính quyền một tỉnh Thanh Hóa to hơn cả guồng máy hành chánh Đông Dương thời Pháp thuộc. Nhà làm điện ảnh phải trối trăn "hãy làm một cái gì tử tế." Rồi ai cũng thấy không thể nào sống tử tế trong cái hệ thống chính quyền Xô viết lưu manh hóa được!

Năm 1975 đánh dấu những ngày chót của mặt trận quân sự, nhưng cũng đánh dấu bước khởi đầu của một cuộc tranh đấu mới trên mặt trận ý thức hệ. Khi những người thanh niên xung phong và bộ đội mở đường bên phía Tây Trường Sơn, từ Quảng Bình, qua Ban Mê Thuột, tiến vào Sàigòn, họ không ngờ rằng họ cũng đang mở đường cho cả một phong trào Bắc tiến tiếp theo sau đó, ở phía Đông Trường Sơn, mang về Bắc những xe gắn máy, tủ lạnh, nhiều ngôn ngữ mới, mốt quần áo, băng nhạc, nếp sống, lối suy nghĩ, sách vở, những tập tục văn hóa và đạo đức của dân "ngụy" miền Nam.

Năm nay nhà thơ Phạm Tiến Duật kể lại ngày anh theo đoàn quân chiến thắng vào Sài gòn, khi viết anh vẫn gọi quân đội Việt Nam Cộng Hòa là *ngụy*. Anh sống lại những phút giây sung sướng của ngôn ngữ, nói chữ *ngụy* với ý nghĩa hồi xưa. Có lúc chắc anh cũng biết rằng chữ *ngụy* bây giờ đổi nghĩa rồi. Như khi cấp ủy vào bệnh viện đòi chỉ cho bác sĩ *ngụy* khám bệnh, hay thanh niên Hà Nội thích ăn mặc diện "như *ngụy*." Khi Dương Thu Hương nhìn thấy sách của các tác giả Nga, cả những sách bàn về Karl Marx đã in và bán ở Sài gòn từ trước 1975, cô đã chạm tay vào, đã ngửi thấy cái hương vị lạ mà người ta gọi là tự do.

Chỉ nếm thử thôi cũng đã không bao giờ quên được.

Khi Bộ chính trị đảng Cộng Sản lùa hàng trăm ngàn người nhốt vào trong trại tù ngoài Bắc, họ cũng không ngờ rằng sau đó các người dân sống chung quanh nhà tù lại nhận ra các tù nhân bại trận có tư cách, có nhân phẩm mà ngay người cai tù cũng phải kính trọng. Cũng như khi họ giam Hòa thượng Quảng Độ tại quê ông ở Thái Bình thì họ không ngờ rằng chính nhờ thế mà đạo Bụt trở lại với ngôi chùa và với dân làng này.

Cuối cùng, cuộc thử thách suốt 50 năm qua vẫn là giữa một bên những người cộng sản, mang một ý thức hệ quốc tế từ Âu châu về, đoạt lấy quyền hành để thay đổi đất nước theo kiểu mẫu Liên xô; và bên kia là dân tộc Việt Nam trong đó có những người đã thua trận năm 1975, những người chỉ muốn xây dựng đất nước một cách bình thường, theo kiểu tự do về kinh tế và chính trị. Những người gọi chung là "phe quốc gia" đó, họ không thuộc về cùng một đảng, cũng không cùng theo chung một tôn giáo, một ý thức hệ, vì thế họ phản ảnh nhiều khát vọng của cả dân tộc, dễ hội nhập với cả nhân loại trên con đường nhân loại đã theo đuổi, vẫn còn tiếp tục theo đuổi để làm sao cho cuộc sống ngày thêm một chút văn minh.

Nhiều người đã phán xét rằng các nhóm thuộc "phe quốc gia" đó đã không liên kết được thành một khối thống nhất, không đủ tài giỏi trong thủ đoạn tuyên truyền, để đến nỗi thua trận, rất đáng tiếc. Nhưng chúng ta phải biết một điều này: Đặc điểm của hệ thống dân chủ và kinh tế thị trường của Tây Phương là tính đa dạng và phức tạp, là sự tranh đua, kiểm tra và cân bằng (*check and balance*) giữa các khuynh hướng và phe nhóm đối nghịch. Dân chủ và thị trường không cần, cũng không nên đồng thuận và nhất trí. Khi chọn cách tổ chức xã hội theo kiểu đó thì ta cũng chấp nhận cả các đặc tính này. Nếu kiểu mẫu đó làm cho ta yếu đi thì đó là do sự lựa chọn từ đầu của ta.

Cũng vậy, không một xã hội dân chủ nào đặt trên căn bản sự tuyên truyền mị hoặc. Ngược lại nếu muốn dân chủ thì phải có thông tin đầy đủ, công khai. Chính tính công khai, tự do thông tin là một hệ thống kiểm tra và cân bằng. Làm ngược lại quy tắc đó cũng là phản bội ngay sự lựa chọn của mình.

Chúng ta sẽ được sống bình thường

Nếu vì hai đặc tính trên mà người ta đã thua trận thì cũng chính nhờ hai đặc tính đó mà sau cùng người ta sẽ thắng. Vì sau cùng thì dân tộc ta, và loài người, sẽ thấy chắc sống trong một xã hội CÓ chấp nhận sự khác biệt, có kiểm tra và cân bằng giữa các quyền lực đối nghịch, có tin tức xác thực và đầy đủ để tự lựa chọn, sống như vậy hạnh phúc hơn. Nói chung, chúng ta ai chẳng muốn sống cuộc đời bình thường, có ai muốn làm anh hùng 24 giờ một ngày, sống bằng những giấc mộng lớn lao không tưởng? Sau năm 1989 một nhà văn Tiệp đã nói:"May quá từ nay chúng ta lại được sống những cuộc đời bình thường." Nói cho cùng, Độc lập, Tự do và Dân chủ cũng chỉ là các phương tiện, các khuôn khổ xếp đặt và tổ chức cách sống; chính Hạnh Phúc mới là nội dung cuộc sống mà mỗi người và cả dân tộc ta muốn đạt tới. Đó mới là cứu cánh.

Cuộc thử thách trong lịch sử dân ta giờ cũng vẫn là: Đường lối canh tân nào sẽ mang lại hạnh phúc tương đối cho đa số nhân dân?

Người dân cả nước sau 1975 có dịp sống qua cuộc thí nghiệm của đường lối quốc tế vô sản mà ông Hồ đã lựa chọn từ 50 năm trước. Cuộc thí nghiệm đã thất bại, không những thất bại ở trên đất nước ta mà trên cả thế giới. Phải công bằng mà nói rằng sự nhầm lẫn trong lựa chọn của ông Hồ cũng không lớn hơn sự nhầm lẫn của Gromulka ở Balan, Kim Nhật Thành ở Triều Tiên. Đi theo phe vô sản quốc tế giúp Hồ Chí Minh giải quyết được hai vấn đề trước mắt lúc đó. Về mặt cứu nước thì chắc phải nhờ võ khí và yểm trợ của ngoại bang—điều mà Phan Bội Châu cũng đã đi tìm. Xưa nay khi đi cầu viện ngoại quốc người mình sợ nhất chuyện dịch chủ tái nô. Nhưng nếu dùng vũ khí, cố vấn Liên Xô và Trung Quốc thì vẫn có thể tránh tiếng cõng rắn cắn gà nhà, vì ngoại nhân trong trường hợp này lại là "anh em quốc tế vô sản" cả. Thế là giải quyết chuyện ngoại viện. Còn về nhu cầu canh tân đất nước, thì có bản hoạch đồ vẽ sẵn của Marx và Lenin quá đẹp, cứ thế mà đi theo.

Một con người thiên về hành động như Hồ Chí Minh sẽ thấy việc theo Đệ Tam giải quyết được cả hai vấn đề, không cần suy nghĩ xa hơn nữa. Ông Hồ vốn không thiên về tư tưởng, ông đã từng nói không cần suy nghĩ thêm nữa vì cụ Mao đã nói hết mọi chuyện cần nói rồi. Lựa chọn của Hồ chí Minh dựa trên các tiêu chuẩn thực tế, lựa chọn đó có sai lầm thì cũng chỉ vì Hồ Chí Minh không dùng tư tưởng, ông quen suy nghĩ bằng khẩu hiệu không khác gì các nhà Nho xưa, học được các châm ngôn rồi thi hành. Mà Cộng sản Đệ tam thì có quá nhiều châm ngôn nghe rất hay, không thua Tứ Thư Ngũ Kinh mà rất hiện đại. Điều bất hạnh của dân tộc ta là trong nửa thế kỷ mà Hồ chí Minh xuất hiện trong lịch sử, so với người đương thời thì ông quả là một nhân tài kiệt xuất. Một người Việt Nam dám gọi Trần Quốc Tuấn là bác, xưng tôi, phải là một con người tự tin biết mấy! Một người tự so sánh thấy mình có sự nghiệp cao hơn cả Hưng Đạo Đại Vương, phải là con người có chí khí lớn lao chừng nào! Cho nên sự nhầm lẫn của con người đó, khi biến thành bước lỡ lầm của cả dân tộc thì tai họa gây ra cho đất nước cũng tang thương biết bao nhiêu!

Từ năm 1975, lựa chọn của Hồ Chí Minh mới hiện ra trên thực tế, không bị che phủ, ngụy trang bằng phong trào chiến tranh giải phóng và tranh chấp giữa các siêu cường nữa. Mười năm sau, cuộc thí nghiệm cộng sản trên cả đất nước ta đã phá sản. Chính đại sứ Lê văn Bàng vừa thú nhận ở Mỹ, rằng năm 1985 nếu không "đổi mới" thì đảng CSVN đã mất hết. Khi cộng sản quốc tế sụp đổ rồi thì đảng CSVN chỉ còn là một đảng cầm quyền thuần túy. Sứ mạng lịch sử mà đảng tự mô tả là đưa nước ta vào thế giới xã hội chủ nghĩa bây giờ nói ra nghe ngượng ngùng. Mục tiêu của đảng bây giờ chỉ là cố nắm giữ các quyền lợi được ngày nào hay ngày đó. Đảng sẽ đưa nước ta vào quá trình tích lũy tư bản, thu của cải vào trong tay một số đảng viên, tạo nên một giai cấp tư sản, diễn lại trên đất nước ta hiện tượng chủ nghĩa tư bản thời hoang dã ở các nước Anh, Mỹ cuối thế kỷ 18. Đảng vẫn còn nhưng chủ nghĩa và cả lý tưởng đã tan rã. Những người thiết tha với "lý tưởng xã hội" sẽ phải bắt đầu lại từ đầu.

Nhưng nếu chủ nghĩa Cộng Sản đã thua ở nước ta thì ai đã thắng? Dân tộc Việt Nam, với lương tri và truyền thống văn hóa mấy ngàn năm đã thắng. Những tin tức từ trong nước và những người về thăm nhà trở ra cho biết một phong trào phục hưng các giá trị văn hóa truyền thống đã bắt đầu từ 10 năm qua, vẫn tiếp tục dâng lên dù bị ý thức hệ duy vật ngăn trở. Hội đền Hùng năm nay lần đầu được đảng chính thức tổ chức có tới 400 ngàn người về lễ tổ. Những chùa chiền, đình miếu, cho đến các nhà thờ tộc họ, đang được tân tạo hoặc trùng tu. Những tổ chức tư như các nhóm từ thiện Công giáo, Phật giáo, cả tới những tổ chức thiếu niên, dưới các hình thức kín đáo, cũng đã tự động sinh hoạt, mặc dù nhà nước còn chính thức cấm đoán. Chính các sinh hoạt từ thiện và giáo dục đó sẽ tạo căn bản cho một xã hội công dân phát triển sau này, như là nền tảng của chế độ và nếp sống dân chủ.

Biến chuyển lớn nhất và sâu đậm nhất đang diễn ra là ở trong lòng người dân Việt Nam. Mười năm trước, đạo diễn Trần Văn Thủy, trong phim "Chuyện Tử Tế" đã chiếu hình ảnh đền thờ vua Quang Trung. Ông nhận xét trên bàn thờ vị anh hùng vũ dũng đó chỉ viết một chữ *Tâm*. Không ai viết chữ *Võ* hay chữ *Dũng*. Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp đặt vào lời một nhân vật: "Chỉ có điều Thiện mới sinh ra điều Thiện," quả quyết phủ nhận một chủ nghĩa dùng căm thù và bạo lực xây dựng thiên đường. Đoàn Viết Hoạt, Thích Huyền Quang tự hành sử quyền tự do ngôn luận, tự do hội họp, bình thản nêu rõ đó là những quyền làm người căn bản, không cần phải biện minh.

Hai ba năm gần đây, những người về thăm nhà đều nhận xét là trên khắp nước, nhất là ở miền Bắc, lá cờ búa liềm không còn ai treo nữa, trừ vài nơi công sở. Trong các lễ lạc hội hè, trên sân khấu, khán đài, người ta treo lá cờ ngũ sắc cổ truyền, để khỏi phải treo cờ đỏ sao vàng. Và trên lá cờ ngũ hành đó, nhiều nơi viết thêm một chữ TÂM. Hỏi lý do tại sao viết chữ TÂM, dân làng thường không dám nói. Nhưng trong một đám hội ở miền Bắc năm ngoái, khi một Việt kiều hỏi tại sao cờ ngũ hành lại thêu chữ Tâm, một cụ già đã nói nửa đùa nửa thật: "Vì HỌ chủ trương Duy Vật cho nên bây giờ MÌNH phải viết chữ TÂM chứ!"

Đó là kết quả của cuộc tranh đua sau cùng trên mặt trận Văn Hóa. Kết quả là MÌNH đã thắng, HỌ đã thua rồi. Mình là dân tộc Việt Nam, những người Việt mong sống một cuộc đời bình thường, đã thắng sau cuộc thử thách kéo dài hơn 60 năm qua. Năm 1975 chính là thời điểm thay đổi trận thế, vì đã thay đổi cả trận địa, từ quân sự chuyển sang kinh tế, chính trị và văn hóa. Dân tộc ta đã thắng vì đạo nghĩa và lương tri con người bao giờ cũng thắng. Nguyễn Du quả thật đã tiên tri: "Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài."

Những người đã sống gần nửa đời người vào thời điểm 1975 thường quên rằng khi nói tới dân tộc Việt Nam lúc này đây thì trong 73 triệu người Việt có gần một nửa ra đời sau năm 1975, có ba phần tư không hề tham dự vào cuộc chiến. Lựa chọn của dân tộc bây giờ là lựa chọn cho thế hệ tương lai, cho những người không mang gánh nặng của quá khứ, không mang vết thương còn đau nhức của thế hệ cha anh. Việc lựa chọn lớn nhất là trở lại với cuộc sống hạnh phúc tầm thường được tự do bảo đảm, trong nếp sống văn minh của nhân loại bình thường. Chính thế hệ mới, nửa phần dân tộc từ 20 đến 50 tuổi, phải quyết định sẽ thiết lập những định chế và những nền nếp mới như thế nào để dân ta có thể sống trong nhân phẩm, có thể ngẩng đầu lên không hổ thẹn với các nước láng giềng. Những lầm lẫn của cha anh, từ các lựa chọn hồi 1920-30 bây giờ họ phải gạt qua một bên thì thế hệ trẻ mới hướng về tương lai được.

Còn thế hệ cha anh mà vết thương vẫn còn chưa lên da non, nếu chúng ta biết nhìn các biến cố quá khứ một cách tỉnh táo, trong cả chiều dài lịch sử, chúng ta sẽ can đảm cùng mang cái nghiệp chung đó, tự mình cải nghiệp mà không nỡ biến nó thành một gánh nặng thêm cho thế hệ sau chúng ta. Mỗi người can đảm sống với cái nghiệp riêng của mình, kết quả của các hành động của mình. Và một dân tộc cũng vậy. Như thế là để bắt đầu những thiện nghiệp, chung và riêng, xây dựng giềng mối cho tương lai. Công việc đó tổ tiên ta vẫn gọi là tạo thêm phúc đức. Xây dựng dân chủ, phục hồi đạo lý, chữa lành các vết thương của 50 năm chiến tranh và thù hận, là cùng nhau tạo thêm phúc đức để dành cho con cháu.■

Bàn thêm về vấn đề "quyền đối lập" ở Việt Nam

MỘT VẤN ĐỀ LUẬT HỌC, HAI CÁCH NHÌN, HAI LÔ GÍCH...

TRẦN THANH HIỆP

Trên *Thế Kỷ 21* số 72, tháng Tư 95, trong mục Tiếng Vọng, tr. 10, nhận định về quan điểm của tôi trình bày trong bài viết "*Quyền đối lập và đối lập ở Việt Nam*" đăng trên *Thế Kỷ 21* số 69, tháng Giêng 1995, ông Dương Thành Lợi cho biết ông *"cảm thấy khó có thể đồng ý với các kết luận của tôi."* Theo ông Dương Thành Lợi, đứng trên quan điểm pháp lý thuần túy mà xét, *"nhân dân Việt Nam không có căn bản pháp lý nào để có thể đối lập chính quyền CHXHCN Việt Nam."* Thái độ thảo luận rất nghiêm chỉnh, những lý lẽ rất nghiêm túc của ông Dương Thành Lợi đã thúc dục tôi phải bàn thêm để vấn đề hữu quan được sáng tỏ hơn nữa. Vì khuôn khổ giới hạn của một bài trả lời, tôi xin phép được miễn nhắc lại ở đây, dù một cách sơ lược, nội dung bài viết trước của tôi, xin các bạn đọc qui chiếu xuất xứ đã dẫn ở trên, nếu thấy cần.

A. Dưới ánh sáng luật học thuần túy: tôi rất đồng ý với ông Dương Thành Lợi

Trước khi bàn về những điểm đồng ý, tưởng cũng cần xác định trong khuôn khổ cuộc trao đổi ý kiến này, "quyền đối lập" ở Việt Nam chỉ được đề cập như là một vấn đề pháp lý. Khía cạnh chính trị của vấn đề sẽ không được bàn tới.

Phân tích ba cơ sở pháp lý *"hiến định, quốc tế, luật định"* mà tôi đã sử dụng để chứng minh sự hiện hữu của "quyền đối lập" ở Việt Nam, ông Dương Thành Lợi đã đi tới những kết luận trái ngược với tôi rằng theo Hiến pháp CHXHCNVN, *"người dân Việt Nam không có quyền để đối lập với đảng CSVN..."*, rằng Hiến pháp này không có điều khoản nào *"ghi là công pháp quốc tế trở thành luật pháp CHXHCNVN một khi được ký kết"*, dẫu sao, trong mọi trường hợp người dân Việt Nam *"không thể bám lấy Công ước quốc tế làm căn bản pháp lý cho quyền đối lập chính trị"*, và rằng *"cơ sở luật định không có chỗ đứng trong căn bản pháp lý... bởi vì luật pháp đi ngược với Hiến pháp trở thành vi hiến và vô hiệu lực."*

Tóm lại theo Dương Thành Lợi, với luật pháp hiện hành của Quốc Hội CHXHCNVN, dưới sự lãnh đạo độc tài của đảng CSVN, dân Việt Nam không có quyền đối lập.

Cách nhìn vấn đề của ông Dương Thành Lợi là cách nhìn theo ánh sáng luật học phương Tây lâu đời thấm nhuần tinh thần tự do, pháp trị. Đối với người Việt Nam ở ngoài nước thì đó là một cách nhìn phổ quát, thông thường. Nhưng đối với người dân ở trong nước còn phải sống trong chế độ chuyên chính cộng sản thì đó quả là một cái nhìn lý tưởng vì chỉ có được trong những giấc mơ. Ngay ở các trường Đại học có giảng dạy môn luật học cũng không có được cách nhìn như thế.

Lý luận của ông Dương Thành Lợi súc tích, chặc chẽ. Nếu tôi lấy cái nhìn giống như tác giả họ Dương, tôi cũng phải kết luận như ông. Nghĩa là đồng ý với cách ông kết luận.

Nhưng tôi cần nói thêm rằng cụm từ "luật học thuần túy" mà ông Dương Thành Lợi đã dùng để định danh cho công trình khảo sát của mình phải được hiểu theo nghĩa rất hẹp là quan điểm luật học của một luật gia theo học phái của những nhà "thực chứng" - positivists - (đứng về mặt luật quốc nội, internal law) chỉ kể là luật những quy phạm đã thành văn và theo học phái của những nhà "lưỡng nguyên" - dualists - (đứng về mặt luật quốc tế, international law), triệt để bênh vực sự hiện hữu của hai thứ luật, luật quốc nội và luật quốc tế, hai luật hoàn toàn khác biệt nhau từ đối tượng đến bản chất. Tôi không ở trong vòng ảnh hưởng của hai học phái này, vì luật học không phải chỉ thu gọn vào hai học phái ấy. Về mặt luật quốc nội, tôi không gạt bỏ "luật tự nhiên" (natural law) - điều này không nhất thiết phải có nghĩa là bất cần "pháp quyền", legal right như ông Dương Thành Lợi đã khẳng định một cách thiếu khách quan , về mặt luật quốc tế, tư tưởng tôi cổ võ là tư tưởng của học phái "nhất nguyên" (monist) - chỉ có một luật duy nhất cho nhân loại ở trên bình diện quốc nội cũng như trên bình diện quốc tế - mà viễn kiến đã đi sát được với xu thế tiến hóa tất yếu của luật quốc tế, nhất là từ đầu thập niên này. Chính vì vậy tôi đã để sang bên cách nhìn gọi một cách cưỡng ép là "luật học thuần túy" (như tôi đã xác định ít nhất ở hai đoạn trong bài viết của tôi, xin xem bài *"Quyền đối lập..."* thượng dẫn, tr. 22, cột 1, dòng 23-27, cột 2, dòng 30-32), nhường cho các bậc thức giả am tường luật học

phương Tây luận bàn thâm sâu về quyền đối lập nói chung và của dân Việt Nam nói riêng. Tôi vui mừng được ông Dương Thành Lợi chỉ bảo thêm cho tôi như tôi mong đợi.

Vì lô gích suy nghĩ của ông Dương Thành Lợi khác với lô gích suy nghĩ của tôi (tại sao khác, tôi sẽ nói ở dưới) nên đương nhiên các kết luận của ông không thể giống các kết luận của tôi. Một lần nữa tôi cũng đồng ý với ông Dương Thành Lợi.

Tuy nhiên chính những điều đồng ý này đã đưa tôi tới nhiều điều tôi không đồng ý với người đối thoại khả ái của tôi.

B. Nhìn vấn đề một cách thực tiễn: tôi không đồng ý với ông Dương Thành Lợi

Trước khi bàn về cách nhìn vấn đề theo chiều hướng thực tiễn, tôi xin nhấn mạnh là tôi vẫn sẽ ở trên địa hạt luật học để khẳng định lại một lần nữa là trong hệ thống luật pháp hiện hành ở Việt Nam đã có căn bản pháp lý cho "quyền đối lập". Hãy bắt đầu bằng việc định nghĩa thế nào là cách nhìn thực tiễn (practical approach).

"Thực tiễn" thường được đối lập với "lý luận, lý thuyết" để hàm ý thiên về hành động. Cách nhìn thực tiễn là cách nhìn thoát đi từ tư duy để khám phá thực tại khách quan nhằm đạt được dụng đích cải tạo thực tại khách quan ấy. Do đó thực tại khách quan này ảnh hưởng ngược lại tư duy để tu chỉnh tư duy, bồi bổ cho lý luận, lý thuyết.

Trong luật học, cách nhìn thực tiễn sẽ giúp cho người nhìn (chủ thể) không bị vướng mắc vào vòng tư biện (speculation) tự giam mình trong phạm vi trừu tượng của lý thuyết, lý luận luật học thuần túy, rất cần cho những công trình nghiên cứu cơ bản, nhưng ít bổ ích cho việc ứng dụng luật pháp vào đời sống thực tế của nhân xã (nghĩa là thực tại khách quan).

Luật gia Việt Nam trong hiện tình đất nước không thể chỉ vận dụng những khái niệm luật học phương Tây để xem sinh hoạt pháp lý trong nước có diễn ra đúng như sinh hoạt ở các nước phương Tây hay không mà phải dùng những khái niệm ấy để dò tìm khả năng chuyển hóa tình trạng không có luật hay không kể luật thành một trật tự pháp lý ổn định. Làm công việc này không có nghĩa là phải rời bỏ luật học để trực tiếp làm chính trị bằng xách động quần chúng, kéo bè kết đảng, xuống đường mít tinh hoan hô đả đảo v.v... Chức năng xã hội của luật gia trong tình trạng hỗn mang của bạo lực hiện nay của Việt Nam là vận dụng linh động kiến thức luật học để "chỉ đường" cho quần chúng thấy rõ đâu là quyền của của con người, quyền của dân, quyền của Nhà nước v.v... dù rằng những quyền ấy không được - đúng hơn, chưa được - xác định. Nhìn sự việc như vậy về mặt lý luận không có vẻ bác học, kinh điển nhưng về mặt thực tiễn lại rất tích cực vì mở đường cho hành động chuyển hóa thực tại và do đó ngăn chặn tác phong an phận thủ thường là chất dinh dưỡng làm cho chuyên chế "trụ" được.

Hiến pháp 1992 đã dành cho đảng CSVN độc quyền lãnh đạo đất nước, toàn quyền hưởng dụng tài sản quốc gia, đã thể chế hóa bộ máy kìm kẹp dân chúng, triệt hạ đối lập hầu duy trì không thời hạn địa vị độc tôn ấy. Điều này ai cũng biết và ai cũng nói một cách chung chung. Tôi cũng nhắc lại điều này trong bài viết về *"Quyền đối lập"*. Ông Dương Thành Lợi đã nói lại sự thật này với những luận cứ mới, đầy tính thuyết phục nhằm thỏa mãn một luồng dư luận ở ngoài nước đã được thuyết phục từ lâu. Chính đảng CSVN cũng công khai nhìn nhận sự thật này, trong bản Hiến pháp 1980, sau khi đã ngụy trang nó trong hai bản Hiến pháp 1946 và 1959. Nhưng năm 1992, "Đảng" phải "đổi mới" cách nói, nếu không thì "chết", nghĩa là lại phải ngụy trang trở lại! Có điều "Đảng" như người đẹp vì tuổi tác đã hết duyên, như một võ sĩ một thời vô địch nay đã mất hết nội lực. "Đảng" đã phải dẹp bỏ hết các luận điệu khoa trương, che dấu bùa thiêng "chuyên chính vô sản", bọc thật kín ý đồ đấu tranh giai cấp bằng lớp son phấn toàn dân ("của dân, do dân, vì dân"). "Đảng" đã lùi chẳng những một mà hai ba bước, dĩ nhiên với ý định về sau rồi sẽ tiến lên năm sáu bước. Cho nên "Đảng" mới nói loanh quoanh ngay ở trong Hiến pháp 1992, một Hiến pháp "đầu Ngô mình Sở" (xin xem bài *"Quyền đối lập"* đã dẫn), đã bày ra một trận đồ pháp lý mà cửa tử nhiều hơn cửa sinh.

Đã đành rằng đó chỉ là những "thuật" chính trị giống như những trò múa rối, trò ảo thuật ở trên sân khấu. Nhưng đất nước Việt Nam không phải là sân khấu mà là cuộc đời, là lịch sử trong đó không phân chia diễn viên với khán giả mà chỉ có những "tác nhân", những kẻ làm ra lịch sử.

Thay vì lấy thái độ kiêu kỳ của những khán giả sành sỏi, những nhà nghiên cứu bác học, tôi nghĩ rằng phải dấn mình vào đấu trường pháp lý, không để cho "Đảng" độc diễn hòng huyễn hoặc quần chúng. Những người chống chuyên chế phải kịp thời thu hoạch những thắng lợi cơ bản, to lớn mà thời đại đã mang lại - sự sụp đổ của hệ thống "đế quốc đỏ" Liên Xô và các chư hầu - để mở ra xuất lộ khai thông lịch sử.

Huống chi đấu trường đó nay đã thực sự biến thành "thị trường" phồn hoa đô hội, kẻ mua người bán tấp nập. Sao có thể để cho "Đảng" một mình một chợ?

Về điểm này, có một điểm rất lý thuyết mà nhiều lý thuyết gia ít lưu ý, đó là không thể đồng hóa thực tại của xã hội Việt Nam với thực tại của các nước phương Tây là những thực tại

có kỷ cương đã lâu đời. Mọi việc hầu như có sẵn khuôn phép từ nhân quyền, dân quyền, cho đến Quốc hội, Nhà nước, Tòa án, Báo chí v.v... Ở Việt Nam mọi thứ đều hỗn loạn, khó lý luận đúng như học thuyết, án lệ, sách vở, văn bản v.v...; khó chuyển hóa bằng thuyết phục, chỉ dẫn đến từ bên ngoài (hải ngoại) nhưng lại để vận dụng từ bên trong nếu có phương tiện (người và của), có thao tác (kiến thức chuyên môn). Điều này tôi mường tượng thấy từ lâu nhưng đã thâm tín khi theo dõi các cuộc tranh đấu của đối lập ở trong nước và nhất là mới đây khi được nghe bà Trần Thị Thức kể lại một cách tự nhiên và giản dị cuộc đối đầu của bà với nhà cầm quyền cộng sản để bảo vệ chồng con và gia đình. Bà tuy chưa đạt được những chiến thắng đẹp mắt và toàn vẹn nhưng bà cũng đã đạt được một phần những yêu sách của mình nhờ biết xác lập những quyền hạn trên cơ sở "pháp quyền" đã được liệt kê trong Hiến pháp, qua các văn bản quốc tế như Tuyên ngôn quốc tế nhân quyền, Công ước quốc tế về nhân quyền, và "lẽ phải" của cuộc đời. Quả thật bà đã cho tôi hiểu thêm được bài học thực tiễn mà giá trị nhân văn vượt xa những luận thuyết trừu tượng. Nhờ bà Trần Thị Thức tôi đã điều chỉnh được sự hiểu biết của tôi về nhu cầu pháp lý của đồng bào ở trong nước.

Cũng xin nói thêm vài điều về luật quốc tế. Ông Dương Thành Lợi phủ nhận hoàn toàn mọi ảnh hưởng của luật quốc tế đối với luật quốc nội, và ông khẳng định như vậy trên những cơ sở pháp lý và dựa vào những tiền lệ Hoa Kỳ, Gia Nã Đại, tất nhiên theo quan điểm của học phái "lưỡng nguyên". Nhưng theo học phái "nhất nguyên" thì không cần phải có những thủ tục của luật quốc nội, "tiếp thu" (reception) luật quốc tế, luật này mới có hiệu lực vì cả hai đều thuộc về một thứ luật chung của nhân loại. Nêu lên sự khác biệt giữa hai học phái chẳng qua để rộng dường dư luận mà thôi, kỳ thực luật quốc tế không theo hẳn học phái nào và trong thực tế nó đã dung nạp cả hai. Luật quốc nội nào của Iraq cho phép quốc tế tiến hành chiến tranh Vùng Vịnh, can thiệp ở Nam Tư, ở Somalia? Luật quốc nội nào của Haiti cho phép người Mỹ can thiệp ở nước này...? Nếu ai cũng dứt khoát như ông Dương Thành Lợi thì làm gì có trên một ngàn hội ngoại chính phủ dại dột từ khắp địa cầu tháng Sáu 1993 kéo về họp Hội nghị quốc tế về nhân quyền tại Vienne?

Mặt khác, ông Dương Thành Lợi không muốn kể đến những "natural rights" (ông gọi là *quyền tự nhiên*), chỉ muốn kể đến "legal rights" (ông gọi là *pháp quyền*, tôi gọi là những *quyền luật định*) ở Việt Nam. Chỉ kể "legal rights" thôi có nghĩa là chỉ kể những "rights" do pháp chế xã hội chủ nghĩa qui định. Và biết trước rằng pháp chế này là công cụ đảng trị, kể đến để không công nhận! Nhưng ở ngoài nước thì việc không công nhận này quá dễ dàng. Đối với người ở trong nước, không công nhận là tìm con đường tù tội như Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt v.v... Vậy phải vừa công nhận vừa không công nhận, nghĩa là tìm chỗ dựa nơi các "natural rights" (quyền tự nhiên) để đòi sửa đổi các "legal rights". Thái độ phải đạo "legal rights" nơi các luật gia là giấc mơ của "Đảng" hiện đang quảng cáo cho thứ "pháp quyền" made in Hanoi! Có cần phải nói thêm rằng cách mạng của cộng sản không khởi đi từ "natural rights" như tại các nước phương Tây không? Nguyễn Ái Quốc khi thảo bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1945 đã mượn ngôn ngữ của Hiến pháp Mỹ để xí gạt dư luận thế giới rằng cộng sản Việt Nam công nhận "natural rights" (*Tạo hóa đã phú cho con người...*). Về sau cộng sản vội vàng tẩy xóa ngay luận điệu này, vì thế mở đầu của Hiến pháp 1946 không đả động gì tới "natural rights" nữa.

Tôi không quan niệm được rằng trong hiện tình, phải để sang bên vấn đề các quyền tự nhiên của con người. Trái lại, đó là sức mạnh để chống chuyên chế, nhất là "Đảng" đã lâm vào thế bị động phải nói ngôn ngữ "quyền con người", trong Hiến pháp, trên văn bản pháp lý, trong các trường đại học. Không có "natural rights" thì trên một trăm văn bản quốc tế về nhân quyền chỉ còn là mớ giấy lộn.

Theo lô gích của cách nhìn thực tiễn, tôi đã khẳng định rằng tại Việt Nam đã có cơ sở pháp lý vững chắc cho quyền đối lập, tuy rằng quyền này không được minh thị qui định. Tôi đã nói rõ rằng đó là một quyền tổng hợp của các "quyền con người" mà luật thực định (positive law) đã nêu lên nhưng không đầy đủ và Nhà nước lại ra sức gian lận để lấn chiếm, đồng thời dân chúng không biết, hay không dám, hay không đủ sức tranh đòi để sử dụng. Tuy rằng một sự khẳng định như vậy không làm thỏa mãn những luật gia thuần túy nhưng nó là mặt động của thực tại khách quan mà các luật gia chỉ để ý đến mặt tĩnh. Như âm với dương.

Nhìn nhận vừa đồng ý vừa không đồng ý với ông Dương Thành Lợi, thực ra tôi không lo thái quá là đã mâu thuẫn với chính tôi cũng như với ông Lợi. Vì tôi tin rằng sớm muộn chúng tôi cũng thống nhất được với nhau cách nhìn những quyền hạn của người dân trong nước: Sẽ không có phép lạ, ngoại viện hay lòng tự nguyện của "Đảng" để cải thiện các quyền hạn ấy. Trước mắt chỉ còn một con đường độc nhất, đó là con đường thực tiễn diễn biến hòa bình. Trừ khi có ai tạo ra được những diễn biến "không hòa bình". Điều này ngoài hiểu biết của tôi.■

ĐẦU TƯ HOA KỲ TẠI VIỆT NAM

Vài Nét Chấm Phá Cho Một Cảnh Tranh Tối Tranh Sáng

NGUYỄN VĂN HÁN

Nói về tình hình kinh tế Việt Nam là nói về một ly nước nửa vơi nửa đầy. Những người nghi ngờ thiện chí hay khả năng cải tổ kinh tế của nhà cầm quyền trong nước thì cho là ly nước còn vơi một nửa, với hàm ý là đáng lẽ phải đầy hơn nếu như Việt Nam được hoàn toàn tự do. Ngược lại, những ai đã trải thập niên đầu của kinh tế Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam với những lầm than liên miên từ 1976 tới 1985, và nhất là cao điểm khủng hoảng trước "đổi mới", thì coi là ly nước đã đầy một nửa: tình hình sinh hoạt quả đã có thay đổi và mức sống người dân có khá hơn chút đỉnh, nhất là từ sau đợt cải tổ mạnh mẽ thời 89-91.

Trong điều kiện tranh tối tranh sáng trên, những ai cho rằng kinh tế Việt Nam chưa khá có thể sẽ bị đánh giá là bi quan, hoặc còn "chống cộng quá khích". Ngược lại, những ai cho rằng tình hình có cải thiện cũng có thể bị nhiều người công kích là nhân nhượng với một chế độ vẫn còn mệnh danh xã hội chủ nghĩa, có khi còn bị gán cho ý đồ "thân cộng". Dĩ nhiên, những lối phê phán đơn giản và cực đoan đã chẳng có lợi gì cho việc tìm hiểu hiện tình đất nước và sự thật có thể không trắng đen rõ ràng như những lý luận thuần chính trị.

Đứng trên quan điểm kỹ thuật về đầu tư tài chánh và thu hẹp phạm vi trình bày vào tình hình đầu tư ngoại quốc tại Việt Nam, bài này sẽ tập trung vào những yếu tố quyết định của giới đầu tư Hoa Kỳ và nêu vài ý kiến khái quát của một người Việt sống trên đất Mỹ, nhìn vấn đề trên cả hai giác độ "trong" và "ngoài", về hiện trạng đầy vơi của ly nước.

Nhu cầu đầu tư quốc gia và vai trò đầu tư quốc tế

Việt Nam hiện là một nước nghèo trong những nước nghèo nhất thế giới, với lợi tức trung bình một năm một đầu người 200-240 Mỹ kim ($). Đây là theo ước tính của cơ quan gọi là Chương trình Phát triển của Liên Hiệp Quốc, tức là United Nations Development Program - UNDP; theo ước tính của Ngân hàng Thế giới, mức lợi tức này còn ở dưới 200$. Tổng sản lượng một năm của cả nước được ước tính quãng 17 tỷ. Giải pháp căn bản nhất để nâng cao mức sống dân chúng vẫn phải là phát triển kinh tế. Trong bốn năm qua, Việt Nam đã đạt mức phát triển tương đối cao, trung bình từ 7,5% đến 9% một năm. Trên cái trớn đầy lạc quan đó, chính quyền trong nước dự trù mức tăng trưởng sẽ lên tới 10% năm 1995 và sẽ đạt mức 12% mỗi năm trong những năm kế tiếp cho tới cuối thế kỷ. Nếu mức gia tăng dân số được kềm hãm ở khoảng 2% một năm, và nếu Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng cực lớn nói trên, lợi tức dân chúng sẽ được nhân đôi trong vòng bảy năm. Nghĩa là sẽ bằng một phần tư của dân Thái Lan hiện nay... vào năm 2002 sắp tới. Kết quả có vẻ khiêm nhượng nói trên thực ra đòi hỏi những điều kiện khá khắt khe. Thứ nhất là phải đạt mức tăng trưởng 12%, cao nhất địa cầu từ xưa tới nay mà mới chỉ có Trung Quốc đạt được. Thứ hai, phải hạ thấp đà nhân mãn từ 2,2% hiện nay xuống 2%, một điều kiện có lẽ còn khó hơn nữa.

Muốn đạt mức tăng trưởng 12% một năm, và với cơ cấu sản xuất hiện tại, trong giả thuyết lạc quan nhất Việt Nam phải đầu tư... 36% tổng sản lượng, khoảng 6,1 tỷ $ mỗi năm. Nếu khối tiết kiệm nội địa, hiện bằng 7% tổng sản lượng, được trút cả vào đầu tư, Việt Nam cũng chỉ có thể duy trì mức sống hiện tại cho toàn dân mà thôi. Muốn cất cánh vượt khỏi lầm than, Việt Nam cần tìm "tiết kiệm ngoại nhập", tức là tài nguyên từ bên ngoài đổ vào, khoảng 29% tổng sản lượng. Vắn tắt lại, Việt Nam phải vận động vốn quốc tế, chừng 5 tỷ $ một năm, để đầu tư và phát triển kinh tế, mới hy vọng nhân đôi mức sống dân cư trong bảy năm tới.

Nguồn tiết kiệm ngoại nhập đó có thể đến dưới hình thức viện trợ (cho không, gọi là tặng dữ, hoặc cho vay với lãi suất thấp hơn lãi suất thị trường) hoặc đầu tư trực tiếp. Trong mấy năm qua, nước ta đã được cam kết một tổng số viện trợ khoảng 3,8 tỷ $ nhưng nhà cầm quyền chỉ sử dụng được một phần nhỏ, ước lượng là 25% của số cam kết. Lý do là những ách tắc của cơ cấu tiếp nhận, phân phối và sử dụng ngoại viện. Ta sẽ có dịp đề cập tới vấn đề này trong kỳ khác. Nhưng, vấn đề càng cho thấy vai trò quan trọng của nguồn tiếp kiệm ngoại nhập còn lại, tức là đầu tư trực tiếp của ngoại quốc, gọi tắt là đầu tư quốc tế.

Hiện tình đầu tư quốc tế

Từ khi "đổi mới kinh tế" được ban hành, Việt Nam đã chuyển hướng sang cơ chế thị trường và có nỗ lực vận động đầu tư ngoại quốc. Bộ Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam được ban hành năm 1988, và thường xuyên được tu chỉnh theo yêu cầu thực tế, đã được giới đầu tư quốc tế đánh giá là tiến bộ trên văn bản. Từ năm Luật Đầu tư được ban hành cho tới 1994, Việt Nam đã chấp nhận tổng số đầu tư quốc tế lên tới 10 tỷ, coi như trung bình 1,7 tỷ một năm, một con số rất nhỏ so với nhu cầu 5 tỷ mới nói ở trên. Thực tế còn bi quan hơn, vì theo những công bố của giới hữu trách chỉ có 25% của ngân khoản 10 tỷ đã cam kết mới thực sự được tháo khoán, đa số là trong các ngành dầu khí hay xây dựng khách sạn. Theo những ước tính khác, trên tổng số cam kết, chỉ chừng 500 triệu mới thực sự trút vào những dự án có đóng góp cho việc gia tăng sản xuất. Sai suất quá lớn giữa nhu cầu và số tiếp nhận thực tế tất phải làm nhiều người suy tư và nhìn sang mặt kia của vấn đề, sang lý luận của giới đầu tư. Ở đây, ta sẽ tìm hiểu riêng về hoàn cảnh đầu tư của các công ty Mỹ.

Tại Hoa Kỳ, khi lệnh cấm vận còn được chính quyền duy trì, doanh giới Mỹ than phiền là việc phong toả mậu dịch đã chẳng đạt mục tiêu chính trị mà còn gây phản tác dụng cho quyền lợi Mỹ vì cản trở họ tham dự vào một thị trường có đầy triển vọng. Giới đầu tư và nhất là truyền thông Hoa Kỳ vốn hay hồ hởi trước viễn ảnh kiếm lời trong mọi thị trường mới, nhất là thị trường đang lên của các nước vừa phát triển, đã đón nhận quyết định bãi bỏ lệnh cấm vận năm ngoái với rất nhiều kỳ vọng. Hơn một năm sau, họ bẽ bàng công nhận rằng thực tế đã không tươi sáng như họ nghĩ. Trong phần kế tiếp, ta sẽ tìm hiểu vì sao, nhưng trước đó, ta cũng cần vài dữ kiện điển hình làm cơ sở thẩm định.

Trong những năm vừa qua, và nhất là từ khi lệnh cấm vận được bãi bỏ, người ta thấy năm sáu quỹ đầu tư được thành hình để vận động vốn từ ngoài và đầu tư vào các cơ hội kinh doanh tại Việt Nam. Cho tới đầu năm nay, có sáu quỹ đã được các tập đoàn tài chánh quảng cáo trong giới có tiền đầu tư, đó là Vietnam Frontier Fund, Beta Vietnam Fund, Vietnam Fund, Templeton Vietnam Opportunities Fund, Emerging Vietnam Fund. Với cái trớn tâm lý của việc giải toả cấm vận, sáu quỹ này đã huy động được 300 triệu để đem vào Việt Nam, một con số thực ra còn quá nhỏ so với nhu cầu và kỳ vọng của người Việt trong nước. Vậy mà chỉ khoảng 15 tới 20 trong số 300 triệu trên mới thực sự được đầu tư vào Việt Nam. Lý do chính là quản trị viên các quỹ này tìm không ra doanh nghiệp đáng đầu tư để có triển vọng sinh lời thỏa đáng và an toàn.

Mới sơ kết, ta đã thấy mâu thuẫn quái gở giữa nạn thiếu vốn đầu tư bên trong với tình trạng bên ngoài có tiền đầu tư mà thiếu cơ hội ở Việt Nam. Mâu thuẫn này khiến ta cần suy lên duyên do của ách tắc và vì sao giới đầu tư quốc tế đã tính chỉ số rủi ro quốc gia rất cao cho Việt Nam.

Tương lai màu hồng bên sau thực tại màu xám

Đứng từ quan điểm của giới đầu tư quốc tế, Việt Nam là một địa điểm có nhiều thuận lợi khách quan không chối cãi. Việt Nam có vị trí kinh tế chiến lược trong vùng Châu Á Thái Bình Dương vốn là vùng có tiềm năng phát triển sung mãn nhất địa cầu trong những thập niên tới. Việt Nam lại có nhiều tài nguyên thiên nhiên, dù không tuyệt đối dồi dào so với dân số nhưng cũng là đáng kể khi đối chiếu với hoàn cảnh của nhiều nước Đông Á khác. Việt Nam còn có nguồn nhân lực khéo tay, cần cù và tháo vát, hiện vẫn còn rẻ so với các nước tân hưng lân cận. Việt Nam cũng đã cố hội nhập vào hệ thống kinh tế Đông Nam Á, nên có hy vọng là một thành viên trong luồng mậu dịch giữa các nước Đông Nam với các nước Đông Bắc Á Châu. Nhìn trong dài hạn, việc hội nhập kinh tế Việt Nam vào hệ thống kinh tế thế giới, nhất là hệ thống sinh động Đông Á, sẽ là động lực mạnh nhất khiến kinh tế tất nhiên phải mở ra ngày một mạnh hơn theo quy luật cạnh tranh của thị trường và sự hạn chế gọi là "theo định hướng xã hội chủ nghĩa" sẽ ngày một suy yếu, dù nhà cầm quyền có muốn trì hoãn hoặc cưỡng lại cũng chưa chắc đã được.

Xét trên cơ sở khách quan này, nước ta có nhiều triển vọng thịnh vượng trong tương lai trung hạn từ năm bảy năm trở lên- nên đáng là một trung tâm thu hút đầu tư đáng kể trong vùng.

Nhưng, trong hiện tại, Việt Nam vẫn là nơi mà việc đầu tư mang nhiều tính chất rủi ro tới mức chỉ thu hút những người muốn đầu cơ, tức là kiếm lời cho nhiều và rút cho nhanh. Một công ty kinh doanh tài chánh Hoa Kỳ đã cẩn thận khuyến cáo khách hàng của họ về tính chất đầu cơ có những rủi ro lớn khi bỏ vốn đầu tư vào Việt Nam. Sự việc đó dĩ nhiên là không có lợi cho một đất nước hiện đang phải chuyển tầm nhìn từ ngắn hạn sang dài hạn và tìm nguồn tài trợ cho những dự án phát triển vốn sẽ chỉ có kết quả trong lâu dài.

Những nguyên nhân chính khiến hiện tại màu xám vẫn ngăn cản người ta vươn tới tương lai màu hồng có thể được liệt kê ra rất nhiều. Cần nói ngay là Nhật Bản cũng có những than phiền tương tự sau khi đã tác động mạnh để Hoa Kỳ bãi bỏ lệnh cấm vận.

Những nguyên nhân của bế tắc

Sau đây là sáu nguyên nhân mà người viết cho rằng có thể đã khiến giới đầu tư, nhất là Hoa Kỳ, phải chùn bước.

Trước hết, mặc dù cơ chế quản lý tập trung đã được bãi bỏ, cơ chế quản lý một nền kinh tế thị trường vẫn chưa được xây dựng hoàn chỉnh. Hệ thống nhân sự quản lý nền kinh tế vẫn chưa có khả năng đúng với những đòi hỏi mới. Lý do cơ bản nhất là guồng máy hành chánh dù đang được cải tiến vẫn quen điều động kinh tế kế hoạch hơn là phối hợp cơ chế thị trường. Vì vậy mà doanh nhân quốc tế phải mất nhiều thời giờ và tiền bạc để vượt qua nhiều trì trệ hành chánh. Nạn tham nhũng, mà nhà cầm quyền trong nước nhiều lần phải than phiền, đã đẩy các khoản phụ phí bất thường lên cao hơn nữa. Với lối tính toán kinh doanh bình thường ít ai dám bước vào đoạn đường chông gai này, trừ phi có sự kiên nhẫn Á Châu, hoặc có ý định và khả năng trục lợi bằng những nghiệp vụ đầu cơ thường thì bất lợi cho xứ sở: chính sự yếu kém về nền tảng luật lệ và khả năng nhân sự của nước ta đã kéo kẻ đầu cơ vào và đẩy nhà đầu tư ra.

Liên hệ tới nhân sự là vấn đề thứ hai, thuộc nền tảng luật lệ. Hạ tầng cơ sở luật pháp và điều lệ kinh doanh của Việt Nam đang ở vào giai đoạn vừa xây vừa sửa trong khi những định chế cần thiết cho sinh hoạt kinh tế thị trường cũng chưa được thiết lập đầy đủ, đặc biệt là những định chế cần thiết cho giới đầu tư như thị trường chứng khoán, cơ chế thông tin tự do về mậu dịch và kinh doanh. Mỗi năm, một số luật lệ có được ban hành thêm hoặc điều chỉnh lại, nhưng thường bị phe lờ hoặc không được áp dụng thống nhất và minh bạch. Doanh nhân quốc tế vốn sẵn sàng chấp nhận mọi luật chơi, miễn là thông báo công khai và áp dụng minh bạch. Căn cứ theo đó họ mới tính toán lời lỗ và quyết định vào hay ra. Họ ngại nhất cảnh mờ mờ nhân ảnh và nạn lệ làng vượt phép vua hoặc những luật lệ bất thành văn, sáng tạo tùy tiện, làm việc kinh doanh của họ bị dẫn vào những bất trắc khó lường mà trung ương nhiều khi cũng bó tay.

Thứ ba, hạ tầng cơ sở vật chất, gồm có năng lượng, giao thông và liên lạc, hiện quá thô sơ hay mục nát nên cũng gây trở ngại cho việc sản xuất, phân phối, bốc rỡ hay cho các dịch vụ thông tin, liên lạc, viễn thông. Hầu hết các nước Đông Nam Á đều gặp sự yếu kém về hạ tầng vật chất, nhưng Việt Nam chiếm kỷ lục thê thảm nhất. Vài thí dụ điển hình là dân số 73 triệu hiện chưa có tới 400 ngàn máy điện thoại, mà việc thiết kế thiếu phối hợp những năm qua còn khiến mạng lưới gồm 12 hệ thống tiếp vận điện thoại lại có nhiều hệ thống không liên lạc được với nhau! Hoặc chỉ 10% đường xá là có trải đá, và 40% coi như bị đã hư hại hay mục nát, nhiều bến cảng bị đọng bùn, nhiều cây cầu bị xuống cấp, có thể sập bất cứ lúc nào... Tình trạng ruỗng nát này dĩ nhiên cản trở việc sản xuất, chế biến và phân phối cho thị trường, từ nội địa ra quốc tế.

Thứ tư, hạ tầng cơ sở xã hội (gồm có những vấn đề y tế, sức khỏe, giáo dục, đào tạo và cả bảo vệ môi sinh) hiện còn quá yếu kém suy nhược. Đây cũng là những trở lực đáng kể cho giới kinh doanh vì ảnh hưởng tới năng suất lao động và giảm bớt lợi thế nhân công rẻ của Việt Nam, hoặc sẽ đòi hỏi những chấn chỉnh tốn kém sau này để bảo vệ môi sinh. Như nhiều nước chậm phát triển khác, Việt Nam có dư thừa nhân công thiếu tay nghề mà lại thiếu người có năng lực chuyên môn cần thiết, nên mất ưu thế tương đối khi được so sánh với các nước có triển vọng đầu tư tương tự. Đây là vấn

đề nghiêm trọng cho tương lai đất nước nhưng lại ít được giới đầu tư Mỹ quan tâm vì đặc tính kinh doanh của họ.

Thứ năm và ngay trước mắt là kích thước quá nhỏ của thị trường Việt Nam. Ngược lại với những hồ hởi ban đầu của truyền thông Mỹ vốn biết nhiều mà hiểu ít và có thiệm cảm tiên thiên với tất cả những gì liên hệ tới nước ta, Việt Nam chưa phải là một thị trường đáng kể. Với dân số gần 73 triệu và lợi tức đồng niên một người lạc quan nhất ở mức 240$, thị trường Việt Nam chỉ là một thị trường nhỏ, bằng 5% thị trường Đại Hàn, 7% thị trường Đài Loan hoặc 15% thị trường Thái Lan. Theo những khảo sát mới nhất về mức sống dân cư, 51% dân số Việt Nam hiện được coi như có mức sống bần cùng, với chi tiêu trung bình quãng 102$ một năm. Thiên hạ muốn bán rất nhiều cho 73 triệu người thiếu thốn mọi thứ, nhưng dân lấy tiền đâu mà trả và nước ta có tiền đâu mà trang bị ?

Sau cùng, và đây là vấn đề thực tế nhất, mặc dù Việt Nam nghèo như vậy, phí tổn điều hành các cơ sở kinh doanh tại Việt Nam lại quá cao so với triển vọng sinh lời của doanh nhân. Tình trạng nhà đất eo hẹp và phòng ốc kinh doanh khan hiếm so với số lượng doanh nhân Đông Á ào ạt tràn vào từ mấy năm nay đã tạo ra nạn đầu cơ dễ hiểu, khiến phí tổn cư trú và văng phản đã leo thang phi mã. Sau khi trái bóng đầu cơ xẹp chút đỉnh tại Saigòn năm kia, đến lượt Hà Nội lại lên cơn sốt. Vì vậy mà doanh nhân quốc tế phải thanh toán những phí tổn điều hành tương đương với giá biểu của các trung tâm kinh doanh đang lên như Jakarta hay Kuala Lumpur, gần bằng Đài Loan hay Singapore. Cộng vào phí tổn quá cao đó, người ta còn phải tính thêm nhiều phụ phí bất thường, trong những điều kiện về phẩm chất dĩ nhiên chưa bằng các xứ lân cận.

Tổng kết về những vấn đề xa gần, thế giới quả là đang có nhiều thiện cảm với Việt Nam mà họ coi là một vùng đất gánh nhiều tai ương cần được giúp đỡ. Vì mối thiện cảm trên, ai ai cũng rộng lượng nhìn vào khía cạnh tích cực và sẵn sàng thông cảm với những dọ dẫm hay sai lầm của Việt Nam, nhất là khi họ đã chứng kiến những xoay trở vất vả hơn của các nước trong khối Xô Viết cũ. Cũng vì vậy mà nếu đầu tư quốc tế có bị ách tắc, Việt Nam nên tự xét lấy trách nhiệm của mình trước đã.

Thế giới hiện cũng đang qua những thay đổi lớn, và các cơ hội đầu tư thực ra không thiếu. Vì vậy các nước từ Đông Âu sang Trung Đông, Nam Phi sang Nam Mỹ hay Nam Á đều cạnh tranh kịch liệt để thu hút đầu tư quốc tế. Muốn vận động tiền thiên hạ để giải quyết việc phát triển của mình, người ta không thể chủ quan tưởng mình là miếng mồi duy nhất béo bở cho giới đầu tư và cứ duy trì hiện trạng mà không cải tổ triệt để hơn, nhất là về luật lệ và nhân sự.

Tổng kết về vai trò kinh doanh của Hoa Kỳ

Khi đã nói tới thiên hạ, ta cũng cần khép lại vòng luẩn quẩn và tổng kết về tiềm năng của Hoa Kỳ để giải tỏa một số thiên kiến hay ngộ nhận từ cả hai phía.

Đã đành rằng họ đang có cảm tưởng như mình là trâu chậm uống nước đục vì hiện chỉ ở hàng thứ tám sau nhiều nước Đông Nam Á hay Âu Úc trong quan hệ đầu tư vào Việt Nam, nhưng Hoa Kỳ vẫn còn tiềm lực của một siêu cường kinh tế. Những tổ hợp kinh doanh lớn vẫn có nội lực tài chánh để nghĩ tới những đại công tác có doanh lợi trong lâu dài. Nhưng, con số này không nhiều và đặc tính đầu tư thâm dụng tư bản cùng kỹ thuật của họ còn đi ngược nhu cầu thâm dụng nhân công và phát triển từ nông thôn lên của nước ta, khiến Việt Nam cần đánh giá lại cho chính xác sức đóng góp của họ. Đây cũng là một vấn đề cần nhìn từ cả hai giác độ Việt Mỹ.

Thứ nhất, Hoa Kỳ không còn thực lực siêu đẳng như đã từng có vào mấy thập niên trước: sức mạnh kinh tế của họ từ 40% của toàn cầu nay chỉ còn khoảng 20% và họ còn phải trang trải những nhu cầu nội bộ khá tốn kém. Cho nên việc tính toán về viện trợ hay kinh doanh của họ sẽ không hào phóng như nhiều người trong nước vẫn trông đợi. Họ không là nước cấp viện lớn nhất cho Việt Nam và không thể có ảnh hưởng như từng có trong quá khứ. Trông chờ phép lạ viện trợ hoặc e sợ sự khuynh đảo của họ đều là phản ứng thái quá và không chính xác.

Thứ hai, doanh giới Hoa Kỳ cần thấy rằng Việt Nam ngày nay không phải là Việt Nam Cộng Hoà mà họ đã biết trước đây. Môi trường kinh doanh và tác động này đã có thay đổi mà nhiều người Mỹ, kể cả trong doanh giới, vẫn chưa nhìn ra. Họ sẽ còn gặp nhiều bẽ bàng khi gặp một cơ chế quản lý nửa thị trường nửa kế hoạch, với sự phối hợp lỏng chặt thất thường và bất nhất. Trong môi trường mới này, các nhà đầu tư Đông Á (Nhật Bản, Đài Loan, Đại Hàn, Hong Kong và Singapore) không chỉ nắm

Đọc và giới thiệu
THẾ KỶ 21

(mẫu phiếu mua báo dài hạn và tặng báo có in nơi trang.2).
Liên lạc:
Cô Phan Mỹ Sương
11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92640 USA
(714) 638-9510

vững thực tế chính xác hơn họ, hoặc có quan hệ chặt chẽ và lâu đời hơn họ với các viên chức có quyền. Giới đầu tư Đông Á còn có nhiều phương tiện hơn vì có dữ trữ ngoại tệ lớn mà Hoa Kỳ lại bị khiếm hụt nặng. Họ cũng thuộc những nước đồng văn với Việt Nam nên có ưu thế hiển nhiên mà lắm người Mỹ chưa nhận ra.

Thứ ba, khác với mô thức kinh doanh Đông Á vốn chú trọng tới việc bành trướng thị trường hơn là tô suất lợi nhuận và theo đuổi mục tiêu bám trụ lâu dài hơn là lợi nhuận trước mắt, doanh nhân Hoa Kỳ thường có cái nhìn đoản kỳ và không muốn nghĩ tới việc đầu tư tốn kém trước mắt mà chỉ có lợi trong dài hạn, nhất là đầu tư vào hạ tầng cơ sở xã hội.

Thứ tư, trong việc phát triển đầu tư, doanh nghiệp Đông Á còn được sự phối hợp và yểm trợ của chính quyền, doanh nghiệp Hoa Kỳ thì không muốn có những phối hợp như vậy. Do đó mà về dài ảnh hưởng của họ trong xã hội Việt Nam không thể lấn át ảnh hưởng các nước Đông Á, nhất là ảnh hưởng của Nhật Bản và của vòng khuyên kinh tế Trung Hoa gồm cả Trung Quốc lẫn hơn 50 triệu Hoa kiều tại Đài Loan, Hong Kong, Singapore, Thái Lan, Nam Dương... Nếu có e sợ chủ quyền kinh tế bị lọt ra khỏi tay người Việt, ta nên e sợ những láng giềng đồng văn ở gần hơn cường quốc ở xa. Đây là ta không nói về những vấn đề chiến lược không thuộc phạm vi bài viết.

Sau cùng, và nhìn từ quan điểm Hoa Kỳ, nếu muốn bảo đảm một vị trí quan trọng tại Việt Nam vì nhu cầu kinh doanh hay quyền lợi chiến lược, họ phải nhắm vào những mục tiêu trường kỳ hơn và quan tâm nhiều hơn tới việc hỗ trợ Việt Nam xây dựng một cơ chế kinh tế thị trường đích thực, một đội ngũ nhân sự có khả năng và một xã hội cởi mở trong ổn định, nơi quyền tư doanh phải đi đôi cùng những quyền căn bản khác của người dân.

Những tranh chấp kinh doanh và luật pháp gần đây của Mỹ sau hai mươi năm bắt tay và đầu tư vào Trung Quốc có thể là những bài học quý báu cho họ tại Việt Nam. Việc đầu tư hoặc viện trợ, cả tài chánh lẫn kỹ thuật, sẽ phải có những chủ đích rõ rệt hơn về các mặt giáo dục, quản trị và cải tổ nền tảng luật lệ thì doanh nghiệp Mỹ mới có môi trường làm ăn thuận lợi về dài.

Nếu không có một chánh sách chủ động như vậy, có khi Hoa Kỳ sẽ lại gặp một vụ Mễ Tây Cơ thứ hai, và kéo theo nhiều xáo trộn cho Việt Nam. Hai mươi năm sau 1975, Hoa Kỳ đang trở lại Việt Nam với những mục tiêu có thể đã khác. Mong là họ sẽ không lại gây ra những ê chề cho người Việt và cho chính họ. Và mong là người mình sẽ nhìn Hoa Kỳ với sự bình tĩnh sáng suốt, không ảo tưởng mà cũng chẳng sợ sệt.■

CÂU CHUYỆN CỦA LÁ PHONG

Tập truyện *Trần Mộng Tú*
Bìa *Khánh Trường*
Tựa *Nguyễn Xuân Hoàng*
Bạt *Nguyễn Mộng Giác*

200 trang
Giá $10.00

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

Để kỷ niệm ngày bội phản 30 tháng Tư

CỘNG SẢN MỚI ĐỔI TỐ KHỔ CỘNG SẢN ĐỔI MỚI

LÂM LỄ TRINH

"*Viet Nam is a country, not a war*", Lê Văn Bằng hồ hởi tuyên bố như vậy với báo giới Mỹ khi mở Phòng liên lạc tại Hoa Thịnh Đốn sau Tết Ất Hợi, chủ tâm là nhắc nhở dư luận Hoa Kỳ nên quên quá khứ để giúp đỡ Cộng sản Việt Nam. Bằng đã không nói y mượn câu này của tài phiệt Mỹ Eugene Matthews được ký giả Mike Shapiro của báo The New York Times phỏng vấn trong bài "A pioneer financier" (NYT số ngày 28.8.94) về công việc làm ăn của đương sự tại Việt Nam.

Mặt khác, nơi buổi Hội thảo tại đại học Columbia, New York, đầu tháng Ba vừa qua, Lê Văn Bằng còn tiết lộ, năm 1985 CSVN phải áp dụng kế hoạch Đổi Mới để tránh sụp đổ vì đang kiệt quệ. Thật ra, thế giới đã biết rõ sự kiện này từ lâu.

Ngày 30 tháng Tư sắp đến, chính quyền Hà Nội và Việt kiều hải ngoại, mỗi bên với lý do khác nhau, sẽ rầm rộ tổ chức kỷ niệm 20 năm ngày miền Nam bị Bắc Việt, Mỹ, Tàu và Nga bức tử. Trong khi đó tại Việt Nam, phe chủ trương canh tân - hãy tạm gọi họ là Cộng sản Mới Đổi - đồng loạt lên tiếng đả kích những sai lầm về chính trị, kinh tế và xã hội của chính sách Đổi Mới được nhóm giáo điều đang cầm quyền chủ trương.

Cộng Sản Mới Đổi tố Cộng Sản Đổi Mới

1. Về chính trị

Dân chúng đặc biệt chú ý đến sự tái xuất, sau nhiều năm im lặng, của **Trần Văn Giàu**, một hung thần CS của thập niên 40, nay 84 tuổi, sanh tại Tân An, đã từng giữ chức Bí thư xứ ủy và chủ tịch Ủy ban Hành chính Nam Bộ. Trong giai đoạn này, với sự trợ giúp của Nguyễn Văn Trấn và tướng độc nhãn Nguyễn Bình, Giàu đã sát hại không gớm tay nhiều nhà ái quốc miền Nam thuộc các tổ chức quốc gia và Đệ tứ quốc tế (đọc "Từ thực dân đến Cộng sản" của Hoàng Văn Chí, nxb Chân Trời Mới, 1965).

Giàu tự phụ có trình độ cao hơn các xếp xòng CS khác vì Giàu theo học tại trường Chasseloup Laubat, du học tại Pháp năm 1926 và được CS Pháp huấn luyện theo chủ thuyết Đệ tam quốc tế. Giàu cũng tự xem như một lý thuyết gia có hạng. Y từng kình chống Hồ Chí Minh về lý thuyết, vì thế bị thất sũng. Tuy nhiên Giàu đủ khôn ngoan để ẩn né khi cần thiết nên mới còn sống sót đến nay.

Ngày 2.3.95, báo Thời Luận, Los Angeles, in lại bản tham luận ký tên "GS Trần Văn Giàu" nhan đề "Những yếu tố nào trong văn hóa Văn Lang đã cứu nước này khỏi bị đồng hóa sau hơn một ngàn năm Bắc thuộc?" được số báo Xuân Công An Thành Hồ phổ biến ở trang đầu.

Trong tài liệu này, từ hướng giáo điều bảo thủ và tuyệt đối tin tưởng nơi chủ thuyết Mác Lê bách chiến bách thắng, Giàu đã xoay chiều 180 độ để cổ võ cho văn hóa dân tộc và tố cáo các lãnh tụ đương quyền tại Hà Nội vong bổn và vọng ngoại vì đang đưa xứ sở vào vòng lệ thuộc của Trung Quốc để bảo vệ đặc quyền đặc lợi.

Nay đọc Trần Văn Giàu, một kiện tướng của chủ nghĩa vô thiên vô pháp, kêu gọi với sự hăng say của một tân tòng phải trở về nguồn để rút bài học cứu nước từ thời Văn Lang - Hùng Vương quả là một điều bất ngờ lý thú. Giàu nêu ra năm điểm chính yếu "kết thành hệ thống trong truyền thuyết Văn Lang": a) Nghĩa đồng bào (Giàu nhắc sự tích "Âu Cơ sinh trăm trứng"), b) Hợp nhất để lập quốc (chuyện 15 bộ lạc anh em), c) Vì nước quên mình (truyện... Thánh Gióng), d) Trừ bạo an dân (tượng trưng bởi vụ Lạc Long Quân diệt Thủy Tinh, Hỏ Tinh, Mộc Tinh, và e) Đạo thờ tổ tiên và anh hùng dân tộc. Nơi khoản này, không thấy Giàu liệt kê... Các Mác, Lê Nin, Staline và Giàu - tất nhiên - quên cả Hồ, trong hàng ngũ các vĩ nhân.

Để kết thúc bài tham luận trên đây, Giàu "hăng tiết" so sánh nước Việt Nam với... Tôn Hành Giả trong Tây Du Ký bị Phật tổ phạt đè 500 năm dưới Ngũ Hành Sơn vì đại náo thiên đình nhưng vẫn sống sót nhờ linh đơn của Thái Thượng Lão Quân và sau cùng được Bồ Tát Quan Âm giải thoát. Văn hóa là linh dược (Giàu quả quyết) đã cứu Việt Nam khỏi bị Tàu hóa và sẽ giúp xứ ta dư sức "qua cầu" trong

tương lai, chẳng những thế còn có thể "lật đổ Ngũ Hành Sơn".

Phép lạ nào đã biến Giàu sau 40 năm thành một tông đồ của chủ thuyết "Văn hóa là định mệnh" của Đạo trưởng Lý Quang Diệu? Mưu tính chính trị hay khúc quanh... thời trang? Nếu thật sự hối cải hoàn lương thì quả "lão cách mạng" Trần Văn Giàu xứng đáng được thu nhập vào tổ chức Phục Việt cùng lão ký giả Trần Văn Ân. Cụ Ân nghĩ sao?

Trong các năm gần đây, có tin xầm xì Giàu ngầm ủng hộ và cố vấn nhóm Câu lạc bộ kháng chiến của Nguyễn Hộ là người được quần chúng ngưỡng mộ vì dám đối kháng can đảm và lật tẩy Cộng sản Việt Nam trong tài liệu luân lưu "Quan điểm và cuộc sống".

Đồng thời với bài của Giàu, số báo Xuân Công An thành Hồ (do nhóm Mai Chí Thọ và các "đồng chí Nam Bộ" nắm) cũng có đăng bài của Trần Văn Trà và Mai Chí Thọ.

Cách đây trên hai năm, **Trần Văn Trà**, cựu Thượng tướng và cựu Thứ trưởng Quốc Phòng trong mồ ma chính phủ Giải phóng miền Nam, bị chính quyền CS mua chuộc để chống lại hoạt động của Câu lạc bộ Kháng chiến mà trước đó y tham gia tổ chức. Trà được quốc tế để ý khi y cho phát hành sau năm 1975 hồi ký "Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm" (nxb Nhóm Nghiên cứu Việt sử, Houston, 1987) để tố Văn Tiến Dũng và "lính nhà vua Bắc Việt" đoạt công của y trong việc chiếm cứ miền Nam. Sau đó, bất mãn vì bị tướng Trần Văn Quang thay thế trong chức chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Trà nay lên tiếng đòi hỏi phải có "một nhà nước mạnh để... phát triển kinh tế, bài trừ tham nhũng, hối lộ, buôn lậu, điều chỉnh hành chính cồng kềnh, quan liêu, cải tổ ngành tòa án quá yếu, không nghiêm minh v.v..." Trà viết: "Mối lo thứ hai là giáo dục và đào tạo chưa đáp ứng được đòi hỏi của sự phát triển kinh tế trong khi đáng lý phải đi trước một bước." (Bảng liệt kê bất mãn còn dài, chỉ xin tóm tắt).

Trong bài "Trong năm mới, Công an phải làm gì?", **Mai Chí Thọ**, nguyên Ủy viên bộ Chính trị, nguyên bộ trưởng Nội Vụ và là em ruột của Lê Đức Thọ, đả kích nhóm lãnh tụ Hà Nội "kiêu ngạo, thiếu sót, yếu kém, tham ô, theo cơ hội chủ nghĩa, mê tín dị đoan, báo cáo láo v.v..." Thọ bạo mồm như vậy là vì tuy bị loại khỏi quyền bính, Thọ vẫn còn vi cánh trong đảng và nhà nước. Hiện tá túc ở Sài Gòn, Thọ cấu kết với các "đồng chí Nam Bộ" và Nguyễn Văn Linh để chống lại phe cầm quyền mặc dù chính y là một trong những chúa tham nhũng. Thọ phân tích gay gắt: "Quan liêu và tham nhũng là nguy cơ. Cuộc khủng hoảng xã hội chủ nghĩa còn nóng hổi, định hướng xã hội chủ nghĩa chưa rõ ràng... Một trạm kiểm soát mà tiền hối lộ lên tới cả trăm triệu thì tội phạm, hàng hóa loại nào cũng có thể mua được."

Tuần báo Pháp Luật thành Hồ, số Xuân 95, phổ biến bài "Nhà nước pháp quyền xã hội công dân" của "lý thuyết gia" **Trần Bạch Đằng**. Với những lời lẽ nhẹ nhàng hơn, Đằng xác nhận việc xây dựng cái mà CS gọi "Nhà Nước Pháp Quyền" (giai đoạn sơ khai của chế độ pháp trị?) đến nay vẫn còn "những hạn chế, chưa đủ thực tiễn, phải hoàn thiện hơn..." Đằng cho rằng nhân dân và công dân là hai khái niệm khác nhau; mặt khác, "trong sự nghiệp Đổi mới, mục tiêu chiến lược hàng đầu xây dựng Nhà nước pháp quyền phải đi đôi với việc xây dựng xã hội công dân tức là một xã hội bình đẳng về mặt luật pháp giữa mọi công dân sống trong một nước." Điều đáng lưu ý là Đằng nhấn mạnh: "Không thể bỏ qua tư tưởng Hồ Chí Minh: quyền là của dân. Pháp quyền trên hết là quyền của dân, người đẻ ra nhà nước. Tuy nhiên, không thể có chuyện pháp quyền do sự thực hiện quyền của từng người dân riêng rẽ." Lý luận quanh co, quan niệm pháp quyền của Trần Bạch Đằng vẫn còn nặc mùi "chuyên chính nhân dân vô sản" xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ con người với những tự do căn bản chưa là chủ đích tối thượng của luật pháp cộng sản.

2. Về kinh tế Dổi mới chỉ là kế hoch kinh tài để cứu nguy đảng và chế độ. Dân chủ hóa không phải là ưu tư hàng đầu của phe giáo điều Hà Nội, trái lại đã trở nên mối ám ảnh thường xuyên.

CSVN không đào tạo nỗi nhân viên gốc Mạc xít thông hiểu thị trường tự do nên đành phải dùng tạm sau 1975 một số kinh tế gia theo dom0 ăn tàn của thời Nguyễn Văn Thiệu để lại như Nguyễn Xuân Oánh, Nguyễn Văn Hảo, Lê Quang Uyển...

Tháng Hai 1995, **Nguyễn Xuân Oánh** dược Hà Nội cử qua Oslo, Na Uy, để dự một khóa hội thảo về Việt Nam và Oánh đã trình bày tại đây bản tham luận *Việt Nam's Đổi Mới policy - A model of economic management for economies in transition.* Như tiêu đề của bài thuyết trình chỉ rõ, Oánh (ăn cơm chúa, múa tối ngày) phải (miễn cưỡng) đề cao sự thành công (?) của mẫu

(714) 531-0341
Le's Florist Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

cải cách Việt Nam, một mẫu mà Oánh cho là trung dung giữa hai phương thức kinh tế áp dụng hiện nay tại Đông Âu được Oánh mệnh danh một mặt, "Cách trị bệnh chấn động, Big bang or shock therapy" và mặt khác, "Đường lối dò dẫm tuần tự, Gradual approach". Theo Oánh, Việt Nam đã biết tái phối để sử dụng tài nguyên quốc gia vào các lãnh vực lời cao, đồng thời cương quyết giải tư và phấn khích giới lao động sản xuất khá hơn bằng cách tăng quyền lợi vật chất. Oánh còn khoe VN lần hồi quân bình được ngân sách, kiểm soát lạm phát và giá cả thị trường nội bộ mặc dù năm 1992 Nga ngưng viện trợ một tỷ Mỹ kim và miền Bắc Việt Nam bị thiên tai dồn dập. Oánh kết luận CSVN tạo ra được một mẫu điều hành kinh tế chuyển tiếp mới bằng cách phối hợp kinh tế tự do và cơ cấu xã hội chủ nghĩa.

Tài liệu tuyên truyền trên đây chắc hẳn đã được Bắc bộ phủ đồng ý và kiểm duyệt trước. Oánh nghĩ khác trong tâm tư vì trước Tết Ất Hợi, tập san Reader's Digest, số April 94, phổ biến bài phỏng vấn của Fergus M. Bordewich nhan đề "Vietnam conquered by capitalism, VN bị chủ nghĩa tư bản chinh phục" trong đó Oánh (tự xưng là Jack Owen, biệt danh của y khi du học tại Harvard) than dài với ký giả này: "Một ngân hàng đúng lý ra phải được xem như là một đầu máy phát triển, the engine of growth, nhưng tại Việt Nam nó chỉ là một quả tạ vô dụng, a dead weight." Về ảnh hưởng của Hoa Kỳ trong tiến trình dân chủ hóa Việt Nam, Owen Oánh thú nhận thẳng thừng "Power follows the dollar. Wherever the money is, that's where the important decisions will be made. Quyền lực nối gót đồng Mỹ kim. Nơi nào hôi hám có tiền, nơi đó các quyết định hệ trọng sẽ được tiến hành." Miễn phê bình!

Một gương mặt cộng tác không mấy sạch sẽ khác là **Nguyễn Văn Hảo** (nhớ kèm theo hai chữ TS), người gây tai tiếng không đẹp trong vụ đút hối lộ cho bộ trưởng Thương mãi Ron Brown (hiện bị Quốc hội Hoa Kỳ điều tra về một vụ ăn vụng khác) và cũng là nhà khoa bảng miền Nam đã lập công đầu với Hà Nội bằng cách dâng nạp khối vàng của Ngân hàng quốc gia cho CS tháng Tư 1975. Tháng Tư 1994, sau khi thoát khỏi lưới điều tra của cơ quan FBI, Hảo được Lê Quang Uyển trợ giúp cho ra mắt tại Sài Gòn và Hoa Thịnh Đốn Ngân hàng (ma) The Overseas Vietnamese Banking Corporation, OVBC, với số vốn (tưởng tượng) 100 triệu Mỹ kim - trong đó Hảo khai (cuội) có hùn... 25 triệu - để kêu gọi đầu tư vào Việt Nam. Để lòe thiên hạ, Hảo liệt kê vào bản lý lịch résumé của y một lô bằng cấp và trọng trách "tiền tuyến" mà Đệ Nhị Cộng hòa miền Nam đã ngây thơ giao cho y, kể luôn các chức vụ cố vấn cô hồn và vô liêm sĩ: "Dr. Hảo was the only senior official in the Govenment of South Vietnam kept on by the present Socialist Republic as an advisor after their takeover of South Vietnam" (sic). Sự thật thì Hảo đã bị Cộng sản lợi dụng cho ngồi chơi mấy tháng rồi xong cho về vườn không kèn không trống.

Gần đây, Hảo bất mãn đã cho luân lưu tại Mỹ một tài liệu Anh ngữ 10 trang "Vietnam: The unborn dragon, Việt Nam con rồng... còn trong trứng nước" để vừa kể lễ công trạng Lê Lai cứu chúa, vừa đá móc chính phủ Hà Nội. Thói nào tật nấy, Hảo nâng bi sổ sàng Võ Văn Kiệt, người đỡ đầu cho y, và khoe vô ra cửa hậu của Đỗ Mười. Hảo nói có lần Mười đã tâm

tình với y và... "ngó thẳng vào mắt, looking straight into my eyes": "Rethinking of the past experience, we feel that we were so childisd, Nghĩ đến kinh nghiệm dĩ vãng, chúng tôi cảm thấy đã hành động như trẻ con." Hảo còn trâng tráo gọi các công ty Mỹ là "charming princes, hoàng tử trong mộng đẹp" và đốc thúc Cộng sản hãy... thu lại niềm tin của Hoa Kỳ. Hảo kết luận bằng lời van xin TT Clinton hãy "nhân từ độ lượng" đối với xứ VN (cộng sản) hiện khao khát "các giá trị Tây phương."

Luận điệu hạ mình và tự quảng cáo rẻ tiền của Nguyễn Văn Hảo ít nữa cho thấy một sự thực cay đắng: "CSVN mong đợi viện trợ của Mỹ như hạn hán trông mưa rào. Hảo sau hết so sánh không ngượng miệng chính phủ Hà Nội với một phụ nữ đầy khả năng lạc vào giữa một nhóm đàn ông vũ phu nên phải làm việc gấp ba để chứng minh tài của mình, a womam full of capabilities amidst a macho group: she must work three times as hard as the group to prove her talent" (sic)

3. Về xã hội

"Tất cả chúng tôi trong Mặt trận giải phóng miền Nam là nạn nhân của một trò hề, victimes d'une farce", câu kết của Trương Như Tảng trong hồi ký bằng Pháp ngữ "Mémoire d'un Việt Cộng, nxb Flammarion Paris, 1985), là một lời sám hối muộn màng nhưng vẫn vọng lên hằng năm trong tâm trí của nhiều người dân miền Nam khi ngày phản bội 30 tháng Tư trở lại. Và mỗi năm, vào mùa này, báo giới ngoại quốc không quên thông lệ đến phỏng vấn bà nguyên Bộ trưởng Y tế trong cựu chính phủ Giải phóng miền Nam **Dương Quỳnh Hoa** để nghe bà này lải nhải tố khổ các đồng chí trong đảng Cộng sản mà bà đã từ bỏ thẻ đảng viên từ hơn mười năm.

Năm nay bà Hoa, theo luận điệu cũ, tuyên bố với ký giả Kathy Wilhem của Associated Press: "Dân Việt đã hết tin nơi chính phủ... Đảng CS như người thợ học nghề, không điều khiển được tình hình. Họ làm theo ý muốn của họ, đó không phải là ý của dân. Xã hội đổi trụy tận cùng, giàu và nghèo quá cách biệt. Dù đảng có muốn hay không, thay đổi chính trị rồi sẽ đến. Điều quan trọng nhất là tự do báo chí, để mỗi người có thể nói thẳng..." Bà Hoa thường nhắc đi nhắc lại lý tưởng của bà bị CS phản phúc và những cơ hội bị bỏ lỡ. Những lời than oán xuân thu nhị kỳ này của bà được Hà Nội xem như gió thoảng bên tai vì bà Hoa không có hậu thuẫn và xác nhận "không muốn tự tạo hậu thuẫn" cho mình. Bà Hoa không phải là thành phần nguy hiểm cho chế độ. Hơn nữa, "dĩ vãng cách mạng" và lời bà tuyên bố "còn tin nơi chủ nghĩa xã hội" là lý do vì sao Hà Nội để bà ở yên đến nay.

Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ, VOA, trong bản tin tối 11.3.95, có đề cập đến báo *Le Monde*, Paris, phỏng vấn nhạc sĩ phản chiến **Trịnh Công Sơn** trong mục Chân Trời qua ngòi bút của ký giả Jean Claude Pomonti.

Sơn "có công với cách mạng' nhờ những bản nhạc của y ca tụng kháng chiến trước năm 1975 tại miền Nam. Để trả ơn tuyên vận ấy, CSVN đã gởi Sơn "đi thực tế" mút mùa cho đến năm 1979." Đi trồng khoai, trồng sắn tại bãi mìn Cồn Thiên." (lời của Sơn).

Son than phiền: "Hiện nay, có sự buông thả toàn diện trong xã hội Việt. Sự đoạn tuyệt trong mỗi gia đình, kể cả trong gia đình người Cộng sản." Sơn tiếp: "Nhiều con cái gia đình cộng sản nay trở thành triệu phú, tỷ phú. Về các nhà lãnh đạo tại quyền, họ sẽ không bao giờ thay đổi được. Tâm thức của người kháng chiến cũ đang dần dần bị xóa đi."

Khi Pomonti hỏi y hiện sinh sống cách nào và nghĩ sao về Đổi mới và thi ca, Trịnh Công Sơn trả lời với giọng mệt mỏi, chán chường: "Viết lách lang bang, divagations... Một số bài hát phản chiến của tôi còn bị cấm. Khác hơn xưa, thi phú chỉ còn tìm được cảm hứng trong những mối tình tuyệt vọng, amours impossibles... Tha thứ là một đặc tính Việt Nam. Nếu không có sự hiền hòa Việt Nam, la douceur vietnamienne, khó mà hiểu nỗi việc gì đang thay đổi ở Việt Nam... Thương xót (compassion) là một bộ mặt khác của tình yêu."

Trịnh Công Sơn đã diễn tả tâm trạng chán nản buông xuôi của giới văn nghệ sĩ sống với cộng sản.

Kết luận

Cuộc thí nghiệm cộng sản ở Việt Nam đã mở mắt dân tộc Việt, cộng hay không cộng. Xứ sở hiện chơi vơi trong khủng hoảng toàn diện. Bất mãn lúc đầu ngấm ngầm trong quần chúng vì bị kềm hãm nay đã bộc phát trong mọi tầng lớp nhưng vẫn chưa kết tụ được thành khối để bứng gốc cây cổ thụ mục nát cuối cùng của phe Mạc xít tại Việt Nam.

Không một ai muốn đất nước tan nát hơn nữa vì một sự tương sát, tương tàn. CS thấu hiểu được tâm lý này để lợi dụng chia rẽ hàng ngũ chống đối. Bởi thế, cuộc đấu tranh để dân chủ hóa, trì trệ, đôi khi dẫm chân tại chỗ làm cho triển vọng chấn hưng đất nước có vẻ xa vời, chậm trễ.

Chính nghĩa luôn luôn tất thắng. Nhưng phải trả một giá đắt, rất đắt. Tâm huyết chưa đủ. Ưu tư chưa đủ. Quyết tâm chỉ đem lại kết quả nếu những người chống cộng chịu tập trung ý chí và phương tiện để kế hoạch hóa hành động.

Cộng sản chỉ sợ hành động và chỉ rút lui khi chúng ta hành động. Hành động hữu hiệu.■

Ngày 4.4.95
Houston, Texas

VIỆT NAM 20 NĂM SAU: MỨC SỐNG NGƯỜI DÂN

ĐINH X. QUÂN

Cách đây ít lâu, đài BBC có tường trình về mức sống tại Việt Nam, dựa theo một báo cáo của Ngân Hàng Thế Giới (NHTG). Tháng Ba vừa rồi, tại Copenhanguen, Đan Mạch, cũng đã có Hội Nghị LHQ về nạn nghèo trên thế giới. Năm nay, kỷ niệm 20 năm người Việt đi tỵ nạn ở nước ngoài, và cũng là 20 năm chế độ cộng sản ngự trị trên cả nước, chúng ta thử xem lại kết quả của cuộc điều tra thống kê mới nhất về mức sống và tình trạng nghèo kém tại Việt Nam.

Để so sánh mức độ phát triển kinh tế giữa các nước, các chuyên gia dùng chỉ số lợi tức đầu người (GDP/capita). Chỉ số này có nhiều khuyết điểm và nay các chuyên gia dùng chỉ số "mãi lực" hay Purchasing Power Parity (PPP). Chương Trình Phát Triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) và SIDA (Cơ quan viện trợ phát triển Thụy Điển) đã tài trợ một cuộc điều tra về mức sống dân chúng tại VN với sự hỗ trợ kỹ thuật của Ngân Hàng Thế Giới.

Để điều tra mức sống dân chúng, các chuyên gia thường dùng điều tra thống kê về tiêu thụ (consumption surveys) hay điều tra về mức sống (living standard surveys). Kết quả của cuộc điều tra cho thấy hình ảnh "mức sống" một cách khá trung thực của dân chúng tại VN. Trong các cuộc điều tra này, các chuyên viên dùng những món hàng về ăn uống và tiêu thụ để định mức sống kinh tế và trình độ phát triển con người.

Bài này nhằm chia sẻ một số suy tư về vấn đề phát triển tại VN sau 20 năm Cộng Sản chiếm Miền Nam và tám năm "Đổi mới", gồm 2 phần: phần một là tóm lược những điểm chính của cuộc điều tra mới nhất về "Mức sống tại Việt Nam" do Viện Thống kê tại VN thực hiện, và phần hai là một số nhận định cho tương lai.

1. Phân tích điều tra mức sống tại việt nam

1.1 Cách sắp đặt điều tra thống kê về mức sống

Cuộc điều tra mức sống dân chúng công phu và mất một năm để thực hiện [tháng 10/1992-tháng 10/1993] vì phải theo dõi một mẫu thống kê (statistical sample) trong một năm. Các chuyên gia điều tra trên một mẫu gồm hơn 23,000 người trong 4,800 hộ rải rác trên toàn quốc. Kết quả của cuộc điều tra thống kê này cho ta một ý niệm và hình ảnh về mức sống của dân chúng. Cuộc điều tra nhằm vào các thức ăn uống (food) và một số món hàng tiêu thụ (non food) hàng ngày để định mức sống kinh tế của dân chúng.

Để tiện việc phân tích điều tra thống kê, 53 tỉnh [50 tỉnh và ba thành phố] được chia ra làm bảy vùng: 1) Vùng núi miền Bắc gồm 12 tỉnh: Lao Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Thái, Vĩnh Phú, Sơn La, Hòa Bình, Hà Bắc và Quảng Ninh; 2) vùng châu thổ sông Hồng Hà gồm bảy tỉnh, thành: Hà Tây, Hà Nội, Hải Phòng, Hải Hưng, Thái Bình, Ninh Bình và Nam Hà; 3) vùng biển miền Bắc gồm sáu tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên; 4) vùng biển miền Trung gồm bảy tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận; 5) vùng cao nguyên Trung phần gồm ba tỉnh: Gia Lai, Đặc lắc và Lâm Đồng; 6) vùng đông nam gồm năm tỉnh, thành: Sông Bé, Tây Ninh, Sài Gòn, Đồng Nai và Bà Rịa; 7) vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm 11 tỉnh: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Đồng Tháp, An Giang, Kiến Giang, Cần Thơ, Sốc Trăng và Minh Hải.

Mức độ 2,150 calo [chỉ số quốc tế về mức calo tối thiểu mỗi người phải hấp thụ trong một ngày] được dùng làm chuẩn trong việc định mức nghèo nàn. Nếu một người ăn dưới 2150 calo/ngày thì được xem là nghèo vì không đủ dinh dưỡng để sản xuất và tăng trưởng. Việc so sánh giữa các tỉnh tại quốc nội được thể hiện qua việc so sánh các món hàng ăn uống và tiêu thụ qua giá cả địa phương. Việc so so sánh quốc tế [tương đối khó vì phải so sánh cùng một thứ hàng tiêu thụ] được thể hiện qua chỉ số "mãi lực" (PPP).

Các điều tra không thể nào hoàn toàn chính xác nhưng có thể cho người chuyên gia một tình trạng (tendancy) mức sống dân chúng.

1.2 Những kết quả của bản điều tra mức sống

Kết quả cuộc điều tra tiêu thụ cho thấy những con số sau đây:

TIÊU THỤ HÀNG NĂM

theo đầu người và theo vùng
(ngàn đồng VN)

Vùng	Nông thôn	Thành Thị	TB cả nước
Miền núi (Bắc)	936	1415	1007
Châu thổ sông Hồng Hà	1151	2457	1349
Biển miền Bắc	934	1401	974
Biển miền Trung	1239	1951	1457
Cao nguyên Trung Phần	1159		1159
Đông nam	1610	2509	2008
Đồng bằng sông Cửu Long	1300	2453	1506
Trung bình (weighted) cả nước	1189	1741	1373

Mức tiêu thụ trung bình hàng năm của Việt Nam là 1.3 triệu/năm hay là US$ 129/đầu người/năm [Ta nên để ý là mãi lực của 1.3 triệu đồng hơn US$ 129 và việc so sánh là tương đối] và VN còn là một trong những nước nghèo nhất thế giới.

Những con số này cho thấy là vùng Đông Nam gồm năm tỉnh: Sông Bé, Tây Ninh, Sài Gòn, Đồng Nai và Bà Rịa là vùng giầu nhất nước với mức tiêu thụ hai triệu tương đương với US$ 188/đầu người/năm trong khi đó thì vùng nghèo nhất là vùng biển miền Bắc gồm sáu tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên với mức tiêu thụ 0.9 triệu tương đương với US$ 91.5/đầu người/năm. Vậy vùng giàu nghèo cách nhau nhiều khi đến gấp đôi.

Một sự kiện đáng chú ý là sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn. Sự cách biệt trong vùng nghèo hay giầu hay đối với cả nước giữa nông thôn/thành thị là khoảng 32-34%. Hiện nay 80% dân số VN ở vùng nông thôn. Nạn nghèo và thiếu dinh dưỡng ở nông thôn là một vấn đề xã hội quan trọng.

51% dân trong nước là được coi như là nghèo vì không hấp thụ 2150 calo/ngày, mức dinh dưỡng tối thiểu quốc tế một người cần hấp thụ hàng ngày và có mức sống dưới US$ 129/đầu người/năm. Hơn 50% trẻ em dưới năm tuổi đều thiếu dinh dưỡng và việc này sẽ gây nhiều hậu quả không tốt cho việc tăng trưởng của trẻ em tại VN. Con số trung bình toàn quốc này cũng che đậy tình trạng là 57% dân nông thôn không đủ dinh dưỡng trong khi ở vùng thành thị chỉ có 26% thiếu dinh dưỡng. Bản điều tra cho thấy là đa số dân chúng VN còn ở thôn quê và vùng nông thôn vẫn là những vùng nghèo nhất VN.

1.3 Thay đổi lợi tức tại nông thôn

49% các hộ nông dân có lợi tức ngoài các hoạt động nông nghiệp. Một điều tra vào năm 1990 cho thấy là các lợi tức ngoài nông nghiệp là 25%. Như vậy là dân trong các vùng nông thôn có lợi tức ngoài nông nghiệp càng ngày càng tăng và nay chỉ có phân nửa lợi tức của họ là do nông nghiệp.

Đa số (88.7%) dân năm tỉnh chung quanh Sài Gòn, kể cả các vùng như đồng bằng sông Cửu Long, sống nhờ vào các lợi tức ngoài nông nghiệp.

1.4 So sánh mức sống với các nước láng giềng

Bản điều tra cho thấy chỗ đứng của VN trên thế giới về nạn nghèo. VN có 51% dân số chưa

TÌNH TRẠNG NGHÈO

tại VN theo vùng (%)

Vùng	Nông thôn	Thành Thị	TB cả nước
Miền núi (Bắc)	63	34	59
Châu thổ sông Hồng Hà	55	15	49
Biển miền Bắc	74	42	71
Biển miền Trung	54	36	49
Cao nguyên Trung phần	50	-	50
Đông nam	45	17	33
Đồng bằng sông Cửu Long	52	28	48
Trung bình cả nước	57	26	51

đủ 2150 calo/ngày trong khi đó các tỷ lệ đó là 9% ở Trung Quốc, 15% ở Indonesia, 21% tại Phi luật Tân và 16% tại Tháilan. VN còn thua nhiều nước Đông Nam Á.

Để đo độ chênh lệch tiêu thụ giữa nhóm giầu và nghèo trong một xã hội thì các chuyên gia dùng chỉ số GINI [nếu chỉ số Gini thấp thì chênh lệch ít còn chỉ số cao cho thấy là chênh lệch cao, không đồng đều]. Trong việc này thì chỉ số Gini cho VN là 0.36 hay 36% trong khi đó các nước trong vùng là: 33% ở Trung Quốc, 33% ở Indonesia, 41% ở Phi luật Tân, 43% ở Thái Lan và 48% ở Malaysia. Vậy mặc dù VN nghèo, nhưng sự chênh lệch trong tiêu thụ giữa

THỐNG KÊ CĂN BẢN (%)

	1991	1992	1993	1994*	1995**
GDP (%)	6.0	8.7	8.1	8.8*	8-10**
Lạm phát	67.5	17.5	5.2	10.5*	8-10**

Viện Thống kê, UBKHNN

nghèo-giàu không quá đáng, còn khá hơn nhiều nước trong vùng.

Nếu lấy các con số thống kê xã hội khác thì VN có trình độ biết đọc cao: 88%; màng lưới Y tế và chủng ngừa: 97%; tuổi thọ trung bình 62.7 năm, dân có nước uống trong sạch hay có nhà vệ sinh là 50 và 53%, v.v. [Nên chú ý là những con số không nói được về phẩm chất]. Dù sao đi nữa, VN còn hơn nhiều nước trong vùng về vấn đề xã hội. Nhờ các con số này do đó, mặc dù là VN có GDP/đầu người thấp [156/trên 173 nước] nhưng VN đứng hạng 101/173 về "chỉ số phát triển con người", theo bản phúc trình của UNDP năm 1993.

2. Những khó khăn và rút tỉa kinh nghiệm

VN đã cho thi hành các biện pháp "Đổi mới" gồm: (a) việc công nhận kinh tế gia đình trong nông nghiệp và kinh tế nhiều thành phần; (b) thả tự do về mặt giá cả và điều chỉnh tiền tệ (thả nổi hối suất đồng VN); (c) cải tổ hệ thống ngân hàng và cải tổ cách quản trị các công ty quốc doanh; (d) thay đổi luật lệ. Từ năm 1989, VN đã tiến một cách khả quan về kinh tế.

Các con số vĩ mô cho thấy GDP gia tăng 8.8%. Ngược lại nó cũng cho thấy là VN chưa quản trị tốt vì lạm phát có chiều tăng hơn 10%. Nay kết quả điều tra vi mô về mức sống cho thấy là những thành quả vĩ mô cho một số vấn đề xã hội quan trọng cần phải được giải quyết một cách thỏa đáng. Trước hết là sự chênh lệch Nam-Bắc và sau đó là sự chênh lệch nông thôn/thành thị.

Nhiều khó khăn còn ngăn cản việc phát triển nhanh chóng: lạm phát, phát triển về cơ cấu luật lệ, hành chính, giáo dục, v.v. Sự tăng trưởng trong mấy năm nay là do hiện tượng "cởi trói" và có tác động "lò xo". Sau khi lò xo dãn rồi thì cần nhiều thay đổi cơ cấu và đầu tư mới giúp cho lò xo có thể bung tiếp.

Trong vấn đề phát triển còn có vấn đề chênh lệch tăng trưởng giữa các miền nam/bắc và thành thị/nông thôn. Câu hỏi này là một câu hỏi mọi chính phủ của các nước chậm tiến đều phải cố gắng tìm câu trả lời. Câu hỏi là làm sao giảm chênh lệch giữa các miền và giữa nông thôn/thành thị?

2.1 Chênh lệch Nam/Bắc và Nông Thôn/Thành Thị

Trong chương trình phát triển đến năm 2000 của VN, thì chỉ tiêu là nhân gấp hai GDP/đầu người vào năm 2000. Nhưng trong kế hoạch này người ta không thấy phần đầu tư về cơ cấu, nhân sự và về giảm chênh lệch giàu nghèo. Miền Nam có mức tiêu thụ cao hơn miền Bắc. Trong việc tăng trưởng TSLQD/GDP, Sài Gòn mặc dù có 5% dân số toàn quốc, đã đóng góp 1/3 trong việc tăng trưởng GDP toàn quốc [vì dân miền Nam còn chưa quên thói làm ăn theo thị trường và nhờ vào việc đầu tư của ngoại quốc kể cả của các cộng đồng VN tại hải ngoại]. Mức sống các tỉnh miền Nam kể cả Sài Gòn hơn 50% các tỉnh miền bắc kể Hà Nội và gấp hai lần các tỉnh miền bắc nghèo nhất [các tỉnh ven biển miền Bắc].

Đa số dân sống trong vùng nông thôn nhưng mức tăng trưởng hiện nay thì nông thôn tăng trung bình 3%/năm trong khi đó thành thị tăng 13%/năm. Một trong những hậu quả của việc chênh lệch là hiện tượng "chợ người" tại Hà Nội. Đây là một hiện tượng không khác gì việc ta thường thấy tại nam Cali với dân gốc Mễ hay tại Trung Quốc. Đây là hiện tượng nông dân đổ về thành thị tìm việc. Theo các con số chính thức thì vào cuối 1993, di dân đã tăng 200% so với 1992 tại Hà Nội và người ta ước tính là hơn 100,000 nông dân đã đổ về Hà Nội. Muốn giảm chênh lệch, nạn tụt hậu, nông thôn phải đầu tư để phát triển nhanh.

Ngoài ra còn hiện tượng chênh lệch về lương bổng [giữa các nghề và nông thôn /thành thị] mà cuộc điều tra không đề cập. Theo các con số thì lương trung bình tại thành thị là 200,000 đồng/tháng so với 70,000 đồng tại nông thôn. Sau đây là một số lương trung bình tại miền Bắc trong năm 1994.

Kỹ sư cơ khí	150 - 200,000 đ/tháng
Công nhân hầm mỏ, điện	400,000/t
Thợ mộc	250 - 750,000/t
Công nhân dệt	300,000/t
Kỹ sư, kinh tế gia tại các nhà máy	300,000/t
Công nhân hãng Bia, thuốc lá, Bưu điện	500 - 1,000,000/t

Sự chênh lệch lương giữa Nam và Bắc cũng quan trọng. Miền Nam có mức lương từ 1.4 đến hai lần cao hơn miền Bắc. Sự chênh lệch mức lương giữa các nghề khác nhau, một phần do hiện tượng "cung và cầu" nhưng cũng một phần là do chính sách ưu đãi công nhân nhiều hơn nông dân.

Kinh nghiệm thế giới cho thấy là các nước có thể giảm nạn nghèo bằng cách tiếp tục phát triển và đầu tư trong nông nghiệp, mở mang đường xá và nâng giáo dục/đầu tư vào con người. Kinh nghiệm hùng hồn nhất cho việc

giảm nạn nghèo là các chính sách phát triển của Indonesia. Chính phủ Indonesia đã đầu tư rất nhiều vào nông nghiệp và nay Indonesia không những đã tự túc được về lương thực mà tệ trạng nghèo khó đã giảm, còn 13% tổng số dân mà thôi.

VN xuất cảng gạo và trà, cà phê, cao su, hải sản, tiêu, hạt điều, vv. nhưng các sản phẩm này phần nhiều ở miền Nam, ngoại trừ trà. Ngược lại, những hàng nhập cảng chính là phân bón, bông gòn/vải, đường và thép. Những vùng nghèo là những tỉnh ven biển và vùng núi miền Bắc. Vậy muốn giảm chênh lệch nông thôn / thành thị, VN phải có chính sách phát triển đặt nặng phát triển nông nghiệp để giảm nạn nghèo cho các tỉnh nghèo nói riêng và ngoài ra còn phải có chính sách "tái phân phối lợi tức" [redistribution of income] giữa các tỉnh nghèo/giầu hữu hiệu hơn.

2.2 Phát triển nông nghiệp

Trung Quốc đã đi trước VN và đổi mới vào thập niên 70. Hiện nay những cuộc tranh luận mới nhất tại Quốc Hội TQ là tìm những giải pháp hầu giảm chênh lệch nông thôn/thành thị. Hàng triệu nông dân đã đổ về thành thị gây khó khăn cho các tiện nghi công cộng như giáo dục và y tế. Việc này là hậu quả của chính sách phát triển vùng ven biển làm thí nghiệm mà quên các tỉnh phía trong lục địa. TQ đã cố gắng, cùng với chính sách "cởi trói" các tỉnh ven biển, có chính một sách phát triển các công nghiệp nhẹ tại vùng nông thôn để giữ dân. Chính sách này đã làm giảm việc di dân nhưng vì việc tăng trưởng vùng nông thôn thua thành thị và vì tiện nghi của các thành thị cho nên nay TQ vẫn chưa giải bài toán phát triển đồng đều. TQ đi trước VN hơn 15 năm, nhưng chính sách giảm chênh lệch giữa nông thôn và thành thị vẫn chưa được hữu hiệu.

Kinh nghiệm phát triển trên thế giới cho thấy ưu tiên là phát triển và đầu tư cho nông nghiệp. Việc này sẽ giúp giữ dân trong vùng nông thôn đến khi nào mức phát triển công nghiệp vùng thành thị khuếch trương mạnh mẽ và cần thêm nhân công. Đây là trường hợp Đài Loan, Thái Lan, Malaysia v.v. Malaysia có một chính sách phát triển khá tốt vì nền tảng là nông nghiệp. Sau khi phát triển nông nghiệp [cao su, dầu cọ (palm), công nghiệp thực phẩm, v.v.] và nâng mức sống đa số dân chúng, Malaysia mới quay ra đầu tư vào công nghiệp và điện tử. Chính sách này đã cho Malaysia có thì giờ đào tạo nhân sự và sự chênh lệch nông thôn /thành thị không quá cao. Đối với VN thì trong khi 80% dân chúng sống về nông nghiệp và đóng góp 37% vào GDP, VN chỉ đầu tư một khoản rất ít vào nông nghiệp. Đa số các dự án đầu tư nhằm vào hạ tầng cơ sở đường sá và viễn thông. Các chương trình phát triển chưa chú ý đủ đến nông nghiệp. VN còn chưa có đủ tiết kiệm trong nước cho nên phải cần viện trợ QT để đầu tư trong nông nghiệp qua các dự án phát triển để giảm nạn nghèo.

Hiện nay VN chỉ có một số ít dự án cho nông nghiệp. Dự án IFAD cho tỉnh Tuyên Quang [US$ 21 triệu], dự án NHTG về khuyến nông và cây công nghiệp [US$ 96 triệu], dự án NHTG về trùng tu hệ thống thủy nông [US$ 50 triệu còn đang thương thuyết], dự án trồng rừng trên các vùng đồi trọc [US$ 60 triệu còn đang thương thuyết], một dự án AsDB về trùng tu thủy lợi sông Hồng [US$ 60 triệu]. Ngoài ra các dự án khác rất nhỏ và là các nghiên cứu căn bản. Trong tổng số đầu tư, nông nghiệp nhận được 13% cho 80% dân. Trên thực tế, với mức đầu tư hiện nay nhờ viện trợ, mỗi một nông dân được đầu tư thêm US$ 3 cho 5 năm hay là US$ 0.6/người nông dân/năm. Đây là con số rất nhỏ so với đầu tư trong các khu vực khác và cho các thành thị.

Các dự án ít ỏi trong nông nghiệp có nhiều lý do nhưng lý do chính là các bộ trong ngành nông nghiệp [Nông nghiệp, Thủy lợi, Ngư nghiệp, Chăn nuôi, Lâm nghiệp] chưa được tổ chức một cách hữu hiệu, chưa phối hợp, thiếu chuyên viên lo chính sách và lập dự án.

Hiện nay các bộ làm việc và tổ chức theo kiểu xã hội chủ nghĩa, chỉ thi hành các chính sách do UBKHNN và HĐ Bộ Trưởng đưa ra. Họ chăm chú nhiều về các công ty quốc doanh trực thuộc bộ nhiều hơn là lo về phát triển nông nghiệp vì các công ty quốc doanh mang lại lợi tức cho các bộ.

Các bộ chưa có cơ cấu đưa ra chính sách nông nghiệp "phối hợp", chưa đặt nặng đầu tư cho nông nghiệp và có khả năng điều chỉnh chính sách này cho hợp thời và nhanh chóng. Việc phối hợp giữa Bộ Nông nghiệp và kỹ nghệ biến chế, UBKHNN, Bộ Ngư nghiệp, Lâm nghiệp, v.v. và Tài chính chưa nhịp nhàng. Ngoài ra, VN còn thiếu chuyên viên có trình độ kỹ thuật, có ngoại ngữ, có khả năng quản trị và thông hiểu cách làm việc của các cơ quan Viện trợ Quốc tế để có thể làm một số dự án quy mô cho lãnh vực nông lâm ngư nghiệp .

Muốn tránh kinh nghiệm không tốt của Trung Quốc, VN phải tái xác định chính sách phát triển Nông nghiệp. Việc khẳng định ưu tiên cho Nông nghiệp, đầu tư nâng trình độ kỹ thuật và nâng năng suất nông dân sẽ giúp làm giảm độ chênh lệch nông thôn/ thành thị và do đó VN phải tăng đầu tư, cải tiến cơ cấu, nhân sự và chính sách phát triển cho nông nghiệp.

2.3 Tái phối tài nguyên / tổ chức ngân sách

Việc tái phối tài chính giữa các tỉnh giầu nghèo là việc được làm tại mọi quốc gia. Ví dụ Ý với việc tái phối tài nguyên từ các tỉnh miền bắc [giàu] để phát triển cho các tỉnh miền nam,

v.v. do chính sách chính phủ và được thực hiện qua ngân sách. Việc này chưa được thực hiện tốt tại VN vì thiếu tài chính và thiếu cơ chế cho phép thi hành chính sách này một cách hữu hiệu.

Hiện nay VN mới trình một "dự luật ngân sách" cho quốc hội xét. Vì không có tổ chức hành chính/tài chính tốt thì việc tái phối tài nguyên khó khăn, mất nhiều thì giờ và kém hữu hiệu. Các kỹ thuật quản trị, cải tiến, điều chỉnh ngân sách, v.v. là những kỹ thuật phải hội nhập gấp trong tiến trình ngân sách cũng như việc thay đổi các cơ cấu để có thể tái phối lợi tức giữa các tỉnh và giảm chênh lệch giữa tỉnh nghèo và giầu một cách hữu hiệu.

Việc này đòi hỏi phải thay đổi một cách cấp bách cơ cấu tài chính và luật ngân sách/ tài chính và cần có nhiều sự hỗ trợ từ phía ngoài (IMF, SIDA, vv.). VN đang thực hiện việc này. Nó cũng phải đi song song với việc huấn luyện nhân sự để có thể thi hành các thủ tục và cách thức làm việc mới. Vì thiếu nhân sự có trình độ và khả năng chuyên môn trong các lĩnh vực mới này, Bộ tài chính, Ủy Ban tổ chức Nhà Nước, các chính quyền địa phương v.v. sẽ cần nhiều cố vấn kỹ thuật để tăng việc hấp thụ kỹ thuật.

2.4 Thay cơ cấu/nhân sự để tăng hấp thụ viện trợ

Muốn nâng mức sống dân chúng thì cần sửa đổi chính sách phát triển, cách thương thuyết và sử dụng viện trợ quốc tế. Trong quá khứ, chính sách phát triển theo kiểu XHCN đã ít chú ý và "bóc lột" nông nghiệp để đầu tư xây dựng công nghiệp nặng. Nay VN chưa sửa lại "bất công" trước đây trong thời kỳ kinh tế XHCN mà chỉ "cởi trói" cho nông dân làm ăn để có thể xuất cảng gạo làm mang lại ngoại tệ cho cán cân chi phó. VN chưa sử dụng khôn khéo các tài nguyên nội địa qua các chính sách thuế và chính sách viện trợ hầu đầu tư cho nông nghiệp và nâng mức sống của đa số dân chúng. Với chính sách sử dụng khéo léo viện trợ, VN sẽ có thêm nhiều tài nguyên để tái phối vào các tỉnh nghèo hầu tránh việc tụt hậu của nông thôn. Việc tái phối tài nguyên sẽ đòi hỏi nhiều thời gian vì sẽ còn dính vào nhiều ngành [nông nghiệp, cầu đường, y tế, giáo dục, xã hội, vv.].

Tại Paris, vào cuối 1993, VN đã được hứa US$ 1.8 tỷ và và trong 1994 chỉ sử dụng được 25% số tiền này. UBĐTPT, cơ quan chấp thuận đầu tư ngoại quốc đã chấp thuận kể đến cuối 1994 là US$ 10.2 tỷ. Đầu tư thực sự mới được US$ 3.5 tỷ nghĩa là 1/3 tổng số đầu tư hứa. Mức hấp thụ của VN như vậy là còn thấp.

Việc này cho thấy là VN tạm đủ vốn tư và công để đầu tư phát triển. Nhưng không những cần vốn đầu tư, cần viện trợ bằng "tiền" mà VN còn cần "chất xám", cần "know how" để có những chính sách phát triển tốt để tổ chức và vận dụng các số tiền đầu tư và viện trợ ngoại quốc được hứa một cách nhanh chóng. Đi sau TQ, VN sẽ phải rút tỉa kinh nghiệm để tránh các hậu quả xấu của việc phát triển "hỗn loạn" nghĩa là sự chênh lệch nông thôn/ thành thị, phân chia không đồng đều lợi tức và khó khăn xã hội do nạn tham nhũng, bất công, v.v các vấn đề mà TQ đang gặp phải trong tiến trình canh tân và "đổi mới" của họ.

Nói về nhân sự thì 20 năm sau, cộng đồng VN tại Hoa kỳ và các nơi khác trên thế giới đã trở thành một sức mạnh kinh tế. Dựa trên các con số của Census 1990 tại Mỹ và dự phóng cho 1994 thì người tỵ nạn tại Mỹ có tổng lợi tức là US$ 16.8 tỷ, tương đương với TSLQD của 72 triệu người trong nước (US$ 15 tỷ). [Việc so sánh là tương đối vì mãi lực tại VN khác hơn mãi lực tại Mỹ]. Nếu biết sử dụng sức mạnh kinh tế này thì có thể làm nhiều chuyện. Điều quan trọng hơn là trong số 1.2 triệu người tỵ nạn tại Mỹ tỷ lệ người có bằng Đại học là 18-20% [Trong khi tỷ lệ đó tại VN là 1%] và cộng đồng có nhiều chuyên gia có trình độ cao trong các ngành họ làm. Vậy cuộc tỵ nạn của người Việt năm 1975 phải coi như là một cuộc "du học" khổng lồ, chưa từng có trong lịch sử. Chưa bao giờ trong bốn ngàn năm văn hiến VN đã có một số "bằng cấp" và "hiểu biết" lớn lao như bây giờ. Cộng đồng tại Mỹ có thể là một "đội ngũ" trong việc chuyển chất xám.

Hiện nay bắt đầu có chuyên gia gốc Việt làm cho các cơ quan phát triển quốc tế tại VN [chính sách của các cơ quan quốc tế là không dùng người gốc bản xứ làm tại VN]. VN cũng bắt đầu hiểu là không có chuyên gia quốc tế nào cố gắng chuyển chất xám, sự hiểu biết và tận tình giúp VN bằng những "chất xám da vàng".

Các cộng đồng VN tại hải ngoại, nếu có hoàn cảnh thuận tiện và có những điều kiện tốt tại quốc nội như "Đổi mới" về nhân quyền, sẽ là những chỗ mà VN có thể mượn "chất xám" [qua các "Think Tank", các chuyên gia, các cuộc trao đổi và huấn luyện giáo sư, v.v] trong việc canh tân và giảm nạn nghèo tại VN. Ngược lại VN cũng phải có những cố gắng và chính sách cụ thể để có thể thu hút những "chất xám" tại hải ngoại này và nâng trình độ phát triển VN.

Kết luận

Theo các kết quả điều tra trên thì 20 sau 1975, Việt Nam vẫn là một nước rất nghèo, mức tiêu thụ thấp, hơn 50% trẻ em dưới năm tuổi thiếu dinh dưỡng và có nguy cơ mắc bệnh "còi". Có sự chênh lệch giàu nghèo giữa hai miền Nam, Bắc, nông thôn và thành thị. Trong tương lai sẽ có khó khăn như Trung Quốc đã mắc phải: việc di dân ồ ạt về thành thị để tìm việc làm, gây khó khăn cho các thành thị.

Kinh tế VN thay đổi nhanh chóng và việc này sẽ gây thêm nhiều chênh lệch, khó khăn xã hội giữa các miền, vùng, các tỉnh, giữa thành thị và nông thôn. Thành công trong mấy năm qua là việc "cởi trói" nhưng đầu tư trong nông nghiệp còn hiếm, chưa theo kịp nhịp độ tăng trưởng cả nước. Kinh nghiệm Trung Quốc cho thấy đây là một vấn đề khó và muốn tránh lỗi lầm này thì VN phải tái xác định chính sách phát triển để chú ý nhiều về Nông nghiệp. Việc tái khẳng định ưu tiên cho nông nghiệp [chỉ là sự sửa sai cho những bất công trong quá khứ] sẽ giúp làm tăng đà phát triển cho các tỉnh nghèo, giảm việc chênh lệch kinh tế thành thị/nông thôn và tránh nạn tụt hậu. Muốn làm việc này phải thay đổi chính sách, cơ cấu và nhân sự.

Sau 20 năm hòa bình, VN vẫn còn là một nước rất nghèo và cũng chưa có gì để tự hào. Xã hội VN, vì "đổi mới" hay lý do khác đã có nhiều thay đổi cơ cấu vì nông dân sống nhờ lợi tức nông nghiệp chỉ có phân nửa mà thôi (51%). VN sẽ bị xét không những trên những con số về lợi tức/đầu người, v.v. mà còn trên những con số về dinh dưỡng trẻ em, việc đối xử với phụ nữ, v.v. nói tóm với mức sống của dân chúng.

Sau tám năm "cởi trói" kinh tế, VN cần tái xác định chính sách phát triển hiện hữu, tìm những giải pháp tinh vi và tốt hơn trong việc *phát triển và nâng mức sống* cho đa số dân chúng một cách mau lẹ. Chính sách đầu tư phải cân bằng nông nghiệp, hạ tầng cơ sở, phát triển khu vực tư và phát triển con người (xã hội, giáo dục, y tế). Trong việc này, VN không những cần vốn đầu tư, cần "tiền" [mà hiện nay có thể coi là tạm đủ] mà còn cần rất nhiều "chất xám", cần "know-how" để có thể sử dụng đầu tư phát triển có kết quả. Trong việc này VN có thể học bài học của Trung Quốc trong việc cải tổ cơ cấu, cải tổ nhân sự và nhờ các cộng đồng hải ngoại giúp.

Ngược lại, sau 20 năm, cộng đồng VN tại Hoa kỳ và các nước khác đã trở thành một sức mạnh kinh tế, nhất là sức mạnh về "hiểu biết/know how" và có kinh nghiệm trong đủ mọi ngành chuyên môn. Hiện nay nhiều chuyên gia gốc Việt làm cho các cơ quan quốc tế và các công ty ngoại quốc trên khắp thế giới, kể cả tại VN [con số tại VN còn rất ít]. VN cũng bắt đầu hiểu là phải có kỹ thuật cao mới phát triển nhanh. VN cũng công nhận là "chất xám da vàng" tốt và có nhiệt tình. Các cộng đồng VN tại hải ngoại, nếu có hoàn cảnh thuận lợi trong tương lai, sẽ chuyển "chất xám" [mà không gặp khó khăn ngoại ngữ]. Việc này sẽ giúp việc thay đổi cơ cấu một cách nhanh chóng hơn.

VN phải có chính sách cụ thể tương xứng [không phải chỉ kêu gào] để thu hút và gây hoàn cảnh tốt cho việc chuyển "chất xám" này chóng đạt nhiều kết quả. ■

Xuân Ất Hợi

DỰ ÁN 20
trân trọng giới thiệu
Đêm Nhạc Hòa Tấu Hợp Xướng
kỷ niệm 20 năm người Việt tha hương

Đêm Ngàn Khơi 1995

A concert of Vietnamese music

8 PM Saturday 9-9-1995
La Mirada Theatre
for the Performing Arts

Liên lạc: Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi (714) 531-2773

LA MIRADA THEATRE tọa lạc tại khu vực gần Beach Blvd và Rosecrans, thành phố LA MIRADA, chỉ cách Little Saigon khoảng 20 phút lái xe — một trong những Trung Tâm Trình Diễn Nghệ Thuật thanh lịch nhất tại Nam Cali. Nhiều danh tài hoặc đại ban đã từng trình diễn tại đây, trong đó có Los Angeles Philharmonic, Vienna Choir Boys, Ballet Folclorico Nacional de Mexico, Cary Grant, Tony Bennet, v.v... Một hí viện thích hợp cho **Đêm Nhạc Hòa Tấu Hợp Xướng** do *Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi* tổ chức.

CHIẾN DỊCH THƯ ĐI TIN LẠI GIỮA NHỮNG KHUÔN MẶT ĐỐI LẬP Ở TRONG NƯỚC

CAM VŨ

Các ông Phan Đình Diệu, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cự hiện nay được xem là những người có quan điểm dị biệt hoặc đối lập với đường lối của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Họ chưa bị vào tù, tuy nhiên, có lẽ chỉ trừ ông Phan Đình Diệu, tất cả vẫn bị cô lập và theo dõi chặt chẽ.

Trong vòng bốn tháng cuối năm vừa qua, đột nhiên có một cuộc thư đi tin lại một cách hào hứng giữa bốn vị nói trên. Khởi đầu là bức thư đề ngày 2 tháng Chín 1994 của ông Hà Sĩ Phu từ Đà Lạt gửi ông Phan Đình Diệu, giáo sư tiến sĩ, ủy viên Đoàn chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, khóa IV. Đại ý lá thư than phiền về việc một người bạn của mình ở Lâm Đồng đã bị công an xét nhà, tịch thu sách vở tài liệu và bắt giam chỉ vì đọc các bài viết của Phan Đình Diệu, Hà Sĩ Phu, cuốn Mặt Thật của Bùi Tín..., cho việc đó là vi phạm đến quyền công dân và ngược lại với những lời tuyên bố có vẻ rộng mở của Tổng bí thư đảng. (Bài này đã được đăng lại trên *Thế Kỷ 21* số 70, tháng Hai 1995). Đây là phát pháo đầu tiên để kéo theo sau đó một loạt thư từ trao đổi chung quanh vấn đề tự do dân chủ cho Việt Nam.

Ngày 15 tháng Mười 1994, ông Phan Đình Diệu gửi thư trả lời ông Hà Sĩ Phu. Bức thư này ngắn độ một trang, trong đó có đoạn:

"Tôi đồng ý với anh là, để đề cao phép nước, và cũng là để bảo vệ quyền hợp pháp của công dân, tránh những vi phạm tùy tiện của một số người lợi dụng danh nghĩa chính quyền, các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cần công bố rõ những sách báo, tài liệu nào bị cấm, đọc chúng là phạm pháp để mọi người đều được biết và thi hành. Những gì không bị cấm một cách rõ ràng bởi luật pháp, thì không thể xem là phạm tội."

Chuyện giữa hai ông Hà Sĩ Phu và Phan Đình Diệu tưởng thế là đã xong, nhưng chưa. Từ Đà Lạt, ngày 26 tháng Mười 1994 ông Bùi Minh Quốc lại viết bức thư ngỏ gửi cho hai ông Phan Đình Diệu và Hà Sĩ Phu. Thư viết dài, nói lên nhiều nỗi niềm tâm huyết về đất nước.

"Nói đến chuyện văn minh hóa, dân chủ hóa đất nước thì có bao nhiêu điều cần nói, nhưng theo tôi, điều tiên quyết là phải chấm dứt ngay việc áp đặt sự lựa chọn ý thức hệ của một bộ phận, một thiểu số lên toàn dân tộc. (...) Ngay cả những người lãnh đạo Đảng, đã mấy ai nắm vững chủ nghĩa của Đảng ..., và hầu như chẳng ai có thể trình bày chủ nghĩa xã hội hình dung tướng mạo nó ra làm sao, vậy mà lại bắt cả dân tộc đổ bao xương máu, tài sản, công sức, mồ hôi nước mắt lao theo nó, thì đó đích thị là hành vi ngu dân đại qui mô, xúc phạm dân tộc một cách ngang ngược, chứ văn minh nỗi gì, dân chủ nỗi gì?"

Sau khi chỉ rõ những thứ như Mặt Trận Tổ Quốc, hoặc những câu hô hào "Đại đoàn kết hòa hợp dân tộc" của đám lãnh tụ Đảng chỉ là những *bánh vẽ*, Bùi Minh Quốc quan niệm rằng dân chủ là cái phải đấu tranh để giành lấy. *"...Công cuộc dân chủ hóa ở Việt Nam ta phải bắt đầu từ việc nhân dân tự mình đoàn kết thành Mặt trận đứng lên đòi người cầm quyền làm những điều họ nói, chưa đòi gì cao xa, hãy trước hết đòi họ trả lại ngay cho dân những quyền công dân đã ghi trong Hiến pháp ... Đây đơn giản chỉ là một cuộc đòi nợ, món nợ mà Đảng cộng sản Việt Nam nợ nhân dân Việt Nam khi cách mạng tháng 8.1945 thành công, mới trả được chút ít trong năm 1946, nhưng rồi hoãn nợ mãi đến nay..."*

Không những không lo trả nợ, Đảng cộng sản lại tạo ra hận thù chất chứa trong lòng dân tộc, mà nay đưa ra chủ trương hòa giải hòa hợp chỉ như khẩu hiệu suông, như một trò xiếc chính trị.

Nhân ý của ông Phan Đình Diệu đề xướng một hình thức "diễn đàn" để trao đổi ý kiến, ông Bùi Minh Quốc đề nghị phải có một cơ quan ngôn luận. *"...Tôi nghĩ NHẤT THIẾT phải có một tờ báo nói lên những tiếng nói khác nhau và khác với tiếng nói của Đảng, đứng ngoài dàn hợp xướng báo chí do Đảng chỉ huy ... Chỉ có sự xuất hiện hợp pháp của một tờ báo như thế tôi mới hơi tin rằng có sự thực tâm 'Vì đoàn kết và hòa hợp dân tộc, nhất thiết phải lắng nghe ý kiến của nhau, để tiếp cận lẽ phải.'"* (Câu cuối trong đoạn vừa trích là của Võ Văn Kiệt).

Hơn một tháng sau khi thư của ông Bùi Minh Quốc được gửi đi, vào ngày 2 tháng Chạp 1994, cũng từ Đà Lạt, ông Tiêu Dao Bảo Cự viết thư cho ông Phan Đình Diệu. Ông Tiêu Dao Bảo Cự đề cao vai trò người trí thức đối với đất nước, và trao đổi với ông Phan Đình Diệu về việc làm sao thực hiện được Diễn Đàn Dân

Chủ như ông Diệu đã đề nghị tại Đại Hội Mặt Trận. *"Đối với nhiều người cầm quyền hiện nay, lời nói không đi đôi với việc làm, thực hiện trái với nghị quyết là việc bình thường nhưng tôi không muốn điều đó lại có thể xảy ra ở Phan Đình Diệu."*

Tuy nói thế, ông Tiêu Dao Bảo Cự không che dấu thái độ bi quan khi nhìn lại lịch sử các loại "Mặt Trận" mà theo ông *đều chỉ là những hình thức tập hợp quần chúng để đấu tranh cho mục tiêu từng thời kỳ của Đảng Cộng Sản Việt Nam.* Ngay trong giai đoạn hiện nay, điều lệ của Mặt Trận đã ghi thêm những điều rất rộng rãi, như là chỗ qui tụ nguyện vọng của các giới đồng bào trong và ngoài nước, ông Tiêu Dao Bảo Cự vẫn nhìn thấy:

"Đây là một nội dung nghe rất kêu nhưng rỗng tuếch. Thực tế hiện nay không có Mặt trận mà chỉ có Ủy ban mặt trận các cấp gồm những người do Đảng lựa chọn ... Nhiệm vụ chính của Mặt trận là tuyên truyền cho đường lối chính sách của Đảng, thực hiện một số việc cụ thể mà các tổ chức đảng, chính quyền không tiện trực tiếp làm như công tác tôn giáo, dân tộc, trí thức, người Hoa, phụ lão ... Đặc biệt Mặt trận có một nhiệm vụ được coi là quan trọng trong các kỳ bầu cử là hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử, một công việc cực kỳ phản dân chủ, xâm phạm trắng trợn và thô bạo quyền tự do ứng cử của người dân ... Ngoài nhiệm vụ bung xung quan trọng và đáng buồn này, những nhiệm vụ to lớn khác của Mặt trận ghi trong điều lệ, chương trình hoạt động chỉ là trò chơi chữ hay nói để mà chơi."

Vì biết quá rõ bản chất của Mặt trận, ông Tiêu Dao Bảo Cự có ý nghi ngờ khả năng hiện thực của những lời tuyên bố của ông Phan Đình Diệu. Tuy nhiên ông vẫn cố gắng hy vọng, với vai trò người trí thức cấp tiến trong giới lãnh đạo Mặt trận, ông Diệu có thể *góp phần chuyển hóa cái giả thành thật, 'lộng giả thành chân', 'biến nghị quyết thành thực tiễn'. Đó là một tác động mạnh mẽ lên quá trình dân chủ hóa, đồng thời cũng là giúp Đảng bớt giả hình, thực sự trở về với nhân dân."*

Đúng 20 ngày sau, vào ngày 22 tháng 12, 1994, từ Hà Nội, ông Phan Đình Diệu viết thư trả lời ông Tiêu Dao Bảo Cự. Một bức thư ngắn, nhã nhặn, có đoạn viết: *"... Tôi đã và tiếp tục nhận tham gia công tác Mặt trận là vì, tuy tôi biết vai trò của Mặt trận còn có nhiều hạn chế, Mặt trận vẫn là một tổ chức và một diễn đàn mà ở đó mình có thể trình bày một cách thẳng thắn những ý kiến đóng góp của mình về các vấn đề của đất nước, có thể trao đổi ý kiến một cách bình đẳng, và có thể đề xuất các kiến nghị cần thiết. Tôi có làm được chút gì theo hướng đó hay không, hay như ông cảnh báo 'nếu không làm được gì, nhất định ông sẽ bị vô hiệu hóa và trở thành 'cây cảnh trang trí', điều đó xin tùy công luận phán xét'."*

Tuy chỉ dưới hình thức các trao đổi cá nhân, các bức thư của bốn nhân vật được coi là đối lập này đã một phần nào tạo nên một loại "diễn đàn" trong khi chưa một diễn đàn nào được chính thức cho phép hoạt động trong nước để dân chúng đóng góp ý kiến xây dựng tự do dân chủ. (Bản sao các bức thư này được chuyền tay trong quần chúng). Điều đáng chú ý là các thư từ ấy chỉ đi về giữa Đà Lạt và Hà Nội. Đà Lạt, thành phố thơ mộng hiền lành ấy đang ấp ủ, nuôi dưỡng những ước mơ to lớn chăng?

Ngoài các bức thư trên, còn một bức thư khác cũng đáng chú ý, nơi gửi vẫn là Đà Lạt, nơi nhận vẫn là Hà Nội. Đó là bức thư của Bùi Minh Quốc viết ngày 18-12-1994 gửi Hội nhà văn, về vụ Hội nhà văn Việt Nam phản đối nhà nước Pháp trong dịp Pháp tặng thưởng huân chương Bắc Đẩu Bội Tinh về Văn học Nghệ thuật cho nhà văn Dương Thu Hương. Bùi Minh Quốc, hội viên Hội nhà văn, cho biết ý kiến của mình, tóm tắt như sau:

1. Nhà văn Dương Thu Hương từ lâu đã ly khai khỏi Hội nhà văn, vậy không có lý do chính đáng để tổng thư ký của Hội là Vũ Tú Nam lên tiếng phản đối vụ này.

2. Với tư cách là người Việt Nam, một đồng nghiệp cầm bút, Bùi Minh Quốc rất vui mừng và hãnh diện trước việc nhà văn Dương Thu Hương được Nhà nước Pháp tặng huân chương Bắc Đẩu Bội Tinh về Văn học Nghệ thuật.

3. *"...Tôi cho rằng với hành vi này, tổng thư ký Vũ Tú Nam cùng ban Chấp hành Hội đã đẩy Hội lâm vào cảnh tự xúc phạm nặng nề tư cách văn hóa của Hội, đồng thời xúc phạm các hội viên (trong đó có tôi) vốn luôn luôn trọng và vui mừng trước mỗi thành tựu của đồng nghiệp mình."*

4. Yêu cầu ban Chấp hành Hội gửi bức thư phản đối nói trên đến tất cả hội viên và đăng công khai trên báo chí.■

Xin mời bạn
gia nhập, bảo trợ, tham dự sinh hoạt

HỘI VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ
(VAALA)

Liên lạc: (hỏi ông Vũ Duy Tự)
(714) 537-8352

SỔ TAY KÝ GIẢ

MCNAMARA, 27 NĂM SAU

Giữa tháng tư năm 1995, cựu tổng trưởng quốc phòng Mỹ Robert S. McNamara lại cho cả nước Mỹ một cơ hội hồi tưởng và bàn luận về cuộc chiến tranh đã kết thúc 20 năm trước. Ông xuất bản cuốn hồi ký "Hồi tưởng: Tấn thảm kịch và những bài học về chiến tranh Việt Nam".

Ông McNamara nhắc lại nhiều lần, trong cuốn sách cũng như khi được phỏng vấn về cuốn sách, rằng việc Mỹ tham dự sâu xa vào cuộc chiến là một sự lầm lẫn - *a mistake*. Ông cũng cho biết, ngay từ tháng Mười Một năm 1961, ông và ngoại trưởng Dean Rusk đã khuyến cáo cố Tổng Thống John F. Kennedy đừng gửi quân chiến đấu sang Việt Nam, sau khi đã viện trợ và đưa qua các cố vấn quân sự. Giữa năm 1963, cả Kennedy và McNamara đều nghĩ rằng cuộc chiến chỉ có thể thắng do sức của người miền Nam Việt Nam. Nhưng sau đó, cả bộ tham mưu và nội các của tổng thống Lyndon Johnson đã quá bận rộn về các vấn đề khác, trong nước Mỹ là chương trình "Đại Xã Hội," bên ngoài là các vấn đề ở Trung Đông, Nam Mỹ, Phi châu và Âu châu, họ không có thời giờ cũng như không có người chuyên môn về Á Đông để thảo luận và quyết định chuyện Việt Nam một cách thấu đáo.

Ngay cả khi McNamara và MacBundy đề nghị Johnson công bố chính thức chính sách oanh tạc nặng và đưa quân thêm sang Việt Nam, Johnson không chịu theo. Vị tổng thống Dân Chủ này không muốn dân chúng, và nhất là quốc hội bị sao lãng và bỏ qua chương trình Đại Xã Hội, một mục tiêu thân thiết của cả cuộc đời chính trị của ông ta. Ông không muốn quốc hội nhìn thấy sắp phải chi tiêu hàng tỷ Mỹ kim cho chiến tranh trong khi ông đang mong các dân biểu và nghị sĩ chuẩn chi những tỷ Mỹ kim khác cho các chương trình xã hội.

Vậy đâu là sự lầm lẫn của thế hệ McNamara?

Theo ông, các cộng sự viên của Johnson mắc hai lầm lẫn lớn. Một là họ hiểu lầm ý đồ của Trung cộng. Họ nghe Trung cộng hô hào chống Mỹ và tưởng rằng Nga và Trung cộng đoàn kết trong mưu đồ làm bá chủ Đông Nam Á. Bây giờ chúng ta đọc hồi ký của bác sĩ riêng của Mao Trạch Đông, Lý Chí Tuy, mới biết từ năm 1956 Mao đã coi Nga mới là kẻ thù chính, Mỹ có thể là đồng minh. Cho đến khi Mao gặp Nixon, năm 1972 Mao còn phải dặn rằng ngày mai báo chí Trung quốc vẫn tiếp tục "đả đảo đế quốc Mỹ" nhưng xin đừng để ý. Người Mỹ vẫn giữ thói quen đọc các thông cáo chính thức rồi cho là đã hiểu ý đồ thật sự của người Á Đông!

Lầm lẫn thứ hai ông McNamara nhắc tới là Mỹ chỉ nhìn thấy Hồ Chí Minh là một người Cộng Sản, mà không thấy phe cộng sản ở Việt Nam đang vận dụng tinh thần ái quốc của người Việt trong cuộc chiến tranh. Mac Namara kể lại chuyện năm 1964 Johnson bảo ông qua Việt Nam: "Bob, tôi muốn thấy một ngàn tấm hình của anh chụp với Nguyễn Khánh, cười và vẫy tay, chứng tỏ cho dân xứ đó thấy là cả nước Mỹ ủng hộ Khánh tới cùng." McNamara

Robert S. McNamara

bây giờ thú nhận rằng người Mỹ càng gây cho dân Việt Nam nhìn Khánh với Mỹ là một thì càng làm cho dân Việt nghĩ Khánh chỉ là người của Mỹ, không phải là người của nhân dân. Lầm lẫn này Mỹ tiếp tục từ thời Ngô Đình Diệm đến thời Nguyễn Văn Thiệu, chỉ vì họ không học lịch sử Á châu. Thập niên 1950, bộ ngoại giao Mỹ không còn các chuyên viên Á châu nữa, vì phong trào "chống cộng mù quáng" thời McCarthy đã đuổi hết đám chuyên viên này về tội "mềm yếu và để mất Trung Hoa vào tay Cộng sản!" Chỉ vì các chuyên viên này đã báo trước Mao sẽ thắng Tưởng.

Chính Johnson cũng không muốn bị mang tiếng là mềm yếu để mất cả miền Đông Nam Á vào tay Trung Cộng, và ông để cho các tướng lãnh ở Ngũ Giác Đài lôi vào quyết định

gửi thêm quân sang Việt Nam, dù các cố vấn của ông đã thấy giải pháp quân sự không có hiệu quả.

Cuộc chiến Việt Nam để lại ba vết thương lớn trong tâm lý người Mỹ. Đây là lần đầu tiên nước Mỹ thất bại khi gửi quân ra tham chiến ở nước ngoài, sức mạnh quân sự không giúp nước Mỹ đóng vai "cảnh sát" của thế giới nữa. Và vì cách chính phủ Mỹ lúc đầu trình bầy về cuộc chiến quá lạc quan, dân chúng Mỹ từ đó không còn tin các nhà lãnh đạo của họ nữa. Và phong trào phản chiến từ những năm 1964 đã chia rẽ dân tộc Mỹ, cả hai phe chủ chiến và phản chiến đều nhân danh tinh thần ái quốc và tinh thần dân chủ, mối chia rẽ này còn lâu mới hàn gắn được.

Đọc hồi ký của McNamara, người Việt Nam sẽ nhận ra rằng khi ông nói ông đã lầm lẫn, lầm lẫn ghê gớm (*terribly wrong*), ông hoàn toàn đứng trên quan điểm quyền lợi của Hoa Kỳ. Ông coi việc tham chiến là lầm lẫn vì nếu Mỹ không tham dự cuộc chiến đó thì nền an ninh của Mỹ cũng chẳng bị ảnh hưởng gì. Nghĩa là dù Cộng sản có chiếm miền Nam Việt Nam sớm hơn, từ 1965, thì thế quân bình quyền lực ở Đông Nam Á ngày hôm nay cũng không khác gì cả! Như vậy thì tham chiến quả là một quyết định sai lầm, vì tốn kém nhiều quá! Ông McNamara cũng tiết lộ, vào mùa thu năm 1967, Trung Ương Tình Báo Mỹ (CIA) đã báo cáo rằng nếu Mỹ rút khỏi Việt Nam ngay thì cũng không có thiệt hại lâu dài nào cho nền an ninh của Mỹ. Theo ông McNamara, Johnson bỏ qua bản báo cáo đó vì bị ảnh hưởng của các tướng lãnh chủ chiến.

Ông McNamara đã khóc khi nói chuyện về cuốn hồi ký này. Ông khóc cho ai? Không biết ông có khóc cho hai triệu người Việt Nam chết thời chiến tranh, cho hàng trăm ngàn quân đội VNCH, đồng minh của Mỹ, chết vì tin rằng Mỹ tới Việt Nam cốt bảo vệ tự do cùng với họ, rồi hàng trăm ngàn người chết trên biển cả khi họ thật sự liều mạng đi tìm tự do; hay ông chỉ khóc cho hơn 50 ngàn gia đình quân nhân Mỹ đã thiệt mạng tại Việt Nam vì sự tính toán sai về lợi hại của các nhà lãnh đạo Mỹ?

Cuộc chiến tranh xẩy ra vì những ý thức hệ đối nghịch hay chỉ vì các tính toán lợi hại dựa trên quyền lợi thực tế của các cường quốc Nga, Trung Cộng và Mỹ?

HAI MƯƠI NĂM SAU NGƯỜI MỸ NHÌN LẠI VIỆT NAM

Khoảng giữa thập niên 1960, khi cuộc chiến tranh Việt Nam bắt đầu leo thang, ở nước Mỹ rất thịnh hành bài hát "Những Bông Hoa Đi Về Đâu?" Những người như Joan Baez, Jane Fonda, vốn là những ngôi sao trong ngành nghệ thuật trình diễn, đã đưa âm hưởng bài hát này đi xa, lên cao, và vào sâu tâm hồn của một lớp người trẻ đang phải đối mặt với cuộc chiến.

Những bông hoa đẹp được các cô gái đẹp hái đi. Những cô gái đẹp đến với các chàng trai. Các chàng trai đi ra chiến trường, và trở về những nghĩa trang, nơi đó sẽ mọc lên những bông hoa đẹp. Cả nhạc lẫn lời của bài hát tạo hình ảnh của một cái vòng khép kín. Đó chính là cuộc chiến mà người Mỹ vẫn gọi là cuộc chiến tranh Việt Nam, một cuộc chiến không có lối thoát.

Hơn 50 ngàn, trong số gần 2 triệu thanh niên Mỹ phục vụ trong chiến tranh Việt Nam, đã nằm xuống ở những nghĩa trang, nhưng không có những bông hoa đẹp mọc lên. Mỗi năm thân nhân, bạn bè, người yêu của họ thường đi đến Bức Tường Đá Đen ở Hoa Thịnh Đốn, để sờ lên một dòng chữ tên họ khắc trên mặt đá.

Hai mươi năm sau khi cuộc chiến chấm dứt, dường như người Mỹ vẫn bàng hoàng, ngơ ngác, không hiểu tại sao họ lại dính vào một cuộc chiến xa xôi và tốn kém đến thế. Không hiểu tại sao mà họ lại thua cuộc. Câu hỏi này vẫn là đề tài của nhiều cuộc nghiên cứu, nhiều buổi hội luận, của hàng chục cuốn sách, hàng trăm bài báo.

Hai mươi năm trôi qua. Một thế hệ người trẻ lớn lên ở Mỹ không dính líu gì đến cuộc chiến đó, lại càng không hiểu gì, nhưng họ chẳng quan tâm.

Những người trong cuộc của hai mươi năm trước, nếu có lên tiếng, đều nói rằng hãy tha thứ, để mở ra kỷ nguyên hợp tác và phát triển. Nhưng dường như không ai quên được những chuyện của hai mươi năm trước.

Từ đầu năm 1995 đến nay, để đánh dấu hai mươi năm cuộc chiến chấm dứt, hay đúng hơn, hai mươi năm người Mỹ chính thức rút chân ra khỏi Việt Nam, đã có hàng chục cuộc hội nghị, hội thảo về đề tài nhìn lại cuộc chiến. Riêng tại miền Nam California, ba viện đại học lớn là Fullerton (gọi tắt là CSUF), Los Angeles (gọi tắt là UCLA), và San Diego (gọi tắt là UCSD), trong tháng Ba và tháng Tư 1995 đã tổ chức hội luận, với sự tham dự của nhiều giáo sư, học giả và chính khách.

Trên thảm xanh, người ta không nói chuyện được thua một trận chiến. Người ta đưa ra những viễn tượng của hợp tác và phát triển, của chuyển giao công nghệ, sao cho một nước Việt Nam với trên 70 triệu miệng ăn có thể nhích lên khỏi những bậc thang thấp nhất của cái thang lợi tức đầu người.

Trên thực tế, nhiều trường đại học Mỹ đã nhận sinh viên Việt Nam du học, nhưng một là số lượng còn ít, hai là thời gian học thường ngắn, nên có lẽ còn lâu Việt Nam mới có được một đội ngũ chuyên viên trung cấp và cao cấp

nắm vững kỹ năng quản trị, điều hành của Mỹ. Hiện tượng mất chất xám ở trong nước Việt Nam cũng được đề cập, nhưng phần lớn các giáo sư đại học Mỹ đều nghĩ rằng nếu chế độ đãi ngộ trí thức và chuyên viên ở trong nước được cải thiện, thì chất xám lại trở về. Họ đưa ra những kinh nghiệm Đài Loan và Đại Hàn, khởi đầu bằng các khu chế xuất. Các khu này mọc lên càng nhiều thì tiến trình chuyển giao công nghệ càng nhanh, và đời sống người dân, ít nhất là ở những vành đai đặc khu sẽ lên cao.

Một chuyên viên kinh tế, làm việc ở Ngân Hàng Thế Giới, nói trong cuộc hội thảo ở Fullerton rằng "Câu trả lời của chúng tôi là có. Câu hỏi của Việt Nam là gì?"

Nhìn chung, xu hướng đi tìm sự hợp tác để phát triển trong hàng ngũ trí thức, chuyên gia Mỹ rất thuận lợi cho phía Việt Nam.

Trong khi đó, về mặt truyền thông, các báo và đài phát thanh, truyền hình Mỹ lại tìm thấy ở con số 20 chẵn chòi, những cơ hội làm tin, phỏng vấn và thu hình. Truyền thông Mỹ, với những tiện nghi kỹ thuật, nhất là các dụng cụ điện tử, có khả năng gây sôi nổi, đánh động dư luận, nhưng thường hời hợt và thiên lệch.

Vùng Quận Cam, miền Nam California vì là nơi tập trung người Việt đông đảo nhất, hiện nay vào khoảng 150,000, nên được truyền thông Mỹ ở nhiều nơi trong nước chú ý. Có những đoàn phóng viên từ New York sang làm phóng sự ở Little Saigon. Có những tòa báo ở Chicago, ở Atlanta cử đặc phái viên đến quận Cam theo dõi các hoạt động của cả người Mỹ lẫn người Việt ở đây.

Hai tờ báo lớn trong vùng là *Los Angeles Times* và *Orange County Register* đua nhau đăng những loạt bài về Việt Nam. Tờ *Los Angeles Times* đi luôn năm ngày một loạt bài về văn hóa Việt Nam ở Mỹ. Được biết đây là kết quả sáu tháng chuẩn bị của một nhóm phóng viên và nhiếp ảnh viên hàng chục người. Tờ *Orange County Register* lại có hai loạt bài chạy song hành trên nhiều số báo liên tiếp, tường trình những sinh hoạt của những gia đình người Việt có một nửa hoặc một phần ở Mỹ, và nửa kia ở Việt Nam. Họ cử nguyên một đoàn phóng viên đi Việt Nam để săn tin, săn hình.

Dĩ nhiên không phải chỉ để phục vụ số độc giả gốc Việt (có lẽ không nhiều lắm) mà các cơ sở truyền thông Mỹ đổ xô đi làm phóng sự ở Việt Nam hay người Việt ở Mỹ.

Chính quần chúng Mỹ tò mò muốn biết cái đất nước xa xôi mà hai mươi năm trước đây lính Mỹ cận kề cái chết, hiện nay ra sao. Họ cũng muốn biết những di dân gốc Việt đã đóng góp được gì cho đất nước Mỹ, hay chỉ là những người ăn bám xã hội. Một số người Mỹ không có một mảy may ý niệm gì về sự khác biệt giữa những người Việt Nam ở hai miền Nam, Bắc. Đối với họ, người Việt nào cũng là "Việt Cộng." Và họ thắc mắc tại sao người Việt đã thắng người Mỹ trong cuộc chiến 20 năm trước đây, nay lại sang Mỹ "tị nạn."

Đây hẳn là kết quả của truyền thông, trong đó gồm cả báo in, truyền thanh, truyền hình, sách vở, của Mỹ, chỉ cho thấy trong chiến tranh Việt Nam giản dị là Mỹ và Việt bắn nhau thôi. Mặc cảm tự tôn, hoặc tinh thần thiên tả của giới truyền thông Mỹ suốt mấy chục năm qua đã làm méo mó bức tranh thực tế vốn đã phức tạp là cuộc chiến ở Việt Nam.

Cũng nhân kỷ niệm 20 năm chấm dứt cuộc chiến, một nhà soạn nhạc người Mỹ, ông Elliot Goldenthan đã soạn hẳn một bản giao hưởng mang tên "Lửa, Nước và Giấy." Bản giao hưởng này sẽ được dàn nhạc lớn Pacific Symphony Orchestra trình tấu vào hai ngày 26 và 27 tháng Tư tới đây tại thính đường lớn nhất quận Cam là *Orange County Performing Arts Center*. Ban Tổ Chức dự trù trong hai ngày sẽ có hơn 6,000 người đến nghe, để cảm nhận hơi nóng của lửa, tức sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh, hơi mát của nước, tức sự xoa dịu, hàn gắn những đổ vỡ do chiến tranh gây ra, và suy niệm về quá khứ, hiện tại, tương lai qua biểu tượng của giấy là sách, là báo, là lịch sử, là truyền thông.

Người Mỹ thường ví von, cần nhìn lại quá khứ để chuẩn bị cho tương lai, giống như ta lái xe thỉnh thoảng nhìn vào kính chiếu hậu, nhưng không phải để đi lui.

(Bài này đã đọc trên đài RFI ngày Chủ Nhật 8/4/1995)

CẢNH CHỢ CHIỀU TẠI HỘI NHÀ VĂN VN

Đại hội của Hội Nhà Văn Việt Nam ở Hà Nộ vào giữa tháng ba đã bầy ra một cảnh chợ chiều. Chợ mới họp mà đã vãn, loãng choãng vì chẳng ai thiết mua bán. Mặt hàng cần mua thì thiếu, mặt hàng ê hề thì chẳng ai thèm mua.

Một câu chuyện ai cũng muốn nghe nhưng không ai được nói đến là chuyện tiền. Ngôi nhà của hội xưa nay dùng làm trại sáng tác ở Quảng Bá gần đây đã đem ra "liên doanh" làm khách sạn. Lời lỗ ra sao, ai chia chác được gì, chuyện này xôn xao trước kỳ hội, nhưng không được mang ra bàn. Vì đã có đảng lãnh đạo, trong kỳ họp các nhà văn đảng viên được lệnh họp riêng nhận huấn thị của các ông Đỗ Mười, Đào Duy Tùng, v.v..

Trước kỳ họp có các bài báo đặt những vấn đề long trọng như quan điểm và định hướng sáng tác, nhưng ở đại hội chẳng ai buồn nhắc tới mấy câu chuyện xa xôi đó. Những chuyện khác được đem ra nói thì chẳng ai thiết nghe, gồm có đến 20 bài thuyết trình. Người ta thích ngồi ngoài hàng hiên hút thuốc lá, uống bia, tán gẫu. Thành ra lúc nào cũng là giờ giải lao.

Kết thúc, đại hội gần 500 người họp chỉ bầu được 5 ủy viên, trong số 15 người dự trù. Con số 15 này được đề ra vì sợ ban chấp hành cũ ít quá không đủ người làm việc! Các nhà văn miền Nam than không có đại diện nào của họ được bầu, nhưng không ai làm ồn ào. Các nhà văn năm nay ngoan hơn 5 năm trước nhiều. Không xẩy ra những vụ Ý Nhi đuổi Lê Đức Thọ, Dương Thu Hương chỉ mặt Nguyễn đình Thi, như đã ghi trong lịch sử kỳ đại hội trước. Nhà văn trở nên ngoan như vậy, hoặc vì đã biết vâng kỷ luật đảng, hoặc vì chẳng còn ai thiết tha muốn ngồi nghe chuyện phản đối nữa, nói ra cũng vô ích. Ai có ý kiến phản đối thì đã biết phận nằm nhà.

Có lẽ cảnh chợ chiều là do tâm trạng chán nản rất phổ biến trong giới văn nghệ và trí thức ở Việt Nam. Lúc bắt đầu được cởi trói, từ 1987, trong giới nhà văn đã sinh ra một lớp người dám đi trệch ra bên lề đường, có người còn lên tiếng phản kháng. Phản kháng mạnh đến như Dương Thu Hương, như Nguyễn Kiến Giang, Nguyễn Hộ là cùng. Mà cũng không tạo nên kết quả nào. Chế độ vẫn ngồi đó, tham nhũng vững hơn và ăn những miếng to hơn, một cách trâng tráo hơn.

Còn nhà văn thì sống không nổi. Một cuốn truyện bán chạy in 1000, 2000 bản. Trước kia có những tập thơ được in 20 ngàn cuốn vì đảng thấy dùng tuyên truyền có lợi, bắt các nơi phải mua. Nay thì ngay cả đảng cũng thấy không cần nịnh hót nữa, vì hót vô ích. Dân chúng đã khôn lắm rồi, và dân cũng cũng thờ ơ với văn nghệ. Từ thời bỏ thói bao cấp đến nay có hàng trăm ngàn "thư viện" đóng cửa, dân không bị bắt buộc đọc sách của đảng nữa. Ai nói dân Việt Nam thích văn chương là nói đùa cho vui! Ở Tiệp hay Hung ga ri mới có chuyện một nhà văn bị bắt thì sinh viên đi biểu tình, Việt Nam làm gì có chuyện đó? Sinh viên thời này có thì giờ đọc thơ văn không?

Nhà văn cũng như nhà trí thức tự cảm thấy họ đứng bên lề sự đổi thay trong xã hội. A dua với nhóm công thần văn nghệ trong Hội nhà văn thì cũng có chút lợi lộc, như "ăn tiệc nhồm nhoàm, đi đó đi đây". Nhưng cứ ngồi nhà mở quán phở (như Nguyễn Huy Thiệp?) cũng không đến nỗi đói. Trong thời kinh tế (nửa) thị trường và chính trị (nửa) mafia thì văn chương không dùng được vào việc gì, cả về kinh tế lẫn chính trị. Rồi ít năm nữa chính cái hội Nhà Văn đó cũng không cần thiết cho chế độ nữa vì việc cai trị cái bao tử có vẻ dễ và chắc hơn cai trị cái đầu. Và Hội cũng chẳng còn cần thiết cho nhà văn nữa vì giá trị cái thẻ đại biểu cũng chỉ có vài triệu đồng.

Như vậy rồi văn chương của chúng ta sẽ đem bỏ đi đâu?

Báo *Tuổi Trẻ* viết một bài bình luận rất buồn và rất đúng sự thật. Văn chương nằm ở trên trang viết của nhà văn, không ở cái hội hè nào cả. Nhà văn làm bổn phận với dân tộc mình bằng cách sáng tác, và sáng tác cho hay. Điều này bao giờ cũng đúng. Nhưng nhà văn viết cho hay rồi ai cho phép xuất bản? Đó lại là một bế tắc khác! Họa may có một ngõ thoát, là các nhà xuất bản ở hải ngoại sẽ ấn hành các tác phẩm không có hy vọng in trong nước. Sau khi Tiêu Dao Bảo Cự, Phùng Quán, Trần Vàng Sao, Vương Hồng Sển đã in sách ở nước ngoài, nhiều nhà văn trong nước đã tìm ra một ngõ thoát. Một số nhà xuất bản ở hải ngoại như Văn Nghệ, Thanh Văn hy sinh in sách gửi từ trong nước ra dù sách in ra bao giờ cũng lỗ vốn. Văn học hải ngoại đã nghèo đói lại còn phải cõng thêm văn học trong nước, điều này sẽ ghi lại trong văn học sử.

Trong thời Đông Âu còn chế độ Cộng Sản, nhà văn Mỹ Philip Roth qua thăm các nhà văn bên đó đã nhận xét:" Bên tôi thì cái gì cũng xuông xẻ, và chả có chuyện gì quan trọng—everything goes and nothing matters. Còn trong hoàn cảnh các anh thì chẳng có gì xuông xẻ nhưng mà chuyện gì cũng hệ trọng—nothing goes and everything matters."

Tình cảnh của các nhà văn Việt Nam bây giờ pha trộn của hai tình trạng trên: Chẳng có gì xuông xẻ, mà cũng chẳng có gì hệ trọng. Xã hội bỏ quên các nhà văn hay ngược lại?■

MỘT THUẦN PHONG MỸ TỤC MỚI

LÊ ĐẠT

LTS. *Nhà văn Lê Đạt nổi tiếng khi tham gia phong trào Nhân Văn Giai Phẩm (1956). Gần đây ông lại xuất hiện sau khi được kết nạp trở lại vào Hội Nhà Văn Việt Nam để hưởng các qui chế trợ cấp. Ông đã xuất bản một tập thơ tình rất đẹp cùng với Dương Tường. Cuốn truyện ngắn mới nhất của ông là* Hèn Đại Nhân *(NXB Phụ Nữ, Hà Nội, 1994) có lối văn ngả mầu châm biếm.*

Bài tham luận đăng sau đây là bài có giá trị nhất trong Đại Hội kỳ 5 của hội Nhà Văn Việt Nam. Theo báo Tuổi Trẻ *ở Sài Gòn thì các bài tham luận khác đều có tính cách vô bổ.*

1. Một thế kỷ sắp kết thúc. Một thế kỷ sắp bắt đầu. Nhiều giá trị đã lỗi thời như một thứ tiền quá đát vô dụng.

Diện mạo của một nền văn học Việt Nam cập nhật giàu tính truyền thống và hiện đại là một chân dung đang hình thành.

Do đó chúng ta cần hợp tác cùng nhau tìm. Quá trình tiến hóa nhân loại xét đến cùng là một quá trình tìm. Quá trình tìm này dựa trên một phương pháp rất nổi tiếng mà khoa học mệnh danh là phương pháp *thử và sai* (essai et erreur).

Không phải vô tình mà các nhà tri thức học dùng thành ngữ *thử và sai* chứ không phải *thử và đúng*, vì đã thử tất nhiên phải chấp nhận sai.

Và văn minh là gì nếu không phải là một chuỗi *thử nghiệm* và *sửa sai* những giả thiết.

Tôi có cảm giác một số nhà lý luận, nhà phê bình văn học của ta còn nhiễm virút sợ sai. Họ ưu tiên một luận điểm được đa số chấp nhận nhưng vô bổ vì bạc màu, hơn một luận điểm có thể thiếu sót nhưng gợi mở nhiều ý mới, nhiều tranh luận bổ ích.

Theo tôi một đề xuất chưa đúng, thiếu sót nhưng *khả sinh, phì nhiêu* còn đáng khích lệ hơn một đề xuất không sai nhưng *vô sinh, cằn cỗi.*

*

Vì tất cả chúng ta cùng tìm, nên trong hoạt động văn học cần khuyến khích một thái độ đối thoại nghiêm nhặt nhưng dung nhận.

Thời kỳ quan liêu bao cấp là thời kỳ chủ yếu của độc thoại. Nó đã trở thành một bệnh mạn tính.

Mấy năm nay, trong không khí cởi mở, ta đã thấy xuất hiện một phong cách đối thoại tương đối tốt. Nhưng rõ ràng chúng ta chưa thể tuyên bố đã hoàn tất chương trình thanh toán bệnh độc thoại.

Nguy hơn nữa, không ít người có thiện chí vẫn còn vô tình đối thoại với thói quen độc thoại.

Độc thoại là tin rằng chỉ mình mới đúng, mới nắm được chân lý nên chủ tâm nhằm bắt bẻ, phủ nhận những ý kiến không lọt tai, buộc bên đối tác phải phục tùng mình, ít chịu lắng nghe, phân tích cân nhắc vô tư những đề xuất bất đồng.

Với người độc thoại, chân lý đã có sẵn và ở phía sau. Thái độ của họ là một thái độ hoài cổ, cửa quyền, đóng kín.

Đối thoại là tin rằng chân lý đang hình thành, sẽ được hoàn chỉnh dù qua sự trao đổi bổ sung của dàn hợp xướng những ý kiến khác nhau.

Với người đối thoại, chân lý là động, là phức hợp, và ở phía trước. Thái độ của họ là một thái độ mở và dung nhận.

Nói thế không có nghĩa là xuê xoa, "huề cả làng". Đối thoại có thể rất gay gắt, nhưng bao giờ cũng diễn ra trong một không khí cởi mở, hợp tác, lắng nghe, thật sự cầu thị.

Đối thoại chính là thuần phong mỹ tục mới của một xã hội hiện đại, văn minh.

Đáng tiếc rằng không ít chúng ta còn ở một khoảng cách khá xa với thuần phong mỹ tục đó.

Liệu Đại hội Hội Nhà văn diễn ra vào năm 1995, năm được Liên Hiệp Quốc coi là Năm của sự dung nhận (Année de la tolérance) đối với toàn thế giới, có thể được coi là một điềm lành không?

2. Theo lý thuyết thông tin: "Hàm lượng một thông tin tỷ lệ nghịch với độ xác suất." Nói một cách khác, hàm lượng một thông tin gắn liền với cái lạ, cái khác, cái bất ngờ của nó.

Nhiều nhà tri thức học cho rằng một trong những bi kịch của con người là không đồng thời với thực tại, nghĩa là con người thường nhìn nhận phán xét thực tại theo một cái nhìn đã cũ, đã lỗi thời; đánh giá cái đổi khác theo thói quen - hay nói một cách khác chữ nghĩa hơn, theo quán tính.

Người khôn ngoan là nhờ có kinh nghiệm. Và có kinh nghiệm là nhờ đã dại dột.

Chúng ta đã mấp mé thế kỷ XXI mà tư duy nhiều khi còn nấn ná ở thế kỷ XIX hay nửa đầu thế kỷ XX.

Tư duy của chúng ta nặng về phân biệt, tách bạch hơn là dị hợp, liên kết.

Truyền thống và hiện đại không phải là hai khái niệm riêng lẻ.

Một nền văn hóa thuần túy truyền thống là một nền văn hóa khăn xếp, áo dài, búi tó, một nền văn hóa bảo tàng.

Một nền văn hóa thuần túy hiện đại là một nền văn hóa chân không đến đất cật không đến trời, một nền văn hóa "tân thời", một nền văn hóa dỏm.

Một nền văn hóa đích thực, sống động bao giờ cũng bao gồm cả hai mặt truyền thống và hiện đại.

Câu ca dao *Ta về ta tắm ao ta, Dầu trong dầu đục ao nhà vẫn hơn* phải được coi là một câu ca dao lỗi thời. Báu gì cái ao đục mà ngụp lặn trong đó cho nó mất vệ sinh!

Phương Tây và phương Đông, không nền văn hóa nào ưu việt hơn nền văn hóa nào, đó là hai nền văn hóa *khác nhau* và *bổ sung cho nhau* của một nhân loại đã vượt qua được tuổi ấu trĩ.

Thuyết bất định và nguyên lý bổ sung của khoa học hiện đại đã thêm cho nhân loại một khái niệm mới: *khái niệm về cái khác*. Nó nhấn mạnh đến tính chất phiến diện, hữu hạn của mọi lý thuyết so với thực tại, hay nói như nhà bác học Prigogin: "Bài học thực sự của nguyên lý bổ sung hiển nhiên là tính chất phong phú của thực tại, nó vượt ra ngoài mọi ngôn ngữ, mọi cấu trúc lôgic, mọi lý giải khái niệm."

Nhuyên lý bổ sung sửa lại thiên hướng "bài dị", "loại trừ" của tư duy cổ điển.

Con người từ nhiều thế kỷ vẫn có thói quen coi mình là "chính", coi cái khác là "ngụy", là "điên rồ".

Nói với một nhà vật lý lượng tử trẻ tuổi, nhà khoa học kiệt xuất Niels Bohr đã có một nhận xét thú vị: "Lý thuyết của anh thật điên rồ, nhưng nó chưa đủ điên rồ để trở thành đúng."

Theo tôi, văn học, nhất là thơ, có nhiệm vụ tối quan trọng là phát hiện và tạo dựng những cái khác giàu thông tin nói trên.

Ta có thể nói nhà thơ và nhà bác học, tính đến cùng, đều nhằm chung một mục đích: tạo ra một cái nhìn khác tiếp cận hiện thực bị che phủ bởi lớp bụi của quán tính.

Muốn làm được việc đó, tài năng không chưa đủ, cần phải có sự dũng cảm của nhân cách.*Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.* Chữ "tâm" của Nguyễn Du theo tôi hiểu chính là *nhân cách*. Phải có một cái "tâm" lớn mới dám chống lại thói quen, nó là một thứ xiềng xích vô hình nhưng vô cùng lợi hại, vì được ngụy trang dưới một mỹ từ: dư luận xã hội.

Chúng ta đã biết "dư luận" trong một xã hội quan liêu bao cấp có một uy lực cưỡng chế đến mức nào.

Tôi e rằng trong một xã hội cởi mở của truyền thông đại chúng và cơ chế thị trường, tính cưỡng chế của nó chỉ thay hình đổi dạng chứ không suy suyển uy lực.

Tần số xuất hiện trên màn ảnh nhỏ và đồng đô la (được coi là tiêu biểu cho dư luận trong thời kỳ mới) đang có nguy cơ trở thành những tiêu chuẩn tối thượng của sáng tạo và nhân cách bị hàng hóa hóa.

Cách đây một thế kỷ khi F. Nietzsche tuyên bố câu nói lẫy lừng "Thượng đế đã chết" hẳn ông không thể nghĩ rằng một trăm năm sau Thượng đế sẽ hồi sinh và lấy tên là *khách hàng!*

Một nền văn nghệ trọc phú của những best-seller, một nền văn minh ảo của thời trang và trình diễn đang đe dọa nhân loại. Một nhà thơ da màu, Eđua Glitxăng, có một câu thơ đáng suy nghĩ:

Con đường nhỏ về già thành con đường lớn

Sung sướng thay những nhà văn nhà thơ không già vì suốt đời dám lựa chọn những con đường nhỏ, ít người đi.

Tôi xin chúc tất cả chúng ta bận tâm đến công việc hơn là chức việc, nó chưa từng bao giờ là hoạt động *chính danh* của văn học. ■

Tìm đọc:

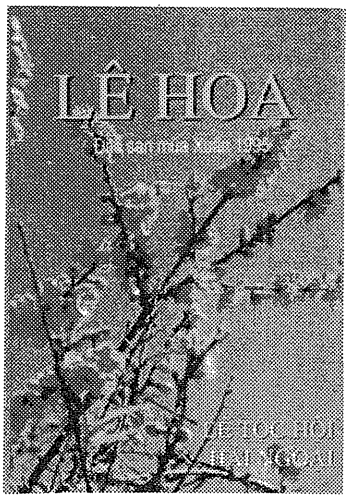

Nhiều bài nghiên cứu, sáng tác, sưu tầm giá trị, do nhiều cây bút thời danh đóng góp.
Liên lạc:
LÊ TỘC HỘI HẢI NGOẠI
10444 Flanders Place, San Diego CA 92126. (619) 586-1867

LỊCH SINH HOẠT NĂM 1995
TẠI ORANGE COUNTY

THÁNG GIÊNG

Thứ Bẩy 7-1: Lúc 10 giờ 30, tại VAALA. Chấm thi ảnh, do Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam miền Nam California, Hội Anh Nghệ Thuật Việt Nam, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, tổ chức.

Thứ Bẩy 28 và **Chủ Nhật 29-1**: Triển lãm ảnh, tại Hội Chợ Xuân THSV.

THÁNG HAI

Thứ Bẩy 4 tới **Thứ Bẩy 25-2**: Triển lãm ảnh, tại VAALA.

Thứ Bẩy 18-2: Lúc 3 giờ chiều, tại VAALA, điêu khắc gia William Snapp nói chuyện.

Chủ Nhật 19-2: Khai mạc triển lãm tượng và phù điêu của Trần Văn Lến.

THÁNG BA

Thứ Sáu 10-3: Lúc 7 giờ tối, tại Titan Pavillion, CSUF, trình diễn văn nghệ, do Hội Sinh Viên Việt Nam đại học Fullerton.

Thứ Sáu 17-3: Lúc 9 giờ sáng, tại CSUF. Khai mạc loạt hội luận về người Việt tị nạn tại Mỹ.

Lúc 11 giờ sáng, khai mạc hội nghị của Hội Kỹ thuật và Khoa học Việt Mỹ (VASPES).

Lúc 1 giờ chiều, khai mạc phòng trưng bày ảnh báo chí về cộng đồng Việt Nam tại quận Cam.

Lúc 5 giờ 30 chiều, khai mạc triển lãm văn hóa Việt Nam tại Viện Bảo tàng Nhân chủng,CSUF.

Thứ Sáu 31-3, lúc 9 giờ sáng, hội luận về "Văn hóa Đông dương và Truyền thông Mỹ," tại CSUF.

Lúc 6 giờ 30 chiều, tại khách sạn Hyatt Regency, Long Beach, "Đêm Văn Hóa," của Dự Án 20.

THÁNG TƯ

Thứ Ba 4-4: Lúc 4 giờ chiều, tại CSUF, hội luận về "Đa văn hóa trong một quận hạt đang đổi thay: truyền thông giữa các nền văn hóa."

Lúc 6 giờ chiều, tại CSUF Art Gallery, triển lãm hội họa Việt Nam đương đại.

Thứ Năm 13-4: Thảo luận sơ khởi về "Nhạc truyền thống Việt Nam" với TS Nguyễn Thuyết Phong.

Thứ Bẩy 15-4: Lúc 3 giờ chiều, tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt, lễ trao giải cuộc thi "Viết Truyện Phim" do Hội Điện Ảnh và Truyền Hình Việt Nam, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, và nhật báo Người Việt tổ chức.

Thứ Bẩy 15-4 đến **5-5**: Triển lãm bỏ túi tại Thư viện đại học UCI.

Thứ Tư 19-4: Lúc 9 giờ sáng, tại CSUF, Hội luận về "Truyền thông Mỹ và Cộng đồng Đông Nam Á."

Lúc 1 giờ chiều, tại CSUF, chiếu phim dương bản "Vượt qua cuộc thảm sát: Đời sống trong trại tị nạn Campuchia."

THÁNG NĂM

Thứ Bẩy 20-5: Triển lãm tranh lụa và tượng đá tại VAALA.

THÁNG SÁU

Thứ Bẩy 3-6: Lúc 3 giờ chiều, tại Trung Tâm Nghệ Thuật Trình Diễn Orange County, dàn nhạc Pacific Symphony Institute trình tấu nhạc Mahler và tổ khúc giao hưởng "1975" của Lê Văn Khoa.

Thứ Bẩy 24-6: Khai mạc triển lãm ảnh của Ngô Thanh Tùng và Dương Như Phụng, tại VAALA.

THÁNG BẨY

Thứ Bẩy 1 tới **4-7**: Đại hội thể thao do THSV Việt Nam miền Nam California tổ chức, tại Santa Ana.

Thứ Bẩy 8-7: Khai mạc triển lãm tranh khắc gỗ dân gian Việt Nam, tại VAALA.

Thứ Bẩy 22-7: Hội diễn "Tù ca" do các cựu tù "cải tạo" sáng tác và trình diễn.

THÁNG CHÍN

Các chương trình phối hợp với UCI-Extension (sẽ thông báo sau).

Thứ Bẩy 9-9: Tại La Mirada Performing Arts Center, chương trình của Ca Đoàn Ngàn Khơi.

THÁNG MƯỜI MỘT

Lễ Bế Mạc Dự Án 20. Phát hành Kỷ Yếu 20 năm người Việt tại Mỹ, do VAALA thực hiện.

(Chương trình có thể thay đổi)

DỰ ÁN 20 ĐƯỢC VAALA YỂM TRỢ HÀNH CHÁNH (ID#330502399).
NGÂN PHIẾU BẢO TRỢ (ĐƯỢC TRỪ THUẾ) XIN ĐỀ TRẢ CHO "VAALA/PROJECT 20"
LIÊN LẠC: 11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640. (714) 537-8352.

THE KY 21

A source for Vietnamese studies

Group in charge of publication:
Do Quy Toan, Do Ngoc Yen, Ha Tuong Cat, Hoang Ngoc Tue, Le Dinh Dieu, Ly Van Chuong, Ngo Manh Thu, Pham Phu Minh, Phan Huy Dat, Tong Hoang and Tran Dai Loc

Publisher, English Section Editor:
Le Dinh Dieu
Editor:
Vuong Huu Bot
(Do Quy Toan)
Assistant Editor:
Pham Phu Minh
Managing Editor:
Nguyen Xuan Hoang

ADVISORS & CONTRIBUTORS:
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Ruth Talovich

THE KY 21
(The 21st Century)
is published monthly, distributed worldwide. Subscription: see form printed on page 2. Send check or money order, inquiries to:
Thế Kỷ 21
11022 ACACIA PKWY #A
GARDEN GROVE
CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510
FAX (714) 638-1944
E-MAIL 75504,3510
Compuserve

ADMINISTRATION
Office Manager:
Vu Duy Tu
Account Executive:
Phan My Suong

ISSN 1056-4640

EXILES IN THE LAND OF THE FREE: VIETNAMESE ARTISTS AND WRITERS IN AMERICA, 1975 TO THE PRESENT

QUI-PHIET TRAN

Schreiner College

The Vietnamese exodus to America and other countries following the fall of Saigon since 1975 has had no parallel in Vietnam's history. Although emigration becomes a repetitive pattern in a country such as Vietnam that has undergone so many social, political, and military upheavals in the past, this most recent experience has been unknown to the Vietnamese. In just thirteen years over two million citizens have left their country and become refugees scattered in most parts of the world. Their escape to a new haven, however, is one of the greatest tragedies that has ever befallen modern man. Many of them did not reach the shores of the free world safely and happily. During their long ordeal they perished on the high seas or were subject to all kinds of humiliation and torture caused by piracy, rape, and starvation. But even their safe arrival in an asylum country does not guarantee that their nightmare will soon be over. The interminable waiting in squalid refugee camps before a third country deigns to pick them up adds to the devastating ordeal they have already undergone so long.

In addition, the refugees' euphoria of being resettled quickly gives way to feelings of uncertainty, fear, and alienation caused by the culture shock, linguistic and cultural differences, role-reversal in the family, and the like that they experience in the new land. These problems coupled with their unwillingness to leave their native country make these émigrés regard their coming to the West as an uprooting, a dismemberment they cannot quickly get over.

A striking characteristic of this exodus is the presence of numerous intellectuals, artists, and writers, many of whom were key figures in the pre-1975 South Vietnamese literary scene. These people and the "new" artists and writers (those who never practiced art and literature at home before) have lent a remarkable "ideological" nature to their flight from Vietnam. It is this large group of artists and writers and their interpretations of their ordeal at home and in the new world that are the focus of this short essay. Spokesmen for the refugees, these men and women provide through their art insights into their fellow people's problems, attitudes, aspirations, and perspectives in the new land.

Flowering of exile Vietnamese literature

Stunned at first by the 1975 political events and their anguish at being suddenly transplanted from their native land, Vietnamese artists and writers soon plunged themselves into numerous cultural and literary activities. For these authors — old and new — the urge of creativity was so compelling that

despise their lack of time (many of them labored in sweatshops for their living), they managed to write and publish a great deal. This 1975 group — so called to distinguish from the second group, the "boat people," who began to come in 1977 — was most active during the years 1975 to 1977. Their writings center on the following themes: nostalgia, guilt, and exile.

Nostalgia. For most artists and writers their paradise was the Vietnam of the pre-1975 era. Laden with innumerable memories because of their country's long history, the Vietnamese tend to identify with the past rather than with the present and the future. The 1975 political events and their sudden exile cut off what is considered to be their lifeblood — the past.

Most Vietnamese exiles, Le Tat Dieu explains, seem to be in a state of somnambulism when in America: "The real world, the American world that they are living in, is as elusive as a dream. The lost world, the one that exists only in their dream, appears immensely real."(1) For the first time, Vietnamese literature, which used to have no room for masochistic themes, seems to give free rein to the treatment of the joy of suffering.

This "maddening remembrance of things past" and the resulting motif of "digging rivers and mountains for human images" (2) can be found not only in literature but also in art. Although modern Vietnamese art is essentially European, (3) Vietnamese artists turn away from American themes and solely preoccupy themselves with the Vietnamese past. More successful because of their emotional appeal are the performing arts, particularly music. In addition to the booming of pre-1975 music, which treats the themes of war, suffering, despair, and alienation, there come into vogue numerous new sentimental songs carrying significant titles such as "Songs of Humiliation," "Songs of Exile," "Regrets of Saigon," etc. If Western music was popular in most Vietnamese shows before 1975, it no longer interests Vietnamese audiences and performers overseas. "Those unfortunate refugees," remarks Le Tat Dieu, "will continue to be obsessed with their past until death." (4)

Guilt. Nostalgia for the past, though poignant, cannot be equated with the guilt most Vietnamese feel for those who stayed. Despite their difficulty in adjusting to life in the new land and their harsh view of America, the refugees who arrived in 1975 consider themselves very lucky compared to their many other relatives, friends, colleagues, and comrades-at-arms whom they envision to be languishing at home.

Since 1975 self-recrimination caused by their anguish at having "betrayed" those who stayed has been a favorite theme in the writings of many exile authors. For some, like the novelist Vo Phien, being exiled means depriving one's life of its meaning because individual destiny is inseparable from national identity. Enjoying for the first time in America "a peaceful springtime," which he never had in his war-torn Vietnam, Vo Phien suddenly perceives "the horrible vacuum of an existence that has no worries and no future" because he has been "struck out from the path of suffering my people are traveling." (5)

While writers like Vo Phien see exile as a complete detachment from national destiny and a cause for unassuageable self-accusation, others still perceive the link between those who left and those who stayed. From their vantage point these authors view their coming to the West as an opportunity for them to speak out on behalf of those who are stranded at home. Apparently to excorcise their guilt, a great part of these authors' works are devoted to the popularization of their heroes who are able to maintain their human values even in the most adverse circumstances.

In one of her well-known exile stories Tran Dieu Hang writes about the friendship between three women, two of whom remain in Vietnam and every day fight against the death instinct but never for a moment forget their exiled friend in the States. In her turn, the latter is no less loyal to them. In addition to appointing her two friends the other mothers of her infant, she tries to immortalize their memories by vowing to pass on their legacy to her child's generation. (6)

By apotheosizing love thus, the young mother's guilt is absolved. Self-recrimination is also deftly spared in the writings of the others who romanticized about their protagonists' exploits in resisting the new regime, elevating them, as it were, to a semi-divine status. (7) By trying to return to "the path of suffering" being traveled by those who did not leave, these authors have identified with their nation's destiny and therefore have sublimated their exile experience.

Exile. Not only are the Vietnamese haunted by the ghosts of the past, they are also confronted with the realities of their new condition. Unlike other immigrants who had come to America before them, the new exiles from Vietnam generally see this haven as a penal colony. The picture of a Vietnamese refugee in exile Vietnamese literature, though complex, is a most depressing one. It is, first of all, that of "a clown" who plays a ridiculous role in "the racial assimilation drama" — "a yellow American with a wan smile and a bleeding heart." It is also that of "a tattered puppet," and even worse, "a new slave." But the pathetic,

Kafkaesque portrait of a Vietnamese exile since 1975 is that of a stranger totally lost and alienated, driven insane by "mountains of grief and agony," and a doomed to eternal penance for making America his home. Thus, ironically, the 1975 evacuation from Saigon is seen as "a brutal uprootedness," "the calculated driving of the Vietnamese to the wasteland." Thus, the refugees' "new life" is interpreted as a banishment, "the wearing away of both body and soul," in brief, "a slow death." (8)

Important factors such as cultural differences, language barriers, and changes in socioeconomic status can account for refugee behavior patterns similar to those described above. As soon as the immigrants become settled in, their frustration about the new country will gradually disappear as has happened to many Vietnamese who used to be very bitter about America. However, this theory does not seem to work for this group of Vietnamese artists and writers, particularly those who had fouhgt in the war, who have lived here since 1975. Their bitterness to the point of hostility to America originates from their feeling of being "betrayed" by their former ally, from their anger of being forced to lay down their arms so soon, from their guilt of leaving their comrades-at-arms behind, and from their impression of being reduced to an insignificant role in their new country.

Interpretations of American values

Vietnamese writers' feeling of isolation is intensified not only by their excessive obsession with their past, their frustration about their "unfinished mission," but also by their dissatisfaction with America's culture which they find incompatible with their own. Exile Vietnamese literature not only reflects this Vietnamese attitude toward America's cultural values, but also provides insightful comparisons between oriental and American minds. Essentially, the following Amrican values are most strongly criticized by Vietnamese writers:

Material civilization. Vietnamese are appalled by American life, which they find too hectic, mechanical, competitive, and insecure as opposed to "the quiet and leisure of the Orient." Because of their addiction to work, Americans, observe Vietnamese writers, do not realize that the Tao of living consists in toiling and enjoying oneself at the same time.

"Both the bird that flies in the sky and the fish that swims in the water hunting for prey and enjoying themselves at the same time. The small fish that flickers about in Chuang-tseu's *Nam-hua chen ching* looks as if he was having fun, but in fact he is at work. The butterfly that is gathering pollen is in fact having a good times" (9). Similarly, in Vietnamese and other oriental societies, work is imbued with poetic beauty because "recreation becomes mingled with labor." Americans, they conclude, are progressive but unfortunate because they are so hard pressed by their materialistic civilization.

Social and moral values. Americans' feverish existence not only prevents them from enjoying leisure, but also deprives them of the opportunity to appreciate the value and benefits of human feelings. Although Americans feel the need for this sort of moral and emotional sustenance to cope with the depression of modern life, they do not often have access to these luxuries in their highly technological society. Because of their reliance on professional institutions to resolve problems of the human heart, Americans, the Vietnamese observe, do not highly value loyal friendship and matrimony, filial piety, and the like, which are primary ideals in oriental societies. Rather, they develop a cult of individualism and privacy, sometimes to the point of isolation.

"Americans," declares Vo Phien, "are easy to be acquainted, but hard to become intimately associated with... They are incapable of loving long because of their shortness of emotions." (10) Despite their warm hospitality shown for the refugees, Americans are found to be cold. "America is cold because it is a great power," comments sarcastically a prominent, pre-1975 woman novelist on the United States and its people. (11)

The Vietnamese do not see the calm appearance of an American's secluded life as a token of an unperturbed solitude beneficial to intellectual pursuits, but as a manifestaion of extreme loneliness because of the lack of friends and beloved ones. Americans are lonely, Vo Phien explains, because they care little for the past and do not want to get entangled in "the web of favors and gratitude, memories and remembrances," (12) which is so important in Vietnamese life.

Interestingly, some writers interpret American's treatment of old age as an attempt to deny the past and its emotional intricacies and provide a nice comparison between the two cultures: "Unlike Orientals who believe that the Golden Age is behind them, Americans are convinced that it hovers in front of them. Why should Americans care for old age when they are concerned only with the future?" (13) But the cult of the future is a paradox because children are practically discriminated against.

In his novel about America, *Dong Cua Tran Gian (Shutting the Doors to the Human World)*, Le Tat Dieu writes about a young widow who has three children and whose boyfriend runs away when she gets pregnant. Because she

cannot afford to let the baby arrive, she resorts to abortion. Still, the family cannot find a place to live because all landlords refuse to accept children. In revenge, her oldest child burns down the houses of those who have turned his family away. The central theme of the novel is obvious: when separating the old from the young, modern American society destroys the link between the past and the future.

As suggested by the novel and other observations by Vietnamese writers, violence is a key aspect of American life. "Looking dignified and composed is the appearance of many Americans. Behind it is all insanity." (14) Shocked by what they see on the television and in real life, the Vietnamese deplore the decline of American ethics and attribute it to the excessive freedom enjoyed by Americans, particularly young people. Stories have been told about many families who had at first refused to leave refugee camps for fear of violence. They and many writers express the wish "to return to our civillized life" where — except for the war, which was seen as "a natural calamity," (15) part of the "Will of Heaven" (16) — everything was so peaceful and safe.

Vietnamese writers' gloomy views of America are not entirely caused by their bitterness about their forced exile but their frustration about irreconcilable dissimilarities between American and Vietnamese cultures as well.

These feelings become acute when they realize they have to adopt America as their other country, accept its institutions, and live up to its norms. The greatest threat that faces most Vietnamese Americans is loneliness, which they are not accustomed to.

Native Americans, Vo Phien writes, are better off than Vietnamese Americans because they are used to being independent and they have their church and their community. Vietnamese Americans are unfortunate because eventually they will be scattered over many parts of the country and "will not be able to find a warm shelter from this cold, windswept society." (17)

This maudlin trend of regretting the past and lamenting the present suddenly gives way to an outburst of wrath and agony manifested in the writings of the boat people who began to arrive in 1977.

Unlike those who came in 1975, this group claims to leave Vietnam with a clear ideological purpose — to seek freedom and to tell the world about the "Vietnam in blood and tears." With this vociferous group now predominating the literary scene, there is an sudden shift from the literature of exile to the literature of protest. Not only literature but also music and art are seethed with the boat people's misery and anger. The hellish human drama portrayed below by an ex-convict explains this explosion and the reasons for the new literature: "I am one of the many people who were burned by the most terrible fire in the world — Communism. Its heat made me look to death as the only solution. Many nights awakened and finding myself quiver among those human worms, I wished I had found a nail or a razor blade. But, that inner voice suddenly spoke to me again and again: 'Write! Do not die!'" (18)

In just two years — 1977 and 1978 — when the exodus of the boat people reached its climax, exile Vietnamese literature witnessed a second spectacular phenomenon. Hundreds of magazines, newpepars, books of prose and poetry have been published in Vietnamese and several languages to alarm the world about the inferno of Vietnam and the ordeal of the boat people. In contrast to the attractive but unreal image of Vietnam's past that haunts the minds of the first group, the picture of Vietnam's present potrayed by the second group is one of the darkest and most heartbreaking realism.

It is, first of all, a wasteland where death reaches not only the human, but also the animal and vegetal life. "Trees stand barren on the fields covered with bones / Birds have broken wings, finding no place to land." (19) In the writings of this group the country appears as a netherworld, "a phantom city where countless bandaged souls parade silently and grimly to an immense cemetery." (20)

But the most horrible picture of Vietnam is of a hell seething with human misery and agony, one which is darker and naturally more realistic than Dante's inferno. Unlike Dante's characters, who are shadows and therefore experience only illusory suffering, Vietnamese writers' protagonists writhe under tortures because they are corporeal. The common picture of Vietnamese modern man is a war prisoner shut up in a cage where he wallows in filth, vermin, and excrement, and is ravaged by maddening hunger and different kinds off torments: "Handfuls of rice mixed with feces / Drops of turbid water rank with urine smell / Torrid during the day, biting cold at night / Lashes cutting through the flesh of a swollen grinder." (21) The dehumanization is so extreme — and absurd — that the poet (and the reader) wonders if he, a human, is really going through the process.

To explain this absurdity of the human condition the Vietnamese mention a mysterious inexorable fate that they believe they are trapped in. In exile Vietnamese literature man's attempts to escape are doomed to failure. The voyage to freedom immediately becomes the voyage to death in the sea or to an eternal exile

and isolation in the haven. Nature, man's best friend in traditional Vietnamese literature, also turns against him as if it was concurrent with fate to destroy him: "No more blue sky / No more sea-gulls on the reefs / The sea is blind and revengeful / Roaring while it sinks human lives." (22)

But the cruelest thing fate does to the Vietnamese refugee is its deception. In the writings of the boat people just when the escapees beam with joy on seeing the shores of freedom within their reach, death usually intervenes and takes aways their lives or those of their *purgatorio* or even *paradisio*, man in modern Vietnamese literature is comdemned to an eternal inferno.

But the Vietnamese damned refuse to perish in their inferno. To do so, they create a dialectical paradox — accept the destruction of their physical bodies but deny the death of their souls. During his crucifixion, the poet "learn(s) to smile / To remember my idyllic love / To dream my most beautiful dream / In order to prolong my last breath." (23)

Similarly, during their dark moments of exile in America Vietnamese artists and writers still cherish the hope of returning to Vietnam eventually, or at least dream about metamorphosing into the Chuang-tseu butterfly to transcend their crude realities. (24) This mode of salvation is an echo of the romantic Taoist tradition that has been an essential element of Vietnamese literature over ten centuries and has contributed to the nation's survival during its most turbulent historical periods.

Writing in *War's Other Voices: Women Writers on the Lebanese Civil War*, Miriam Cooke explains why these women (and men) write: "When wars are over, many write to construct the war, or just understand it, or idealistically, by writing war to end all wars." (25) This observation can apply to Vietnamese exile literature in America. Because for most Vietnamese authors exile is a traumatic experience that resulted from their native country's longest war, they have to write about it to understand it and, hopefully, transcend it. But writing has a far more important purpose for these émigrés now regarding themselves as Americans: explaining the meaning of their unique ordeal to their fellow Americans who have granted them asylum. Speaking for his fellow artists and writers in one of his most critical stories about America, Le Tat Dieu comments on the Vietnamese contribution to the American pluralistic culture as follows:

God does not cease to enrich America. This immense garden of the American soul which has seen the blooming of myriad flowers of myriad colors is now witnessing the burgeoning of newer flowers with even newer colors. In this garden which contains a treasure of human experience one can find not only flowers of greatest happiness, but also those of greatest sorrows ever grown by the human kind. (26)■

(1) Le Tat Dieu, *Ly Huong* (Exile) (Iowa: Nguoi Viet, 1977), 8.
(2) Tran Quan Long, "Cuong Nho" ("Maddening Remembrance") in *Tuyen Tap Tho Van 90 Tac Gia Viet Nam Hai Ngoai: 1975-1981* (An Anthology of 90 Vietnamese Émigré Authors: 1975-1981), ed. Hoang Ngoc An (Texas: Van Huu, 1982), 139. The anthology will be henceforth referred to as Tuyen Tap.
(3) "Noi chuyen voi Hoa Si Vo Dinh" ("Interview with Artist Vo Dinh"), *Van Hoc Nghe Thuat* 5 (1978): 11.
(4) Le Tat Dieu, *Ly Huong*, 7.
(5) Vo Phien, *Mua Xuan An Lanh* (A Peaceful Springtime) in *Ly Huong*, 22.
(6) Tran Dieu Hang, *Niem Trang Noi Co* (The Secrets of Trang And Co) in *Vu Dieu Cua Loai Cong* (The Peacocks' Dance) (California: Ngoc Lu, 1984).
(7) See, for example, Tran Hoai Thu's "Mua Xuan Cua Chi" ("A Sister's Springtime"), *Thoi Nay* 1 (1981) and Loi Tam's *Ten Doi* (Of Names and Lives) (California: *Tieu Thuyet Nguyet San*, 1981).
(8) These gloomy views of the refugees' condition dominate the work of younger poets, namely, Ha Huyen Chi's "Ten My Da Vang" ("The Yellow American"), *Van* 1 (1982): 45; Nguyen Cong Minh's "Tuong Hat" ("A Ludicrous Show"), *Viet Chien* 1 (1981): 16; Cao Dong Khanh's "An Tinh Cua Ke Xe Xu" (An Exile's Anguish"), *Nhan Chung* 9 (1981): 47; Nhat Tuan's "Day Bien Mo Kim" ("An Impossible Mission"), *Tuyen Tap*, 112; Du Tu Le's "Khi Toi Chet Hay Dem Toi Ra Bien" ("Bury Me at Sea When I Die"), *Tuyen Tap*, 23; Thai Tu Hap's "Chim Quyen Lac Ngan" ("Stray Birds") (California: Song Thu, 1981).
(9) Vo Phien, *Lai Thu Gui Ban* (Letters to a Friend II) (California: Nguoi Viet, 1979), 67.
(10) Vo Phien, *Lai Thu Gui Ban*, 52, 57.
(11) Tuy Hong, "Nhat Ky Cuoi Nam" ("Thoughts on New Year's Eve") *Tuyen Tap*, 377.
(12) Vo Phien, *Lai Thu Gui Ban*, 60.
(13) Vo Phien, *Lai Thu Gui Ban*, 74, 75.
(14) Vo Phien, *Lai Thu Gui Ban*, 21.
(15) Vo Phien, *Lai Thu Gui Ban*, 18-23.
(16) The title of Nguyen Ngoc Ngan's book about the Vietnamese ordeal (New York: E.P. Dutton, 1982).
(17) Vo Phien, *Lai Thu Gui Ban*, 35, 36.
(18) "Phong Van Ha Thuc Sinh" ("Interview with Ha Thuc Sinh") *Viet Chien* 1 (1981): 10.
(19) Thai Tu Hap, *Chim Quyen Lac Ngan*, 34.
(20) Ha Thuc Sinh, "Thanh Pho Am Binh" ("A Ghost City") *Nguon Dao* 1 (1982): 30.
(21) Nguyen Manh Trinh, "Dem Trong Connex" ("Night Tortures") *Viet Nam Hai Ngoai* 123 (1982): 70.
(22) Thai Tu Hap, *Chim Quyen Lac Ngan*, 32.
(23) Nguyen Manh Trinh, "Dem Trong Connex," 71.
(24) Nghiem Xuan Hong, "Hinh Hai" ("Relics"), *Van* 1 (1982): 66. "Let's try to dream more - that's the way we are / Let's not be daunted by this snake city that threatens to kill our dreams."
(25) Miriam Cooke, *War's Other Voices: Women Writers on the Lebanese Civil War* (Cambridge: Cambridge University Press, 1988), 170.
(26) Le Tat Dieu, *Ly Huong*, 12.

FEELING OF ACCEPTANCE

By PAMELA NGUYEN

I would like to share with you my own personal experience as a Vietnamese-American. I am only one of the thousands of Southeast Asians in Southern California, therefore I will not attempt to make a generalization or present a theory, but rather acquaint you with what it was like for me to grow up in the United States.

I was born in Da Lat, Vietnam in 1973. After the fall of Saigon to the North Vietnamese, my family and I immigrated to the United States. We were fortunate enough to have relatives already in the country who would sponsor us and help us in the transition. Being only two years old at the time, I did not recall the journey to the United States or see the struggles my parents experienced trying to rebuild a life for us. My earliest recollections take place here. Since the United States was the only country I knew, I did not have a difficult time adapting to the American culture. In a country made up of immigrants, the diversity of this culture gave me a feeling of acceptance.

As a child, I wasn't aware of the different ethnicities. I knew that my playmates and I didn't look alike, but I felt that the only difference that existed was between boys and girls. Although English was my second language, I learned it at such a young age that I spoke without an accent. When I spoke, I sounded just like the other children; when I laughed or cried, I sounded just like the other children. We played the same games, watched the same cartoons, and did the same things that all children do. I felt like I was like all the other children, but more importantly, none of the other children made me feel any different. We played together naturally and didn't worry about where each of us came from or what we looked like.

As I approached early adolescence, I began to realize that my classmates and I were not alike. I came across this revelation when I began to attend a small private elementary and middle school. My brother, sister, and I were the only Asians in the entire school of about 240 students. My first encounter occurred when my teacher asked me in front of the entire class, "Do you celebrate Thanksgiving?" I replied, "yes," and thought, "Don't we all?" Her next question was, "What do you eat?" I replied, "The usual turkey and stuffing." I remember thinking, "What kind of question is that? Everyone eats the same thing during Thanksgiving. Why would I eat anything different?" At the time, those questions really bothered me. Why did she single me out and ask me such inane questions? It was then that I realized that I was not like the other children. She had singled me out for a reason. I was the first Asian immigrant she had taught. She realized that I was living in a bicultural world and was curious about how I lived. To me, my world was normal, it was the only one I knew. I would go to school and socialize in English and go home and speak and eat Vietnamese. My behavior at home may have been different, but I never felt that I was treated like an outsider who didn't belong here. I was accepted by my classmates without prejudice.

Going into adolescence with this knowledge, I realized that people of different ethnicities surrounded me everyday and were a part of my daily activities. Going to a larger high school, I was no longer the only Asian in my class. There were many other students who had immigrated to the United States and/or sopke a language other than English at home. I worried more about being accepted because of what clothes I wore or what clique I was in than about what ethnicity I was. The thought that I would be treated differently because of my ethnicity never crossed my mind.

I believe that the diversity of the American culture along with the fact that I immigrated to the United States at such a young age, enabled me to adapt easily and gain a feeling of acceptance. I was fortunate enough not to experience any form of discrimination. This acceptance in both the American and Vietnamese culture allows me to choose the best opportunities from both. By growing up in this type of environment, I have been able to benefit from both worlds.■

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

- Nhãn khoa tổng quát
  - Khám mắt
  - Đo độ làm kính, contact lens
  - Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
  - Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt
- Contact Lens
  - Đủ mọi loại: trong hay màu
  - Daily và Flexiblewear
  - Soft
  - Disposable
  - Gas Permeable
  - Toric
- Kính
  - Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
  - Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
  - Kính mát kiểu mới nhất

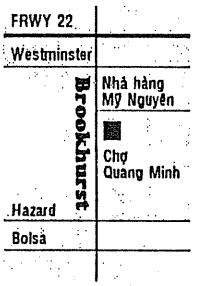

Trong khu Chợ Quang Minh

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

- ***Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.***
- ***Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.***

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ▫ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Central Valley Medical Clinic

7225-7227 Reseda Blvd., Reseda, California 91335

(818) 708-7227

Bác sĩ NGUYỄN VĂN HƯNG, M.D.

CHUYÊN TRỊ

NỘI THƯƠNG - NGOẠI THƯƠNG

PHỤ NỮ - THAI SẢN

TRẺ EM - NGOÀI DA

QUANG TUYẾN - SIÊU ÂM

NHẬN

MEDI-CAL - MEDICARE
&BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 7PM
Thứ Bảy: 9AM - 3PM
Chủ Nhật: Đóng cửa

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM **1995**

- khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.
- bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình cho trẻ khuyết tật chi và môi.
- bảo trợ học bổng cho giáo sinh Sư phạm.
- bảo trợ một số lớp tình thương và phổ cập.
- trợ cấp cho một số trẻ mồ côi, khuyết tật.
- tổ chức ủy lạo nạn nhân bão lụt (khi cần thiết).

Kinh phí trợ giúp dự trù: 30.000 - 50.000 USD

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

Muốn nhận bản tin GREEN CROSS hoặc đóng góp, xin quí vị vui lòng liên lạc

TOGETHER
WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, Ca 92643
Phone (714) 537-4877 Fax (714) 379-1216
California Non-profit Corp. #1838385 Federal Tax Exemption #952344006

TÚ XƯƠNG BẮT ĐẦU ĐI THI TỪ KHOA NÀO?

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

Trong *Thế Kỷ 21* số 71 (tháng Ba, 1995, tr. 5) ông Bằng Vũ viết: "Nhà nghiên cứu Nguyễn Thị Chân Quỳnh cho rằng Tú Xương 'lều chiếu đi thi từ 15 tuổi (1885)'. Còn nhà nghiên cứu Trần Văn Tích (báo Làng Văn, tháng 1-1994) lại ghi nhận: 'Vua Đồng Khánh lên ngôi chỉ thị mở ân khoa, tạo cơ hội cho Tú Xương vác lều chõng dự thi Hương lần thứ nhất lúc mới 17 tuổi và tất nhiên thi trượt.'

Thiết nghĩ nhà nghiên cứu Trần Văn Tích trung thực hơn. Thật vậy, ngày 5 tháng 7 năm 1885, vua Hàm Nghi mới chạy khỏi kinh thành Huế, rồi mãi hai tháng sau người Pháp mới giàn dựng được một Đồng Khánh lên ngôi thay thế Hàm Nghi (tháng 9, 1885). Như vậy, Đồng Khánh làm sao có thể tổ chức nổi một kỳ thi Hương trong vòng ba tháng còn lại của năm 1885?"

Cao Xuân Dục, chủ khảo trường Hà Nam. Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu (27 tháng Mười Hai 1897).

Tôi tóm lược lại hai ý chính của Bằng Vũ như sau:

1. Tú Xương không đi thi năm 1885 được vì vua Đồng Khánh mới lên ngôi chưa kịp tổ chức khoa thi.

2. Vì không thi năm 1885 được nên Tú Xương không thể bắt đầu đi thi từ năm 15 tuổi, do đó Trần Văn Tích "trung thực hơn".

I. Tú Xương đi thi từ năm 15 hay 17 tuổi?

1. *Hai năm 1885 và 1887 có khoa thi nào không?*

a) **1885**

Theo Bằng Vũ thì năm 1885 Tú Xương không đi thi được vì Đồng Khánh mới lên ngôi chưa kịp tổ chức thi cử.

Nhưng tại sao Bằng Vũ lại chỉ kể đến vua Đồng Khánh mà bỏ qua vua Hàm Nghi? Tôi viết Tú Xương đi thi năm 1885 chứ có nói thi dưới thời vua Đồng Khánh đâu?

Nếu ông Bằng Vũ lục tìm sẽ thấy năm 1885 có một khoa được tổ chức khi vua Hàm Nghi mới lên ngôi. Theo Cao Xuân Dục thì 1885 là "Chính khoa". Vì thế mặc dầu tổ chức ở năm đầu của vua Hàm Nghi người ta cũng không gọi là "ân khoa" như khoa 1884, được tổ chức khi vua Kiến Phúc mới tức vị.

Tuy nhiên, năm 1885 vì có biến cố, chỉ riêng trường Bình Định kịp ra kết quả, các trường khác phải đình hoãn nên Tú Xương không đi thi được (1).

b) **1887**

Không hiểu ông Bằng Vũ cố tình hay vô ý lại quên không kiểm tra xem năm 1887 Tú Xương có đi thi được hay không, nên tôi phải thay ông làm công việc này.

Vẫn theo Cao Xuân Dục thì năm 1887 cũng có một khoa (Đồng Khánh 2). Tuy vậy, Tú Xương cũng không đi thi được nốt vì nếu năm 1885 chỉ có trường Bình Định thì năm 1887 cũng chỉ có trường Thừa Thiên được tổ chức (2). Tú Xương ở Nam Định nên không được phép thi ở trường này.

Năm 1887 Tú Xương không đi thi được, chẳng lẽ lại cũng kết luận là bác sĩ Trần Văn Tích "kém trung thực"?

2. *Tuổi tây, tuổi ta*

a)*Bác sĩ Trần Văn Tích vẫn đúng* vì nếu tính tuổi ta Tú Xương có thể thi vào 1886, vẫn kể là 17 tuổi.

Các sách cổ thường chép tuổi ta, chỉ sau này người ta mới ghi thêm ngày sinh theo dương lịch, hay tính tuổi tây, nhưng rất ít người chua rõ tuổi tây hay tuổi ta. Điều này lại rất quan trọng khi cần tính minh bạch, vì hai tuổi chênh lệch nhau một năm là thường. Thí dụ: Tú Xương sinh năm Canh Ngọ, phần đông tính là năm 1870, nhưng hai ông Nguyễn Huyền Anh và Lê Kim Ngân lại tính là năm 1869.

Hoàng Việt Giáp Tý Niên Biểu cho biết rất rõ:

Năm Kỷ Tỵ bắt đầu từ 11/2/1869 đến 30/1/1870

Năm Canh Ngọ bắt đầu từ 31/1/1870 đến 18/2/1871

Năm Tân Mùi bắt đầu từ 19/2/1871 đến 8/2/1872.

Như vậy năm Canh Ngọ đúng là năm 1870, còn năm 1869 phải kể là năm Kỷ Tỵ.

Đấy là tính năm. Tính tuổi mất công hơn vì không có sách tính sẵn hộ.

Tú Xương sinh ngày 10 tháng 8 năm Canh Ngọ, tức 5/9/1870. Nếu tính tuổi ta thì chỉ năm tháng sau, bước sang năm Tân Mùi là ông đã lên hai.

b) Nếu ông Trần Văn Tích tính theo tuổi ta thì tôi cũng có thể tính tuổi ta, tức là Tú Xương đi thi năm 1884 chứ không phải 1885. Và năm 1884 cũng có một khoa, đó là ân khoa tổ chức dưới thời vua Kiến Phúc (3).

3. *Những khoa nào có thể coi là khoa thi đầu của Tú Xương?*

a) Tú Xương thi năm 15 thì có thể dự những khoa nào?

-15 tuổi ta:

Năm Canh Ngọ Tú Xương lên một tuổi.

Năm Tân Mùi Tú Xương lên hai tuổi

Năm Giáp Thân Tú Xương 15 tuổi.

Năm Giáp Thân bắt đầu từ 18/1/1884 đến 14/2/1885.

-15 tuổi tây:

Tú Xương sinh ngày 5/9/1870

Đến 5/9/1871 bắt đầu được hai tuổi

Đến 5/9/1885 bắt đầu 15 tuổi.

15 tuổi tây: từ 5/9/1885 đến 4/9/1886.

Vậy nếu Tú Xương đi thi vào những năm 1884, 1885, 1886 đều có thể kể là thi năm 15 tuổi được. Đấy là tính đại khái.

Nếu muốn tính thật sát thì phải nói Tú Xương thi năm 15 tuổi nếu khoa thi nằm trong khoảng thời gian **từ 18/1/1884 đến 4/9/1886**.

b) Tú Xương thi năm 17 thì có thể dự những khoa nào?

-17 tuổi ta:

Tú Xương 15 tuổi vào năm Giáp Thân thì 17 tuổi vào năm Bính Tuất.

Năm Bính Tuất bắt đầu từ 4/2/1886 đến 11/2/1987.

-17 tuổi tây:

Tú Xương bắt đầu 15 tuổi vào ngày 5/9/1885 thì ông bắt đầu 17 tuổi vào ngày 5/9/1887.

17 tuổi tây: từ 5/9/1887 đến 4/9/1888.

Nếu tính đại khái thì Tú Xương thi những năm 1886, 1887, 1888 đều có thể kể là thi năm 17 tuổi được, nhưng muốn tính thật cặn kẽ thì khoa thi ấy phải nằm trong khoảng thời gian **từ 4/2/1886 đến 4/9/1888**.

Tóm lại dù thi năm 15 tuổi hay 17 tuổi thì cũng không ngoài một trong những năm **1884 - 1885 - 1886 - 1887 hay 1888.**

4. *Đích thực Tú Xương bắt đầu thi từ khoa nào?*

Theo Cao Xuân Dục thì từ 1884 đến 1888 mỗi năm đều có một khoa thi:

1884: Ân khoa, Kiến Phúc năm thứ nhất

1885: Chính khoa, Hàm Nghi năm thứ nhất. Chỉ có trường Bình Định kịp tổ chức

1886: Ân khoa, Đồng Khánh năm thứ nhất

1887: Đồng Khánh năm thứ hai. Chỉ có trường Thừa Thiên được tổ chức 1888: Đồng Khánh năm thứ ba (4).

Trước hết phải gạt bỏ khoa 1885 vì chỉ có trường Bình Định kịp tổ chức, và khoa 1887 vì chỉ có trường Thừa Thiên được tổ chức.

Khoa 1888 cũng bị loại vì tính đến khi Tú Xương mất ông chỉ có thể thi bảy khoa, mà ai cũng biết Tú Xương đi thi ít nhất là tám khoa (Lê Kim Ngân còn nói ông thi tới chín khoa). Bảy khoa ấy là:

1888: Đồng Khánh năm thứ ba

1891: Thành Thái năm thứ ba

1894: Thành Thái năm thứ sáu

1897: Thành Thái năm thứ chín

1900: Thành Thái năm thứ 12

1903: Thành Thái năm thứ 15

1906: Thành Thái năm thứ 18

Tú Xương mất năm 1907 mà khoa kế tiếp là vào 1909, Duy Tân năm thứ ba.

Những năm 1885, 1887, và 1888 đều bị loại, còn lại hai khoa 1884 và 1886. Khoa 1884 thường được gọi là khóa Thanh vì các tử sĩ từ hai trường Hà Nội và Nam Định được thi chung ở Thanh Hóa (5). Trường thi xa, khi ấy Tú Xương lại mới có 15 tuổi ta và nhà nghèo nên chắc ông không đi thi khoa này, và cũng không thấy ai nói ông đi Thanh Hóa thi bao giờ. Kết luận là khoa thi đầu của Tú Xương chắc rơi vào năm 1886.

Kiểm lại: Nếu Tú Xương bắt đầu từ khoa 1886 thì:

- ông thi đủ tám khoa trước khi mất
- 1886 là ân khoa do vua Đồng Khánh tổ chức, như bác sĩ Trần Văn Tích và giáo sư Nguyễn Đình Chú viết
- Tú Xương đúng 17 tuổi ta và 15 tuổi tây (tính đại khái).

Sự thật, khoa 1886 khai mạc vào ngày 16/10/1886 (6) tức là Tú Xương đã bước qua tuổi 16 được non hai tháng rồi, nói ông đi thi năm 15 tuổi là sai. Nếu trường thi được tổ chức sớm hai tháng thì nói ông đi thi năm 15 tuổi vẫn đúng.

Tóm lại là Tú Xương bắt đầu đi thi từ năm ông 17 tuổi ta, tức là khoa Bính Tuất, Đồng Khánh 1, 1886.

II. **Vấn đề "trung thực"**

1. *"Trung thực" nghĩa là gì?*

Tôi rất ngạc nhiên khi thấy ông Bằng Vũ nói tôi kém "trung thực" khi viết Tú Xương bắt đầu thi năm 15 tuổi.

Đối với tôi, nếu Tú Xương không thi năm 15 tuổi thì là tôi sai lầm, do bất cẩn, sơ suất mà phạm lỗi chứ sao lại kém "trung thực" (hàm ý rằng tôi biết rõ sự thật mà cố tình viết sai đi)?

Vì nghi ngờ khả năng hiểu biết tiếng Việt của mình, tôi đã thỉnh giáo các ông Đào Duy Anh, Lê Văn Đức, Lê Ngọc Trụ v.v... và sau đây là lời giải thích của các vị ấy:

"Trung thực" nghĩa là:

= ngay thẳng, thật thà, hết lòng hết sức (Đào Duy Anh)

= hết sức thành thật, ngay thẳng (Lê Văn Đức)

= thẳng thắng và thành thực (từ điển tiếng Việt)

= trung chính, thành thực (Thanh Nghị).

Cuốn *Khai Trí Tiến Đức* có lẽ vì cổ quá không thấy có "trung thực" nhưng bốn cuốn từ điển kia đều chứng tỏ tôi không hiểu sai.

2. *Tôi sai lầm hay kém "trung thực"?*

Quả thật khi viết Tú Xương bắt đầu thi từ năm 15 tuổi tôi chỉ viết theo trí nhớ và tính phác qua xem ông có thi đủ tám khoa hay không (theo tiêu chuẩn ba năm một khoa), đủ rồi là tôi yên tâm vì:

- chủ đề của bài là "Khai bút" chứ không phải Tú Xương
- tôi không chuyên khảo cứu về Tú Xương.

Lục tìm những tài liệu sẵn trong nhà, tôi thấy có ba người viết Tú Xương từ năm 15 tuổi là:

- Phạm Thế Ngũ
- Lê Kim Ngân
- Nguyên Lộc (7) cho biết rõ ngày sinh của Tú Xương là 10 tháng Tám năm Canh Ngọ (5/9/1870), chỉ có Nguyễn Đình Chú viết Tú Xương thi năm 17 tuổi, khoa 1886, tám khoa.

Tất cả đều không nói rõ tuổi tây hay tuổi ta, thi dưới thời vua nào, cũng không cho biết dùng những tài liệu nào. Ông Bằng Vũ trích bác sĩ Trần Văn Tích nói Tú Xương thi ân khoa của Đồng Khánh. Tôi không được đọc bài của bác sĩ Trần Văn Tích nên không rõ ông có sử liệu nào khác tôi hay ông nêu danh vua Đồng Khánh do suy luận, vì năm 1886 quả là dưới thời vua Đồng Khánh.

Có điều khi nói Tú Xương đi thi năm 15 tuổi tôi không bịa đặt và cũng không có lý do gì để tôi biết là 17 mà vẫn cố ý đổi là 15. Tuy có bài của ông Nguyễn Đình Chú trong tay nhưng tôi lại chưa đọc chỉ vì cầm cuốn **Tú Xương - Tác phẩm - Giai thoại** lên lên mới lật qua đã thấy mấy lỗi khá "lớn" như trang 93 giải thích năm Quý Mão là năm 1897, chỉ cần lật ngược lại trang 89 cũng thấy Quý Mão = 1903, và trang 85 cho biết 1897 = Đinh Dậu. Cuốn sách tôi có là một cuốn tái bản, nghĩa là đã được sửa lại, thế mà những lỗi "đồ sộ" như vậy vẫn còn, sách lại in bằng thứ giấy "tái sinh" đọc rất nhức mắt, do đó tôi đọc qua mấy bài thơ rồi cất đi nên không biết ông Nguyễn Đình Chú nói Tú Xương đi thi năm 17 tuổi để mà lưu tâm tìm xem ai đúng.

Trước tôi đã có ba người nói Tú Xương đi thi năm 15 tuổi, và ba vị ấy chỉ lầm có hai tháng, thiết tưởng cũng không lầm nhiều, thứ nhất trong **Đại Nam Thực Lục Chính Biên** còn chép: "Tháng Chín, bổ Phan Huy Nhuận làm Giám khảo trường Hà Nam" nên các vị này có thể hiểu lầm là khoa thi được tổ chức từ tháng Chín.

Dù tôi có viết sai cũng chỉ do sơ suất, không phải thiếu "trung thực". Tôi nghĩ có lẽ ông Bằng Vũ chỉ định nói tôi "sai lầm" chứ không có ý bảo tôi kém ngay thẳng, thiếu thành thật. Nếu tôi phỏng đoán như vậy không đúng thì mong ông chỉ cho vì tôi nghĩ nát óc cũng không thấy có lý do gì để mình thiếu ngay thẳng, kém thành thật khi viết Tú Xương đi thi từ năm 15 tuổi.

3. *"Công bằng là đạo người ta ở đời"*

Tôi còn đặt câu hỏi vì sao ông Bằng Vũ chỉ kiểm tra xem năm 1885 có khoa thi nào dưới triều Đồng Khánh không mà không kiểm tra xem:

- năm 1885 có khoa thi nào do Đồng Khánh tổ chức không?
- năm 1887 có khoa thi nào không?

Nếu ông Bằng Vũ kiểm tra năm 1887 dĩ nhiên thấy là Tú Xương không đi thi năm này được, tất phải đi đến kết luận tính theo tuổi ta.

3. *Cả tôi lẫn ông Bằng Vũ đều đã từng sai lầm*

a) Khi viết, nếu thấy có điều không ổn tôi thường truy tầm sự thực ngay, nếu không tìm ra thì cũng nói rõ. Vì chưa đọc các ông Trần Văn Tích, Nguyễn Đình Chú nên tôi không biết có thuyết Tú Xương đi thi năm 17 tuổi, do đó không thấy có gì không ổn khi viết Tú Xương đi thi năm 15, đã có ba người viết trước tôi như thế.

Dù có cố gắng hết sức, chắc chắn tôi vẫn không tránh khỏi sai lầm, sơ suất. Thí dụ:

Cao. Xuân Dục làm Chủ khảo trường Hà Nam khoa Đinh Dậu (1897) mà cuốn Hương

Khoa Lục do ông đứng tên lại chép ông làm chủ khảo khoa Giáp Ngọ (1894) (8).

Dựa vào **Hồi Ký** của Paul Doumer và loạt ảnh của Salles chụp lễ Xướng danh trường Hà Nam khoa Đinh Dậu (1897) tôi đã chứng minh **Hương Khoa Lục** chép sai (*Thế Kỷ 21*, số 2, 6/89).

Song chính tôi lại vấp khi viết Nguyễn Khuyến đã cho thí sinh Trần Tế Xương đỗ Tú tài. Đúng ra Nguyễn Khuyến chỉ là Phó Chủ khảo, dù chính ông lấy đỗ Tú Xong, theo lệ người ta vẫn nêu danh ông Chánh khảo, tức Đồng Sĩ Vịnh. Khi biết lầm, tôi đã sửa lại ngay nhưng vẫn yên trí Nguyễn Khuyến là Phó Chủ khảo. Giờ đọc bản dịch của bà Nguyễn Thúy Nga thấy ghi Phó Chủ khảo là Nguyễn Quán, còn cụ Đặng Hữu Thụ thì lại nói là Nguyễn Lung! Xét ra Nguyễn Khuyến không thể làm Phó Chủ khảo khoa 1894 được vì ông đã từ quan từ 1885. Nếu triều đình có đặc cách triệu ông ra chấm thi thì chắc Cao Xuân Dục hay tiểu sử của Nguyễn Khuyến đã nói rõ.

b) Còn một chuyện lẽ ra tôi bỏ qua, nay vì hai chữ "trung thực" thấy cần phải nhắc lại, vì đã "trung thực" tức là phải nói theo đúng sự thực, dù sự thực ấy thuận lợi cho riêng tôi cũng không được bỏ qua.

Trong bài "Tú Xương có đi thi chữ quốc ngữ hay không" (*Thế Kỷ 21*, tháng Ba, 1991) tôi có hứa nếu tìm thêm được tài liệu mới thì sẽ công bố, dù tài liệu đó chứng tỏ tôi sai lầm. Cách đây độ một năm tôi có được cuốn **Làng Hành Thiện và các nhà nho Hành Thiện triều Nguyễn** của cụ Đặng Hữu Thụ. Cuốn này viết rất công phu. Cụ Đặng Hữu Thụ không những đã tham khảo **Hương Khoa Lục** của Cao Xuân Dục, còn đi thư viện lục tìm các sách báo, đưa ra nhiều chi tiết chính xác về các khoa thi trường Hà Nam từ năm 1886 với đầy đủ ngày khai mạc, bế mạc, số sĩ tử dự thi, số người đỗ v.v...

Vô tình cụ Đặng Hữu Thụ đã chứng minh tôi đúng: năm 1909 mới thực sự cải cách, bắt thi chữ quốc ngữ trong các trường thi Hương. Số thí sinh khoa này chỉ còn trên 3000 người (như tôi đã nói) còn những khoa trước ít nhất cũng có 6000, nhiều là trên 12,000 người dự thi. Tôi chỉ tìm được chi tiết các khoa 1889, 1891, 1894, 1897, cụ Đặng Hữu Thụ chép được đầy đủ tất cả các khoa.

Tôi đưa lý do số người thi năm 1909 sút kém vì các nhà nho cho học quốc ngữ là vọng ngoại, là vong bản nên không thèm học, cụ Đặng Hữu Thụ cho biết thêm một lý do là những người ở xa không có thầy, dù muốn học cũng không học được.

Chuyện đã cũ và tài liệu của cụ Đặng Hữu Thụ lại chứng minh tôi đúng nên nếu không công bố thì chỉ có tôi thiệt thòi nên tôi bỏ qua, song cũng cho *Thế Kỷ 21* biết là nếu chê tôi thất hứa thì tôi sẽ viết một bài ngắn. Bài không xuất hiện trên báo tức là *Thế Kỷ 21* đồng ý bỏ qua. Nay tôi đem ra vì hai chữ "trung thực".

*

Tôi nhìn nhận đã sai lầm khi viết Tú Xương đi thi từ 15 tuổi, song ông Bằng Vũ đúng cũng chỉ do tình cờ vì lý lẽ ông viện ra để chứng minh Tú Xương không thi năm 15 tuổi lại... "kém trung thực". Và tôi là người chứng minh Tú Xương không đi thi năm 15 tuổi!

Đối với tôi ai là người viết sai không quan trọng bằng sự thực nằm ở đâu. Biết mình sai mà sửa lại tức là không phải thiếu/kém "trung thực".

Dù sao tôi cũng cám ơn ông Bằng Vũ: nếu không có sự "giúp đỡ"... gián tiếp của ông thì còn lâu tôi mới tự động tìm xem Tú Xương đi thi từ năm nào, Tú Xương có đi thi chữ quốc ngữ hay không, và có phải Nguyễn Khuyến đã cho Tú Xương đỗ Tú tài không?

Châtenay-Malabry tháng 3, 1995

Chú thích:

1. Cao Xuân Dục, tr. 484. *DNTLCB* tr. 211, XXXVII tr. 227/8.
2. Cao Xuân Dục, tr. 492
3. Cao Xuân Dục, tr. 471
4. Cao Xuân Dục, tr. 471 - 495
5. Trường Hà Nội bị Tây chiếm đóng, trường Nam Định bị đốt từ 1883 chưa sửa kịp.
6. Đặng Hữu Thụ, tr. 221
7. Phạm Thế Ngũ, tr. 53; Lê Kim Ngân, tr. 515; Nguyên Lộc, tr. 434-5.
8. *Quốc triều Hương khoa lục gồm hai phần: Chính biên* và *Tục biên*. Phần đầu của *Chính biên*, Cao Xuân Dục đã chép lại những nhà biên khảo trước, ông chỉ đích thân ghi từ khoa 1873 đến 1891. Phần *Tục biên* (từ khoa 1894 trở đi) chắc do người khác chép tuy ông đứng tên (*Hương khoa lục*, tr. 17/8). Cao Xuân Tiếu hiệu đính cả *Quốc triều đăng kha lục* lẫn *Hương khoa lục* mà vẫn để Cao Xuân Dục làm Chủ khảo khoa 1894 là cũng sơ suất vì Cao Xuân Tiếu đã cùng cha (Cao Xuân Dục) chấm trường Hà Nam khoa 1897, với chức Giám khảo (xem ảnh Salles).

Sách tham khảo:

- Bảo Vân, *Thơ Nôm Yên Đổ, Tú Xương*. Toronto, Canada: Quê Hương, 1980.
- Cao Xuân Dục, *Quốc triều Hương khoa lục* TP.HCM, 1993. Nguyễn Thúy Nga và Nguyễn Tị Lâm dịch.
- Đặng Hữu Thụ, *Làng Hành Thiện và các nhà nho Hành Thiện triều Nguyễn*. Paris, 1991.
- Lê Kim Ngân, *Văn học Việt Nam thế kỷ thứ XIX, Phần Cổ văn*. Saigon: Văn Hiệp, 1961. Tái bản ở Mỹ.
- Nguyễn Bá Trác, *Hoàng Việt Giáp tý niên biểu*. Saigon: Bộ Quốc gia giáo dục, 1963, Bửu Cầm, Đỗ Văn Anh, Hồ Văn Liên, Tạ Quang Phát, Trương Bửu Lâm dịch.
- Nguyên Lộc, *Từ điển Văn học* II, Hà Nội: KHXH, 1984.
- Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn học sử giản ước tân biên*. III. Đại Nam tái bản ở Mỹ.
- Vũ Hoàng, Quốc Hùng (biên tập), *Tú Xương. Tác phẩm - Giai thoại*. HCM: Tủ sách Quê Hương, tái bản, 1987.
- *Đại Nam Thực lục Chính biên*. Bản dịch của Viện Sử học, Hà Nội, 1962 - 70.

MỘT NƠI XỨNG ĐÁNG CHO NGƯỜI NẰM XUỐNG

PHAN VĂN HUẤN

LTS. *Tác giả bức thư dưới đây, nguyên là đại tá Chỉ huy trưởng Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù, là một trong những đơn vị tinh nhuệ chiến đấu tới giờ phút cuối cùng của ngày 30 tháng Tư năm 1975. Ông cũng chính là nhân vật trong Cây Tùng Trước Bão, được nhà văn Hoàng Khởi Phong tìm gặp và ghi lại một cách cảm động về cuộc đời của "một người lính già, sống mãi trong tâm khảm của chúng ta."*

Tôi sang định cư tại thủ đô tỵ nạn này gần hai năm. Dù cuộc sống quá khó khăn nhưng hình ảnh những chiến hữu đã nằm xuống mãi mãi ẩn hiện chập chờn trong giấc ngủ một người lính già bệnh hoạn như tôi. Bức tượng Thương Tiếc ở nghĩa trang Biên Hòa nay không còn nữa. Đó là một tuyệt tác của điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu, lẽ ra phải được gìn giữ, nhưng than ôi, đã bị đạp đổ và phá hủy dưới chế độ cộng sản!

Mùa hè đỏ lửa năm 72 tại chiến trường An Lộc, mặc cho đạn pháo như mưa nhưng đêm đến những chiến sĩ Liên đoàn 81 Biệt Cách Dù vẫn lặng lẽ mò tìm từng xác bạn mình đem về lập thành một nghĩa trang Biệt Cách Dù. Khi thị trấn được giải tỏa, mọi người mới dám đi đó đây để quan sát chiến trường. Tất cả đều sửng sốt, không ngờ trong cảnh sống chết như thế, ai cũng lo giữ lấy mạng sống của mình mà Liên Doàn 81 vẫn không quên những chiến hữu đã nằm xuống. Với nghĩa trang đầy tình người đó, cô giáo Pha đã không cầm dược nước mắt với hai câu thơ để đời:

An Lộc địa sử lưu chiến tích

Biệt Cách Dù vị quốc vong thân

Cũng tại nghĩa trang này, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã đến thắp nhang quỳ lạy những người đã nằm xuống cho An Lộc đứng vững.

Năm 1988, được trả tự do, tôi tìm lên An Lộc để thắp nén hương lòng tưởng niệm anh em đã hy sinh, nhưng than ôi! nơi đây đã thành chợ cá chợ rau và một dãy nhà kho! Dù cho nghĩa trang đã bị san bằng nhưng trong lòng mọi người nghĩa trang vẫn tồn tại với hai câu thơ của cô giáo Pha.

Kính thưa quý vị, bức tượng thương tiếc đã bị phá hủy, mai này có còn ai nhớ đến hàng trăm ngàn chiến sĩ đã nằm xuống không? Tôi mơ một bức tượng Thương Tiếc sẽ được tái sinh ở ngay thủ đô tỵ nạn này. Và bức tượng phải

được đặt một nơi thật trang nghiêm, tại một nơi công cộng, không riêng của ai. Có thế, các anh linh tử sĩ sẽ hãnh diện với câu:

Tổ Quốc Ghi Ơn

Garden Grove ngày 19 tháng Hai 1995.
Một người lính già,
Phan Văn Huấn

HỒ TÁ BANG (1874 - 1943)

Nhà chấn hưng công thương nghiệp của Phong Trào Duy Tân

TS PHẠM TRỌNG CHÁNH

(Tiếp theo và hết)

Nhìn lại tư tưởng Phan Châu Trinh

Nhìn lại những chủ trương chấn hưng công thương nghiệp của Phong Trào Duy Tân chúng ta thấy các cụ có một tầm nhìn xa. Có lẽ ảnh hưởng của Nhật Bản sau cuộc Duy Tân Minh Trị Thiên Hoàng, các võ sĩ đạo (Samourai) dấn thân vào thương trường, vào kinh tế, trở thành Tổng Giám Đốc các xí nghiệp, các cơ sở thương mại. Họ từ bỏ cái quan niệm hành đạo dùng lưỡi gươm để bênh vực công lý. Tình yêu nước của họ không còn là việc tranh chấp quyền lực theo một lãnh chúa, mà yêu nước là tạo dựng xí nghiệp, tạo công việc kỹ xảo cho nhân dân, sản xuất những sản phẩm ngày càng tinh xảo, nâng cao đời sống, cạnh tranh với các nước công nghiệp Tây Phương.

Nước Nhật hùng cường bắt kịp và vượt qua các nước Tây Phương ngày nay là nhờ sự lãnh đạo của các "Võ sĩ đạo Tổng giám đốc công ty" đó.

Ý thức tầm quan trọng của Công Thương Nghiệp, các nhà lãnh đạo Phong Trào Duy Tân kêu gọi các bậc sĩ phu trí thức thời bấy giờ từ bỏ thái độ "trọng sĩ khinh thương". Tầng lớp sĩ phu phải dấn thân vào công thương nghiệp, các cụ "thư sinh" từ bỏ việc ê a rao giảng "Khổng viết" để học gảy bàn toán lắc cắc, các cụ ấm con nhà quan xắn tay vào làm nước mắm, buôn bán vải sợi, tơ lụa, tiêu tỏi..., làm những việc mà người đương thời xem thường, chê cười (và có lẽ ngày nay trong xã hội Việt Nam vẫn còn nhiều người chê cười).

Các cụ gửi con cái sang Pháp học Cao Đẳng Thương Mại, học bác sĩ... để rồi về thay thế các cụ tiếp tục bước đường kinh doanh. Việc gửi Nguyễn Tất Thành sang học trường Thuộc Địa, nhằm học tập hành chánh, quản lý nằm trong chủ trương đó. Những việc làm tưởng như tầm thường nhưng quả là một cuộc cách mạng, một cuộc cải cách tư tưởng quan trọng trong xã hội Việt Nam mà tiếc thay những người học trò của cụ Phan Châu Trinh như Nguyễn Tất Thành, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh... cũng không hiểu hết được.

Những tư tưởng đó vào đến đất Phan Thiết đã gặp được người "đồng thanh tương ứng đồng khí tương cầu." Anh em Nguyễn Trọng Lội, Nguyễn Quý Anh vốn chịu ảnh hưởng tư tưởng của cụ Nguyễn Thông là một ông quan có óc kinh bang thực dụng, có công lớn trong công cuộc khẩn hoang, lập đồn điền, phát triển kinh tế miền Nam, miền Trung Cao nguyên, và Hồ Tá Bang, học trò Nguyễn Lộ Trạch. Tại Phan Thiết, qua công ty Liên Thành, Liên Thành thi xã, trường Dục Thanh, một sự kết hợp hài hòa giữa giới nho sĩ duy tân, giới Tây học làm công chức tòa sứ và giới hàm hộ (chủ hãng nước mắm), tất cả đều tham gia vào công cuộc duy tân chấn hưng kinh tế, nâng cao dân trí... Họ đã thực hiện chủ trương của Phong trào Duy Tân và đã thành công vang dội khắp nước. Trong chính phủ đầu tiên của người Việt Nam, bác sĩ Hồ Tá Khanh, Tổng Giám Đốc công ty Liên Thành đã được mời làm Bộ Trưởng Kinh Tế.(3)

Một ông Tổng Giám Đốc công ty nước mắm làm Bộ Trưởng Kinh Tế! Tiếc thay những biến chuyển thời cuộc xô đẩy đất nước vào cuộc chiến tranh bạo động triền miên. Các chủ trương bạo động "khơi động độc tâm" lấn lướt chủ trương bất bạo động, dìm đất nước trong cuộc chiến nồi da xáo thịt, mười triệu người hy sinh cho những chiêu bài chủ nghĩa nhất thời, đã quên đi những chủ trương tự lực tự cường chấn hưng công thương nghiệp của Phong Trào Duy Tân. Đất nước thụt hậu nghèo đói mà tư tưởng bạo động Phan Bội Châu không phải là không có trách nhiệm.

Nhưng trách nhiệm nặng nề nhất là nơi Nguyễn Tất Thành và đám học trò của ông.

Sau năm 1975, Công ty Liên Thành được tiếp thu quản lý bởi các cán bộ "nông dân vô sản" từ rừng về không hiểu biết gì về công thương nghiệp lẫn việc làm nước mắm. Sau cuộc cải tạo tư sản, tịch thu toàn bộ các cơ xưởng nước mắm mà Phong trào Duy Tân đã gầy dựng qua ba đời, họ biến Phan Thiết vốn là một thành phố kỹ nghệ nước mắm trù phú có số thuế thu cao nhất các tỉnh miền Trung thành một thành phố nghèo đói. Từ có biến ra không, các cán bộ đảng đã làm khánh tận cả một di sản công nghệ dân tộc. Nước mắm Phan Thiết biến mất khỏi thị trường, toàn bộ cơ xưởng tan tác, nhân dân chài lưới bỏ chạy sang Mỹ lập làng đánh cá. Cán bộ đảng hiện nguyên hình những tên "du đãng thất nghiệp" (như lời cụ

Huỳnh Thúc Kháng), ăn cắp, ăn trộm, bòn của công cướp bóc nhân dân. Những buổi họp đảng, tỉnh ủy, chỉ còn là những cuộc chia chác "ti vi, máy lạnh, vàng bạc" tịch thu được. Nhân dân Phan Thiết lầm than rên xiết. Một số nhà tư sản dân tộc bị chết đói sau khi đã qua một trận "đầy nhà vang tiếng ruồi xanh."

Đưa "giai cấp nông dân vô sản" lên hàng ngũ lãnh đạo, đảng cộng sản đã rơi vào cái sai lầm mà người xưa gọi là "ngồi trên lưng ngựa để trị nước". *(Ngài có thể cầm gươm cưỡi ngựa mà được cả thiên hạ, nhưng ngài có thể ngồi trên lưng ngựa mà trị nước được chăng? - Lời Trần Bình tâu với Hán Cao Tổ khi ông này khinh miệt giới nho sĩ, lột mũ và đái vào đống mũ giải của đám này).*

Bọn Lê Đức Thọ, Lê Duẩn phạm vào cái sai lầm trong Binh Thơ Yếu Lược "Những nông dân vô sản, những kẻ trộm cắp giết người, du thủ du thực dùng được trong binh đội thời chiến thì đó là những kẻ can đảm, làm khiếp sợ kẻ thù." Sau chiến tranh chỉ có thể tưởng thưởng công lao, cấp phát ruộng đất cho họ cày cấy làm ăn. Nhưng dùng họ để trị nước thì cái tai hại phá hoại đập phá của họ không lường được.

Sau chiến tranh, mọi thái độ khôn ngoan trong lịch sử đều nhắm đến việc an dân, chỉnh đốn việc học, đào tạo nhân tài, tạo lòng dân tin tưởng để an cư lạc nghiệp, thì đảng Cộng Sản lại gây một cuộc xáo trộn loạn lạc, cải tạo tư sản, cải tạo nông nghiệp, làm xáo động lòng dân, tạo nên một cuộc trả thù giữa đám "du đãng thất nghiệp" đi theo cách mạng và những người có của. Những chính sách di dân đồn điền của Nguyễn Cư Trinh, Nguyễn Thông trong lịch sử đã thành công tạo dựng một miền nam giàu có, thì chính sách kinh tế mới biến thành nơi để trả thù, đày ải những người "phạm tội" có tiền, có của.

So với tầm nhìn của các cụ trong Phong Trào Duy Tân thì từ Nguyễn Tất Thành đến Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Tố Hữu, Đỗ Mười là một bước thụt lùi gây nên sự phá sản đất nước.

Ngày nay, thời đại giành độc lập đã qua, công tội các nhân vật lịch sử sẽ được các sử gia và dân chúng phán xét công minh. Những uy quyền chính trị đương thời không thể nào bẻ cong được ngòi bút các sử gia đời sau.

Những huyền thoại giai cấp vô sản, cộng sản chủ nghĩa, thế giới đại đồng đã sụp đổ, không còn ai có thể tự nhắm mắt để lừa bịp mình rằng chủ nghĩa cộng sản sẽ tồn tại ở Việt Nam trong thế kỷ 21.

Trước mắt những người thiết tha đến vận mệnh tổ quốc Việt Nam chỉ có một con đường: Làm thế nào để giải quyết những mâu thuẫn dân tộc, tập hợp dân tộc, nhanh chóng đưa Việt Nam chóng phát triển, hội nhập vào sự tiến bộ của vùng Đông Nam Á - Thái Bình Dương. Giải quyết mọi chuyện trong ôn hòa, không nội loạn, không bạo động, đổ máu vì những ấu trĩ của tư tưởng khác nhau, vì sự hẹp hòi cố chấp của ngu muội dốt nát.

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

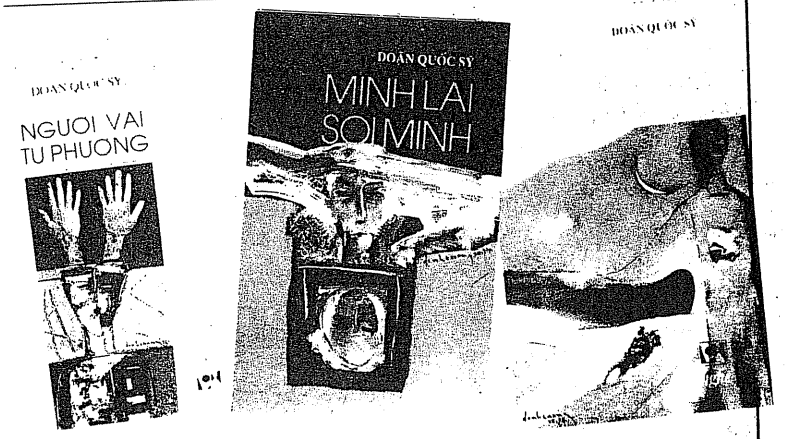

• Khác với bản của một nhà xuất bản tại hải ngoại đã chụp lại bản in trong nước, từng bị kiểm duyệt nhiều đoạn quan trọng. Được ủy quyền của nhà văn **Vương Hồng Sển**, HƠN NỬA ĐỜI HƯ do nhà Văn Nghệ phát hành có đầy đủ những đoạn trên. Giá 20MK. Ngoài nước Mỹ giá 23 MK.

• Chào mừng nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vừa đến định cư tại Hoa Kỳ, độc giả hãy tìm đọc ba tác phẩm mới nhất của ông:

• NGƯỜI VÁI TỨ PHƯƠNG. Đem nhân ái hóa giải tham tàn, nhà văn **Doãn Quốc Sỹ** vẫn giữ nguyên tâm hồn than thản và đôn hậu qua tác phẩm này. Giá 10MK. Ngoài nước Mỹ giá 11 MK.

• DẤU CHÂN CÁT XÓA. Ngợi ngợi cái đẹp của thiên nhiên, của tình người, của kiến thiết, của nghệ thuật, của lý tưởng. Giá 9MK. Ngoài nước Mỹ giá 10 MK.

• MÌNH LẠI SOI MÌNH. Sau những năm tù tội, **Doãn Quốc Sỹ** "mình lại soi mình" qua bốn trăm trang sách. Trung thực, dạt dào tình cảm, bất ngát yêu thương. Giá 16MK.
Ngoài nước Mỹ giá 18 MK..

Tư tưởng duy tân của Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quí Cáp hiện diện như một nền tảng có khả năng đáp ứng được nhu cầu cấp thiết giải quyết những bế tắc của dân tộc.

"Cải cách dân chủ
Nâng cao dân trí
Chấn hưng công thương nghiệp."

Không đòi hỏi một hy sinh xương máu nào, không làm thiệt thòi quyền lợi của ai, tất cả mọi người đều có lợi, dân trí được nâng cao, giàu có phồn vinh, giới lãnh đạo không phải ấp a ấp úng vì những vi phạm nhân quyền, vì theo những luật lệ man rợ đáng hổ thẹn trong thế giới văn minh ngày nay.

Thay thế tư tưởng Hồ Chí Minh bằng tư tưởng Phan Châu Trinh, bậc thầy của ông Hồ, không có gì để hổ thẹn sau những lầm lỡ cho cả dân tộc.

Các tổ chức chính trị Việt Nam sẽ tìm lại được nguồn phát nguyên sinh lực dân tộc. Hầu hết các lãnh tụ đảng phái Cộng Sản, quốc gia, từ tả sang hữu, đến lãnh tụ phong trào Chấn Hưng Phật Giáo đều xuất phát từ điểm khởi hành: Đám tang nhà chí sĩ Phan Châu Trinh. Họ đều là những người tổ chức đám tang ấy tại các thành phố, các tỉnh, rồi sau đó ra đi làm cách mạng.

Và trên văn bia Phan Châu Trinh (Quốc dân đồng phụng lập) do cụ Huỳnh Thúc Kháng soạn ngày 2 tháng Tám năm 1926 có tên tuổi ba người Giám tạo tổ chức đám tang, là Hồ Tá Bang, Trần Đình Phiên, Huỳnh Đình Điển. Cả ba đều là những nhân vật của Phong Trào Duy Tân - Công ty Liên Thành , Phan Thiết, những người đã hoạt dộng cho công cuộc Chấn Hưng Công Thương Nghiệp.

Nước Nhật hãnh diện vì có những võ sĩ đạo từ bỏ cung kiếm dấn thân vào thương nghiệp, thành lập các công ty xí nghiệp, làm cho nước Nhật cường thịnh đến ngày nay.

Con đường đó đầu thế kỷ này các nhà Duy Tân Việt Nam đã ý thức, đã có thời khởi động thành một phong trào rộng lớn. Tiếc thay cục diện thế giới đã chủ trương bạo động lấn lướt, xua đẩy toàn dân tộc vào một định mệnh nghiệt ngã. Ba mươi năm tàn phá đánh giết lẫn nhau cho những nhiêu bài chủ nghĩa không tưởng, giờ bừng mắt dậy toàn dân tộc lầm than đói rách, nghèo nàn bại liệt.

Ôn lại chuyện quá khứ, ôn lại tiểu sử một nhà chấn hưng công thương nghiệp phong trào Duy Tân bị quên lãng, bị đả phá, vẫn còn là một kinh nghiệm lịch sử quý báu cho thế hệ mới hôm nay, từ bỏ cái quá khứ "tiến quân ra sa trường" để tiến vào mặt trận kinh tế, làm cho "dân giàu nước mạnh."

THƠ VĂN CỤ HỒ TÁ BANG

Năm 1968, bà Hồ Thị Tường Vân, dược sĩ, con gái cụ Hồ Tá Bang, có sưu tầm văn thơ cụ đánh máy thành một tập nhưng chưa xuất bản. Chúng tôi xin trích đăng một bài văn tế và hai bài thơ của cụ.

Bài văn tế "Thủ tiền lỗ văn" nói lên những nỗi khó khăn của việc hùn vốn mở thương điếm, một việc làm mới lạ chưa từng thấy trong lịch sử.

Bài văn tế sử dụng những ngôn ngữ bình dân hằng ngày vào thơ văn: *lỗ miệng lầm bầm, cái đầu lúc lắc, nhiều tay vỗ nên bộp, ăn mắm mút giòi, sống gửi nạc, thác gửi xương, cám treo heo nhịn đói, mũi dại lái chịu đòn v.v...* giúp cho bài văn rất sống động. Và đề tài là việc cổ động hợp tác chung vốn lập hội buôn, một đề tài mới lạ trong thơ văn nước nhà.

Tế Thủ Tiền Lỗ Văn

Hỡi ôi!

Quan muốn để dài, chuỗi còn cột thắt,

Sống cũng trêu ngươi, chết đi khuất mắt.

Lắm lúc rủ quyên tiền lập hội, nói hao hơi chẳng lọt vào tai,

Nhiều khi mời họp cổ khai thương, tìm khắp chốn không hề thấy mặt.

Nhớ linh nay

Ngoài ngó phong lưu, trong thời lan sắc.

Nghe cháu gởi mấy kỳ tân báo, lỗ miệng lầm bầm,

Thấy con nít mua bộ tân thơ, cái đầu lúc lắc.

Miễn cho đặng cửa cao, rào kín, đậu đôi chum mè ít hũ, kẻ buôn người học trối thây,

Miễn cho đặng bạc chục tiền trăm, bò mươi cặp, trâu dăm con, cháu dại con khờ cũng mặc.

Thương thay!

Người mà đến thế thì thôi, ta dẫu nín đi cũng ngặt,

Gặp lúc quốc hồn xiêu lạc, đáng lẽ phải một người kêu trăm người ứng, tay kia hưng máu nóng rưới vào,

Đương khi ví vựa phong khai, có đâu lại xuống nhà dưới lên nhà trên, lòng nọ tợ tro tàn lạnh ngắt!

Cũng tưởng nhiều tay vỗ nên bộp, lo xây ao nóng thành vàng,

Ngờ đâu ăn mắm lại mút giòi, chỉ biết rương chuông tủ sắt.

Sao không nghĩ cơ nghiệp đó, giàu út ăn, khó út chịu, lẽ nào mặc ai gánh nặng đàng xa,

Sao không nghĩ nước non ta, sống gửi nạc, thác gửi xương, đi đâu cho khỏi ngọn rau tấc đất?

Ôi thôi thôi!

Nòi giống dẫu không còn, của tiền nào giữ chặc?

Sách có câu: "Kiến nghĩa bất vi vô dõng", đó đừng để cám treo heo nhịn đói, xin đưa một ít gọi là,

Luật có chữ "Tri giang bất tố dữ đồng", đây sợ e mãi dại lái chịu đòn, phải tỏ đôi lời dè dặt.

Ô hô ai tai! Thượng kỳ lai thực!

(Báo Lục Tỉnh Tân Văn số 23 ngày 23.4.1908)

Quan lại ngày trước thường mang trước ngực cái thẻ bài làm bằng ngà voi. Cái *bài ngà* được xem là tượng trưng cho giới quan trường. Bài thơ **Voi cái tìm chồng** chế diễu giới đeo bài ngà.

Voi cái tìm chồng
Xuống miền thành thị hỏi dò la
Nếu gặp phu lang hẳn thấy ngà
Xưa mọc trên hàm dài thượt thượt
Nay sanh trước ngực nặng sà sà
Chỉ điều buộc cổ hình không phải
Áo tố che mình bộ khác xa
Ví ở sơn lâm đâu đến thế
Nghêu ngao vui thú cảnh yên hà.

Bài *Thuật Hoài* nói lên tâm sự cụ Hồ Tá Bang, can đảm "làm cách mạng" bằng con đường chấn hưng công thương nghiệp.

Thuật hoài

Nợ đời muốn trả thuở hồng nhan
Mái tóc năm nay nửa trắng vàng.
Trước mặt tít mù chân mỏi bước.
Sau lưng hiu quạnh dạ khôn an.
Mê hoa nên vắng mùi khanh tướng
Say nguyệt theo đòi học Lão Trang
Văn nhược hổ thầm phường cựu học
Biết ai mượn đũa để mà bàn.

Văn thơ trên đây và nhiều bài khác của cụ Hồ Tá bang xứng đáng được tuyển vào các tập thơ văn phong trào Duy Tân của các nhà yêu nước đầu thế kỷ hai mươi.

THƠ VĂN GIAO TIẾP

Năm 1935 (Bảo Đại, Ất Hợi) mùa thu, Tiến sĩ Huỳnh Thúc Kháng có tặng Hồ Tá Bang hai câu đối:

Ngã năng đương Tư Mã kỳ văn, thiên hạ giang sơn, thành nhất gia sử bút

Quân diệc hữu Nguyên Long hào khí, hưng trung hồ hải, tọa bách xích cao lâu.

Dịch nghĩa:

Tôi cũng có thể viết văn hay như Tư Mã Thiên, ghi chép chuyện giang sơn thiên hạ thành một nhà chép sử

Ông cũng có hào khí như Nguyên Long (Khổng Minh Gia Cát Lượng), trong lòng chứa chí lớn như nước biển hồ, ngồi trên trăm thước lầu cao.

Cụ Huỳnh Thúc Kháng, đỗ đầu hai kỳ thi Hương, thi Đình, nhà lãnh đạo phong trào Duy Tân, chủ bút báo Tiếng Dân, Quyền Chủ tịch nước Việt Nam độc lập năm 1946, ví mình có tài viết văn như Tư Mã Thiên, đệ nhất sử gia Trung Quốc sống cách đây hai ngàm năm, và ví hào khí của Hồ Tá Bang như Khổng Minh Gia Cát Lượng. Điều đó chứng tỏ tấm lòng trân trọng của cụ Huỳnh đối với cụ Hồ Tá Bang như thế nào.

Khi Hồ Tá Bang mất, cụ Huỳnh Thúc Kháng soạn bài văn bia và viết hai câu đối phúng điếu:

Nguyên xuất Kế Môn lai, Hán học danh hương, Liêu Hạc hóa thân, kinh xiển thủy

Dũng dĩ Liên Thành trọng, Kinh Châu vật luận, Nguyên Long hào khí, thướng cao lâu.

Nghĩa:

Sinh quán làng Kế Môn, dòng dõi danh nho Hán Học, hoạt động kinh doanh, khẩn hoang như Liêu Hạc hóa thân

Điều khiển công ty Liên Thành, như hào khí Gia Cát Lượng, ngồi trên lầu cao (làm quân sư cho Lưu Bị) luận bàn việc lấy Kinh Châu.

Bài thơ Phan Bội Châu gửi Hồ Tá Bang

Sau khi Phan Chu Trinh mất, Phan Bội Châu bị bắt ở Quảng Châu và bị kết án tử hình, nhờ dư luận trong ngoài nước phản ứng mạnh mẽ, ông được tha và an trí tại Huế.

Ngẫm nghĩ lời Phan Châu Trinh, Phan Bội Châu viết:

Hơn hai mươi năm rồi, lời ông càng lâu càng nghiệm. Tôi mới biết cái óc suy nghĩ cùng cái mắt xem xét của tôi thiệt không bằng ông! Phỏng ngày nay ông còn sống thì cầm cờ hướng đạo cho chúng ta hẳn phải nhờ tay ông mới được.

Năm 1940, sau khi Hỗ Tá Bang rồi Hồ Tá Khanh ra Huế thăm cụ, cụ Phan Bội Châu gửi vô bài thơ bằng chữ Hán cho Hồ Tá Bang, mà cụ tự dịch cho Hồ Tá Khanh (vài tháng trước khi cụ từ trần).

Hồ chí hữu giám
Kim thanh lan xú túc kiều khâm
Địch diện tằng tân hoạch ngã tâm.
Địa khởi Bắc Nam năng hoạch giới
Thiên ư phong vũ biểu tri âm.
Tàng thân thương hữu hung trung giáp
Hoài hữu thời văn nguyệt hạ cầm
Tiện tá hồng mao cân hải khứ
Nguyện bằng thốn chữ bạch u khâm.

Bài dịch:
Mùi lan tiếng khánh sẵn ngồi trong
Khắp mặt rồi càng thỏa tấm lòng
Đất há Bắc Nam chia lối chạy
Trời ư mưa gió thảy tình chung
Mình đầy giáp trụ trong tâm trạng
Bạn hỡi đàn reo dưới nguyệt cung
Sẵn nhịp cánh hồng bay lục tỉnh
Bài thơ phơi ruột với hai ông.
Phan Bội Châu kính tặng

ĐẠO NÀO XUẤT THẾ TIÊU CỰC HAY NHẬP THẾ TÍCH CỰC?

NGUYỄN HOÀI VÂN

Cha tao, cha mày!

Tôi rất ngán thái độ chia rẽ con người với con người bằng cách dán cho tôn giáo này nhãn hiệu này, tôn giáo khác nhãn hiệu khác, rồi phong cho cái này là tốt, là đúng, chê bai cái kia là thấp kém, là lầm lạc. Thái độ ấy cũng vô lý và đáng thương như câu chuyện mấy đứa trẻ mồ côi đập nhau chí tử, để tranh cãi rằng "cha tao giàu hơn cha mày, mạnh hơn cha mày v.v...", mà không biết rằng chúng đều là anh em ruột cùng chung cha mẹ!

Thông thường người ta hay bảo Ki Tô Giáo, Khổng Giáo, là "tích cực, nhập thế", còn Phật Giáo, Lão Giáo là "tiêu cực, xuất thế". Để dẹp bớt cái lối nói này, tôi sẽ nêu lên một số tính tiêu cực và xuất thế trong tư tưởng Ky Tô Giáo, rồi nhìn qua vài khía cạnh tích cực, nhập thế của Phật giáo.

Có khía cạnh tiêu cực trong tư tưởng Ky Tô Giáo:

Xin chọn vài thí dụ, lấy từ thần học của Thánh Augustin (354-430), được coi như một cột trụ của giáo lý Ky Tô Giáo. Vị Thánh này là người đã "sáng chế" ra "tội tổ tông" hay "tội nguyên thủy" (péché originel), để chống lại quan điểm "nhân chi sơ tính bổn thiện" của Thày Tu Pélage (mất năm 418). Trong khi Pélage cho rằng con người có tự do, và có thể tích cực chọn lựa giữa làm việc thiện hay làm việc ác, thì Augustin quả quyết con người chỉ có thể làm việc ác, và chỉ khi nào được hưởng nhờ Hồng Ân Thiên Chúa con người mới biết làm việc thiện, để hy vọng được cứu rỗi. Quan điểm này hoàn toàn tiêu cực, nhất là khi Augustin nhấn mạnh là Thiên Chúa chỉ ban phát Hồng Ân của Ngài cho một số người được chọn lọc (praedestinati), theo những tiêu chuẩn riêng của Ngài mà không ai có thể hiểu nổi. Tuy nói vậy, nhưng Augustin cũng vẫn "bật mí" cho chúng ta biết một tiêu chuẩn trọng yếu: đó là số người được hưởng nhờ ơn Chúa, và được giải thoát, phải bằng với con số Thiên Thần bị giáng chức và bị tống cổ ra khỏi Thiên Đàng. Những người còn lại, thuộc về tập thể bị loại trừ (massa perditionis), sẽ bị thiêu đốt đời đời trong Hỏa Ngục. Ý kiến "tiền định" tương tự cũng có thể được nhận thấy trong Thánh Thư của Thánh Phao Lồ (gửi tín hữu La Mã 8:28-30).

Nếu từ lập luận này mà tôi bảo Ky Tô Giáo là tiêu cực, thì nhiều người sẽ trích dẫn một triệu lẻ một kinh điển ra để chứng minh ngược lại, rằng Ky Tô Giáo rất tích cực. Và họ có lý cả. Điều này cho thấy không thể từ một số suy tưởng cục bộ mà dán một nhãn hiệu lên cho một tôn giáo!

Vài khía cạnh tích cực trong tư tưởng Phật Giáo:

Phật Giáo coi bản chất của mọi chúng sinh đều là Phật. Chỉ cần bỏ những mù quáng, mê chấp, thì nhận ngay ra mình là Phật. Không ai bị bỏ rơi, không có "massa perditionis", vì mọi người đều là Phật, bỏ sao được? Đó là một điểm tích cực quan trọng. Mặt khác, cũng không cần sự cứu rỗi tự bên ngoài, vì Phật ở sẵn trong mình rồi, chứ nào có ở đâu trên mây trên gió mà phải nhào tới cứu độ mình? Tức là mỗi người cần tích cực đi tìm giải thoát, với sự soi sáng tự nhiên của Phật Tính nơi mình, để thay đổi cách nhìn của mình, về sự vật, về mình, và để tìm thấy chính mình.

Trên con đường tu tập, Phật giáo dạy phải thực nghiệm, chẳng nên tin vào giáo điều lý thuyết chi cả. Tức là phải tích cực tìm biết, chứ không thụ động tin theo ông thần này hay ông thánh nọ, để rồi mù quáng tiêu cực loại bỏ những gì không nằm trong "giáo lý" của mình.

Đối với vấn đề thiện ác, Phật Giáo có một nhãn quan đặc biệt tích cực. Khi sự ác được chấp nhận như hậu quả của lẽ nhân duyên, thì không còn có thái độ tiêu cực loại bỏ. Kẻ sát nhân, người gian hiểm, chẳng qua cũng chỉ là nạn nhân của nghiệp báo chập chùng, nhân duyên trùng điệp, chứ trong bản chất họ vẫn là Phật kia mà! Biết đâu vì những hành động tàn ác kia mà họ ý thức, giác ngộ, và trở thành bậc Chánh Giác? Với tinh thần ấy, người ta thông cảm, tìm hiểu những nhân duyên của một hành động tàn ác, và tìm cách nâng đỡ, chứ không loại trừ cá nhân làm việc ấy. Nếu có phê phán, thì người ta phê phán hành động chứ không phê phán con người. Điều này rất tích cực, vì nó không bao giờ loại bỏ khả năng hướng thiện dù trong bất cứ tình huống nào. Nói: anh "là" xấu xa, như trong ngôn ngữ Tây phương thông

thường (you **are** bad), rất khác với: "anh đã làm một việc xấu xa." Câu nói thứ hai có ý nghĩa tích cực quan trọng. Tương tự như vậy, trong trị liệu, tôi thường cố gắng nói với bệnh nhân: "vous avez une dépression" (anh hay chị đang mắc chứng suy nhược thần kinh), thay vì: "vous êtes déprimé" (anh hay chị "là" suy nhược thần kinh). Với câu nói ấy, tôi cố gieo một chủng tử tích cực, hướng tâm lý người bệnh về một hướng tích cực, thuận lợi cho sự lành bệnh.

Những quan điểm vừa nêu có phải là đặc thù của riêng Phật Giáo hay không? Hoàn toàn không. Chẳng hạn dưới một hình thức khác, **những quan điểm ấy đều hiện hữu trong tư tưởng Ky Tô Giáo**. Thật vậy, tôi có thể tìm thấy tất cả những gì tôi vừa nói về Phật Giáo trong Thánh Kinh. Vậy, Đạo nào tích cực? Đạo nào tiêu cực?

Tư tưởng xuất thế trong Ky Tô Giáo:

Chúng ta có thể dựa vào một số lời nói của chính Đức Ky Tô để nhận ra một khuynh hướng xuất thế rất đậm nét trong các lời dạy của chúa Ky Tô.

- Trong Phúc Âm Thánh Gio-An (15:19), Đức Ky Tô nói rất rõ với các môn đệ, tức là với tất cả những người Ky Tô Hữu: "Các con không thuộc về thế gian, Thày đã đặt các con ra ngoài thế gian." Và khi Toàn Quyền La Mã Pilatô tra vấn Ngài, Ngài cũng tuyên bố: "Vương Quốc của Ta không thuộc về thế gian" (Gio-An 18:36).

- Thật ra, Đức Ky Tô không những chỉ chủ trương Ngài đứng ngoài thế gian, mà ngài còn coi thế gian là nguồn của sự dữ, là vương quốc của Ác Quỷ. Ngài nói: "Thế gian thù ghét Ta vì Ta chứng minh được rằng những công trình của thế gian đều xấu xa" (Gio-An 7:7). Một lúc khác, trong lời cầu nguyện với Thiên Chúa, Ngài nói: "Con đã truyền cho họ (các môn đệ) lời nói của Cha, và thế gian đã thù ghét họ, vì họ không thuộc về thế gian, như chính Con cũng không thuộc về thế gian" (Gio-An 17:14). Rõ rệt hơn nữa, trong Gio-An 12:31, Ngài gọi Ác Quỷ là "vua của thế gian", và trong Gio-An 14:30, Ngài phán: "Từ nay, ta không còn nói chuyện với anh em được nữa, vì vua của thế gian này đã đến."

- Bây giờ tôi xin bạn chú ý đến một câu chuyện được kể lại trong tất cả các bộ Phúc Âm trừ Phúc Âm Gio-An. Đó là chuyện Ác Quỷ cám dỗ Đức Ky Tô:

Trước khi Đức Ky Tô thu nhận môn đệ và bắt đầu giảng dạy, Ngài đã vào sa mạc tĩnh tâm một thời gian. Lúc ấy, Ác Quỷ đến cám dỗ Ngài. Có ba sự cám dỗ. Sau khi Đức Ky Tô đã vượt qua hai cám dỗ đầu tiên, thì Ác Quỷ đưa Ngài lên một đỉnh núi cao, và chỉ cho Ngài thấy tất cả thế gian với những vương quốc giàu mạnh, vinh quang, những lâu đài lộng lẫy, những thú vui vô số, và bảo Ngài phải khuất phục nó, thì thế gian sẽ thuộc về Ngài. Đương nhiên là Đức Ky Tô lại khước từ thêm một lần nữa, với câu nói bất hủ: "Vade retro, Satanas" (Sa-Tăng, hãy cút đi!). Đức Thích Ca trong huyền sử Phật Giáo cũng đã từng bị Quỷ Vương cám dỗ một cách tương tự...

Qua câu chuyện này, chúng ta thấy Ác Quỷ Sa Tăng chính là Vua của thế gian, và Đức Ky Tô với quyền năng của Ngài, cũng có thể ngự trị trên thế gian như Ác Quỷ. Mặc dầu vậy, Đức Ky Tô đã chọn khước từ thế gian, thậm chí sau này còn chấp nhận để cho thế gian giết chết mình...

- Thật ra, quan niệm xuất thế đã hiện hữu trong truyền thống Do Thái, đặc biệt từ khi dân tộc này bị lưu đày vào năm 587 tới 538 trước Công Nguyên. Khi ấy, trong nỗi buồn tha hương, vong quốc, đất nước hoàn toàn bị phá hủy, người Do Thái chỉ còn biết ngước mặt kỳ vọng nơi một quê hương trên Trời. Quê hương thật, đất nước thật của họ, từ đó, chính là Nước Trời, chứ không còn là một mảnh đất nào trên cõi thế nữa. Thánh Phao Lô, trong Thánh Thư gửi người Do Thái (11:14), cũng đã nhắc lại niềm tin này.

- Một tư tưởng khác rất phổ thông trong Ky Tô Giáo, là sự xác quyết sẽ có một ngày tận thế. Tất cả những gì con người xây dựng được nơi thế gian đều sẽ bị hủy diệt. Đức Ky Tô, trong các đoạn Phúc Âm Mát-têô 24, Mác-cô 13 và Lu-ca 21 đã nói rõ về những vấn đề này.

Phật giáo và khái niệm nhập thế:

Phật giáo không phân biệt thế gian với "ngoài thế gian". Tất cả đều là Tâm (vạn Pháp quy Tâm). Vậy thì chỉ có Tâm. Nếu chỉ có Tâm mà thôi, thì xuất thế là phải ra ngoài Tâm. Khi ấy, thử hỏi cái gì sẽ ra ngoài Tâm? Có phải cũng là Tâm hay không? Tâm làm sao ra ngoài Tâm được?

Một cách nói khác: tất cả chúng sinh đều có Phật Tính, vậy thì Phật Tính ở đầy trong thế gian này, nhìn đâu cũng thấy Phật, Phật làm sao mà xuất thế được? Đây cũng là một cách giải thích bằng nghệ thuật của Phật Giáo, đặc biệt là của Thiền Tông, với những bài thơ hay những bức họa diễn đạt một niềm cảm thông sâu sắc giữa con người với tất cả những gì chung quanh. Nhất định là các nghệ sĩ và Thiền sĩ ấy không khước từ thế gian, không coi thế gian là hiện thân của sự Ác... Sự Ác, có chăng thì chỉ là kết quả của vô minh, chứ dưới tấm màn vô minh ấy, vẫn luôn tiềm tàng Phật Tính. Có khác với tư tưởng của Đức Ky Tô hay không? Tôi nghĩ là trong bản chất **không khác**, mặc dù những gì tôi vừa viết ở đoạn trên. Tuy nhiên điều này còn cần được trình bày rõ ràng hơn vào dịp khác.

HOÀNG XUÂN SƠN

VỀ TỚI NƠI

Đứng ở thềm ngoài rưng rưng.
Lặng
em yêu mình về tới nơi rồi
cửa ngõ khô khốc niềm chát đắng
chó già quên mặt không vẫy đuôi
Bụi đẻ thời gian vách lên mốc
mấy nét xưa gầy nguệch ngoạc
đóng hết trường tâm buồn phiền
vui sướng như là đang được khóc
Tồn sinh mốt mai đời nhỏ giọt
lòng xanh theo mấy bụi mướp cà
đời cũng thấm nhì nhằng du lịch
quay đầu về ở một chốn xa.

CỔ NGƯ

CỔ ĐIỂN

Buồn như tiếng sáo Trương Chi,
Sầu rơi chén ngọc, nhớ gì, My Nương?
Hận tình còn mãi vấn vương,
Thuyền tình vội đấm bến tương tư sầu...

SAIGON 17.01.80

ẤN TƯỢNG

Xé những giấc mộng,
Vẽ một đường cong,
Em nằm trong nỗi nhớ
Cuộn tròn kén sâu,
Anh dán lên tường một mảnh không màu,
Gọi thầm:
Ngày mưa cũ...

PARIS 01.11.94

Một loại lập luận khác có thể được nêu lên là: hạnh nguyện Bồ Tát, từ chối sự giải thoát cho riêng mình khi còn bất cứ chúng sanh nào chưa được giải thoát, chính là một tư tưởng nhập thế triệt để. Phật Giáo Mật Tông cũng có đặt ở phương Đông một vị Phật tên là Aksobhya (A Súc Bệ), tượng trưng cho sự nhập thế, cứu độ, đi từ vô biên vào thế giới hữu hạn để thực hiện sự cứu độ, và đi từ hữu hạn đến vô biên để thực hiện sự giải thoát...

Danh hiệu của Quỷ Vương

Trong truyền thống Do Thái, Ky Tô và Hồi Giáo, người ta gọi Ác Quỷ là Sa-tăng. Bạn có biết chữ ấy nghĩa là gì không? Trong tiếng Do Thái cổ, chữ ấy được dùng để chỉ người có trách nhiệm lên án trong một phiên tòa, như một loại Công Tố Viên thời nay vậy. Nói rộng ra, tất cả những kẻ lên án người khác, có thể được gọi, theo tên Do Thái cổ, là Sa-tăng! Và khi chúng ta lên án bất cứ ai, thì đó chính là tiếng nói của Quỷ Vương trong chúng ta. Vì thế Đức Ky Tô mới nói: "Đừng lên án, để khỏi bị lên án." Và nhất là đừng lên án cả một tập thể, cả một cộng đồng, thậm chí cả một phần nhân loại, vì tín ngưỡng của họ. Vì thế, lên án những người khác tôn giáo với mình, chính là tự đặt mình vào một địa ngục ngay từ bây giờ, với vô số ác quỷ nhan nhãn chung quanh mình!

Thật ra, có những sự lên án gay gắt, nhưng cũng có những chê bai lịch sự, tuy không kém phần trịch thượng, thái độ này cũng vẫn là một sự lên án, vì ta không thể biết nó sẽ trở thành gay gắt lúc nào, và vì nó có thể gợi lên những phản ứng gay gắt nơi những anh em bị mình chỉ trích.

Hơn lúc nào hết, cần đi tìm những điều giống nhau trong các tôn giáo, các dòng tư tưởng, đồng qui nhi thù đồ. Riêng trong sự tìm hiểu những điều cốt lõi của Ky Tô Giáo và Phật Giáo thì tôi có thể xác quyết rằng: quả thực, tôi không hề thấy mâu thuẫn giữa hai tôn giáo này.■

1 tháng 4 năm 1995

"CÔNG VIÊN VĂN HÓA VIỆT NAM"

Một điểm hành hương cho người Việt tị nạn

NGUYỄN ĐẠT

Cách đây năm năm, tôi có ý định vẽ ra một điểm hành hương cho những thuyền nhân Việt Nam ngay trên biển Đông, có thể là một hòn đảo vùng Côn Sơn hay Phú Quốc, sẽ được xây dựng sau khi đất nước tự do. Nhiều người đã cho đó là điều "không tưởng". Trong một dịp đến thăm tòa nhà TransAmerica ở San Francisco, anh Hoàng Thuận (San Jose) cho tôi biết trên tháp cao của tòa nhà này có lưu trữ một Di Chúc của những người Việt đầu tiên đến định cư tại San Francisco vào năm 1975 gửi cho thế hệ con cháu và chỉ được mở ra vào 100 năm sau. Tiếp đó, bác sĩ Ngô Thế Vinh lại khuyến khích tôi thử vẽ ra một mô hình về một đài kỷ niệm cho những Di Dân gốc Việt tại Mỹ. Tôi xin trình bày mô hình này như một phác thảo gợi ý nên rất mong đón nhận thêm nhiều ý kiến đóng góp từ mọi giới đồng bào nhằm từng bước hoàn chỉnh một khu "Công Viên Văn Hóa Việt Nam" ngay trên đất Mỹ, đánh dấu sự hiện diện của dân tộc chúng ta trên xứ Hợp Chủng Quốc này trong một giai đoạn đen tối của lịch sử dân tộc.

Vì đây là một dự án với phí tổn có thể lên đến hơn 30 triệu Mỹ Kim cho một diện tích ước lượng 100 mẫu nên việc thực hiện chắc chắn tùy thuộc sự đóng góp của nhiều người Việt trên khắp thế giới trong nhiều "ngũ niên". Với lịch sử đấu tranh liên tục suốt bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước nên khái niệm chính của mô hình phải hướng nhiều về "động" hơn "tĩnh". Tuy nhiên, bên cạnh việc lưu giữ cái "cũ" của truyền thống văn hóa và lịch sử, chúng ta vẫn khuyến khích những cái "mới" thật sự tiến bộ, hữu dụng và phù hợp dân tộc tính.

Địa điểm dự trù là một vùng đất sát bờ biển với một gò đồi cao thoải dài xuống bờ biển, tốt nhất là gần Camp Pendleton, Nam California. Tổng diện tích có thể là 100 mẫu Anh, tổng thể sẽ có hình dáng một chiếc tàu mà mũi tàu cất cao lên trên bờ, còn 1/3 phía sau tàu sẽ nằm hẳn trên biển. Phần giữa tàu là khu trung tâm của mô hình với hai khối chính:

- **Khối Vuông** (tượng trưng cho Đất theo sự tích Bánh Chưng, đồng thời cũng là "trung tâm" của chiếc tàu Việt Nam này): Mỗi cạnh là 4000 feet x 4 = 16,000 feet vuông. Tường bao bọc với đá cẩm thạch nâu đen, trên khắc tên họ và thời gian mất tích của những người Việt đã chết trên đường vượt biên (mạ vàng, kích thước cụ thể của từng mẫu tên sẽ qui định sau). Phần chính của khối vuông này là một hội trường có sức chứa khoảng 5,000 người, dùng cho các sinh hoạt cộng đồng (như hội nghị, đại nhạc hội, đại hội thể dục thể thao v.v...), với tường cao 16 feet đến 28 feet, sẽ có màu sơn vàng làm nền và phủ màn/rèm màu đỏ, có treo tranh các anh hùng dân tộc từ đời Hùng Vương đến nay. Đầu tường sẽ viền hoa văn dân tộc với đàn chim Lạc Việt. Giữa hội trường với tường ngoài là một hành lang bao bọc và xuyên suốt với trần cao (16 feet). Dọc trên vách ngoài của hội trường sẽ là các sự kiện lịch sử quan trọng suốt bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước cùng với các danh ngôn, tục ngữ, ca dao... được viết trên giấy bồi và lồng trong khung kính nhằm giáo dục và nhắc nhở thế hệ trẻ về nguồn gốc dân tộc. Bên trong sẽ chia làm hai phần: tầng trên là hội trường, tầng dưới sẽ dùng cho nhiều hoạt động khác.

* **Hội trường:** Bốn ngõ chính nằm giữa, mỗi cạnh xoay về bốn hướng chính (Bắc-Nam-Đông-Tây). Các hàng ghế nằm giữa các lối đi (rộng 8 feet), cao từ cửa chính và thoải dần về phía sân khấu ở trung tâm. Mái ngói đỏ sẽ uốn cong theo dạng mái cổ truyền Việt Nam với hoa văn truyền thống, với trung tâm là một khối trụ tròn vươn lên cao như một đóa sen. Giữa trần nhà của hội trường và cả sân khấu quay ở trung tâm cũng sẽ là một mặt trống đồng Ngọc Lũ với đường kính 75 feet ôm trọn khối trụ tròn trung tâm. Tất cả cây cảnh dùng trong khu vực này đều thuộc bộ "mai-lan-cúc-trúc" là chính, lấy giống chính từ Việt Nam. Toàn bộ hệ thống ánh sáng, âm thanh sẽ thiết kế sau.

***Khu Đa Dụng:** Với cấu trúc tương tự như khu Hội trường, chỉ khác là có thể ngăn thành nhiều phòng nhỏ dùng cho ba hoạt động chính:

+Văn Hóa: Với một viện bảo tàng mang tên Lạc Hồng mà nhiệm vụ là sưu tầm, nghiên cứu và lưu trữ tất cả tài liệu liên quan đến cộng đồng người Mỹ gốc Việt, đặc biệt là các di tích liên hệ đến cuộc vượt biển vĩ đại từ sau 1975. Viện Bảo tàng này có vai trò như một trung tâm văn hóa Việt Nam, sẽ phụ trách tổ chức

hầu hết các sinh hoạt văn hóa của người Việt tại Nam California nói riêng, cả Hoa Kỳ và hải ngoại nói chung. Bên phải sẽ là Thư viện Lê Quý Đôn, còn bên trái là Trung tâm Sinh hoạt Phù Đổng với đủ các loại trò chơi giải trí, thể dục thể thao lành mạnh cho đủ mọi lứa tuổi.

+Giáo Dục: Với các lớp dạy tiếng Việt chủ yếu cho thế hệ sinh ra và lớn lên tại hải ngoại, mở rộng cho tất cả những ai có nhu cầu tìm hiểu ngôn ngữ, văn học, lịch sử và địa lý Việt Nam. Trung tâm giáo dục này sẽ phát động Giải Khuyến Học hàng năm dưới sự bảo trợ của các cơ sở thương mại mà chủ nhân là người Mỹ gốc Việt.

+Hành chánh: Chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của khu "Công Viên Văn Hóa Việt Nam" này, bao gồm khối hành chánh quản trị/điều hành, ban bảo trì/quản lý, ban dịch vụ, ban an ninh, ban tiếp tân v.v...

- **Khối Tròn** (tượng trưng cho Trời theo sự tích Bánh Dầy, tương tự như ngọn hải đăng hay một trụ buồm chính của tàu): Với đường kính 30 feet, vươn cao 75 mét như một ngọn hải đăng với bốn mặt quay về bốn hướng chính. Ban đêm, đỉnh tháp sẽ thắp sáng như một hải đăng soi đường cho tàu bè trên biển. Ngay dưới đó, lần lượt từ cao xuống thấp, là một nhà hàng với các món ăn thuần túy Việt Nam, các cửa hàng bán đồ lưu niệm (nón lá, áo dài thêu...) bao quanh một cột trung tâm (với hệ thống thang máy ở bốn phía của cột trụ).

Bao quanh khu trung tâm của "chiếc tàu Việt Nam" này là một công viên xây dựng theo triết lý Thiền học: con người là một phần của Thiên Nhiên. Một khối đá cẩm thạch hình tam giác cân có đáy dài 75 feet, cao 30 feet có ý nghĩa như một ngọn núi. Từ đỉnh sẽ có một dòng thác chảy xuống ở mặt nam; từ đó hình thành một con suối cạn (chỉ sâu 6 inches, rộng 3 feet) uốn lượn theo hình chữ S, tận cùng ở một khối đá khác có dạng như Kim Tự Tháp (xin xem hình vẽ minh họa). Lối vào trung tâm rộng 5 mét, với hai lối phụ (mỗi lối rộng 3 mét), cách nhau bởi các bồn hoa (vạn thọ, dâm bụt...). Cổng chính có dạng tam quan với 30 bậc thềm, chia đều làm bốn phần theo độ dốc tỷ lệ, tận cùng là Đài Tưởng Niệm có dạng như mũi thuyền uốn cong và bao lấy gò đồi, bằng đá cẩm thạch màu trắng xanh, trên cùng là dòng chữ "Việt Nam", kế đó là "Tưởng Niệm Những Người Đã Chết Vì Tự Do", dưới cùng là một bức phù điêu diễn tả đoàn người vượt biển. Chân tượng đài là một bệ bằng đá cẩm thạch xanh, với một "ngọn lửa bất diệt" ở giữa. Lối đi chính sẽ tỏa ra làm hai hướng về phía khối trung tâm (theo quan niệm cũ: hai lối đi riêng cho nam và nữ, "nam tả, nữ hữu"). Dọc lối đi là những bãi cỏ trống trải với rải rác vài tượng đài lẻ loi trong một khu vườn chủ yếu là liễu, trúc, vài bụi buxus; có thể thấy cả "Thương Tiếc" của anh Nguyễn Thanh Thu ngồi dưới những tàng liễu buông xõa.

Trước cổng chính sẽ có một bãi đậu xe đủ sức chứa trên 5000 xe, với các cây dừa, cau, cọ, dâm bụt, bông giấy, mai, địa lan, cúc, trúc... và các tác phẩm điêu khắc về bộ tứ linh (rồng, lân, rùa, phượng). Dọc theo hai bên lối đi vào khu trung tâm có trồng dừa và cau. Trong công viên còn có một con rạch rộng 3 mét uốn theo chu vi của công viên, những cây cầu khỉ, và trồng hầu hết các loại cây Việt Nam (trừ những loại không thể trồng được do khí hậu và thổ nhưỡng). Đề nghị họa sĩ Tạ Tỵ, điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu và các nghệ sĩ khác sẽ cùng phối hợp trong việc sắp xếp các bức hoành tráng, các nhóm tượng đài trong công viên Văn Hóa này.

Phần quay ra biển sẽ là một nhà hàng ngoài trời với một hồ nước sâu không quá 6 inches, rộng chỉ 5 feet, dài theo rìa các cạnh thay cho lan can vì như thế sẽ giúp thực khách không bị ngăn cách tầm nhìn khi ngắm cảnh biển nhưng phải bảo đảm an toàn. Từ đây sẽ mở ra một cầu tàu để ngoạn cảnh, ngồi câu cá, làm bến đậu tàu thuyền nhỏ; với đủ yêu cầu chuyên môn và đúng quy tắc an toàn. Cần lưu ý: tất cả các mặt quay ra biển đều sẽ được mở rộng tối đa để tận hưởng cái thú khi ngắm biển. Ngay cả các tượng đài cũng cần lưu ý điểm này, ví dụ "Thương Tiếc" sẽ được quay mặt ra biển như một sự thương tiếc những người đã chết trên đường vượt biển, trông về quê hương bên kia bờ đại dương.

Trên đây là những ý kiến có tính phác thảo của "Công Viên Văn Hóa Việt Nam" nhằm xây dựng một thắng tích có giá trị lịch sử như một điểm hành hương cho các Di Dân gốc Việt. Mọi chi tiết kỹ thuật phải đáp ứng tất cả qui định về kết cấu, an toàn, cấp cứu (y tế, cứu hỏa), thẩm mỹ, vệ sinh, môi sinh của California và Liên Bang Hoa Kỳ. Chúng tôi hoan nghinh mọi ý kiến đóng góp cho dự án này nhằm từng bước sửa đổi để hoàn chỉnh dần trước khi thực hiện mô hình (3-D model) cho dự án. Mọi đóng góp, xin gửi thư về:

Nguyễn Đạt
P.O. Box 6064
Fullerton, CA 92643 - USA.■

Giải thưởng Văn Chương

Năm 1940, John Steinbeck được giải Pulitzer cùng với Carl Sandburg và William Saroyan. Ông nói riêng với một người bạn: "Xưa nay tôi vẫn nghi ngờ giá trị của giải thưởng Pulitzer, nhưng khi tôi được họ chọn lãnh giải cùng một năm với Sandburg và Saroyan thì tôi rất hãnh diện."

"Ai đưa con sáo sang sông, để cho con sáo..."

TIẾNG HÁT RU ĐỜI, RU NGƯỜI

NGÔ ĐÌNH VẬN

(tiếp theo)

Tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, có một nhân vật được mọi người gọi là "chuyên gia ru con", đó là giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, 58 tuổi, sinh quán tại Hà Nội.

Giáo sư Bích lập gia đình từ lâu nhưng lại hiếm muộn chưa có con vì thế ông rất ưa bế và ru con dùm cho những người trong vòng thân thuộc, bằng hữu.

Ông Bích tâm sự rằng "Từ nhiều năm qua, cuối tuần nào tôi cũng bồng bế con nít và ru cho trẻ ngủ. Có những đứa trẻ lúc trước tôi ru bây giờ đã trưởng thành, lập gia đình, sinh con và tôi lại tiếp tục ru con của họ."

Cho hay rằng trong vòng quyến thuộc của ông số trẻ em từ lọt lòng cho tới một, hai tuổi bây giờ có cả trên 50 em, giáo sư Bích nói tiếp "Mới tối qua [một ngày trong tháng 2/95] tôi bế một đứa cháu gọi tôi bằng ông chú, cháu bé chưa đầy năm tháng, tôi vừa bế vừa ru vài câu thì nó đã ngủ rất ngoan, các con của ký giả Ngô Vương Toại, tôi cũng đều bế và ru họ lúc còn nhỏ."

Các bài hát ru mà giáo sư Bích hay dùng gồm các điệu ru của cả ba miền Trung, Nam, Bắc, các điệu cổ như sa mạc, bồng mạc, lưu thủy, ngâm Kiều, Chinh Phụ Ngâm...

Một kỷ niệm đáng nhớ trong suốt "quá trình ru con" dùm của giáo sư Bích được ông kể: "Vào năm 1956 lúc tôi còn là sinh viên đi du học ở Mỹ, tiểu bang tôi cư ngụ bấy giờ là New Jersey, để kiếm thêm tiền tôi đã hành nghề giữ trẻ bán thời gian cho một gia đình Mỹ. Gia đình này khen tôi làm việc tốt nhưng bất ngờ một buổi chiều bà mẹ của đứa bé bắt gặp tôi đang bế em nhỏ và hát cho nó ngủ thì bà mẹ đã hốt hoảng chạy tới và nói với tôi rằng "Cậu đừng có đọc bùa chú cho con tôi nó ngủ, làm sao sáng mai tôi có thể đánh thức nó dậy được..., tôi đã phải hết lời giải thích về tập tục ru em của người Việt Nam và dịch cả bài hát cho bà mẹ yên lòng, khi bà ta hiểu rõ câu chuyện thì quý trọng tôi lắm." Về tập tục ru con của các gia đình Việt Nam cư ngụ tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn bao gồm các phần đất của tiểu bang Virginia, Pennsyvania, Maryland theo nhận xét của "chuyên gia ru con" Nguyễn Ngọc Bích thì ở mức độ rất thấp, mất dần theo năm tháng.

Tại vùng Fallschurch, tiểu bang Virginia, tiếng hát của một người mẹ ở một làng quê thuộc tỉnh Sơn Tây cất lên từ năm 1941 mà nay vẫn còn ám ảnh trong tâm tưởng của vị nhạc sĩ thuộc lớp người tiền phong sáng tác ra tân nhạc Việt Nam là nhạc sĩ Thẩm Oánh.

Nhạc sĩ Thẩm Oánh, 78 tuổi, sinh quán ở Hà Nội đã kể lại rằng "Nghe một điệu ru đúng hơi nhạc uyển chuyển, lên xuống thuận hòa thì rất xúc động, phải nín thở mà nghe. Vào năm 1941 khi tản cư lên Sơn Tây, tôi đã được nghe một giọng hát ru thanh thoát không thể diễn tả được, bây giờ tiếng hát ru của trên 50 năm về trước lâu lâu lại luẩn quẩn trong tâm trí tôi, nhiều lần tôi đã thử diễn tả giọng hát hiền từ đó bằng một bản nhạc nhưng đến bây giờ vẫn không làm được, trong công việc sáng tác tôi đã phải tự bỏ đi nhiều lần chẳng hạn như bài Tòa Miếu Cổ, tôi khởi soạn từ năm 1941 mà tới năm 1993 tôi mới làm xong."

Trở lại Houston, Texas, nhạc sĩ Song Ngọc, 53 tuổi, sinh quán ở An Giang đã cho chúng tôi biết rằng những điệu ru con đã ảnh hưởng sâu đậm trong mọi sáng tác của ông. Nhạc sĩ Song Ngọc nói "những làn điệu mang đầy hồn tính dân tộc chắc chắn sẽ còn ảnh hưởng tới cả cuộc sống của tôi."

Về các lớp trẻ hơn chịu ảnh hưởng bởi tiếng hát ru, chúng ta vẫn có thể tìm được. Ý Lan, một giọng hát đang được yêu chuộng đã nói với chúng tôi rằng "Ý Lan nấu canh cũng khá ngon, nấu canh mà không cho tiêu cho hành vào thì không phải là canh chua nữa."

Không hiểu việc nội trợ của Ý Lan có chịu ảnh hưởng bởi tiếng hát ru của thân mẫu cô là nữ ca sĩ Thái Thanh không?

Nữ ca sĩ Thái Thanh cho chúng tôi biết là đã thường ru các con bằng những câu ru của miền Nam hơn là những bài ru con miền Bắc. Một trong những câu ru mà ca sĩ Thái Thanh nhớ nhất là câu:

Ầu ơ, ví dầu con cá nấu canh,
Bỏ tiêu cho ngọt, bỏ hành cho thơm.

Câu ru này lại được người con là Ý Lan dùng để ru con mình. Con gái của Ý Lan nói tiếng Việt rành rẽ và rất lễ phép khi nhấc điện thoại trả lời người gọi tới.

Tại thành phố Irvine, California, nữ nhạc sĩ đàn tranh Ngọc Quỳnh, 20 tuổi, sinh quán tại Sài Gòn, còn độc thân nhưng cô cho hay là hằng ngày cô vẫn bế cháu và ru cho cháu ngủ.

Ngọc Quỳnh hồn nhiên, tâm sự "Cháu nhớ được câu gì thì ru đại cho cháu của cháu , như câu 'ví dầu cầu ván đóng đinh...' chú biết không? Hay là câu 'Ru con con ngủ cho ngoan để mẹ đi chợ mua bánh cho con,' chú biết không? Cháu của cháu vì sinh ở bên đây nên nó có tên là Mary, mới được 18 tháng, dễ thương lắm chú, nó lớn lên là cháu sẽ dạy cho nó đánh dàn tranh, cháu cổ hủ lắm mà chú, nhưng cháu cũng biết chơi *keyboard* nữa, cháu ở trong ban nhạc Asian thường giúp vui cho các đám cưới vào cuối tuần."

"Ví dầu cầu ván đóng đinh...", câu hát ru này cũng được nghệ sĩ Ngọc Nuôi đã dùng để ru các nữ nghệ sĩ Ngọc Quý, Ngọc Bích khi các cô này còn nhỏ.

Về tập tục ru con nhiều bà mẹ trẻ còn ru lại sợ con "ghiền" ru thì khổ, chị Trần Thị Hải ở Huntington Beach cho hay là "Tôi muốn ru các cháu lắm, hát thì nó dễ ngủ nhưng rất ngại sẽ trở thành thói quen thì tôi không có thì giờ vì còn mắc bận đủ thứ việc."

Ở Santa Ana, chị Nguyễn Ngọc Bích, quê ở Trà Vinh cho biết rằng "từ đời bà nội, bà ngoại qua đến đời mẹ rồi đến đời tôi thì chỉ có mấy câu ru con gia truyền như câu:

Má ơi con vịt chết chìm
Để cho con cá lìm kìm nó rỉa lông.

Tuy nhiên câu ru này theo cụ Nguyễn Thị Kết, 72 tuổi, quê ở Cao Lãnh, hiện cư ngụ tại Montréal, Gia Nã Đại thì cho chúng tôi hay rằng "Ở quê tôi lúc xưa câu này lại được hát khác đi rằng: *Má ơi con vịt chết chìm, Con lội xuống vớt sợ con cá lìm kìm nó cắn cu.*"

Cụ Kết giải thích là câu ca này có lẽ kể chuyện một chú bé làm biếng kiếm cớ để trốn việc, cụ nói "không biết trúng trật thể nào."

Trong công việc thăm hỏi, chúng tôi và các thân hữu cũng gặp rất nhiều phản ứng phiền hà , nghe được nhiều câu cự nự "Hỏi gì mà ấm ớ thế," "Hỏi gì mà kỳ cục vậy" của rất nhiều bà, nhiều chị, nhiều cô. Có người nói "Thời buổi văn minh người ta đã leo lên cả mặt trăng rồi còn ru gì nữa."

Một chuyện đáng nhớ xảy ra ở San Diego, chúng tôi gặp một cụ thuộc chỗ quen biết, thấy cụ đang ẫm cháu, chúng tôi đã hỏi rằng "Bác còn ru cháu nó ngủ không", bà cụ tỉnh tỉnh rất vui vẻ, thành thật đã đáp gọn rằng "Trời ơi sang đây còn ru gì nữa, bây giờ tiện có bộ phim đây, cứ việc bấm nút một cái thì bộ phim nó ru cả bà lẫn cháu, tiện lắm."

Tuy vậy đối với những người còn chủ trương tập tục hát ru của dân tộc Việt Nam thì nhiều người đã góp ý kiến là nên khơi động lại tập quán truyền thống này bằng cách tổ chức các cuộc thi hát ru con hoặc thực hiện các cuốn băng hát ru Việt Nam để những người mẹ không có thì giờ ru cho con ngủ có thể dùng được. Có cụ yêu cầu chúng tôi không nên nêu tên tuổi ra đã lý luận rằng "Muốn cho trẻ em Việt Nam yêu Việt Nam thì trước hết phải ru cho các em nhỏ quen nghe các làn điệu Việt Nam, nghe quen dần dần, lớn lên chúng sẽ hiểu được cái hay, cái tình cảm chứa đựng trong các lời ru thì mới giữ tình yêu cội nguồn dân tộc được."

Hát ru Việt Nam còn hay mất ở hải ngoại còn tùy thuộc vào sự chọn lựa của đại đa số đồng bào thầm lặng và còn tùy thuộc hoàn cảnh của mỗi gia đình.■

CHÚC MỪNG

Nhận được tin vui Ông Bà TRẦN DŨ
làm lễ thành hôn cho trưởng nam là

TRẦN PHÚ

đẹp duyên cùng

JULIE SANG-HI YU

thứ nữ của Ông Bà KEUN YOUNG YU

Hôn lễ cử hành
ngày 6 tháng Năm 1995
tại Irvine, California

Xin chúc mừng hai họ
và chúc đôi bạn trẻ Julie-Phú
trăm năm hạnh phúc.

Tạp chí THẾ KỶ 21

ĐI TÌM LỖ SÂU

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Một lần nữa tôi lại xin khất bạn đọc, gác bài về Hóa học lại một kỳ, mặc dù đã viết từ hai tháng nay. Lý do là trong tháng Ba 1995 vừa qua lại có một biến chuyển mới trong thời sự khoa học kỹ thuật.

Đây không phải là một phát minh hay khám phá gì ghê gớm lắm, nhưng sự kiện này liên quan đến một đề tài, thú thật, đã làm tôi mê say từ lâu, trong khuôn khổ các môn Vũ trụ học, Vật lý thiên thể cũng như các lý thuyết về Big Bang, du hành trong thời gian, đa vũ trụ và lỗ đen.

Các nhà bác học mới đây đã tìm thấy lỗ đen, bây giờ họ muốn đi tìm một thứ quái gở hơn gọi là lỗ sâu.

Bài này và hình ảnh, dựa trên một bài báo đăng trên tờ Orange County Register *hồi trung tuần tháng Ba 1995.*

(Ngày 19 tháng 3 năm 1995)

Cuộc đời rút cuộc chỉ là việc đi tìm một cái lỗ chăng? Có lẽ ở tầng cao nhất của trí tuệ loài người — đây là nói các bậc khoa bảng, các nhà vật lý nghiên cứu vũ trụ — vấn đề là đi tìm một cái lỗ thật, nhưng trong lớp phó thường dân như chúng ta, chẳng dại gì mà đi tìm cái của quỷ đó cho khổ.

Năm 1994, các nhà bác học đã tìm thấy lỗ đen (*blackholes*), bây giờ họ hô hào nhau đi tìm lỗ sâu (*wormholes*), với ý đồ vén thêm màn bí mật của cụ Tạo Hóa.

Gregory Benford, một nhà vật lý hoc của UCI (University of California, Irvine) và cũng là một tiểu thuyết gia khoa học giả tưởng đã hợp tác với một số các nhà bác học khác viết chung một bài báo cổ võ việc đi tìm lỗ sâu và nêu ra khả năng tìm thấy vật lạ này. Bài báo đã được đăng trên một tạp chí lý thuyết cao về Vật lý, rất được kính nể trong giới khoa học, tờ *Physical Review*.

Đồng tác giả của bài báo này có nhiều nhà bác học khác, trong đó có nhà vật lý học Matt Wisser của trường đại Học Washington ở St Louis, Mo. Đây là một nhóm lý thuyết gia muốn đẩy thuyết Tương đối của Einstein đến chỗ tận cùng để chứng minh tất cả.

Chúng tôi đã viết nhiều về thuyết tương đối tổng quát của Einstein, ở đây chỉ xin nhắc lại một điểm trong không gian tương đối tính là không gian và thời gian đều cong lại vì sức hấp dẫn ghê gớm của toàn bộ vật chất trong vũ trụ cộng lại. Các phương trình của Einstein đã đưa đến một điểm lạ. Đó là điểm dị, từ đó lỗ đen hình thành.

Các phương trình Vật lý chỉ là một thứ ngôn ngữ toán học ngắn gọn để trình bày một thuyết lý học. Các biểu thức này bắt buộc phải đưa đến những nghiệm, tức là được chứng minh bằng những thử nghiệm hay quan sát trên thực tế, nếu không lý thuyết sẽ vô giá trị.

Các phương trình Einstein cũng như các đẳng thức toán có thể đưa ra nhiều nghiệm khác nhau, tùy theo sự thay đổi các biến số ghi trong bài toán. Từ khi các phương trình Einstein được đưa ra cách đây gần một thế kỷ, nhiều nghiệm đã được chứng minh bằng quan sát. Thế nhưng khi đẩy các biến số "biến" đến chỗ vô cùng tận của phép toán, phương trình lại đưa ra những câu trả lời quái dị, đến độ các nhà khoa học đương thời cũng phải bán tín bán nghi, có người cho rằng mơ hồ không thể nào có được. Đó là trường hợp của lỗ đen.

Thế nhưng, trong các cuộc quan sát vũ trụ mấy năm gần đây, nhất là nhờ một dụng cụ rất hiện đại là thiên văn kính Hubble bay trên quỹ đạo, người ta đã phát hiện điều mà nhiều người cho là không thể có. Người ta tìm thấy lỗ đen.

Chính sự khám phá này đã khuyến khích các lý thuyết gia đi những bước táo bạo hơn nữa, trên một cây cầu cũng rất quái đản, bắc từ khoa học giả tưởng (*science fiction*) qua khoa học thực sự (*science fact*).

Lỗ sâu trong giả tưởng

Trong mấy chục năm qua, lỗ đen chỉ là một đề tài của các cuốn tiểu thuyết hay phim điện ảnh giả tưởng. Bây giờ lỗ đen đã hết là giả tưởng.

Lỗ sâu cho đến nay cũng chỉ là một đề tài khoa học giả tưởng, bắt nguồn từ những lý thuyết chưa được chứng minh. Nhưng ở cái lỗ này, trí tưởng tượng của con người phong phú vô cùng, nó thọc sâu đến mút chỉ cần câu, coi hoang đường như chuyện Phong Thần.

Cố mhiên lỗ sâu không phải là lỗ... sâu hoắm để hút trí óc của con người vào chỗ vô cùng tận. Lỗ sâu giản dị chỉ là lỗ của con sâu.

Nhưng lỗ sâu hình dạng nó như thế nào? Và tại sao lại gọi là lỗ của con sâu (*wormholes*)?

Trước hết chúng ta hãy nhìn lỗ sâu trên khía cạnh hoàn toàn giả tưởng mà chúng ta vẫn thấy trong tiểu thuyết hay phim ảnh. Các bạn đã

từng theo dõi loạt phim liên hồi khoa học giả tưởng *Star Trek* của thập niên 60, kéo dài cho đến ngày nay dưới tựa đề *Star Trek: The next generation* trên truyền hình Mỹ, chắc hẳn đã thấy phi thuyền không gian *Enterprise* thám hiểm vũ trụ, vút đi trong chớp mắt để qua lại giữa các giải thiên hà (*galaxies*) trong vài... giây đồng hồ.

Nên nhớ giải thiên hà là những khối sao hình bánh tráng dẹt như giải Ngân Hà của chúng ta, ở cách xa nhau hàng chục, hàng trăm triệu năm ánh sáng, có nghĩa là nếu bay nhanh bằng ánh sáng, với tốc độ 300.000 cây số một giây đồng hồ, phi thuyền cũng phải bay mất hàng chục, hàng trăm triệu năm mới tới. Vậy tại sao chỉ trong mấy giây đồng hồ, *Enterprise* đã vượt được khoảng cách khủng khiếp đó?

Xin thưa rằng phi thuyền đã bay theo đường của lỗ sâu.

Gần đây nếu bạn nào tình cờ được xem các phim TV như *Stargate* hay *Master of the Universe*, các bạn cũng thấy các nhân vật trong phim di chuyển qua đường lỗ sâu.

Vậy lỗ sâu chính là những con đường tắt, đường ngầm cực ngắn để đi qua các khoảng cách mênh mông trong vũ trụ. Nửa thế kỷ trước đây, khoa học giả tưởng còn gọi đó là siêu không gian (*hyperspace*), theo một ý niệm mơ hồ, không dựa vào một nguyên lý khoa học nào, mà chỉ đưa ra một ước mơ... giả tưởng.

Nhưng khoa học giả tưởng ngày nay cũng tiến bộ hơn nhiều vì đã có những lý thuyết khoa học mới để dựa vào đó phóng trí tưởng tượng đi xa hơn.

Ngay nay người ta gọi nó bằng một cái tên thực tế hơn: đường ngầm trong không gian (*subway in space*).

Tại sao lại gọi là đường ngầm như bộ đường xe điện ngầm vậy?

Ở đây chúng ta đã có thể nhảy một bước từ khoa học giả tưởng qua khoa học thực sự được rồi.

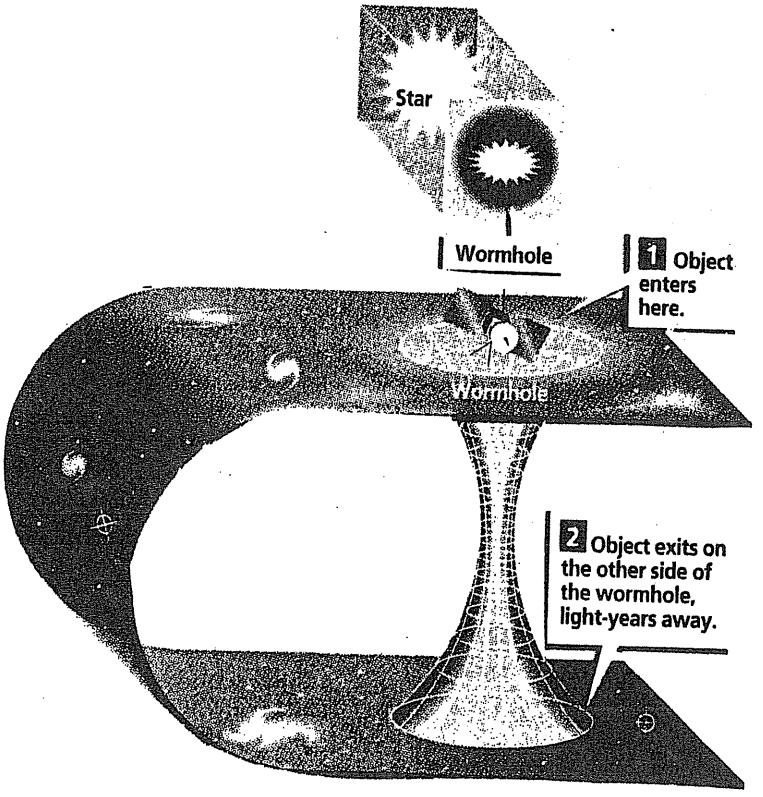

Đường ngầm trong không gian, lỗ sâu nối liền các lớp Không-Thời gian bị cuộn, vượt qua không gian hàng triệu năm ánh sáng trong khoảng khắc vài giây đồng hồ, khiến phi thuyền bay nhanh hơn ánh sáng mà vẫn không vi phạm nguyên lý Einstein: Không vật gì có thể bay nhanh hơn ánh sáng. Người ta có thể tìm lỗ sâu qua các thiên văn kính hiện đại.

Không-Thời gian xoắn lại

Chúng ta hãy trở lại cái khối "quyến thuộc" Không-Thời gian (*space-time continuum*) của cụ Einstein mà chúng tôi đã có dịp trình bày nhiều lần trên tạp chí này, và gần đây cũng đã phác qua những nét chính trong bài *Nghịch lý Thời gian* và bài kế tiếp đăng trên *Thế Kỷ 21* số 60 và 61.

Các phương trình Tương đối tổng quát của Einstein là một biểu thức về thế xoắn của Không-Thời gian. Để hiểu thế xoắn này, tốt hơn hết chúng ta hãy tạm từ bỏ những hiểu biết thông thường về cái gọi là Không gian và Thời gian, để bước vào lãnh vực tư duy siêu tri thức.

Ta hãy tạm nói Không-Thời gian cuộn lại như cuộn... chả giò. Thế nhưng khi bạn cuộn chả giò, bạn đã cuộn gọn một cái bánh tráng dẹt và mỏng. Không-Thời

gian của cụ Einstein không có hình dạng dẹt và mỏng. Nó là một khối quyến thuộc.

Vậy một khối quyến thuộc cũng giống như một cái bánh chưng ngày Tết vuông vắn với ba chiều ngang dọc và dày chớ gì? Không phải, vì khối quyến thuộc này còn có thêm một chiều nữa là chiều Thời gian.

Làm sao hình dung được một khối bốn chiều như vậy nếu ta còn nghĩ đến các khối như khúc gỗ, hòn đá, quả núi hay quả địa cầu. Bắt buộc phải bỏ hẳn những "hình" và "tướng" quen thuộc với cặp mắt trần thế này.

Hình dung được một khối như vậy đã là chuyện quái đản. Bây giờ lại bảo nó cuộn lại như cuốn... chả giò có họa là bể luôn cái đầu của mình.

Chúng ta hãy tưởng tượng một thứ không phải dày, không phải mỏng, không phải là một khối như khối đá hay quả núi, nhưng nó cuộn lại như một cuộn giấy, cuộn thảm, cuộn chỉ mà lại không phải là cuộn giấy, cuộn thảm hay cuộn chỉ.

Thế nó giống cái gì?

Các bậc thiền sư có bao giờ nói "thiền" giống cái gì bao giờ đâu?

Hình học Không gian Einstein cũng vậy. Nó chẳng giống cái gì hết.

Lạ nhỉ, tôi chẳng thấy Không-Thời gian cuộn ở đâu cả. Tất cả đều như thẳng tắp. Ngay cả các tia sáng từ các vì sao ở cách chúng ta hàng triệu năm ánh sáng cũng chạy thẳng đến mắt chúng ta, nào có thấy nó cuộn đâu?

Các bạn nhầm đó thôi. Ánh sáng từ xa thẳm, mà ta tưởng là chạy thẳng, thật ra đã chạy theo đường cuộn vòng rồi mới đến mắt chúng ta. Chúng ta không thấy được sự cuộn tròn đó là vì con mắt và trí tuệ con người chỉ có giới hạn.

Chúng ta cũng giống như một con kiến bò trên một quả cầu khổng lồ là Quả Đất. Con kiến bò đinh ninh là nó đang bò trên một mặt phẳng, chớ nó có biết đâu thực ra nó đang bò trên một mặt phẳng cong tròn đóng kín. Nếu nó cứ bò mãi, lẽ tất nhiên đến một ngày nào đó, nó sẽ trở lại đúng điểm khởi hành lúc ban đầu. Ánh sáng "bò" trong sự xoắn của Không-Thời gian, dưới con mắt và trí tuệ của chúng ta cũng giống vậy thôi.

Có nhiều loại lỗ

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

TẨY HẾT GIÙM TÔI

1

Trông người đàn ông đâu đến nỗi ố duyên
Buồn buồn hỏi mua chai thuốc tẩy
Tôi cũng đâu đến nỗi là cô bán hàng ưa giăng bẫy
Nhưng lẽ nào
Anh ta không phải một lần chết đi rồi mới cảm thấy
Tình yêu tình yêu trộn lẫn
Chai thuốc tẩy với hơi hướm tình nhân
Ôi dáng vóc yêu ma thánh thần
Làm sao tẩy hết giùm tôi những vết quầng thâm
Trên đuôi mắt ký ức
Kỳ thực... kỳ thực
Lũ mưa bay lúc nãy cũng không thể tẩy xóa
những giọt nước mắt khô
Có thằng thốt la gào cũng không thể nào truy nã
Những điều không có thực bức xúc
Như hạnh phúc
Như đắm say dâng đầy ngập lụt
Những giả tạm của trần gian
Một đôi khi
Tất cả bỗng ào đổ xuống cùng một lúc
Chút bão tố linh vương
Chút tuyệt phúc đau thương
Chút vần thơ vỡ lệ vấn vương
Làm tôi cũng đổ nhào xuống
Dù biết cuộc tình không hẹn mà đã rõ quá muộn
Dù biết không ai có thể chi li
Tẩy hết một mùi hương
Mà sao vẫn không thể không thấy rằng
Một đôi khi...

2

Đêm biển một mình không lời cố tri
Gió rì rào và bầu trời lóng lánh trăng sao
Có phải đó là lúc tôi nghe được
Tiếng khóc của sóng lao xao
Chào vĩnh biệt những dấu chân hoang mạc
Cùng những bức thư tình trên cát
Ôi ước gì chúng ta tẩy hết những lo âu bội bạc
Cuộc đời như mây trôi lãng đãng
Sông có vui, nước có buồn thì tình yêu kia cũng chỉ là một mối
Xin cứ yêu Người hết thảy trần gian
Rồi ngày tháng sẽ tẩy hết giùm tôi
Nước mắt.

Vậy thế nào là đường ngầm (*subway*) trong không gian?

Trở lại thí dụ quả đất tròn cho dễ hiểu. Nếu có một chiếc tàu chạy từ bờ biển Đông của Việt Nam cho đến bờ biển Tây của Hoa Kỳ, nó phải chạy theo đường cong của vỏ Trái Đất tròn như một quả cam, con đường cong là đường dài.

Nhưng nếu con tàu chui luôn vào ruột trái đất và chạy theo đường thẳng từ mặt bên này của địa cầu sang đến mặt bên kia, con đường sẽ ngắn. Đó chính là đường ngầm chạy dưới đất, từ ngữ "subway" để chúng ta liên tưởng đến các hệ thống xe điện ngầm ở các thành phố lớn hiện nay.

Trong khối quyến thuộc Không-Thời gian xoắn như cuộn chỉ (không phải giống như cuộn chỉ) cũng có những con đường tắt như vậy.

Một phi thuyền bay trong vũ trụ, nếu thí dụ có cách nào bay nhanh bằng tốc độ ánh sáng, cũng chỉ chạy theo đường cong của ánh sáng để mất hàng triệu năm mới từ thiên hà này qua thiên hà khác, cũng giống như chạy theo đường uốn cong của cái bánh tráng cuộn. Có ngờ đâu cái đích cần tới lại ở ngay dưới mặt trái của lớp bánh tráng mỏng.

Các đường ngầm trong không gian chính là những đường như mũi kim xuyên thủng các lần vỏ cuộn tròn, mà khỏi chạy vòng. Các con đường đó là lỗ sâu. Từ ngữ "lỗ sâu" đã xuất hiện từ năm 1965 do nhà vật lý học đương kim John A. Wheeler của trường đại học Princeton đưa ra, để mô tả con đường của một con sâu trong trái bom (táo). Con sâu không bò trên mặt trái táo, mà đục luôn một lỗ để chui vào ruột trái táo. Đó cũng là con đường của phi thuyền *Enterprise* bay trong khối quyến thuộc Không-Thời gian vậy.

Nhưng bây giờ trong giả tưởng đó, các nhà bác học muốn đi tìm sự thật.

Lý thuyết về lỗ sâu có nhiều. Đã có những mô hình toán học căn cứ trên các phương trình đường cong Không-Thời gian của Einstein để cố phác họa lỗ sâu bằng toán. Lỗ sâu có thể nằm trong thế giới vi mô của vật lý lượng tử, có thể nằm trong lỗ đen của vũ trụ, có thể là những đường đi đến những thế giới khác trong thuyết vũ trụ chồng chập mà cũng có thể là những đường nhau cuống rốn dẫn từ vũ trụ mẹ đến vũ trụ con, và giản dị hơn hết, nó có thể là những đường ngầm xuyên qua những lớp cuộn của Không-Thời gian trong vũ trụ này.

Có nhiều lỗ sâu như vậy, tại sao không đi kiếm nó cho bằng được? Đó chính là đề nghị của lý thuyết gia Vật lý Gregory Benford.

Nhìn thẳng vào cửa lỗ

Theo ông Benford, lỗ sâu là một vật hóa thạch (*fossil*) từ Big Bang (Vũ trụ bùng nổ) cho đến ngày nay. Cũng như di tích của các động vật hóa thạch in dấu trong các lớp đá ở các tầng lớp sâu dưới đất, lỗ sâu đã thành hình ngay từ lúc vũ trụ sinh ra và khi vũ trụ giãn nở, lỗ sâu cũng giãn nở theo vũ trụ.

Hai đầu của lỗ sâu là "cửa" lỗ (*hole mouths*) ở cách xa nhau hàng trăm triệu năm ánh sáng nếu ta cứ đi theo các lớp cuộn của Không-Thời gian. Nhưng trên thực tế, nếu đã vô được một cửa rồi thì đi qua cửa bên kia rất gần, giống như một cây kim xuyên qua các lớp bánh tráng của cuộn chả giò để thọc luôn vào giữa. Rõ là chỉ trong gang tấc ngõ là quan san.

Không giống như lỗ đen, lỗ sâu là một thứ lý thuyết chưa có một mảy may bằng chứng nào cho người ta hy vọng. Nhưng nếu các phương trình Einstein đưa đến lỗ đen, nó cũng có thể đưa đến lỗ sâu.

Các ông Benford, Wisser và một số các lý thuyết gia khác ký tên trong bài báo đăng trên tờ *Physical Review* đề nghị như thế này: Cho một chương trình hiện đang được thực hiện ở Cơ sở Thí nghiệm quốc gia Lawrence ở Livermore "cõng" luôn kế hoạch đi tìm lỗ sâu.

Chương trình ở Livermore là chương trình đi tìm chất tối (*dark matter*) trong vũ trụ. Các nhà vũ trụ học gọi đây là chất "còn thiếu," một chất nhìn không thấy, nhưng có thể nhiều gấp cả trăm lần những vật ta vẫn thấy trong vũ trụ như các vì sao, các giải thiên hà, các đám tinh vân khổng lồ...

Để đi tìm chất tối, các nhà bác học đặt hy vọng vào một hiện tượng gọi là "lăng kính hấp dẫn" (*gravitational lensing*). Sức hấp dẫn khủng khiếp của khối lượng khổng lồ của chất tối sẽ làm cong ánh sáng, cũng giống như ánh sáng bị khúc xạ trong lăng kính ống nhòm để khuếch đại. Chẳng hạn một ngôi sao ở xa, ánh sáng bị lu mờ, nhưng khi ánh sáng của nó trước khi đến mắt ta, chạy qua gần bên một khối lượng vật chất ta không thấy là chất tối, khối lượng ghê gớm của chất tối này sẽ làm ánh sáng bị khúc xạ cũng như đã đi vào lăng kính, khiến ánh sáng của nó tự nhiên sáng rực như ta nhìn vào một kính hiển vi. Thấy hiện tượng này tức là đã thấy được chất tối vậy.

Chính trong sự đi tìm chất tối như vậy, may ra người ta có thể dòm thấy "cửa lỗ."

Bởi vì ở cửa lỗ sâu nào đang có vật chất phọt ra, sẽ có những tia sáng bị khúc xạ như trong lăng kính. Hoặc giả may hơn nữa, người ta có thể chiếu tướng đúng vào chiều dài của lỗ sâu, để nhìn thấy một ngôi sao ở bên kia cửa lỗ, ánh sáng của nó có thể bị xoắn vặn đến độ bất thành... "sao dạng," lúc đó người ta sẽ biết chắc quả đã nắm đúng được lỗ rồi vậy (xem hình kèm theo).

Viển vông và mơ hồ quá phải không, các bạn? Nhưng trong lịch sử khoa học, chính những óc tưởng tượng siêu đẳng như vậy đã đem lại những khám phá sự thật.■

VỊ TRÍ CỦA NGƯỜI LÀM TRUYỀN THÔNG TRONG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT TỊ NẠN

PHẠM TRẦN

Trong suốt 20 năm qua tôi đã có cái may hơn nhiều anh em đồng nghiệp khác là được tham gia và theo dõi ngay từ ngày đầu về sự hình thành và phát triển của ngành truyền thông Việt ngữ ở hải ngoại. Tôi cũng đã được quan sát và tìm hiểu về vai trò của những người cầm bút trong các cộng đồng người Việt tị nạn, đặc biệt ở Hoa Kỳ.

Nhận xét này càng rõ rệt hơn vào mùa Xuân năm 1994, khi tôi có dịp đi thu thập tài liệu cho cuốn sách "20 Năm Báo Việt Ở Nước Ngoài". Tôi đã thấy tại mỗi nơi có người Việt cư ngụ, dù ở một thành phố nhỏ, cũng có báo Việt ngữ. Báo Việt có nhiều loại từ không định kỳ đến báo tháng, báo hai tuần, báo tuần rồi mỗi tuần hai, ba số hay báo ra hàng ngày như ba tờ ở California (*Người Việt*, Orange County; *Việt Nam Nhật Báo* và *Việtnam Thời Báo*, San Jose) và tờ *Chiêu Dương* ở New South Wales, Úc Đại Lợi.

Tính chung người Việt chúng ta đang có cả ngàn tờ báo lớn nhỏ trên thế giới, thuộc đủ mọi loại và mang nhiều nội dung khác nhau. Riêng ở miền Nam California cũng đã có tới 60 tờ tính đến đầu năm 1995.

Báo Việt ngữ cũng như các cơ sở thương mại và các tiệm ăn đều tập trung vào những khu vực có nhiều người Việt cư ngụ. Ở Mỹ, đa số báo Việt tập họp ở bốn trung tâm chính: vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn, bắc California (San Jose - San Francisco), nam California (Los Angeles, Orange County va San Diego) và vùng trung nam nước Mỹ (Houston - Dallas).

Tổng số báo làm thương mại ở bốn trung tâm, đến đầu năm 1995, đã có trên 100 tờ, không kể báo của các đoàn thể, tổ chức, hiệp hội và tôn giáo.

Ngoài ra báo Việt cũng đã có mặt lâu năm, tuy không đông đảo, ở các vùng tây bắc Hoa Kỳ (Washington - Oregon: Seattle, Portland, Vancouver), miền Nam (Georgia: Atlanta và vùng hạ lưu sông Mississippi, Lousiana: New Orleans). Thậm chí ngay ở miền trung Hoa Kỳ, nơi người Mỹ từng hãnh diện gọi là "vùng đất của dạ dầy" với những cánh đồng và nông trại bao la, nhưng lại không lôi cuốn nhiều người Việt, cũng đã có *Trung Mỹ Việt Báo* ở Oklahoma city (Oklahoma) hay tạp chí *Thế Giới Ngày Nay* ở Wichita (Kansas).

Trong số báo tôn giáo, hai nguyệt san *Trái Tim Đức Mẹ* của các Linh Mục Dòng Đồng Công ở Carthage (Missouri) và *Dân Chúa* ở New Orleans (Lousiana) của Linh Mục Việt Châu là những báo, không những ra đời từ lâu (1977) mà còn có số độc giả vững hơn cả báo không mang màu sắc tôn giáo nào.

Báo ở các nước khác

Làng báo Việt ở Canada cũng đã tập trung ở những thành phố có nhiều người Việt cư ngụ như Montreal và Toronto. Đến đầu năm 1995, có 26 báo lớn nhỏ đang lưu hành nhưng không có báo thương mại nào có văn phòng ở Ottawa, thủ đô chính trị của Canada. Ngược lại, ít nhất cũng có bốn báo Việt ở Vancouver, hải cảng và thành phố thương mại quan trọng nhất của Canada nhìn ra biển Thái Bình Dương.

Ở Châu Âu, vì số người Việt ở rải rác và không có điều kiện cho sự phát triển của báo Việt nên báo chí, nhìn chung rất lèo tèo. Ngay ở Paris, thủ đô chính trị và văn hoá của nước Pháp, cũng chưa có một tuần báo. Trong các báo xuất bản ở Pháp, đáng kể hơn cả là tờ *Tin Tức* ra hàng tháng và hai tạp chí ra không đều đặn là *Tiếng Gọi Dân Tộc* của kỹ sư Võ long Triều và *Quê Mẹ* của ông Võ văn Ái.

Cả *Tin Tức* lẫn *Tiếng Gọi Dân Tộc* đều viết bằng hai thứ tiếng Việt và Pháp nhưng *Tin Tức* có hình thức và nội dung "báo" hơn.

Ở Đức, nguyệt san *Độc Lập* ra đời từ 30 tháng Tư 1977, tuy đã qua nhiều giai đoạn thăng trầm, nhưng số nào cũng có những bài giá trị của nhiều cây viết có tiếng ở hải ngoại.

Theo nhà báo Trần văn Ngô, ngoài lý do ít người Việt và thiếu người biết nghề, báo Việt khó phát triển ở Châu Âu vì giấy và tiền in báo ở đây cao gấp 10 lần hơn ở Mỹ và Canada.

Trong khi đó, làng báo Việt ở Úc "ăn nên làm ra" không thua gì các đồng nghiệp của họ ở Mỹ. Ngành báo Việt ở đây được tiếp nối từ các báo của sinh viên miền Nam Việt Nam du học trước năm 1975, như các tờ *Tin Tức Sinh Viên, Thâm Tâm, Diễn Đàn Tổng Hội* và đặc san *Trẻ*. Sau đó, những người Việt tị nạn đầu tiên đến Úc đã hợp tác với sinh viên phát hành tạp chí *Người Việt Tự Do*. Cùng với nhịp độ của thuyền nhân tị nạn, người Việt ào ạt đến Úc định cư, các tạp chí *Quê Mẹ, Quật Khởi* và *Vượt Biển* lần lượt ra đời, tạo thành một diễn đàn

NGUYỄN DUY

EM ƠI, GIÓ

Em ơi gió - gió tâm thần
tầng bình yên tít trên tầng bão giông
Em ơi gió - gió nhàu sông
thầm lo bến lú đò không tới bờ
Em ơi gió - gió thô sơ
bùi ngùi lau lách trở cờ loe ngoe
Em ơi gió - gió ngang phè
ỡm ờ dở dói dồn ghe dạt bèo
Em ơi gió - gió cong queo
hồn hoang hú dựng ngoằn ngoèo ruột gan
Em ơi gió - gió loang toàng
nhoằng tia máu chớp phun tràn cung mây
Em ơi gió - gió tuầy huầy
phường ong bướm õng ẹo bay lòng thòng
Em ơi gió - gió rối đồng
hình nhân rơm cỏ tồng ngồng tả tơi
Em ơi gió - gió vênh trời
thánh thần đành lỗm ngỗm rơi rụng nhiều
Em ơi gió - gió quá liều
bình tâm hôn hít chín chiều cuồng phong

Cuối mùa bão 1993

chính trị chống chính quyền Công Sản ở Việt Nam.

Đến nay, theo các ông Trần Đức Danh và Ngô Lâm — hai trong số rất ít người Việt ở Úc đã bỏ công nghiên cứu về sự hình thành của làng báo Việt ở đây — hiện nay ở Úc có một nhật báo, sáu tuần báo, một bán tuần báo và bẩy tập san hay nguyệt báo. Ngoài ra còn có các loại báo ra ba tháng hay bốn tháng một số. Tổng cộng có 24 báo lớn nhỏ đang phục vụ lối 140 ngàn người Việt, đa số ở hai tiểu bang New South Wales và Victoria.

Báo nói và bản tin

Bên cạnh "báo viết" là "báo nói," nhưng báo nói chỉ thịnh hành ở Mỹ mà thôi. Cho đến bây giờ đã có tới 11 chương trình truyền hình và 10 chương trình phát thanh, đa số ở khu vực Orange County, California nơi thường được gọi với cái tên quen thuộc là Little Saigon.

Ngoài hai loại báo viết và báo nói như vừa kể, chúng ta còn có loại báo "điện tử" do một số người trẻ Việt Nam chủ trương được gọi là "Vietnamese News Network". Chúng ta chỉ có thể nhìn thấy loại báo này qua hình thức các bản tin trên màn ảnh máy computer có liên lạc với nhau. Tin của VNN không bán và sẵn sàng cung cấp miễn phí cho báo chí hay các tổ chức của cộng đồng Việt Nam, không riêng ở Hoa Kỳ mà còn ở Pháp, Canada và Úc Châu. Nhóm VNN rất chú trọng đến các tin sinh hoạt của cộng đồng, đặc biệt là các hoạt động chính trị.

Các anh em nhóm VNN cũng như nhiều người trẻ Việt Nam đang làm báo qua nhiều hình thức, từ trong các mái trường, qua các cơ quan ngôn luận của cộng đồng hay đoàn thể trong đó có nhóm Truyền Hình Việt Nam - Hoa Thịnh Đốn ở vùng bắc tiểu bang Virginia, là những sinh viên tốt nghiệp từ các trường chuyên nghiệp hay đại học Mỹ. Chỉ vì yêu tiếng Việt và muốn làm những việc có ý nghĩa mà họ đã bỏ thời giờ và tiền bạc để đóng góp sự hiểu biết của mình cho cộng đồng.

Ngoài ra, cũng còn có các bản tin miễn phí "CBA" do ông Chử Bá Anh chủ trương, "Quốc Gia Thông Tấn Xã" của giáo sư Nguyễn Ngọc Bích, bản tin "Tin Biển" do nhà văn Giao Chỉ Vũ văn Lộc thành lập, và bản tin "Tin Miền Nam" của nhà báo kiêm thi sĩ Quốc Nam đứng đầu. Hiện nay Quốc Nam là giám đốc của "Sàigòn Radio" ở Seattle, tiểu bang Washington.

Vinh quang và hệ lụy của báo chí

Tất cả ba loại báo và các bản tin này từ hai chục năm qua, bằng hình thức này hay hình thức khác, đã đóng góp không nhỏ cho sự thông tin liên lạc giữa người Việt tị nạn ở khắp mọi nơi. Những người trong ngành truyền thông cũng đã hợp tác chặt chẽ với các tổ chức của người Việt trong các hoạt động nhằm phục hồi Nhân Quyền, Tự Do và Dân Chủ ở Việt Nam. Họ cũng có công ngăn chặn hay phá vỡ

những hành động gây tác hại cho quyền lợi hay lập trường của người tị nạn, kể cả những hoạt động của một số người muốn lợi dụng người tị nạn cho các lợi ích cá nhân.

Nhưng khi làm như vậy, nhiều tai nạn nghề nghiệp đã xẩy ra cho làng báo, đặc biệt ở Mỹ. Đến đầu năm 1995, đã có bốn người bị sát hại trong khi đang hành nghề báo chí, nhưng thủ phạm của các vụ giết người này vẫn còn ngoài vòng pháp luật. Đó là các ký giả Nguyễn Đạm Phong ở Houston (1982), nhà văn Phạm văn Tập (Hoài Điệp Tử) ở Orange County (1987), Ông Đỗ trọng Nhân, nhân viên báo *Văn Nghệ Tiền Phong* (1989) và nhà báo Lê Triết cũng của VNTP bị ám sát cùng với bà vợ ở Virginia (1990).

Một số cơ sở báo Việt Nam cũng đã bị tấn công hay biểu tình áp đảo như trường hợp nhật báo *Người Việt* của nhóm Đỗ Ngọc Yến, các tuần báo *Việt Nam Tự Do* của Duy Sinh Nguyễn Đức Phúc Khôi, *Saigon Nhỏ* của Hoàng Dược Thảo, tạp chí *Yêu* và Đài phát thanh Sàigòn Radio của Đỗ vẫn Trọn (San Jose), nhật báo *Việt Nam Thời Báo* của Vũ bình Nghi, bán nguyệt san *Văn Nghệ Tiền Phong* ở Arlington, Virginia, v.v...

Tuy nhiên, người làm báo và những người viết báo tị nạn vẫn không lùi bước trước bạo lực. Họ vẫn viết và muốn tiếp tục viết trung thực những gì đã xẩy ra để bảo vệ quyền cầm bút của họ.

Trường hợp phiên tòa tháng Mười Hai năm 1994 (từ 5-12 đến 22-12-94) ở San Jose, California, giữa Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam (thường được gọi tắt là Mặt Trận) kiện báo *Văn Nghệ Tiền Phong* của ông Hồ Anh Nguyễn thanh Hoàng và hai nhà báo, nhà văn Nguyên Vũ Vũ ngự Chiêu và Cao Thế Dung, đã cho ta thấy rõ ranh giới giữa người cầm bút và những người làm chính trị tị nạn.

Bản án "vô tội" là một thắng lợi của giới cầm bút trong vụ này, tuy thế, đã đem lại bài học cho cả hai phía. Những người làm chính trị phải biết chấp nhận phê bình và chỉ trích của quần chúng và ngược lại người viết báo cũng phải hết sức thận trọng, không thể viết ra những gì không có bằng chứng hay nguồn gốc.

Tinh thần trách nhiệm ở cả người viết lẫn người đọc

Rất tiếc, cho đến nay, tuy báo in và truyền hình, truyền thanh của người tị nạn đã sống qua 20 năm ở các nước có nền báo chí tự do và tiến bộ nhất thế giới, một số không nhỏ trong ngành hãy còn lẫn lộn giữa chính trị với báo chí khiến vai trò độc lập của người viết bị tổn thương. Một số người làm truyền thông đã vấp phải khuyết điểm trong khi hành nghề khiến cho uy tín chung của người cầm bút bị va chạm và báo chí ở nhiều chỗ bị coi khinh. Trong vài trường hợp, nhiều chuyện cá nhân không liên can gì đến vai trò của người cầm bút cũng đã bị hiểu sai làm mất giá trị của báo chí.

Ngược lại nhiều người trong cộng đồng người Việt lại muốn sử dụng báo chí như một thứ công cụ tuyên truyền cho những việc làm không thực tế của mình. Những người này coi thường quyền đối thoại với công chúng qua báo chí hay các phương tiện truyền thông khác và muốn sử dụng võ lực để đè nén các tư tưởng đối lập.

Bên cạnh những cơ quan ngôn luận làm buồn lòng mọi người, các cơ quan truyền thông đứng đắn và những người cầm bút đàng hoàng vẫn tạo được ảnh hưởng với người đọc. Tình trạng báo "cho không," hay còn được gọi bằng cái tên thiếu tao nhã, "báo chợ," đã không làm mất đi giá trị của những việc làm có trách nhiệm.

Riêng đối với người đọc thì dù đã sống ở các nước văn minh 20 năm ,họ vẫn chưa tẩy rửa được cái tính thụ động. Độc giả Việt Nam rất ít khi có phản ứng với những bài viết hay đã đành nhưng ngay cả với những bài báo cẩu thả, đôi khi đến vô trách nhiệm, cũng không có tiếng phê bình!

Thói quen "viết chi đọc nấy" hay "nói sao nghe vậy" của nhiều người đọc hay người nghe đã biến báo chí hay truyền thanh, truyền hình thành những dụng cụ thông tin một chiều. Sự liên hệ lỏng lẻo giữa báo chí và độc giả, do đó, đã tạo cho người cầm bút cái ảo tưởng là người đọc hay người nghe đã đồng ý với những điều mình viết.

Hậu quả của tình trạng này, từ 20 năm qua, ít nhiều đã khuyến khích một số người sử dụng quyền tự do báo chí như thứ vũ khí bất khả xâm phạm để bảo vệ quyền lợi cá nhân, nhiều khi không chính đáng.

Vì vậy mà nhiều nhà báo có tâm huyết muốn độc giả bỏ thái độ dè dặt để cùng với họ làm cuộc "cách mạng báo chí," đổi "báo cho" thành "báo bán." Họ nhìn nhận là mỗi tòa soạn bây giờ là một "hòn đảo" và mỗi chủ nhiệm là một "chúa đảo," không ai nghe ai. Những nhà báo này cho rằng, chỉ khi nào độc giả tẩy chay không đọc những tờ báo cẩu thả nữa thì may ra lúc ấy giá trị của những báo đàng hoàng mới nổi lên. Và khi độc giả đã biết phân biệt hay, dở của một tờ báo thì khi ấy người làm báo chân chính mới hy vọng thoát khỏi cảnh "báo chợ" để nâng cao phẩm chất và trình độ người làm báo.

(Trích bản thảo "20 Năm Báo Việt Ở Nước Ngoài" của Phạm Trần, xuất bản trong năm nay. Các tiểu tựa trong bài này do tòa soạn TK 21 đặt.)■

MÙA TÔM BẠC RẠI

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

Trước năm một ngàn chín trăm bảy lăm, ai có dịp ra sông Đốc Vàm mà coi. Nhứt là những ngày mùa gió chướng, biển im, gió nhẹ và trời trong...

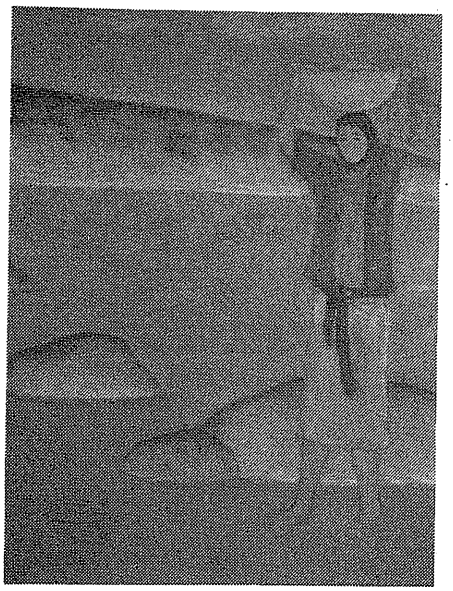

Lúc trời xế bóng, xóm ghe te, ghe cào bận rộn làm sao. Bạn thì lo sửa soạn gạo, nước mắm, cà phê, trà đường, bánh ngọt, hoặc moi những chỗ rách của miệng te, miệng cào ra vá lại. Tài công thì coi lại máy móc, dầu nhớt, bình điện và bóng đèn để chuẩn bị sau bữa cơm chiều còn phải khởi hành ra bãi.

Thường những ghe te, cào bãi chủ đảm nhiệm luôn chức tài công và kêu thêm vài người bạn, đôi khi cũng có vài cô gái đi bạn, nhưng phần đông là con trai, dầu sao sức trai tráng mần công chuyện nặng nhọc, thức đêm thức hôm cũng dẻo dai hơn đàn bà con gái.

Khi nắng chiều vừa nguội thì cơm nước cũng đã xong. Đoàn ghe lần lượt tách bến hướng ra vàm. Tùy tài công quyết định lên bãi trên hay xuống bãi dưới. Vì mỗi người mỗi ý, nên đoàn ghe ra khỏi họng vàm sẽ thấy tẻ ra làm hai hướng, một rẽ hướng Bắc, tức bãi trên, một về hướng Nam, tức bãi dưới.

Đây là những ghe đánh bãi nên không ra lằn nước sâu. Họ tốp máy dừng lại nơi mực nước vừa phải. Ghe te thì đẩy cặp gộng xuống và gài cứng vô mũi ghe, sau đó mới cột đụt thả phần miệng te còn lại xuống nước, rồi vô số lên ga đẩy. Còn ghe cào thì căng cặp ngáng ra hai bên hông ghe, sau đó mới thả miệng cào và buông cặp dép (1) xuống và lên ga kéo. Dưới ánh sáng sắp tàn của buổi chiều hôm, mạnh te te đẩy, mạnh cào cào lôi dọc theo chiều dài bãi biển... Khi ánh sáng hoàng hôn vừa tắt, tức thì đèn điện bật lên sáng trưng, đó là các ghe cào đương kéo dác cào đầu, hoặc ghe te dừng lại đổ đụt.

Thường những dác đầu đổ đụt lên cá tôm lộn xộn. Ngư phủ phải banh ra lựa tôm theo tôm, cá theo cá, rồi đựng riêng mỗi loại trong những chiếc khênh tre. Xong, các anh chị có quyền đi vô nấu nước pha trà, cà phê, dọn ra uống với bánh ngọt và tán chuyện trời trăng mây gió để chờ dác sau. Đó là những lúc bình thường họ mần tà tà, chớ nhằm lúc trúng tôm bạc rại thì suốt đêm họ làm tay không ráo, đến nỗi không có thời giờ nấu bữa cháo khuya như thường lệ.

Tôm bạc rại thường về bãi từng luồng. Khi đụng ngay luồng, tôm vô đụt nhiều đến nỗi phải ngừng ghe lại, rồi tháo dây đụt, lấy dợt xúc lên chớ rinh một lần như những lúc bình thường thì không nổi. Tôm bạc rại trắng phau, còn nhảy soi sói không lẫn lộn cá tôm nào khác nên không cần lựa. Ngư phủ người xúc vô cần xé; người lấy gàu múc nước xối và xốc rửa cho tôm sạch, rồi đốt lửa luộc liền tại chỗ.

Lò luộc tôm làm bằng nửa cái thùng phi, ở khoảng dưới có đục một lỗ vuông làm miệng lò và nhiều lỗ thông hơi nhỏ chung quanh. Chão luộc là một cái thau nhôm lớn vừa để trên miệng lò, nắp đậy đan lá trầm hình chiếc nón bài thơ. Đốt lửa bằng dầu hôi trắng đựng trong một bình sắt có cần bôm và tay "van". Trước khi đốt phải bôm hơi vô bình ép cho dầu chảy qua ống đồng, rồi phun lên đầu "béc" để phía dưới chão và trong chiếc lò. Dầu phun lên rất mạnh nên đốt cháy kêu nghe khò khò, bắn ra toàn lửa xanh nên rất nóng và luộc tôm chín rất mau. Chỉ một cái lò mà luộc được chín mười cần xé tôm trong một đêm.

Những khi đụng luồng tôm bạc rại, bao nhiêu ghe cào ghe te đều vây đặc lại một khoảng rộng vài cây số vuông. Trên mặt biển, đèn của các ghe tụ lại xoay dần làm sáng rực một góc trời. Tiếng máy hòa nhau nổ rầm rĩ rền vang xuyên qua khu rừng mắm và lan tràn vô thị trấn suốt cả đêm. Những ai có kinh nghiệm đi bãi, lỡ bị bịnh ở nhà nằm nghỉ cũng

đâu được yên, cứ trằn trọc, trăn trở lắng nghe tiếng máy dồn về phía nào, thì biết ở đó trúng tôm, rồi chấc lưỡi, rồi thở ra...

Trở ra bãi, ngư phủ làm việc đều đều cho đến lúc trời đâm mây ngang. Tôm đã khẳm ghe, không còn chỗ nào chứa nữa họ mới kéo te, kéo cào mà chạy vô. Chỉ có những ghe ở xa quá, đến trễ nên bị thất, về sớm sợ xấu mặt với bạn bè nên mới ở nán lại "mót" cho đủ số rồi thủng thẳng vô sau.

Quán xá ngoài khu chợ dạo nầy chiều tối vắng vẻ, vì trai tráng trong xóm đã ra bãi hết rồi. Tuy nhiên gà vừa gáy đợt đầu thì các quán cà phê, hủ tiếu, hàng bún, hàng bánh bao... đã mở cửa đốt đèn sáng trưng, lại còn vặn máy hát cải lương dụ khách nữa.

Còn xóm ghe te, ghe cào thì mới bảnh mắt ra đã nghe tiếng la ơi ới của mấy anh ngư phủ. Coi, họ làm gì đó? Thì ra các anh hè nhau khiêng những cần xé tôm luộc chín đỏ nặng trĩu. Mỗi cần xé các anh đổ lên mỗi chiếc đệm trải nối liền nhau trên những khoảng sân rộng. Vậy là công chuyện của các anh coi như đã xong sau một đêm thức trắng vờ con mắt, bây giờ các anh có quyền đi thẳng ra quán ăn uống cho no, sau đó về nhà đánh một giấc thẳng cẳng dưỡng sức để xế trưa thức dậy chuẩn bị cho chuyến ra biển chiều nay.

Còn phần phơi tôm đã có mấy người đàn bà, con gái ở nhà lo. Sau khi các anh phân phát tôm cho mỗi đệm đồng đều, đầy đủ, tức thì các chị đầu đội nón lá, tay cầm bù cào dài cán, lom khom cào banh những đống tôm ra thiệt mỏng, thiệt đều trên mặt đệm. Ai nấy đều chú tâm làm việc, không ai nói với ai điều gì. Đến khi họ dừng tay thì mặt trời đã tỏ. Trên những khoảnh đất trống hàng ngày đã đầy những đệm tôm đỏ lói. Dưới ánh nắng ban mai, mùi tanh tưởi của tôm luộc tỏa theo hơi nóng bốc lên lãng đãng như sương. Hai bên lề đường cũng đầy những đệm tôm lấn gần bít lối, làm khách đi đường phải sửa bước chun cho ngay ngắn, nếu đi không cẩn thận thì sẽ đạp dẹp tôm của người ta.

Nhứt là những ngày nắng tốt, vào buổi trưa, khắp thị trấn thiệt rộn ràng. Từ lúc nắng vừa lên cho đến khi trời đứng bóng, cứ hễ hơn một giờ, thấy tôm trên mặt hơi rao ráo, mấy chị liền ra dùng bốn góc đệm lại cho tôm dồn vào chính giữa, sau đó mới lấy bù cào cào trở ra cho đều... Trở qua trộn lại, đến khi vỏ tôm từ màu hồng biến sang màu vàng mốc, bóp thử thấy giòn, như vậy đem vô đập được rồi.

Chuyện đập tôm đã có mấy đứa nhỏ trong xóm, chúng cũng biết tháng này những chủ ghe te, ghe cào rất cần những người cỡ chúng. Cho nên, trong lúc tôm chưa ráo, thì những "nhân công tí hon" đã đi rảo những nơi trúng tôm xem coi có mướn đập không? Dĩ nhiên mùa này người ta tận dụng nhơn lực tối đa, cho nên những nhà có tôm thường "còm măng" trước vài đứa con nít. Khi vỏ tôm khô, nóng và giòn, thì nhà nào mối nấy, chúng tề tựu đầy đủ. Chủ nhà bây giờ mới phát cho mỗi đứa một chiếc bao bổng bột, rồi tự động mỗi đứa ra sân lượng sức mà xúc tôm vô bao cho vừa đủ đập.

LÊ ĐẠT

CỎ LÚ

Rừng buồn bứt lá chim chim
Hỏi sim sim tím
hỏi bìm bìm leo
Chiều gió cả
tiếng ngàn xưa khản lá
Thảm vàng khô
ai hóa những thư già
Ước lòng chữ trắng
nhẹ tênh cỏ lú
Chín kiếp truyện đời
ú ớ
một tên em

TRẦN THIỆN HIỆP

VÓC TRĂNG

trăng xưa
chết đắm thi hào
ngàn chương
Lý Bạch đi vào sử thơ
ta nay
lẫn thật và mơ
yêu trăng cùng với yêu thơ một lòng
thì thầm
suối một dòng trong
thả thơ theo suối
về trong nguyệt đình
vóc trăng
tay trắng bình minh
bờ sương
dòng tịnh
vô tình nước trôi

Đập tôm cũng phải có thế, ai chưa từng đập phải tập đập qua vài lần rồi mới quen. Đầu tiên phải lượng sức mình đập được bao nhiêu rồi mới hốt tôm cho vừa sức đập, nhưng không quá hơn nửa bao, chớ có tham mà hốt cho nhiều thì đập không sạch vỏ được. Sau đó đem tôm vô bóng mát nào thích hợp, rồi đứng chưn trước chưn sau, hai tay cầm chặt hai mép bao, quay lên khỏi đầu, đập xuống thiệt mạnh. Lúc tôm còn nóng, vỏ giòn, đập nghe tiếng bồng lào xào, đến chừng vỏ tôm dập nát dội lên tiếng nặng nề hơn.

Phịch phình! Phịch phình!!! Tiếng đập tôm nhịp nhàng vang dội khắp thị trấn giữa trưa nắng chang chang. Đập tôm cân ký tính tiền nên mấy đứa tranh nhau lấy hết sức bình sanh đập cho thiệt mạnh, thiệt mau và cho thiệt nhiều, đến đỗi nực quá phải cởi áo liệng qua một bên, để cái lưng trần trùi trụi mồ hôi mồ hám tuông ra như tắm. Vậy mà đứa nào đứa nấy mặt mày vẫn vui tươi hớn hở, chớ không chù ụ như ở nhà, mỗi lần má sai làm công chuyện lặt vặt.

Sau khi tôm đập xong, mới đem đổ lên chiếc đệm mà các chị đã trải sẵn trong nhà, và sàng, nia, thúng cũng được bày ra. Sau đó các chị mới lần lượt vừa sàng vừa sảy... Tôm phơi đợt đầu mới dốt dốt nên vỏ tôm còn sát chút ít và chưn tôm cũng chưa rụng ra hết, vì vậy phần của đứa nào đứa nấy đổ riêng ra một chiếc đệm ở ngoài sân, cho mấy chị cào ra phơi. Chừng một tiếng đồng hồ sau thì tôm đã khô, mấy đứa mới hốt vô bao, vì thịt tôm đã khô nên đập phải khéo và nhẹ tay, lần nầy người ta gọi là lạo tôm. Lạo tôm xong, đem vô cho mấy chị sàng sảy lần cuối... Những con tôm khô đỏ tươi nằm trong những chiếc khênh tre. Mấy người bợm nhậu lúc này có thể xin vài nắm đem trộn dấm ớt và tìm vài trái cốc, ổi chua làm mồi nhắm với rượu đế là hết xẩy. Tôm mới khô còn hơi nóng, sợ đổ mồ hôi sanh ra nhớt, nên người ta mới đem trải trên mặt đệm, chừng khi tôm nguội mới cho vô bao để đó, chờ mãn con nước đem ra vựa cân bán.

Vỏ tôm bị bị đập nát như cám, người ta dùng làm phân bón. Phân tôm nghe nói rất tốt cho việc trồng trọt. Cho nên đến mùa trái cây, những ghe tam bản từ miệt vườn xuống bán trái cây, rồi mua phân tôm đem về rất nhiều.

Cắt

Một chính trị gia tuyên bố: "Sáng nay trong khi cạo râu tôi nghĩ đến bài diễn văn mà tôi hân hạnh đọc quý vị nghe đây. Mải suy nghĩ, thế là tôi vô ý cắt vào da."

Một thính giả đứng lên nói: "Lần sau xin ông hãy nghĩ đến da của ông và cắt cái bài diễn văn thì hơn."

Nói chung các loại tôm làm khô công thức đều giống nhau. Nghĩa là đem luộc với muối, phơi khô, đập, sàng, sảy. Nhưng vì tôm bạc rại vỏ mỏng, thịt nhiều, trúng nhằm mùa gió chướng, nhờ nắng gió thuận hòa nên phơi một hai nắng đã khô, nhờ vậy mà hương vị vẫn giữ được đậm đà chớ không bị biến chất như tôm van. Tôm van màu đỏ, vỏ dày thường trúng vào những ngày đồng chung. Những tháng nầy khi mưa khi nắng mà vỏ tôm van dày như áo giáp, mỗi khi phơi phải chầu chực, trời nắng đem ra, trời mưa cuốn lại đem vô. Nhằm lúc bị mưa dầm mưa dề kéo dài hơn tuần lễ, đến khi nắng lại, đem phơi khô đập vỏ được thì tôm đã ôi, thịt đã bủng màu, tai tái như... tôm mắc mưa. Ai mua tôm nhằm mùa gió Nam thường nghe mùi khăng khẳng, thì chạy trời không khỏi tôm van bị thiếu nắng chớ không lẫn lộn tôm nào khác.

Những ngày con nước mãn, ghe đậu lại, ngư phủ dọn rửa sạch sẽ, lưới cũng được giặt sạch rồi kéo lên phơi. Và chiều lại, sau khi tôm cá bán xong, bạn trai, bạn gái tụ về nhà chủ chờ tính sổ chia tiền. Lệ thường chia sáu, bốn, tức là trừ chi phí ăn uống, dầu nhớt của chuyến đi ra hết, phần tiền còn lời chủ sáu mươi phần trăm, còn bốn mươi phần trăm chia đều cho dàn bạn.

Và đêm hôm đó, phố xá tấp nập người ta, trẻ em áo quần lành lặn, sạch sẽ, sẵn tiền đập tôm mướn, ăn quà vặt không ngớt môi. Còn mấy chị phụ làm tôm cũng có tiền mặc sức mà lết vô mấy hàng bún, hàng chè. Chỗ nào cũng thấy ăn uống và mua sắm. Nhứt là mấy quán nhậu thanh niên, ông già, chén chú chén bác, chén mầy chén tao và bàn nhau ỏm tỏi chuyện trời trăng mây nước...

Ra khỏi khu phố, đi lần vô xóm nhà lá, nghe văng vẳng tiếng đờn ca cổ nhạc. Trước sân nhà ai đó, đám con nít tụ nhau vừa múa vừa hát "Kìa thôn quê dưới trăng vàng bát ngát, ánh trăng thanh chiếu qua làng xơ xác, chiếu hồn quê..." Mấy em nhỏ múa hát trông vui vẻ quá!

Tuy nhiên, dưới ánh trăng sáng ngời tỏa chiếu trên xóm nhà lá xác xơ, đâu đó có tiếng võng kẽo kẹt của một người đàn bà với giọng ru con mà nghẹn ngào đứt đoạn... Thôi chết rồi! Đó là tiếng khóc than của chị nào gặp phải ông chồng bê tha rượu chè, cờ bạc nợ nần người ta từ những chuyến trước. Cho nên vừa chia tiền xong, từ nhà chủ đi ra liền bị chủ nợ đón đường móc sạch túi, phủi sạch tay... Sẵn trớn anh đi một lèo kiếm chỗ nhậu nhẹt, chớ không dám đút đầu về nhà liền sợ vợ khóc la, chửi bới rùm beng làm kinh động xóm làng!■

Archanggel 21.10.94

(1) Dép là hai tấm ván hình chữ nhựt, có bốn sợi lèo bằng lòi tói, để căng hai vạt miệng cào.

1975: NHỮNG NGÀY TRÊN ĐẢO GUAM

PHAN LẠC TIẾP

LTS. *Sau đây là một chương trong cuốn sách* Nỗi Nhớ *sắp xuất bản của nhà văn Phan Lạc Tiếp. Chương này là hồi ức của tác giả về những ngày đầu mới rời khỏi đất nước, tháng Năm, 1975.*

Tôi và Tánh mệt nhừ, rời con tàu Thị Nại (HQ 502) vào lúc 11 giờ đêm ngày 7/5/75 để lên tàu Mỹ, một chiếc tàu dân sự loại chuyên chở, tên là Green Way. Các hầm chứa hàng nay được bắc thêm các cầu thang gỗ để cho người ta lên xuống. Vì lên tàu sau, chẳng còn chỗ nào tốt nữa. Gia đình tôi cũng như gia đình Tánh đành phải nằm ở giữa hầm tàu, nhìn thấy trời sao mông mênh. Quá mệt vì mấy ngày trên tàu cũ, tôi nằm xuống là thiếp đi, không còn biết gì nữa. Chợt thấy lạnh, rồi mưa lộp độp. Chồm dậy chạy ép về phía trong để che mưa, nhưng nơi nào cũng đã quá chật. Mưa nặng hạt hơn, đành cứ đứng nép vào nhau che cho mấy đứa nhỏ. Giữa lúc lạnh giá ấy, có tiếng người gọi tôi:

"Anh Tiếp, anh Tiếp vô đây."

Hướng theo tiếng gọi, tôi thấy anh Nguyễn Hữu Hùng, bác sĩ, đang vẫy gọi:

"Vô đây, vô đây. Cho tụi nhỏ vô đây."

Len qua từng lớp người vào phía góc sâu, nơi gia đình bác sĩ Hùng "cư ngụ". Ông cụ thân sinh ra bác sĩ Hùng ốm nhom, nằm thở dốc. Bác sĩ Hùng, một nách ôm con, một tay lấy miếng bìa quạt cho ông cụ. Tôi hỏi:

"Cụ khá chứ?"

"Dạ thưa anh chưa biết sao. Tôi có xem mạch cho Thầy tôi lúc chiều còn khá, bây giờ thì chậm hơn, nên lo quá."

Mấy đứa con tôi được chị Hùng xếp chỗ nằm cạnh các con chị. Dưới ánh đèn vàng vọt mắc tạm trong góc hầm, các con tôi vàng úa, mệt lả.

Tôi ngồi bó gối nhìn quang cảnh toàn hầm tàu. Kẻ ngồi người đứng chật ních. Các cô, các bà nằm lăn ra, say ngủ, thôi thì chẳng còn ra thể thống gì cả. Giữa lúc ấy thì có tiếng gọi ở góc hầm vang lên:

"Có ai là y tá đây không?"

Ngẩn ngơ một lúc, bác sĩ Hùng hỏi:

"Gì vậy?"

"Thì tôi hỏi có ai là y tá ở đây không?"

"À... Chắc là không, mà gì vậy?"

"Có người sắp đẻ."

"Vậy để tôi coi," bác sĩ Hùng nói vậy.

Đưa miếng bìa cho vợ quạt cho ông cụ, bác sĩ Hùng sắn tay áo bước ra. Một người nói:

"À, cha này ngon. Liệu biết gì không ta."

Bác sĩ Hùng nghe thấy, vẫn thản nhiên đi đến góc hầm. Tôi cũng đi theo.

Tới nơi, tôi thấy một bà nằm vật ra kêu. Bụng chướng lên to quá. Bác sĩ Hùng cầm tay bà ấy xem mạch. Rồi nắn nắn trên bụng bà ta. Một lát sau ông nói:

"Chắc phải kiếm cái gì quây lại, chứ để thế này coi sao được."

Vài cái chăn được giở ra, nối lại với nhau, căng kín góc hầm. Mấy bà già xúm lại quanh người đàn bà đau đẻ. Lát sau, do mấy người trên hầm báo cho lính trên tàu, họ kéo xuống. Bốn người lính súng ống đầy mình, mắt long lanh trong tư thế phòng thủ. Họ đứng quanh bác sĩ Hùng và mang cho ông ta mấy viên thuốc, một ít băng và một đôi găng tay bằng cao su. Họ hỏi bác sĩ Hùng:

"Can you do it?

"Sure. I'm a doctor."

"Right?"

Đêm càng về khuya, hầm tàu càng trở nên yên lặng, mệt mỏi. Mưa đã tạnh. Giữa khoảng sân trống đã có người vác chăn mền ra nằm. Một vài đốm lửa lóe lên. Tôi cũng tìm ra đó, tiếp tục ngủ lại.

*

Sáng hôm sau trời chưa sáng đã ồn ào quá. Người đi lên đi xuống. Tôi bước lên cầu thang, ở đó có một ông già mặc cái quần tây rộng, và cái áo lót ba lỗ, lúc nào cũng ngồi ở đầu cầu thang. Lúc này trên tàu đã tổ chức được thành các khu, các hầm để chia phần ăn. Mỗi ngày một lần được phát mỗi người nửa hộp *C Ration*. Trẻ con nhỏ thì được phát nước nóng buổi sáng và sữa bột. Nhân viên trên tàu chỉ giao dịch với đại diện người tỵ nạn mỗi ngày một lần mà thôi. Sau đó là cấm không ai được bước lên khu vực của họ cư ngụ. Cầu thang lên khu vực ấy được rào lại và lúc nào cũng có lính gác thật nghiêm ngặt. Không biết tại sao lại như vậy! Sau hỏi ra mới hay là chính chiếc tàu này khi chở đồng bào từ Đà Nẵng về Phú Quốc, đã bị lính của mình áp đảo bắt phải ghé vào Vũng Tàu gây rất nhiều khó khăn, nên họ sợ.

Đặt chân lên đảo Guam.

Hai bên thành tàu có hai hàng nhà cầu được đóng tạm bằng các thanh gỗ mỏng manh, và rất ư là trống trải. Người đi cầu nhìn xuống thấy nước chảy xiết va vào thành tàu, có lúc văng lên ào ạt. Từ trên boong cao mấy chú lính thủy bắc ống nhòm nhìn xuống khiến các bà các cô rất ngại đi cầu.

Tôi lững thững đi về hầm mình. Trên boong chính bát ngát là người. Có đến trên mười ngàn. Thôi thì đủ loại binh chủng. Ai nấy bơ phờ ngơ ngác. Đang đi xuống cầu thang thì nghe tiếng anh trưởng hầm hét lớn:

"Nguyễn Văn Là."

Một tiếng dạ lớn. Đó là ông già vẫn ngồi thường trực ở nơi cầu thang. Tôi nhìn lại kỹ, đúng là Trung tướng Nguyễn Văn Là. Tôi lặng lẽ quay đi và thấy mình muốn khóc.

Sau năm ngày năm đêm con tàu Green Way chở tụi tôi đến Guam. Được thông báo từ đêm hôm trước, ai nấy đều dã sửa soạn để lên bờ. Tàu từ từ ghé bến. Tôi đứng trên boong. Ở đây chính là nơi mà cách đây năm năm, khi từ Mỹ về, tàu tôi đã ghé bến. Khi ấy trên bờ có biểu ngữ đón mừng. Có dàn quân nhạc, có các sĩ quan Mỹ đại diện cho quân cảng này chờ đón... Tôi nhìn lên bờ, một dãy lều vải thẳng tắp. Một dãy nhà tạm lộ thiên cất dọc theo cầu tàu. Một người Việt Nam trên bờ cầm loa nhắc:

"Thưa bà con. Đây là đảo Guam, cách Việt Nam chừng 2100 dặm Anh về phía Đông và cách Hạ Uy Di 3300 dặm Anh về phía Tây. Đồng bào rời tàu sẽ được chuyển đến trại tạm trú Rainbow tức Orote Point cách đây mấy dặm. Tại đó có đầy đủ tiện nghi cho đồng bào. Bây giờ lên bờ, ai có còn mang theo vũ khí hãy nộp cho quân cảnh Mỹ. Ai mặc quân phục đều phải cởi bỏ, và được tặng các quần áo dân sự để sẵn trên dãy bàn trên bờ. Điều quan trọng là tất cả mọi người, bất cứ già trẻ, trai gái đều phải tắm rửa sạch sẽ tại các nhà tắm ngay trên cầu tàu...

Tất cả lần lượt lên bờ. Tôi bước đi, dẫn theo vợ và đàn con dại. Lòng bâng khuâng trống rỗng như hôn mê. Người lính Mỹ ra hiệu cho tôi cởi bỏ quân phục, rồi họ xịt vào mình tôi, đầu tôi chất bột DDT trắng xóa. Nhắm mắt lại để chui vào nhà tắm. Nước mắt tôi chan hòa, chảy theo dòng nước phà xuống từ các vòi nước tắm.

Ra khỏi nhà tắm, tôi là một người khác. Trên mình tôi khoác chiếc áo rộng thùng thình quá gối. Xếp hàng vòng vèo để làm các thủ tục nhập trại. Trời nắng gắt. Đứa con nhỏ hai tuổi của tôi bắt đầu khát. Có những cô y tá, các bà phước, ăn mặc thật đẹp, bưng các khay nước cam, sữa tươi đến đưa tận tay cho chúng tôi. Họ nói thật ít, nhưng trong mắt họ, tôi đọc được rất nhiều thương xót. Bằng một giọng thật nhẹ, họ hỏi chúng tôi bằng tiếng Việt:

"Có ai là người Tin Lành không?"

Đa số chúng tôi đều mỉm cười, lắc đầu. Chúng tôi bắt đầu nhận lãnh phiếu cá nhân *(information card)* và khởi đầu các thủ tục nhập cảnh Hoa Kỳ.

Đoàn xe GMC chở chúng tôi dọc theo con đường ven biển. Cây xanh, biển xanh, những cột cờ chiến hạm Hoa Kỳ lô nhô, những dãy doanh trại... Tất cả lần lượt trôi qua mắt tôi như một cuốn phim chiến tranh. Gió thổi lồng lộng. Tôi nhắm mắt lại và không hiểu mình bây giờ là ai. Xe giảm máy dần dần. Bên tai tôi tiếng loa phóng thanh mỗi lúc một gần. Xe rẽ vào khu trại Rainbow, tiếng loa nghe đã rõ:

"... Quý vị phải đưa các em nhỏ từ một đến năm tuổi đến Trạm Y tế để chích ngừa ban đỏ. Đây là một điều bắt buộc."

"... Trạm Y tế Nhi đồng sẽ biếu không quý vị những vật dụng cần thiết cho nhi đồng như

tã, băng vệ sinh, bàn chải và kem đánh răng cùng các vật dụng linh tinh khác. Hài nhi dưới sáu tháng được phát sữa. Trẻ nhỏ từ sáu tháng đến một năm được phát thực phẩm dành riêng cho trẻ em, và từ một đến ba tuổi được phát súp."

"... Nơi đổi tiền của trại được đặt ngay kế bên PX Hải Quân của trại. Nơi đây cũng phụ trách việc đổi vàng sang Mỹ kim cho các trại viên, mỗi ngày mở cửa từ chín giờ sáng cho tới khi nào khách hết mới thôi..."

Chờ lấy nước ở "Tent City" trên đảo Guam.

Choáng váng vì tiếng loa và tiếng người, xe chạy chậm. Hai bên lề đường đồng bào mình thả bộ đông đảo. Những dãy lều vải nằm mông mênh. Độ vài chục thước lại có một dãy nhà tiêu bằng gỗ, vách đóng bằng ván ép. Trên các vách ván ấy chi chít những lời ghi chú, đại loại như sau "Bà Vũ Hải Vân tìm chồng là Th/tá Nguyễn Văn Xuân, trước làm ở Đoàn A/YTTV/Long Bình, nay ở đâu, xin liên lạc về Bassigada Rm-122,ĐT.334.6110..."

Gia đình tôi được tạm trú tại khu lều số 32, tận cuối trại. Nơi đây nền lều còn lởm chởm những rễ cây và đất đỏ. Chưa có ghế vải, chăn mền gì cả. Đặt các thứ hành lý lỉnh kỉnh xuống "nền nhà", nhìn về khu lều xanh, được dựng trên nền đường tráng nhựa, đèn sáng rực rỡ, sao mà thèm thế.

*

Sau một ngày nhập trại, thể xác đã đỡ phần mệt mỏi, tâm thần đã tỉnh lại dần dần, tôi đã biết tôi ở đâu và nhận được rằng mình đã thực sự bị "lột lon" hoàn toàn, giờ thì ai cũng như ai. Tất cả sẽ phải bắt đầu lại từ con số không to lớn.

Lang thang đi suốt khu trại, tôi nhận thấy trại này được dựng lên trên một sân bay có hai phi đạo. Các dãy lều đều được bắt đầu từ các phi đạo ấy. Toàn trại có tất cả 40 khu. Mỗi khu có khoảng 50 lều. Mỗi lều chứa độ 30 người. Do đó trại có thể chứa từ 40 đến 50 ngàn người. Để phục vụ cho số người khổng lồ này, toàn trại có sáu nhà ăn công cộng, 10 trạm y tế nhi đồng, một phòng nha khoa, một trạm cứu hỏa, một văn phòng lo thủ tục nhập cảnh Hoa Kỳ *(immigration)*, một phòng thông tin, với hệ thống loa rải rác toàn trại. Việc ăn uống do nhà thầu cung cấp, sáng mở cửa từ bảy giờ đến 11 giờ, chiều từ ba giờ đến tám giờ. Các món ăn được thay đổi hàng ngày, gồm gà, bò, heo, rau, trái cây, nước trà đá hoặc nước ngọt. Bữa ăn được dùng trong các đĩa giấy và ly giấy. Do đó, bà con mình lại dùng các đĩa giấy ấy ghi các lời nhắn, tìm thân nhân, gắn lên chi chít tại các hàng rào quanh nhà ăn.

Tôi lang thang bên cạnh phòng thông tin, nơi được coi là "thị tứ" của trại. Nơi đó, có danh sách tất cả những ai đã đến cũng như đã rời trại và đã đi đâu. Danh sách dài chi chít, mọi người xúm lại đọc như tìm tên trong bảng ký danh trước các trường thi. Đang chăm chú đọc thì có người vỗ vai tôi gọi:

"Ấy, ông đi được à? Thế còn Phan Lạc Phúc?"

Tôi bàng hoàng không biết người đối diện với tôi là ai. Nắm chặt bàn tay nhau mà tôi trố mắt nhìn bỡ ngỡ:

"Ông..."

"Hiền đây. Phát ngôn viên các cuộc họp báo đây."

"Trời. Sao râu ria đâu mà ông xồm xoàm thế này, ghê bỏ mẹ."

"Ấy, mới mấy tuần nay thôi. Không làm thế bà con họ nhận ra, có khi họ nện cho mình cũng nên..."

"Sao..."

"Thì từ mấy tháng nay, *moi* cứ phải nói cương theo lệnh trên. Ban Mê Thuộc mất thì *moi*bảo chưa mất, ai muốn đi thăm xin ghi tên v.v..."

Tôi lắc đầu:

"Ông ghê bỏ mẹ."

Chúng tôi kéo nhau ra gốc cây thông cạnh đó hỏi thăm về bạn bè, thân quyến của nhau, ai đi được, ai kẹt. Ông Hiền than thở:

"Chán bỏ mẹ. Mấy cha to đầu dọt trước. Biết mà mình vẫn phải tiếp tục nói cứng, cái mới đau..."

Từ giã Trung tá Hiền, tôi trở ra ngoài sân nắng. Ở đó có một người đàn bà buộc trên mình một tấm giấy lớn, ghi mấy hàng chữ. Ai đi qua cũng ghé lại coi. Tôi cũng ghé lại người đàn bà ấy xem sao. Tôi bàng hoàng, vì trước mặt tôi là người đàn bà hàng xóm của tôi, giờ mặt chị sạm nắng, hai mắt thất thần. Chị nhìn ra tôi và khóc:

"Anh, anh có thấy nhà tôi đâu không?"

Tôi đọc hàng chữ ghi trước ngực: "Tôi là vợ của Hải quân Thiếu tá Lê Công Mừng, ai có

thấy chồng tôi ở đâu, hay có tin tức gì về chồng tôi, xin cho tôi biết. Đa tạ."

Tôi ái ngại nhìn chị, rồi nói:

"Anh đi trên chiếc HQ 500."

"Vâng, tôi cũng có nghe vậy. Và nhiều người cũng nói với tôi vậy. Trên ấy có ông Đại tá Triết, xếp của chồng tôi, ông Lập làm Hạm trưởng..."

"Vâng. Tôi có liên lạc âm thoại với ảnh đêm 29 rạng 30. Lúc ấy tàu tôi trên sông Soi Rạp, tàu anh ấy trên sông Lòng Tảo. Tôi có nhờ anh ấy bảo Lập chờ tàu tôi ngoài hải phận Cấp để san họ ít người, vì tàu tôi đông quá, trên năm ngàn. Anh bảo để tôi hỏi lại thẩm quyền. Sau anh bảo thẩm quyền tôi nói "không thể giúp anh được, vì tàu tôi đã chở trên 1600 người rồi." Sau đó rồi thôi. Im luôn. Suốt mấy ngày hải hành từ Côn Sơn đến Subic không ai nhận được tin tức gì của chiếc tàu này nữa..."

Chị Mừng bật khóc:

"Trời ơi, chắc anh ấy chết trong sông rồi. Tàu bị bắn rồi."

Tôi biết tôi lỡ lời, nhưng biết làm sao hơn. Tôi đứng im. Chị Mừng bưng mặt khóc rồi chạy đi khuất vào khu lều bên cạnh.

*

Mấy ngày sau gia đình tôi cũng như gia đình Tánh, dọn lên khu lều vải xanh. Ở đây sát cổng chánh, sát nhà cơm, gần khu thị tứ. Trong lều đều có nệm, chăn mền, và cả các thứ đồ chơi cho trẻ nhỏ. Sau khu lều là một dãy nhà tắm bằng gỗ rộng rãi, nước thật mạnh. Sau dãy nhà tắm là một cánh rừng thông. Buổi trưa nóng, tụi tôi kiếm miếng bìa, trải trên mặt nệm lá thông, nằm lơ mơ nhìn những thảm mây trắng lừ đừ trôi trên những cành thông lao xao tiếng gió. Có lúc lờ mờ thấy mình như một người nhàn nhã, đang tư lự tìm một ý thơ...

Giữa lúc ấy, tiếng loa bỗng nổi lên. Sau mấy tiếng lọc cọc là một giọng nói thật quen thuộc đối với tôi: "Alo, Alo. Tôi là Hoàng Cơ Minh. Tôi từ trại bên sang đây, muốn được gặp tất cả các anh em Hải quân tại khu lều số 7. Vậy kính mời tất cả các anh chị em Hải quân hãy tới khu lều nói trên, ngay từ lúc này."

Tôi vội vã về lều, nói qua cho vợ tôi hay rồi tới địa điểm nói trên. Khi đến nơi thì anh em Hải quân đã đến chật ních căn lều vải. Lúc ấy cựu Phó Đề Đốc Hoàng Cơ Minh đang nói:

"... Vâng, khi đoàn tàu tới Subic Bay, tất cả các tướng lãnh Hải quân cũng như các vị tướng lãnh quân chủng bạn, được người Hoa Kỳ bốc bằng máy bay, chở thẳng về đây. Chúng tôi được ở trong một khu riêng, ngày ngày có người đem cơm đến phân phối, nhưng chúng tôi phải lo các dịch vụ vệ sinh, cùng các việc lặt vặt khác, chắc là cũng như anh em ở đây..."

Có người giơ tay hỏi:

"Thưa Đô Đốc. Tụi tôi nghe nói bên Nhảy Dù họ được Mỹ cho tập họp lại, đưa ra khỏi trại rồi, và nghe đâu được hoàn trả cấp bậc cũ để hoạt động trong quân lực Mỹ. Điều ấy có đúng không?"

Ông Minh hút một hơi thuốc lá, thả khói mù mịt, rồi nói:

"Tôi cũng có nghe đồn như vậy. Song thực hư thế nào, quả tình tôi không biết. Song theo thiển ý của tôi, điều ấy rất khó xảy ra."

Có người lại hỏi:

"Hải quân mình đem được tất cả 27 chiếc tàu qua đây, trao lại cho Mỹ, nghe nói mỗi vị Hạm trưởng được tặng một xe hơi mới toanh. Điều ấy đúng không? Sau đó, tôi cũng xin hỏi, mình đưa nhau qua đây, rồi mạnh ai nấy đi, sao không thấy quý vị thượng cấp nói với tụi tôi lời nào, có ý kiến gì hướng dẫn tụi tôi chớ..."

Ông Minh cười, nói:

"Điều thứ nhất, việc quý vị Hạm trưởng được biếu mỗi người một chiếc xe, chắc là không có đâu. Bằng cớ là có mấy vị Hạm trưởng ở đây, có ai được tặng chiếc xe nào không?"

Mọi người cười ồ. Ông Minh lại tiếp:

"Việc anh nêu lên là thượng cấp không ai có ý kiến gì hướng dẫn anh em. Điều ấy quả thực tôi cũng có nghĩ đến, nên hôm nay tôi mới tìm đến đây với anh em. Song đó chỉ là ý kiến cá nhân tôi. Còn các vị khác, theo chỗ tôi biết, tất cả còn rất bàng hoàng. Mọi việc đã xảy ra ngoài dự trù của chúng ta. Dù ai có ý kiến gì lúc này chắc cũng không thể nào thi hành được. Một ván cờ đã xóa. Mọi việc đã xong. Điều mà chúng ta phải làm bây giờ là, ngoài việc định cư trên đất mới, chúng ta phải sáng suốt tìm hiểu mọi diễn biến của thời cuộc, và đặc biệt là giữ lấy mối căm thù mất nước ngày hôm nay. Từ đó, chúng ta sẽ đoàn kết lại mưu cầu một vận hội mới sau này..."

Ông Minh đại ý nói như thế. Sau đó, mọi người bàn tán, hỏi nhau ồn ào, có một người bỗng hét lên:

"Tôi xin hỏi. Còn chiếc tàu đi một mình, chở theo những người có tiền, làm lơ những lời cầu cứu, bây giờ ta tính sao?"

Có một vài người hô lớn "Oánh nó."

Một phút sau, sự yên lặng trở lại, ông Minh nói:

"Điều anh vừa nói, nếu đúng như thế thì thật là bậy. Có điều lúc này nhiều tin đồn quá. Ta phải bình tĩnh tìm hiểu đã."

Giữa lúc ấy thì Thiếu tá Mừng, Lê Công Mừng đứng lên. Mừng phô cái đầu trọc lóc, nói:

"Tôi tưởng gia đình tôi ly tán chứ. Vì khi tôi theo tàu đi, gia đình tôi ra Phú Quốc. Tôi xin tàu ghé Phú Quốc cũng không được. Ở trên tàu, tôi như người điên... Bây giờ tìm lại được gia đình rồi, tôi xuống tóc để cám ơn Trời, Phật. Mọi chuyện khác đâu còn đó...■

CHUYỆN CỦA HƯƠNG

THÁI NGỌC SƠN

Lãng đãng tạt vào hiệu sách tìm mua mấy tờ báo, tôi bất ngờ lưu ý đôi mắt huyền xinh của cô hàng sách. Ai đó vỗ nhẹ vào vai tôi, gọi khẽ:

"Anh Huân! Anh còn nhớ em không? Hương đây!"

Cô gái cười rất tươi. Tôi mỉm cười đáp lễ. Hương nào nhỉ? Tôi cố lục tìm trong trí nhớ những người mang tên Hương mà tôi đã gặp. Nhìn tôi đang ngơ ngơ ngác ngác, cô gái nói:

"Anh chóng quên quá. Em là Hương y tá ở Tổng đội Sao Mai nè. Mấy bận cấp cứu cho anh, tụi em lo đến đứng tim ấy. Cái rét rừng nghĩ mà kinh, anh nhỉ."

"Ừ, rét rừng thì khủng khiếp quá, dễ mồ côi bồ như chơi."

"Anh bây giờ đã lập gia đình chưa hay chỉ mê thổi ác-mô-ni-ca như ngày ở Tổng đội?"

"Mình vừa cưới nhau được vài tháng."

"Chị ấy làm gì?"

"Giáo viên."

"Còn anh?"

"Làm bảo vệ cho một trường tiểu học."

"Chắc là hạnh phúc?"

"Rất hạnh phúc. Còn Hương bây giờ ra sao?"

"Chuyện ra sao ấy dài kỳ lắm, anh ạ. Mấy thuở gặp lại nhau, ta ra quán nước ngồi nhắc lại kỷ niệm vui buồn ở Tổng đội, anh Huân nhé!"

"Vâng, rất hân hạnh được mời," tôi nói.

Chúng tôi dắt xe tản bộ ra quán nước trước công viên thị xã. Tôi chọn chiếc ghế đá có tán cây nhãn lồng xanh mát mời Hương ngồi. Hương có nét đẹp dung dị, mái tóc mây đen mượt xõa mềm ngang bờ vai thon, khuôn mặt trái soan nhân hậu, không son phấn.

"Hương dùng gì?"

"Anh cho em cà phê đen nóng. À, anh còn nhớ anh Phan không?"

"Phan nào?"

"Phan Tổng đội phó ấy. Hồi Tổng đội chuyển về nông trường Sao Mai, anh đã vào Thanh niên Xung phong chưa nhỉ?"

"À... chưa." Tôi lúng túng.

"Ngày ấy, em vừa tròn hai mươi tuổi, làm y tá Tổng đội, vui lắm. Các anh chị ở nông trường cứ ghép đôi em với anh Phan. Em cứ nghĩ là chuyện đùa, ai ngờ... Một bận anh Phan sốt rét. Sau cơn lạnh tím da, anh ấy mê sảng rồi co giật. Em một mình giữ chặt lấy con người mà thường ngày em lánh mặt vì mắc cỡ. Hôm ấy, em khóc rất nhiều. Vì sao khóc, chẳng biết. Được khóc vì một người, điều đó có phải là dấu hiệu của tình yêu không anh?"

"Ừ, có thể.'

"Tại sao lại có thể? Yêu hay không yêu, em thích thế hơn."

"Trong trường hợp này coi như là yêu." Tôi cười.

Hương không nhìn tôi. Cô ngước mắt nhìn bầu trời xuân xanh lơ. Hương có chất giọng nữ cao trong trẻo, chất giọng đẹp.

"Anh Phan nằm điều trị tại Tổng đội ba ngày không cắt được cơn sốt. Đơn vị chuyển anh về bệnh viện Phan Rang. Anh Phan quê Phan Thiết. Tổng đội cử em theo chăm sóc anh ấy. Tình yêu tụi em bắt đầu từ ấy. Khi con tim biết thổn thức thì cuộc đời đẹp như một vì sao. Em tin điều này có thật. Khi nông trường giải thể, Tổng đội Thanh niên Xung phong hoàn thành nhiệm vụ, mỗi người đi mỗi ngả. Anh Phan thi đậu vào Nhạc viện thành phố. Tụi em dự định làm lễ cưới trước ngày anh đi học. Như

ĐẶNG HIỀN

MỪNG BẠN XA ĐẾN THĂM

Quen nhau mấy chục năm trời
Đóa hồng nhung nhỏ một thời đắm say
Đi về một thoáng mây bay
Mấy lần gặp mặt vơi đầy nhiễu nhương
Mừng tôi, nghe bạn vẫn thường
Tóc tai chớm bạc yêu đương *"có đều"*
Trút vòng danh lợi cheo leo
Ô hay sao mãi cái nghèo theo ta?!
Lâu lâu, một chuyến đi xa
Tạm quên cái kiếp làm ma xứ người
Mong tìm một nụ cười tươi
Cầm bằng chân thật, biếng lười điêu ngoa!
Ta yêu những chuyện thật thà
Nụ cười nửa miệng chỉ là đùa thôi
Xa rồi một vết son môi
Ở thời xưa trẻ mình tôi nhớ hoài
Tháng ngày đưa tựa con thoi
Ánh trăng tan loãng theo loài ve xanh
Sóng sầu giọng hát mong manh
Chùm hoa phượng đỏ bên cành, cỏ xưa.

anh biết, hoàn cảnh của em không thể về nhà anh Phan làm dâu. Em chỉ còn duy nhất người dưỡng mẫu đã nuôi lớn đời em; cuộc đời của một đứa trẻ bị thất lạc trong chiến tranh."

"Ba má ruột Hương ở đâu?" Tôi gợi chuyện.

"Em không rõ. Trong cuộc di tản mùa xuân năm bảy lăm, ba má em chạy loạn từ đất Quảng vào Phan Rang. Đêm ấy bầu trời thị xã đầy ắp tiếng súng. Em bị thất lạc giữa dòng người hỗn loạn. Tám tuổi, bơ vơ ở xứ lạ, em được ba má Tiến nhận làm con nuôi. Ba má ở chiến khu về tiếp quản Phan Rang. Ảnh hưởng chất độc màu da cam nên cả hai ông bà đều vô sinh. Sau giải phóng được mấy năm, ba em đau nặng rồi mất. Má vẫn tiếp tục làm ở bệnh viện đến ngày nghỉ hưu. Em học y tá là muốn theo nghề của má. Em đã đôi lần vào Phan Thiết thăm nhà anh Phan. Gia cảnh anh ấy kể cũng neo đơn. Ba má già yếu. Cô em gái có người dạm hỏi. Ông bà cần có con dâu ở gần. Tụi em không vượt được hoàn cảnh đơn chiếc của mỗi gia đình nên lời hứa hôn chỉ còn là kỷ niệm đẹp."

"Anh Phan có thường liên lạc với Hương không?"

"Dạ không. Em chủ động cắt đứt quan hệ kể từ hôm anh Phan vào thành phố nhập học. Thà xóa trắng một niềm hy vọng còn hơn mang nặng nỗi đau ray rứt, anh ạ. Em nghe tin anh Phan lập gia đình với một danh ca ở Sài Gòn..."

"Hiện nay Hương sống ra sao?"

"Em làm y tá ở trạm y tế phường. Đồng lương tuy ít ỏi nhưng mấy bà cháu sống được."

"Em đã có con?"

"Con ngoài giá thú, anh ạ. Hôm đi làm khai sinh cho cháu, ông chủ tịch phường cứ gạn hỏi tên tuổi, nghề nghiệp cha của bé. Ông nói em đi làm cán bộ y tế mà không gương mẫu trong quan hệ hôn nhân. Em trả lời tôi khát khao được làm mẹ. Cuộc đời kể cũng lạ phải không anh? Tình yêu rất gần gũi mà cũng rất xa xôi. Có những điều tưởng như là yêu nhưng kỳ thực chỉ là lòng thương mến giữa những con người. Chuẩn bị bước vào tuổi ba mươi, em khát khao được làm mẹ. Và em đã hạnh phúc."

Ly cà phê nguội lạnh. Hương nhìn đồng hồ:

"Ấy, gặp anh mải chuyện, em xin phép đi đón cháu gửi nhà trẻ. Tạm biệt anh nhé."

Hương trả tiền cho người chủ quán rồi dắt xe bước nhanh. Tôi định nói với cô rằng người mang tên Huân không phải là tôi. Nhưng không kịp nữa, dáng Hương đã khuất sau hàng cây xanh đẫm nắng...

(Trích báo Thanh Niên)

1975: Ở CAMP PENDLETON

ĐỖ LANG

Thủy quân Lục chiến Mỹ tại Trại Pendleton dựng lều đón người tị nạn từ Việt Nam sang.

1.

Tôi tới Camp Pendleton đêm 1 tháng Năm 1975. Sau khi chạy đôn chạy đáo tìm cách rời khỏi đảo Guam, vì con út tôi mới có một tuổi, sốt nóng, nằm trong lều vải trong trại Orote Point, ngày nóng đêm lạnh, có lúc cháu thiếp đi mê man. Phải tìm cách vào đất liền. Cuối cùng chúng tôi được chở bằng máy bay của hãng PAN-AM đi khỏi Guam, ghé Hawai đổ xăng, rồi xuống phi trường Los Angeles lúc trời đã tối. Một đoàn xe nhà binh che kín mít chở ngay đi. Trên xe tôi an ủi nhà tôi: "Vào đất liền chắc họ có nhà cửa cho mình ở tạm, không lo." Xe chạy trên xa lộ mà chúng tôi nhìn ra chung quanh chẳng thấy gì. Chỉ thấy đèn vùn vụt bên đường. Đến khi xe mở lớp vải chùm kín ra, có người đỡ chúng tôi bước xuống, chúng tôi mới ngẩn ngơ: chân chúng tôi bước xuống một sườn đồi đầy cỏ dại. Chung quanh là núi, tối om. Đang bở ngỡ cố tìm coi có ngôi nhà nào không, thì có tiếng người quen kêu lên: Bà chị nhà tôi từ đâu hiện ra. Bà ở Los Angeles, không biết sao bà biết họ chở chúng tôi tới đây mà vào thăm? Đấy là dấu hiệu đầu tiên của xã hội văn minh: thông tin nhanh chóng. Bà Uyên đã ở Mỹ từ bảy, tám năm, bà chỉ cần gọi mấy cú điện thoại là biết chúng tôi đã được chở vào đất liền, bà biết cả nơi chúng tôi đến là trại Thủy Quân Lục Chiến ở Pendleton, và hai mẹ con bà tức tốc lái xe vào tận nơi đón gia đình chúng tôi. Nhanh thật. Và sao dễ dàng như vậy? Làm sao nhà binh Mỹ họ cho dân thường ra vào trại lính một cách tự do như vậy? Đúng là một cú sốc văn hóa!

Trong đêm tối chúng tôi được đưa đi, bước thấp bước cao, giữa đám cỏ cao ngang bụng. Sau cùng, chúng tôi bước vô một cái lều trống trơn! Thế là tôi biết con tôi lại phải ở lều chuyến nữa. Tôi và cháu Trí đi bê về mấy cái ghế bố, một đống mền, trong khi các con tôi ngồi co ro chịu lạnh, và nhà tôi vừa kể lể chuyến đi, vừa ôm chị khóc lóc.

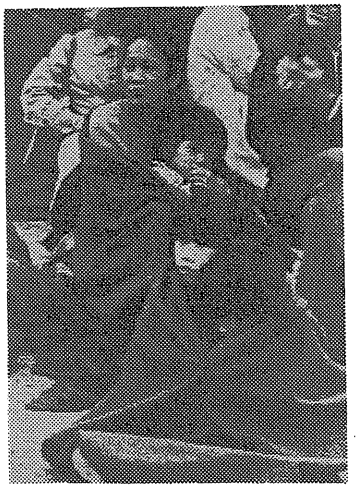

Nắng Cali không đủ sưởi ấm người di tản vừa đặt chân lên đất Mỹ.

Sáng hôm sau, tỉnh dậy, mở hé cửa lều ra, tôi mới nhìn rõ các ngọn núi chung quanh. Trên sườn đồi hoa vàng nở rực rỡ dưới nắng.

Tôi nhìn sườn đồi hoa vàng, ngạc nhiên về chính mình. Tôi vừa chợt nhớ suốt đời mình đã đi cắm trại bao lần. Tôi vẫn ước ao một cảnh cắm trại bên sườn núi, và vẫn ước ao nhìn ra chung quanh lều được thấy hoa nở rực rỡ như thế này. Vậy mà bây giờ đang sống trong cảnh đó, lòng tôi hoàn toàn rưng rưng.

Quả thật, trước mặt tôi là cả một ngọn đồi hoa vàng óng. Cỏ thì xanh mơn mởn. Và bầu trời xanh trong không một gợn mây. Nhưng lòng thì thật rưng rưng. Không thấy cái đẹp. Không rung động, không vui mà cũng không buồn.

Tôi ý thức một cách rõ rệt là kể từ nay mình đã hóa kiếp thành một người khác. Một người như thế nào thì tôi chưa biết. Ví thử ngọn đồi này nằm ở nơi nào đó quanh Đà Lạt. Ví thử cỏ xanh, hoa vàng, trời trong vắt kia ở một nơi nào đó, tại Việt Nam.

Không còn nữa. Vĩnh biệt quá khứ. Vĩnh biệt chính mình.

Trẻ em hay người lớn cũng được phát những bộ quần áo lính cùng cỡ với... John Wayne.

2.

Cuộc sống trong trại tỵ nạn đúng là cơm bưng nước rót. Mỗi ngày thủng thẳng vợ chồng con cái đi xếp hàng ba lần tới lấy phần ăn, và ngồi ăn với nhau trong cái lều ăn vĩ đại. Xong lại về lều. Quần áo nhà binh Mỹ phát ra, trông lũ trẻ con mặc quần áo rộng thùng thình vừa buồn cười vừa chảy nước mắt. Mỗi ngày có ba bốn chuyến xe Hồng Thập Tự vào phát đồ cứu trợ. Khăn mặt, xà bông, kẹo, bánh, sữa cho trẻ con, dao cạo râu và bọt cạo râu cho người lớn, thức ăn trẻ nít trong các lọ nhỏ nào thịt, nào cam, nào táo, đào, ba tê, súp rau, và tã lót, bột tắm, bàn chải răng... Ngày đầu tiên trên đất Mỹ chúng tôi đã hiểu đây là đất thiên đường của con nít. Vốn đã chạy loạn ba mươi năm kinh nghiệm, gia đình tôi cũng như các gia đình tỵ nạn khác, lo đi lãnh các phẩm vật cứu trợ càng nhiều càng tốt, về chất đầy góc lều. Gia đình tôi đặc biệt lãnh rất nhiều tã và thức ăn cho cháu bé một tuổi. Những hộp tã lót mà hồi ở Sài Gòn chúng tôi chỉ dám mua ở chợ trời về dùng một cách dè sẻn, khi cần cấp. Bây giờ, kho tã lót của cháu có thể dùng hết ngày này sang ngày khác. Số thằng bé sướng. Anh chị nó chưa bao giờ được nuôi bằng loại "baby food" vừa ngon vừa đầy đủ vệ sinh như vậy! Sau mấy tuần lễ, khi biết chắc ngày ngày đều có xe Hồng Thập Tự vào phát đồ cho trẻ em, chúng tôi mới bớt máu đầu cơ tích trữ! Chỉ bớt thôi chứ không bỏ hẳn được. Riêng tôi, cái khoản kem bọt cạo râu tôi cũng đã đi khuân về cả chục lon, về sau ra khỏi Pendleton rồi còn dùng mấy năm nữa chưa hết! Và bây giờ lâu lâu bôi cái thứ kem bọt cạo râu mùi bạc hà, tôi vẫn thoáng sống lại cái cảm giác đang sống ở trại Pendleton.

Có nhiều người còn "tích cốc phòng cơ", đi lên nhà bàn lãnh thức ăn cũng mang về một vài đĩa để lỡ khi đói có cái ăn. Mang về rồi lại đổ thùng rác, vì ngay trong giờ ăn ai cũng cẩn thận ních đầy bao tử rồi, không còn chỗ để đói mà ăn thêm!

Nhiều người không ăn nổi cơm nhà bàn, nhất là các cụ già, nhưng đối với trẻ em thì thức ăn nhà binh Mỹ coi bộ hợp khẩu vị chúng hơn cả. Chị Uyên tôi và hai con trai của chị gần như mỗi ngày lại lái xe 150 miles vào trại thăm chúng tôi, mang theo tin tức ở ngoài, và mang vào mấy món ăn mua ở phố Tàu Los Angeles.

Đó là những món hảo hạng, nhưng tôi không còn thưởng thức được nữa. Một món lạp xưởng, hay hột vịt muối, tôi thấy cũng chẳng khác gì những bông hoa màu vàng trên sườn cỏ đồi xuân.

3.

Trong trại 4 có một căn nhà dùng làm thư viện. Có cái hội từ thiện nào đó mang vào đó cả ngàn cuốn sách. Một cuốn về nhà thơ Viên Mai, mấy cuốn về Khổng giáo. Nhiều sách về nước Mỹ, bản đồ Mỹ, lịch sử Mỹ, chính trị Mỹ. Tôi đọc mấy cốn về Khổng giáo, và một cuốn về bi kịch Hy Lạp. Đọc sách trên sườn đồi cũng là một thú vui, mà tôi cũng thấy mình không hưởng được trọn vẹn nữa. Tôi chỉ viết được một lá thư gửi cho bạn tôi John Sommer, vì địa chỉ của John dễ nhớ nhất: Ford Foundation, New Dehli, India, có thế thôi. Báo tin bạn bè ai đi ai ở lại Việt Nam.

Viên trung úy coi trại 4 rất là dễ thương. Anh chàng vui tính, đầy thiện chí, lúc nào cũng lo khuân vác, cắt đặt và hỏi chúng tôi có cần gì thêm không. Tiếc quá, tôi đã quên tên anh ta mất rồi. Một nhà báo đến làm quen với gia đình tôi, tôi cũng chỉ nhớ tên anh ta là Donald, vì anh ta luôn luôn kêu lên như con vịt Donald của Walt Disney khi chơi với các con tôi. Các con tôi, tiếc thay, lại không thấy con vịt Donald liên hệ gì với chúng.

Donald viết mấy bài báo về trại Pendleton, mang tới cho chúng tôi coi, trong đó có nhắc đến cảnh gia đình tôi, nhất là lũ trẻ con. Bây giờ tôi vẫn ân hận đã bỏ mất địa chỉ Donald, không nhớ cả chuyện anh viết báo nào, vì trong óc tôi lúc đó báo nào cũng vậy. Anh có mang vào cho các con tôi cả mấy bộ quần áo trẻ con thì phải, và cả đồ chơi nữa. Donald tự giới thiệu anh vốn là dân New York, đến California làm báo mới có mấy năm. Hai mươi năm rồi, bây giờ Donald làm báo nào? Ở đâu? Tôi luôn luôn làm mất địa chỉ người quen, trừ một vài địa chỉ thuộc lòng.

Một hôm Đỗ Ngọc Yến và tôi nói với ông trung úy trại trưởng là cần phải có phương tiện thông tin cho người tỵ nạn ở trong trại. Chúng tôi hỏi anh ta có kiếm đâu được cái máy chữ và máy quay ronéo thì chúng tôi sẽ giúp làm một bản tin tức ra mỗi tuần hay vài ba ngày một

Tự tìm lấy những phút giây thoải mái trong cảnh buồn tẻ, và nỗi lo âu thường trực.

lần. Viên trung úy rất hoan nghênh. Anh ta hứa sẽ đi xoay mấy cái máy. Tôi bảo: "Nếu có máy chữ tiếng Việt thì tốt." Anh ta ngạc nhiên: "Các ông sẽ viết bằng tiếng Anh chứ?" Tôi đáp: "Không, bằng tiếng Việt chứ!"

Người quân nhân Mỹ trẻ tuổi nhìn chúng tôi bằng con mắt trìu mến: "Các ông bạn ơi, các bạn phải quên tiếng Việt đi. Rồi thì các bạn cũng như những người ở trại này sẽ trở thành công dân Mỹ hết! Phải học nói tiếng Anh, viết tiếng Anh, phải học suy nghĩ bằng tiếng Anh thì mới tồn tại ở xứ này được! Các bạn cứ tin tôi đi."

Dự án làm bản tin như thế là không thành.

Mà tôi cũng không ngờ, bây giờ, 20 năm sau, ông Yến làm tờ nhật báo tiếng Việt lớn nhất ở hải ngoại. Tôi cũng không ngờ sau 20 năm tôi cũng chưa bao giờ làm công dân Mỹ.

Lại nói chuyện, nửa năm trời, sau khi ra khỏi trại Pendleton rồi tôi mới nhận được lá thư đầu của John Sommer. Thư gửi từ New Dehli. John cho biết lá thư của tôi gửi từ Pendleton mất mấy tháng mới đến Ấn Độ, vì tôi dán không đủ tem. Thư đi đường thủy. John viết cho tôi về trại 4, Camp Pendleton thì thư đã bị trả lại vì tôi ra khỏi trại rồi. Sau đó John phải liên lạc qua bộ ngoại giao Mỹ, tìm tòi cả tháng mới ra địa chỉ mới của tôi. John hỏi: "Toàn và Quyên, nếu vợ chồng tôi giúp được các cậu cái gì thì cứ cho biết." Tôi mừng quá , trả lời: "Tôi mất gần hết các bạn cũ. Cái tôi cần nhất bây giờ là tình bạn. Liên lạc được với nhau là đủ rồi."

Mùa hè năm 1976 tôi lái xe hơn 10 tiếng đến thăm vợ chồng con cái John. Anh ta nói: "Các cậu Mỹ hơn tôi. Nghỉ có hai ngày mà lái xe 1000 cây số đi chơi!" Quả thật, không phải chúng tôi đi chơi. Chỉ đi thăm các bạn của tôi.■

Xiệc

Vụ án xử cựu cầu thủ banh bầu dục O.J. Simpson ở Los Angeles bắt đầu cùng một lúc có đoàn xiệc nổi tiếng Le Cirque du Soleil từ Québec sang trình diễn. Báo chí, truyền thanh, truyền hình, viết và nói về vụ án O.J. (đọc là Ô Giây) bị tình nghi giết vợ suốt đêm ngày. Người ta đã đặt ra một mục trên báo LA Times, gọi là *Cirque du O.J.*

ĐÁM CƯỚI TẠI TRẠI PENDLETON

TRẦN MỘNG TÚ

Người con gái khẽ lách cửa lều thò đầu vào, ngập ngừng hỏi tôi:

"Chị có kim chỉ trắng không cho em mượn."

"Chắc có, để chị hỏi mẹ chị."

Mẹ tôi lục trong giỏ của cụ ra một chiếc kim đã xâu sẵn một đoạn chỉ trắng khá dài, đưa ra, hỏi:

"Bây nhiêu chỉ có đủ không con?"

Cô gái lắc đầu:

"Con cần cả một quận chỉ, bà có cho con xin."

Tôi tò mò hỏi:

"Cô khâu gì mà cần tới cả một quận chỉ."

"Em may áo cưới."

"Cho ai vậy?"

Cô đỏ ửng hai má, khẽ giọng:

"Cho em, cuối tuần này cưới."

Tôi tròn mắt hỏi lại:

"Chỉ còn có hai ngày nữa thôi, làm sao kịp, mà cưới ngay trong trại lính này hả em?"

"Dạ, vì chúng em sợ nếu không cưới ngay thì hai đứa sẽ bị bảo lãnh đi hai nơi khác nhau. Chúng em đi không có cha mẹ, thân nhân gì cả. Nếu không đứng chung một danh sách thì chắc chắn sẽ mỗi người một ngả."

Tôi nghe tim mình đập mạnh hơn một chút.

"Em biết may áo dài à, thế vải lấy ở đâu ra mà may."

"Em xin được một cái khăn trải giường trắng hãy còn mới nguyên, em cắt may lấy."

Tôi đứng lặng người ngắm cô.

Vẫn còn dáng Saigon tháng Tư 75.

Cô trạc hai mươi tuổi là cùng. Gương mặt vẫn chưa hết nét trẻ thơ, tóc cô màu hạt dẻ, da mặt trắng trẻo, hai con mắt trong vắt, miệng cười có một chiếc răng khểnh bên trái. Thấy tôi ngắm nghía cô hơi ngượng, khẽ hỏi:

"Chị có thể làm người chứng hộ chúng em không?"

Tôi ngần ngừ:

"Chị muốn giúp em nhưng chị biết gì mà làm chứng, mới gặp em có hơn một tuần mà."

"Dễ lắm, chị chỉ cần đến dự lễ và ký vào quyển sổ là xong."

"Ừ, thì chị làm chứng."

Thế là hai hôm sau tôi trở thành người chứng cho đám cưới mà cả hai họ chỉ có bốn người: cô dâu, chú rể và hai người chứng. Quan khách thì là những người ở cùng lều với cô, tính ra tất cả là tám người. Một đám cưới ít người nhất từ trước đến nay tôi được dự.

Nghi lễ rất giản dị, nhưng cũng có một mục sư đứng ra cầm sách thánh đọc những lời hứa hẹn chung thủy trong hôn nhân rồi bắt cô dâu chú rể lặp lại. Tôi vừa làm người chứng vừa thông dịch sang tiếng Việt những lời của mục sư cho hai người. Cô dâu cũng có một bó hoa nhỏ do một người lính Mỹ mua ở ngoài đem vào tặng. Vị mục sư làm lễ xong cho hai người, bắt tay chúc mừng rồi hấp tấp đi sang lều bên cạnh để làm lễ cho một đám cưới khác. Ngày hôm đó nguyên ở khu trại Tám có đến bốn đám cưới. Cưới xong thì chỉ việc lên phòng hành chánh của trại để ký một hôn thú tạm đánh máy sẵn theo mẫu của mục sư đưa. Cô dâu chú rể được dặn dò cẩn thận là khi xuất trại cứ việc đem giấy này đi khai hôn thú chính thức.

Đám cưới xong thì cô dâu, chú rể (cũng mới hai mươi tuổi) mời hai họ và quan khách vào quán cà phê của trại ăn bánh donut và uống coca. Chúng tôi ngồi vừa đủ một chiếc bàn. Chiếc áo cưới của cô dâu có hơi dầy vì áo cắt ra từ khăn trải giường nên làm cô lúc nào cũng như phải cựa mình trong áo. Thỉnh thoảng cô lại so hai vai quay qua, quay lại, hay đứng lên rồi lại ngồi xuống cho vạt áo không bị bó vào mình quá. Cô bé nhỏ lại cắt cái áo hơi rộng nên trông giống như quấn một cái chăn vải hơn là mặc áo dài. Cô cười nói khiêm tốn. Tân lang thì hoạt bát hơn, anh mời mọi người ăn bánh uống nước một cách giản dị và thân mật. Anh nói:

"Chúng em cùng ở một xóm, ở Thị Nghè, cùng học một trường, từ trung học. Hôm ba mươi tháng Tư náo loạn cả thành phố thì cha mẹ hai bên bảo chúng em cứ dắt nhau chạy được đến đâu thì chạy, em có quen với mấy

THÁI BÌNH

BÀI "HÀNH" HÁT Ô

Chiết kích trầm sa thiết vị tiêu
Đỗ Mục

Tính đi tính lại thật là kỹ
Chẳng còn đường nào ngoài đường Mỹ
Dù muốn dù không, thôi cũng đành
Đời thêm một chuyện bất đắc dĩ.
Còn dân, còn nước, còn tự do
Còn cái tư cách của kẻ sĩ.
Ba mươi tháng Tư thật không ngờ
Tướng quốc, tướng quân lẹ như khỉ
Bỏ quyền, bỏ chức, tót máy bay
Hạng bét cũng nhào xuống tầu thủy.
Tổng thống bẩy ngày Trần Văn Hương
Già gân tiết tháo ngời chính khí.
Nào ngờ vận nước gặp hồi đen
Dương mo Vũ mẹt chơi trò bí
Tưởng bở "người anh em bên kia"
Đáng kiếp ô danh đồ thịt bị.
Sĩ phu quen chiến chẳng quen hàng
Ngũ hổ: Nam, Hưng, Hai, Phú, Vỹ
Đã sinh vi tướng, tử vi thần
Chính nghĩa Cộng hòa máu chư vị.
Văn ban, đại diện Trần Chánh Thành
Chết đứng thề không cam sống quỵ.

*

Kiếm gãy, cờ tan, nối gót nhau
Quân, cán, chính, luôn tướng, tá, úy
Lần lượt sa chân bầy giặc Hồ
Anh em chừng ngộ cũng mút chỉ.
Việt Bắc chim rừng reo "bắt cô
trói cột" bên tai thêm quái dị.
Khoai sắn bụng meo ngày khẩn hoang
Đêm phòng chật chội nồng hơi xí.
Lại còn bày đặt học với hành
Hàng tuần, hàng tháng, cả hàng quý.
Đầu óc sạn rồi làm sao thông
Càng học, càng phê, càng tắc tị.
Thấm thoát hơn chục năm đổi đời
Mà tưởng như vài mươi thế kỷ.
Bao lớp xương khô lạnh đáy mồ
Ngủ cùng lời dế trùng van vỉ.
Kẻ được tha còn trắng đôi tay
Thua anh, thua em, thua cả chị.
Sầu dài năm tháng ngắn như gang
Thoi thóp trong vòng nanh vuốt quỷ.
Chợt lóe từ bên kia đại dương
Coi bộ mở toang cái vận bĩ,
Trái banh xẹp lép lại truyền tay:
Hát Ô! Hát Ô! hề Hát Ô!
Hỏi còn cách nào khác không nhỉ.
Nhẹ gót sông hồ ta đi đây
Cho trọn một pho vong quốc ký.
Đường xa gánh nặng tuổi dần cao
Chữ nghĩa ăn đong được mấy tí
Trợ cấp xã hội vài tháng mau
Mặt mũi quân ta càng bí xị.
Cắt cỏ, lau nhà, rửa chén thuê
Đến nông nỗi này thật hết ý.

*

Dầu sao ta vẫn được là ta
Có quái gì đâu phải rầu rĩ
Kích gẫy người xưa chìm cát sông
Một sớm thành thơ, thành triết lý.
Buổi sáng soi gương ngó mặt mình
Đâu thấy nét nào nét vô sỉ.

người bạn hải quân nên nhờ thế mới đi được vào phút chót."

Một người lớn tuổi nhất trong bàn lên tiếng:

"Đã bỏ cả gia đình mà dắt nhau chạy được sang đây thì cố giữ lấy nhau. Ra trại rồi thì kiếm trường mà học, kiếm việc mà nuôi nhau."

Cô dâu trẻ rơm rớm nước mắt, chú rể đưa tay xoa lên lưng cô vợ mới, giọng cảm động:

"Chúng cháu cám ơn bác."

Hai năm sau tôi gặp cô ở khu chợ Tàu, Los Angeles, cô nhận ra tôi, chạy lại chào hỏi rối rít. Tôi cũng mừng quá, vồn vã hỏi:

"Em bây giờ ở đâu, chồng con thế nào. Đi học hay đi làm?"

"Em đi may, còn chồng em thì vẫn đi học." Cô ngập ngừng một lúc, nói tiếp: "Mà chúng em bỏ nhau rồi."

"Tại sao vậy?"

"Khó nói lắm chị ơi! Ra đến ngoài này đời sống nó đảo lộn hết cả, chúng em cứ mỗi ngày một tách rời xa, không biết làm thế nào mà hàn gắn được."

Cô ngập ngừng một lúc, nói tiếp:

"Em biết thế này thì thà em ở lại Việt Nam còn hơn. Tự nhiên bỏ cha bỏ mẹ đi, bây giờ đến chồng cũng bỏ nốt."

Cô vừa nói vừa đẩy cái xe chợ đi rẽ sang quầy hàng khác khuất sau những dãy kệ. Khi chúng tôi đụng đầu nhau ở một khúc rẽ khác, cô nói tiếp:

"Mà chị còn nhớ mấy đám cưới cùng ngày với em ở trại hôm đó không? Em gặp lại họ ở đây cũng than là bỏ nhau cả rồi. Cứ tưởng là cưới vội như thế thì sẽ giữ được nhau chứ đâu có ngờ cái đất này sao mà nó khắc nghiệt với hôn nhân quá vậy." ■

THƯ VỀ BLOOMIMGTON, ILLINOIS

Buồn vì Người gieo rắc lầm than
Mừng vì còn mong ước Người hơn..."
Phạm Duy

LÊ TẤT ĐIỀU

(Tiếp theo và hết)

James Keeran kính mến,

Tôi không quên là tôi đang tính nói về Thượng Đế. Dài dòng một chút về Bruce vì anh ta cũng có liên hệ đến những điều tôi sắp kể.

Ngoài việc bày trò chơi, giải trí, Bruce còn lo cứu rỗi linh hồn tôi.

Một hôm, Bruce rủ tôi đến nhà thờ của anh ta dự một cái party gì đó vào ngày chủ nhật cuối tuần. Tôi từ chối, nại cớ bận. Anh ta hỏi: vậy chủ nhật sau, chủ nhật sau nữa thì sao? Tôi lắc đầu. Anh ta thắc mắc:

"Mày đi lễ nhà thờ nào?"

"Tao đạo Phật."

"Ở San Diego có nhà thờ đạo Phật không?"

"Không. Nhưng đạo Phật dễ. Không có chùa thì lễ ở nhà. Lễ giờ nào, ngày nào trong tuần cũng được, khỏi cần đợi Chủ Nhật. Chủ Nhật, Phật cho các Phật tử tự do đi câu hoặc đi thụt bi da."

Bruce bỏ đi khoảng chừng nửa giờ, trở lại:

"Tuần sau tao đem cho mày một cuốn Kinh Thánh nhé. Mày đọc rồi ta thảo luận."

Lúc đó tôi mới chú ý đến vẻ nghiêm chỉnh của Bruce và biết là anh ta muốn dụ khị tôi theo Đạo. Tôi gạt đi:

"Thôi khỏi. Kinh Phật dày cộm, tao đọc cả đời không hết. Mày đang âm mưu rủ tao theo Đạo phải không? Cảm ơn lòng tốt của mày. Nhưng tao không bỏ Phật đâu. Chúa Jesus người Do Thái, mày theo ông ấy là đúng. Còn tao, bắt buộc tao phải theo ông Phật vì ổng là người Việt Nam."

Bruce nghệt ra. Tôi biết ngay kiến thức về Phật giáo của anh chàng yếu lắm. Chàng lại tiu nghỉu bỏ đi. Nhưng sáng sớm hôm sau Bruce chờ tôi ở chỗ bấm thẻ, trách móc ào ào:

"Đồ ba xạo! Đồ ba xạo! Phật là người Ấn Độ chứ đâu phải Việt Nam."

Tôi phì cười:

"Ổng sinh ra ở Ấn Độ hay ở đâu tao chả cần biết. Chỉ biết ổng là thường trú nhân hợp pháp ở Việt Nam cả mấy ngàn năm rồi, dư điều kiện để nhập Việt tịch, mày hiểu chưa?"

Bruce không cười:

"Mày đừng có rỡn trong vấn đề này. Nếu mày không lo cho phần hồn của mày thì cũng phải lo cho gia đình mày. Ông Phật là một triết gia cao siêu rất đáng kính. Tao hiểu. Nhưng ông Phật chỉ là một triết gia. Chỉ có Chúa Trời mới cứu gia đình mày khỏi sa hỏa ngục."

Tại sao chỉ qua một đêm anh ta đã có kiến thức sâu rộng về đạo Phật đến thế, đã biết Phật không phải người Việt Nam lại còn dám khẳng định Phật chỉ là một triết gia? Bruce thú thật là mới học hỏi được từ ông mục sư Tom làm việc ở khu thợ hàn.

Từ hôm đó, mỗi lần Bruce mon men nói chuyện tôn giáo là tôi lại làm cho cu cậu phải chạy xuống khu thợ hàn.

Có ngày, chàng phải đi cầu cứu sư phụ Tom ba, bốn lần. Hôm đó, Bruce lải nhải mãi về sự tích chúa Jesus chịu đóng đinh trên thánh giá để chuộc tội cho loài người. Tôi bàn ngang:

"Chúa là bậc đại nhân từ, ổng chuộc tội cho mày thì ổng cũng chuộc cho tao luôn, cả loài người được chuộc tội mà. Đi nhà thờ làm chi cho mệt."

Bruce bỏ xuống khu thợ hàn. Trở lại, anh ta thuyết giảng hùng dũng hơn:

"Nếu Chúa Jesus cứu được cả loài người thì sao lại có kẻ lên Thiên Đường, người xuống Địa Ngục. Ổng lo cứu mình mà mình cũng phải lo cứu mình mới được. Muốn được cứu rỗi linh hồn chỉ có cách thờ kính Chúa."

Tôi tiếp tục lý luận rất chương:

"Đạo Chúa mới được rao giảng rộng rãi hai ngàn năm, thế cái đám nhân loại ra đời trước Chúa Jesus bị sa hỏa ngục hết sao? Và ngay bây giờ, biết bao người còn ở những nơi thâm sơn cùng cốc không biết tới Phật, tới Chúa... bộ rồi họ cũng bị trừng phạt đời đời trong ngục lửa sao?"

"Hê! Dĩ nhiên không, Chúa sẽ phán xét công minh những người đó. Người lành lên Thiên đường, kẻ dữ xuống địa ngục... Nhưng thằng này nói chuyện lạc đề quá. Hãy lo cho phần hồn của mày và gia đình mày thôi. Mày đã có cơ may biết tới Chúa, đã được chỉ cho con đường cần phải theo mà mày không chịu

hành động là mày có lỗi với cả gia đình mày, biết không?"

Tôi cười cười:

"Tao tuyệt đối tin tưởng ở sự rộng lượng và quyền năng của Chúa."

"Vậy thì..."

"Vậy thì tao nghĩ chả cần gì phải đi nhà thờ! Chỉ có bọn tài tử Hồ-ly-út mới mong có thật nhiều kẻ ngưỡng mộ và chỉ biết đãi bọn biết ngưỡng mộ, tôn thờ mình. Chúa thì kẻ thù ổng còn cứu huống chi người đàng hoàng, đứng đắn như tao. Ổng thương tao hơn mày là cái chắc.

Chúa cứ rộng lượng không thôi là tao ngon rồi, thế mà ổng còn quyền năng tuyệt đối. Tao chắc nếu nhân loại cứ tội lỗi thế này thì mai mốt lại có đấng Cứu Thế xuất hiện chuộc tội cho cả đám. Tao lấy thí dụ này cho mày dễ hiểu sự suy tính khôn ngoan của tao. Coi như nhân loại mỗi tên có một cái thẻ mua chịu, có đứa dè sẻn không dám tiêu, có đứa thì ăn chơi vung vít. Đến một ngày nhân loại sắp vỡ nợ thì Thượng Đế đứng ra cáng đáng, trả nợ một phát sạch trơn cho mà coi. Mày cứ yên trí. Lúc đó, những thằng lỡ ăn tiêu dè sẻn lại hóa ra... hố nặng."

Bruce tức muốn xùi bọt mép. Hắn sỉ vả tôi là người lý luận quàng xiên, lếu láo, bất kính. Hắn còn ngờ tôi là một Phật tử gian bởi vì đức Phật, một triết gia cao siêu, đâu có cái thứ tín đồ suy nghĩ về Phật, Trời một cách nông cạn, quái đản như tôi.

Rồi anh chàng lại lảng xuống khu thợ hàn.

Giống như những người đi rao giảng Thánh Kinh ngày Chủ Nhật, Bruce không bao giờ nản lòng. Anh ta vẫn kiên nhẫn, bền bỉ lo thuyết phục tôi. Anh chạy tới chạy lui khu thợ hàn để tìm câu trả lời cho những thắc mắc khi thì ngang phè, khi thì độc địa của tôi. Cho tới một buổi sáng, tôi quyết định chấm dứt những cuộc thảo luận về tôn giáo.

Tôi bảo Bruce:

"Tao có một câu hỏi về tiếng Anh, chắc mày trả lời được."

"Dĩ nhiên. Tao sẵn sàng nghe."

"Tao không biết tiếng Anh có từ ngữ nào để gọi một người thiếu chung thủy. Thí dụ: Vợ chồng tao lấy nhau từ hồi ở Việt Nam, qua đây, bà ấy gặp một thằng Mỹ bảnh trai, giàu có, bèn mê liền, bỏ tao cái rụp..."

"Đồ phản bội!" - Bruce giảng ngay, không đợi tôi dứt lời - "Hay đúng hơn, đồ bội bạc, đồ bạc bẽo, bạc tình, tham vàng bỏ ngãi..."

"Người bội bạc là người xấu hay tốt?"

"Dĩ nhiên là xấu rồi. Mày không muốn bị coi là một hạng người như thế."

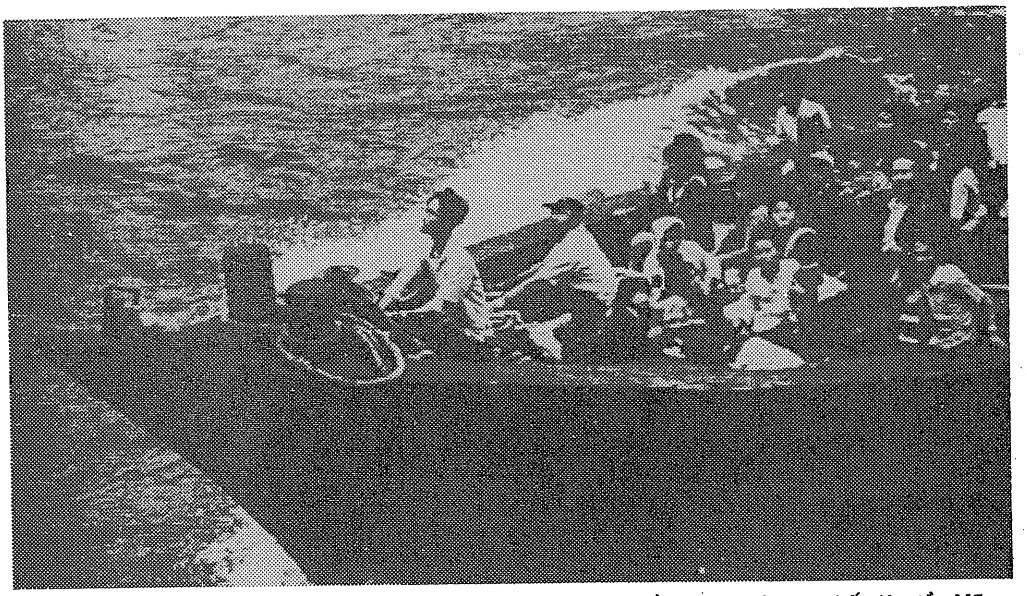

Đoạn cuối một cuộc chiến, đoạn mở đầu một cuộc đời mới. Thuyền nhân chờ được bốc lên tầu Mỹ.

Tôi long trọng hỏi Bruce về cách đánh vần mấy chữ bội bạc, phản bội, ghi chép đàng hoàng vào một mảnh giấy rồi tà tà dứt điểm:

"Cảm ơn mày đã hoàn toàn đồng ý với tao, không muốn tao trở thành một con người bội bạc. Tao theo ông Phật từ nhỏ. Mối liên hệ giữa ổng và tao rất tốt đẹp. Nay gặp ông Chúa giàu hơn, nhiều quyền năng hơn như mày nói, tao cũng ham lắm. Nhưng chê ông Phật ở Mỹ nghèo mà bỏ ổng thì hèn và bần tiện quá, tao không làm được. Vả lại, tao vẫn tin rằng nếu ông Chúa giàu, có lâu đài trên thiên đường cho tín đồ thì ông Phật dù nghèo mấy cũng thuê được một khu apartment trên đó cho Phật tử tụi tao. Vậy từ nay, thằng nào theo đạo nấy, đừng có xúi tao làm chuyện bội bạc nữa nghe chưa!"

Chàng Bruce nghệt mặt ra vài giây rồi kêu toáng lên:

"Mày gài tao! Mày gài tao!"

Rồi Bruce nằng nặc bắt tôi phải đi với hắn xuống khu thợ hàn, gặp mục sư Tom và mục sư Garry.

Và buổi trưa hôm ấy, ngồi trên đống xích buộc neo khổng lồ của một tàu chiến đang đóng dở, trong cái nắng vàng rực của vịnh San Diego, tôi bắt buộc phải thảo luận về tôn giáo một cách nghiêm chỉnh với hai ông mục sư.

Cần nói ngay, tôi không phiền hà gì vụ Bruce dụ tôi đi nhà thờ. Cũng như với những người đi giảng Thánh Kinh ngày cuối tuần, tôi tránh họ vì sợ mất thì giờ, nhưng thâm tâm thấy họ dễ thương. Họ ăn mặc chỉnh tề, lội bộ suốt ngày để tìm cách gieo rắc điều thiện, nhắc nhở lòng biết ơn Tạo Hóa. Nhiều vị lì lợm và dai dẳng không kém gì mấy tay bán hàng. Nhưng họ kiên trì vì quyền lợi của kẻ khác, vì thực sự lo lắng cho phần hồn của tha nhân. Đối với tôi, họ là một đặc điểm dễ thương của nước Mỹ.

Xế chiều nơi đất khách.

Với hai mục sư Garry và Tom, tôi thật sự kính trọng. Ở Việt Nam, tôi chỉ thấy Cha ở nhà thờ làm Cha và sư ở chùa làm sư, không ai phải làm một nghề nào để sinh nhai như bọn phàm phu tục tử. Tôi cũng chưa gặp ông mục sư nào tà tà đi đạp xích lô để nuôi gia đình. Đây thì khác hẳn. Ngày nào hai ông Tom, Garry cũng chui xuống hầm tầu lao động mù mịt như chúng tôi, khi đình công cũng vác biểu ngữ đi vòng vòng hô hoán ồn ào như chúng tôi. Chú ý lắm mới tìm được vài điểm khác biệt: họ không chưởi thề, văng tục và chỉ khoái nói chuyện Chúa Trời.

Thành ra, trong cuộc tranh luận tôi ở thế bất lợi vì phải hạn chế lời nói, tránh những lập luận làm họ phiền lòng.

Thêm nữa, cái tư cách Phật tử của tôi cũng là một điều đáng ngờ. Cả đời tôi chỉ đi chùa hơi nhiều hồi Phật giáo tranh đấu. Tôi rành rẽ về cuộc đời chúa Jesus hơn cuộc đời đức Phật nhờ những bài học lịch sử do phim ảnh cung cấp. (Các cụ Tâm Châu, Trí Quang mà biết tôi cả gan dám đại diện Phật giáo đi tranh luận thì chắc là run lắm.)

Lực lượng đôi bên chênh lệch thê thảm. Nhưng tôi biết là hai ông Garry, Tom sẽ đại bại. Ngay cả hai chục, hai trăm ông mục sư cũng đừng hòng thắng được tôi. Vì tôi có một hậu phương lớn, rất lớn.

Đó là những buổi sáng Chủ nhật mùa đông trong vùng đồi núi Santee.

Nhà tôi ở trong một thung lũng, sau dãy đồi núi cao vừa phải, cách bờ biển khá xa. Nhiệt độ vùng này thường nóng hơn hoặc lạnh hơn San Diego chừng 10 độ. Sáng mùa đông, chui ra khỏi đống chăn ấm lúc năm giờ đã là một cực hình. Kính xe bao giờ cũng đóng đá đòi hỏi một thủ tục cạo rửa lỉnh kỉnh. Tay đeo găng mà nắm vào tay lái lúc đó cũng phải chịu một cái lạnh nhức xương.

Đem cái lạnh Cali ra kể lể với một người sống ở vùng Trung Mỹ là chuyện lố bịch. Tôi biết. Nhưng sống ở Cali vài năm là cơ thể mình hư đốn ra, sức chịu lạnh rất dở. Anh công dân Santee, buổi mai còn tối hù, mở cửa, đập mặt vào cái lạnh nước đóng băng cũng thấy khốn khổ chả thua gì anh công dân Bloomington chui đầu vào trận bão tuyết.

Mà lần mò khốn đốn vì buồn ngủ, vì lạnh như thế mỗi buổi mai để làm gì? Để đi cứu nhân độ thế chăng? - Chẳng qua cũng để cố giữ cho được cái job quẩn quanh với đống sắt thép, thùng thiếc trên con tàu đang đóng dở - Để dùng tất cả những giờ khỏe mạnh, minh mẫn của mình cho việc sinh nhai, vậy thôi. Chuyện đó không xấu, không đáng buồn nhưng cũng không thể bảo là cao cả hơn mục tiêu của một anh chủ gia đình người Mễ vượt biên lậu vào Mỹ. Những giờ đầu tiên trong ngày, ông thợ đóng tàu gốc nhà văn cứ vừa co ro vừa hậm hực trách mình, hận đời, và chỉ tha thiết mong được... ngủ thêm!

Thế nên, sáng Chủ Nhật cho tôi rất nhiều điều thống khoái.

Đầu tiên, anh đồng hồ báo thức ré lên (cuối tuần cũng không dám tắt, sợ quên để lại). Ta choàng tỉnh giấc và... cứ nằm yên, nhẹ nhàng ngủ tiếp. Thêm nửa giờ, một giờ hay vài giờ cũng không sao. Có cả trăm việc tạp nhạp chờ ta đấy, nhưng cứ tà tà. Đợi mặt trời cạo hết băng đá trên kính xe. Đợi sương mù tan chỉ còn vài đám mây mỏng quẩn quanh trên sườn núi. Đợi nắng sưởi ấm đủ ngõ trước, vườn sau. Đợi chính ta chê không thèm ngủ nữa. Khi đó mới ung dung cà phê, cà pháo, nhấc điện thoại gọi bằng hữu bốn phương nói chuyện quê hương, đồng bào, văn chương, chữ nghĩa. Hoặc nhồi đầy một tẩu thuốc, quanh quẩn trong vườn phì phèo nhả khói thơm và suy tính vài ba kế hoạch đội đá, vá trời...

Một buổi sáng như thế mà bắt tôi phải dậy vào một giờ nhất định, ăn mặc chỉnh tề, chịu

nhốt mình vào một chốn trang nghiêm thì khó lắm.

Mục sư Garry ra chiêu trước. Ông trích dẫn nhiều đoạn Thánh Kinh nói về những kẻ không tin Chúa, hoặc chối Chúa sẽ bị đốt trong lò lửa cháy muôn đời. Tất cả những đoạn kinh Matt., Mark hay Rev. mô tả sự khủng khiếp của hỏa ngục đều được ông đọc nguyên văn và bình thêm rất kỹ, rất rõ. Sợ tôi lấy cớ Anh văn ấm ớ không chịu hiểu, ông hứa sẽ tìm cho tôi một cuốn kinh Thánh tóm tắt bằng tiếng Việt. Tôn trọng sự chất phác, hồn nhiên của ông, tôi loại ông ra ngoài vòng chiến một cách nhẹ nhàng, lịch sự. Lại an ủi ông rằng đầu óc tôi rắc rối lắm, không giản dị như anh em thợ ở đây, nên có thuyết phục hụt tôi, cũng chả nên buồn.

Tuổi thơ trong tay người bảo trợ.

Mục sư Tom khôn ngoan, bản lãnh hơn, lại giàu kinh nghiệm chiến trường vì lâu nay phải làm cố vấn cho chàng Bruce mỗi lần chàng gặp thế bí. Ông mở đầu câu chuyện bằng cách ca tụng đức Phật. Ông kể vanh vách sự tích Thái tử Tất Đạt Đa. Ông chịu rằng tư tưởng Phật rất cao siêu. Nhưng ông tin rằng Phật chỉ là một triết gia, không phải là Thánh Thần... Sau đó, mục sư Tom giảng về một ngày trong tương lai khi lửa hỏa ngục bốc cháy khắp địa cầu, chỉ có những người biết thờ phụng Chúa là được cứu vớt. Và, giống hệt chàng Bruce, ông khuyên rằng nếu tôi không lo cho bản thân mình thì hãy nghĩ đến gia đình, con cái mình, đừng để chúng lọt ra ngoài bàn tay che chở của đức Chúa Trời.

Tôi lay hoay tìm chữ, tìm lời để vừa không làm phiền lòng hai nhà truyền giáo mà vẫn nói rõ được ý mình. Cũng định nói ngắn và giản dị thôi, đủ cho hai ngài khỏi hy vọng hão huyền là xong. Nhưng đúng lúc đó, tôi trông thấy một đàn kiến xúm xít quanh xác một con cá nhỏ, loại cá chúng tôi vẫn dùng làm mồi câu. Đột nhiên, tôi nhớ lại tất cả những ý nghĩ băn khoăn về số mệnh, về Thượng Đế. Những băn khoăn đã đến với tôi cũng vào một buổi trưa, khi tôi ngồi bên căn nhà đổ nát, thân thể rã rời, lòng hoang mang đau đớn, lẩn thẩn chú ý đến đàn kiến bò quanh quẩn bên chân mình. Tôi chỉ vào đàn kiến, bắt đầu nói chuyện niềm tin với hai ông mục sư:

"Tôi sinh ra ở một đất nước chinh chiến mịt mù nên có nhiều ý nghĩ băn khoăn về Thượng Đế lắm. Tôi không đủ chữ để diễn tả hết ý mình, chỉ kể vài điều giản dị thôi. Thí dụ, tôi tin Tạo Hóa hiện hữu, nhưng ngờ rằng giữa tôi và Tạo Hóa có hằng hà, sa số tầng lớp Thượng Đế mà lớp Thượng Đế này có thể chính là Thượng Đế của lớp kia.

Quí vị coi đàn kiến dưới chân tụi mình đây. Vào giờ phút này, cả ba chúng ta đều có thể chơi trò Thượng Đế với chúng. Thấy xuống một mẩu bánh mì, tôi sẽ tạo hạnh phúc, phồn thịnh cho cả tổ kiến, nhưng nếu lấy bình thuốc xịt mấy phát là chỉ trong vài giây tôi làm cho hàng trăm, hàng ngàn con kiến chết queo.

Điều tôi muốn nói là lũ kiến không hề thấy tôi, như chúng ta không hề nhìn thấy Thượng Đế. Mặc dầu kích thước chênh lệch nhưng lũ kiến và tôi cùng ở trên mặt địa cầu, đâu có xa xôi gì. Trong không gian hai chiều, con kiến không biết, không hình dung nổi một sinh vật khổng lồ đang đứng rất gần nó, nhìn thấy nó và có dư khả năng sinh sát nó.

Nếu tôi dùng bình xịt để tàn sát hàng loạt kiến thì một con kiến nạn nhân sẽ "thấy" gì trong giây phút cuối cùng? Hai sợi râu với tầm quan sát hạn hẹp, ngắn ngủi của nó có kịp thấy những bụi chất lỏng độc địa đột ngột hiện ra, phóng vào đầu vào thân nó sự hủy hoại tàn khốc, nhanh như chớp chăng?

Nếu là một Thượng Đế kém văn minh, không được trang bị vũ khí hóa học, tôi sẽ dùng đế giầy đạp xuống, mỗi lần giết năm bảy con và gây thương tích cho ba bốn con khác. Nếu có chàng phóng viên hỏi mấy con kiến sống sót: "Chuyện gì xảy ra? Cái gì làm quí vị gẫy cẳng, bẹp bụng vậy ?" Câu trả lời chắc cũng giản dị thôi: "Trời sập! Trời sập!" Lũ kiến không thấy tôi, không thấy chiếc giầy của tôi mà chỉ cảm thấy, nhìn thấy một phần rất nhỏ cái đế giầy của tôi.

Chúng ta nhìn xa, thấy rộng hơn loài kiến. Nhưng xa, rộng tới cỡ nào? Trong trời đất còn biết bao âm thanh ta không nghe được, biết bao nhiêu lực ta không cảm, không thấy được. Ai dám chắc đằng sau những thiên tai lụt lội, bão táp, động đất không có cái đế giầy của một vị Thượng Đế tai quái nào đó!

Phải trông nom một con số vô tận những vũ trụ ở bên nhau, ở trong nhau, nhà quản trị khôn ngoan tuyệt đối là Tạo Hóa có thể đã phân chia quyền hành, lập một hệ thống chỉ huy chẳng khác gì hệ thống quân giai. Tôi tin thế. Bởi vì, vào chính lúc này đây, giữa đàn kiến và Tạo Hóa có chúng ta. Ta vui và rộng lượng thì

lũ kiến thoát hiểm, lại có bánh mì ăn. Ta bực bội, cáu kỉnh là chúng nó chỉ có chết. Giữa ta và Tạo Hóa có hàng hàng lớp lớp các giới chức Thượng Đế khác nhau. Biết chọn vị nào mà thờ cho đúng? Thôi thì cứ cảm thấy gần gũi, quen thuộc vị nào ta thờ phượng vị đó cho nó chắc ăn. Lạng quạng thờ nhầm phải một vị Thượng Đế cao cấp quá, cái ông Thượng Đế trực tiếp chỉ huy mình sẽ hầm trong bụng, sẽ phạt mình bỏ mẹ về tội vi phạm hệ thống quân giai...''

Biết ra sao ngày sau?

Tôi ba hoa tới đây thì anh chàng Bruce chịu không nổi, la lên:

''Hê Li! Mày nói cái quỉ gì vậy, hả?''

Ông Garry nghệt ra mà ông Tom cũng ngơ ngác, chẳng hiểu tôi nói gì. Nhưng ông vẫn bình thản, điềm đạm:

''Điểm chính của anh là gì?''

Tôi ân hận, biết mình vừa làm một việc nhảm: dùng cái vốn liếng Ăng Lê nghèo nàn để diễn tả những điều rắc rối. Tôi vội vàng kết luận:

''Điểm chính của tôi là nhân loại còn rất mù mờ, không hiểu gì mấy về Thượng Đế. Tôi lại nghĩ rằng Thượng Đế không công bằng. Trong khi ổng cưng dân tộc Mỹ thì ổng lại bỏ mặc cho dân Mít tụi tôi khốn khổ nhiều thập niên. Sự bất công còn lộ rõ trên từng đứa trẻ vừa chào đời. Có đứa sinh ra trong Hoàng cung, có đứa làm con người hành khất. Quyền phép sinh hóa ở cả trong tay Ngài, sao lại đặt bầy những sự khác biệt rắc rối đến thế!

Còn băn khoăn, thắc mắc tôi còn chưa tìm thấy niềm tin mãnh liệt ở Thượng Đế. Niềm tin chưa mãnh liệt thì phải tạm gác vụ đi nhà thờ. Xin cảm ơn quí vị.''

Ông Garry bình thản. Ông Tom cười lịch sự, nụ cười đầy thoải mái của một người vừa thoát nạn. Chắc ông nghĩ tôi là một thằng cha vô thần hơi điên. Chàng Bruce thì thất vọng ra mặt.

Trên đường trở về xưởng thợ, tôi tiếp tục trêu Bruce:

''Tao bảo đảm với mày là Chúa không có ''ke'' cái vụ tao đi hay không đi nhà thờ. Muốn tao đi thì dễ ợt. Chúa đã gài vào đầu tao sự thích ăn ngon, thích mặc đẹp, chỉ cần gài thêm lòng khoái đi nhà thờ hay đi chùa nữa là tao hết trốn. Mày tưởng tượng coi, nếu bây giờ tao cảm thấy mê nhà thờ như mê gái đẹp thì mày đâu có mất công rủ rê. Chủ Nhật, có khi ông còn có mặt ở nhà thờ sớm hơn mày.

Trái lại, Chủ Nhật nào tao cũng chỉ được nghe một tiếng nói thầm đầy uy quyền thôi thúc: 'Ngủ đi! Ngủ tiếp đi!' và tao hoan hỉ ngủ tiếp theo ý... Chúa.''

Bruce lầm bầm sỉ vả:

''Thế là mày sống theo bản năng, nghe theo tiếng gọi của... thú tính. Tao buồn cho mày, tao thương hại cho gia đình mày sẽ phải sa hỏa ngục chỉ vì mày.''

Buổi chiều, trên đường ra bấm thẻ, thấy Bruce vui vẻ, nghịch ngợm trở lại, tôi nói nhỏ với hắn:

''Nói riêng giữa mày và tao thôi: Tao hoàn toàn tin tưởng ở Thượng Đế từ ngày sống ở Mỹ. Mày biết tại sao không?''

Bruce ngẩn mặt, nhìn tôi nghi ngờ. Tôi diễn xuất ngay một khuôn mặt ngây thơ, thành khẩn.

''Tại sao?'' Bruce hỏi - Vẫn ngờ vực.

Tôi đáp rất nghiêm trang:

''Ở Mỹ, tao bị ảnh hưởng nặng nề văn chương in trên đồng đô-la. Mỗi lần chi tiền, tao đều đọc lại câu văn bất hủ đó. Càng có nhiều tiền tao càng 'trust' Thượng Đế, vì tao tuyệt đối tin tưởng ở lời khuyên khôn ngoan của đồng Đô La.''

*

Hơn mười năm qua rồi, thỉnh thoảng, nhớ lại ngày đó, cái ngày tôi nói chuyện Thượng Đế nhiều nhất, tôi thường hơi ân hận vì đã không xử đẹp với anh bạn Bruce. Hôm đó, tôi nói chưa đủ và, vì ham trêu chọc bạn, tôi không nói thật.

Những ý nghĩ bi quan, ngờ vực về Thượng Đế của tôi phong phú hơn là tôi đã diễn tả trong ngày đó. Những ý nghĩ ào ạt tràn vào đầu óc tôi như giông, như bão vào buổi trưa một ngày tháng Sáu năm 1974 khi tôi ngồi quay lưng lại căn nhà tan nát, lẩn thẩn nhìn lũ kiến bò quanh quẩn dưới chân.

Đầu tiên, tôi thấy Đấng Tạo Hóa thứ thiệt, Đấng Tạo Hóa lớn nhất, duy nhất chắc là ở xa tôi lắm. Ổng ở ngoài vũ trụ này, ổng ở ngoài hằng hà sa số những vũ trụ chứa đựng vũ trụ này, ổng ở cách tôi một chiều dài đo được bằng một con số vô tận quang niên. Giữa tôi và Tạo Hóa có tầng tầng, lớp lớp Thượng Đế. Cũng như, giờ này, giữa tạo hóa và đàn kiến có thằng tôi, một sức mạnh trong không gian ba chiều, lũ kiến không hề thấy, lại có thể tạo cho chúng những tai họa sập trời.

Rồi tôi thấy ông Thượng Đế gần chúng ta nhất, tạm gọi là cấp Thượng Đế chỉ huy trực

tiếp loài người, chỉ là một anh Cà Chớn, chưa chắc đã sáng suốt gì. Tất cả những ai có quyền tạo định mệnh con người mà lại để một tai họa thảm khốc xảy ra cho đứa em hiền lành, tội nghiệp của tôi, đều là hạng Cà Chớn, độc ác. Hạng đó, tôi không thể coi là bạn, nói gì đến chuyện bắt tôi phải ngưỡng mộ, thờ phụng.

Lại xét cái cách ông Thượng Đế của chúng ta ban phúc, giáng họa! Thật chẳng hay ho, sáng suốt, công minh gì. Ít nhất, không công minh sáng suốt hơn cung cách tôi đối xử với đàn kiến. Vào lúc này đây, nếu tôi xuống tay tàn sát, cả một lũ kiến sẽ chết chùm, không phân biệt kiến trẻ, kiến già, kiến tốt, kiến xấu. Cái gót giầy của tôi sẽ giáng xuống một cách mù lòa, sẽ giết chóc một cách tình cờ như những tai họa từng giáng xuống loài người. Tôi là một Thượng Đế nhỏ hay một thứ Sa Tăng của lũ kiến này? Tôi đóng vai trò gì, làm trung gian cho cái gì trong vũ trụ này? Tôi không cần biết. Chỉ biết lúc này, tôi chính là cái sức mạnh lớn lao, có khả năng tàn sát đang chờn vờn phủ lên đầu lũ kiến.

Rồi tôi nhớ đến một mẹo vặt của mấy chú nhỏ khi chơi trò đá dế. Hai con dế thả vào đấu trường là cái hộp giấy, ít khi chịu giao đấu tức khắc. Có con chỉ rung cánh gáy mà không chịu động thủ, có con quay lưng bỏ đi. Chú bé phải dùng một sợi tóc, ngo ngoe quẹt một vài đường vào hai sợi râu của con dế "phản chiến". Việc đó có tác dụng khiêu khích, chọc giận. Con dế bắt đầu tiến tới, theo sự hướng dẫn của sợi tóc, cho đến lúc râu nó chạm râu con dế kia và nó lăn xả vào cắn, đá đồng loại!

Tôi không biết con dế có "thấy" được chú nhỏ, có biết sự hiện hữu của thế giới người chăng. Chỉ chắc một điều là nó không thấy được cái sức mạnh, cái hậu ý của tác giả sợi tóc ngo ngoe trước mũi nó. Nó tiến tới với cái nhu cầu vừa đột ngột đến: phải triêu diệt cho bằng được con dế trước mặt mình.

Làm sao bảo đảm được rằng ông Thượng Đế của chúng ta không có những mục tiêu quái quỉ, những trò chơi độc ác? Biết đâu chẳng có những sợi tóc kỳ bí, vô hình đang ngo ngoe trước mũi nhân loại, đẩy loài người vào cuộc giác đấu triền miên. Biết đâu ngoài cõi mênh mông kia chẳng có một chú bé khổng lồ, vô hình, rất khoái xem hai con dế cắn đá nhau đến sứt càng, gãy gọng.

Dù trên đất tạm, cũng còn những niềm tin ở cái Thiện của đời sống.

Ôi! Thượng Đế toàn năng! Biết đâu cả thiên thần cùng ác quỉ đều chỉ là một mình Ngài!

Tôi ôm lòng oán hận, cay cú Thượng Đế từ hôm đó cho đến một ngày đầu tháng Năm năm 1975, cái ngày Ngài dí vào mũi tôi phép lạ đầu tiên.

Hôm đó, miền Nam Việt Nam vừa thất thủ, tiểu gia đình tôi đã lên chiếc tàu Mỹ đậu ngoài khơi đảo Phú Quốc. Con tàu còn rộng chỗ, được lệnh di chuyển đến Vũng Tàu để đón thêm người tị nạn đang túa ra biển trên những thuyền nhỏ. Buổi chiều, ngồi bó gối trên boong tàu, ngửa cổ nhìn trời, tôi nghĩ đến cha mẹ và các em.

NGUYỄN ĐĂNG NGỌC
NHƯ VỚI THỜI GIAN

(Gửi Hoàng Các)

Xin được cùng em chung thủy
Như anh từng chung thủy với thời gian
Trong giấc ngủ miên man
Một sớm mai hồng
Chợt tình yêu tỉnh giấc
Gió bâng khuâng
Sông nước dìu nhau
Xao xuyến
Đắm say
Lạnh lùng
Hờn dỗi
Nhưng bên em
Chẳng bao giờ khắc lòng không chung thủy
Như anh từng chung thủy với thời gian
Buổi sáng trời xanh
Ban chiều mây xám
Đưa nhau vào chốn hoa vàng
Như chốn thời gian mênh mang.

San Diego Mùa Xuân 95

HOÀI VŨ
NGÀY CŨ

Em đã đi rồi
Người ngồi tượng đá
Công viên xứ lạ
Chôn vùi ký ức

Đã qua năm ấy
Một lần yêu nhau
Trời đất nhiệm mầu
Tình yêu hoa nở

Ngày cũ vẫn mới
Giữa nhớ và quên
Thời gian đứng im
Đợi chờ cuộc hẹn

Ngọn sầu cao ngất
Rượu buồn khó vơi
Mộng đời vẫn trôi
Riêng em nỗi nhớ

Từ đầu tháng Tư, ba tôi cho biết là ông đã cùng ông bạn hàng xóm lo kiếm mối, hùn hạp mua tàu vượt biển. Không tiên đoán là sẽ được tàu Mỹ vớt, ông tính sẽ cứ chạy thẳng ra khơi rồi táp vào Phi Luật Tân hay Mã Lai... bất cứ bến bờ tự do nào cũng được, cũng quí. Thuyền sẽ khởi hành từ Vũng Tàu. Giờ này gia đình tôi đã có chiếc tàu thoát hiểm chưa? Trong cơn hỗn loạn, liệu cả nhà có rời được Sài Gòn đúng lúc để khỏi nằm kẹt giữa đường ra Vũng Tàu? Lũ em đông đảo của tôi có đứa đang bệnh nặng, tâm trí lúc tỉnh, lúc mê, nó có gây khốn đốn cho cả nhà không?...

Càng nghĩ tôi càng lo sợ. Chỉ còn cách cầu cứu ông Trời. Tôi thầm kêu Thượng Đế bằng đủ các tên mà tôi nhớ được: đức Chúa, đức Phật, đấng Mahomed, Ngọc Hoàng Thượng Đế v.v... Tôi không thuộc một câu kinh Phật, kinh Chúa nào, chỉ cầu nguyện một cách nôm na, đại khái. Lòng thành thì có nhưng niềm tin còn yếu lắm. Tôi cầu nguyện chỉ vì chẳng có thể làm gì khác để giúp đỡ cha mẹ, các em, vậy thôi.

Sáng hôm sau, tôi vừa mở mắt thì một bà, quen biết từ hồi ở đảo Phú Quốc, xăm xăm bước tới nói như reo:

"Ông ngủ ở đây mà tôi không biết, tưởng còn nằm dưới hầm số một, cạnh chiếu gia đình bác sĩ Quỳnh. Tôi lỡ chỉ bà cụ xuống đó tìm. Tôi gặp bà cụ ở khu nhà vệ sinh sáng nay, cụ nói cụ là mẹ ông, đi hỏi thăm tin tức về ông."

Tôi bật dậy, đi theo bà Thiên Thần vừa báo tin phép lạ này.

Chỉ đi chừng mười bước, xuống đến lưng chừng một cái cầu thang ngắn, là tôi thấy ba tôi và lũ em tôi ngồi một dãy trên sàn tàu. Ba tôi reo lên, còn lũ nhỏ chỉ nhìn tôi toét miệng cười.

Có hàng chục chiếc tàu Mỹ đậu ở đây vớt thêm người tị nạn. Sao cha mẹ, các em tôi lại chọn lên đúng chiếc tàu này, ngồi trên đúng cái boong tàu này, chỉ cách chỗ nằm của tiểu gia đình tôi chừng vài chục thước? Ba tôi giải

thích: Chiều hôm qua, cả nhà đã được vớt lên một con tàu khác. Khoảng 10 giờ đêm, ông Hạm Trưởng thông báo là tàu chở quá đông người, sẽ không đủ thực phẩm trong những ngày tới. Ông ta yêu cầu một số gia đình di chuyển sang một con tàu khác. Nghĩ gia đình mình gồm toàn người lớn, không vướng trẻ con nheo nhóc, ba tôi tình nguyện đổi tàu. Lập cập leo lên, leo xuống đến gần nửa đêm cả nhà mới yên ổn nằm nghỉ trên boong con tàu này. Ba tôi bảo: Đây đúng là một trường hợp may mắn, tình cờ hiếm có.

Tôi thì, từ buổi sáng hôm đó, hết dám coi mọi chuyện chỉ là sự may mắn tình cờ.

Anh chàng Jim Banerian là một phép lạ nữa.

Hồi đó, đầu thập niên 80, tôi và một ông bạn văn, ông Phan Lạc Tiếp, cùng làm thợ trong một hãng đóng máy bay. Hàng ngàn thợ thuyền, chia ba "ca" làm việc, trong một cái xưởng rộng mênh mông, tưởng gặp nhau đã khó. Thế mà tôi với ông Tiếp lại được làm cùng giờ, trong hai phân xưởng sát cạnh nhau. Ông Tiếp ngày nào cũng có một cái phích đầy nước trà nóng. Giờ nghỉ mười phút, chúng tôi ngồi trên đống vật liệu, rót nước trà ra cái nắp phích, chia nhau nhâm nhi, bàn chuyện quê hương đất nước.

Gật gù uống trà như thế được chừng một tuần thì chúng tôi nhận được tập tài liệu tường trình về nạn Hải Tặc trên vịnh Thái Lan. Hầu hết những con thuyền tìm tự do đều bị Hải Tặc tấn công, giết người, cướp của và hãm hiếp, bắt cóc phụ nữ. Tác giả bản tường trình, một nhà văn, hai nhà báo đều là bạn của chúng tôi.

Từ đó, giờ ăn trưa, giờ nghỉ mười phút bên ly trà nắp phích, chúng tôi bàn kế hoạch cứu bạn, cứu đồng bào. Ủy ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển ra đời. Ủy Ban Kế Hoạch thì đông, đủ hai mạng. Nhưng bắt tay hành động thì nhân sự mất ngay năm chục phần trăm, chỉ còn trần xì một mình ông Tiếp. Ủy ban "một người", theo sự mô tả của bà Phan Lạc Tiếp, ngày ngày tất tả ở xưởng thợ về, bỏ thùng đồ nghề xuống, là vội vàng chạy đi phô-tô-cọp-pi tài liệu, viết bản tin gửi báo chí Việt ngữ, gọi điện thoại thuyết phục, kiếm thêm thành viên cho ủy ban. Khi có ông Xương đưa lưng gánh bớt gánh nặng, ông Tiếp mới đỡ vất vả.

Muốn các tài liệu về Hải tặc lọt vào mắt giới truyền thông hay những cánh cửa quyền lực Mỹ, chúng tôi rất cần một người dịch tất cả ra tiếng Anh. Chúng tôi cần vô cùng một người Mỹ biết tiếng Việt mà lại sẵn sàng làm việc không công.

Chúng tôi cần một người như Jim Banerian. Và, chàng Jim, khi đó, bị số mệnh đưa đẩy, đã có mặt ở San Diego từ mấy tháng trước rồi!

Chưa từng đến Việt Nam, Jim lại nhất định muốn học hỏi, tìm hiểu về văn chương chữ nghĩa của cái đất nước xa lạ này. Anh ta học tiếng Việt ở đại học Southern Illinois, Carbondale với giáo sư Nguyễn Đình Hòa. Mùa hè, Jim vào thư viện đọc sách, trau dồi Việt ngữ. Gặp cuốn "Đêm dài một đời" của tôi, Jim chịu quá, hì hục dịch ra tiếng Anh. Dịch xong, chàng trình lên sư phụ Nguyễn Đình Hòa. Sư phụ bảo:

"Ông tác giả cuốn sách này có mặt ở Mỹ, hiện ở San Diego."

Jim bắt đầu thư từ liên lạc với tôi. Một hôm, anh hỏi: "Tôi muốn đến sống ở San Diego được chăng." Tôi trả lời đại khái: "Tôi Ăng lê ấm ớ, dân ngoại quốc, phải nuôi một gia đình mà còn sống được. Anh lo cái gì? Cứ về San Diego cho vui."

Jim rủ một ông bạn cùng về miền Tây. Cả hai chất đồ đạc, áo quần lên cái xe con cóc của ông bạn và hoan hỉ lên đường. (Lúc ấy Jim chưa có xe và, ghê gớm hơn, cũng... chưa thèm học lái xe).

Đường dài rong ruổi, hai người bạn trẻ bắt đầu thảo luận chuyện thời sự, xã hội, văn chương... Thảo luận hăng lắm nên khi vào đến địa phận Arizona thì chính kiến đôi bên đã rõ và đã lộ ra sự bất đồng hết thuốc chữa. Người bạn nổi sùng lên, tống cổ Jim ra khỏi xe, bảo rằng anh ta quyết định quay về Illinois, Jim muốn đi tiếp thì nên tìm đến bến xe đò Con Chó. Trong lúc giận dữ, vội vàng, anh bạn quên béng mất cái vụ trả lại đồ đạc áo quần cho "người lữ hành cô độc". (Cả tháng sau anh ta mới gửi trả qua hãng xe bus). Thành ra, chàng Jim tây tiến với trần xì một cái áo thun và cái quần đùi gấu rách te tua, rách thiệt chứ không phải rách kiểu hợp thời trang.

Chưa đầy một năm sau, Jim Banerian hóa ra một thành viên cực kỳ quan trọng của Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển, một ân nhân của cộng đồng Việt. Cái gì đã đẩy anh đến San Diego một cách vội vã, và có mặt đúng lúc để nhận cái trọng trách chỉ có mình anh chu toàn được?

Và cả anh chàng Bruce tốt bụng, nghịch ngợm này nữa. Đối với tôi sự xuất hiện của anh ta không giản dị chỉ là sự may mắn, tình cờ. Anh ta biến một cơ xưởng vô hồn, nặng nề sắt thép thành một chốn không quá tệ. Anh giúp một ông nhà văn đang rầu rầu lem luốc kiếm ăn có những dịp cười sằng sặc, hồn nhiên như trẻ thơ.

Quả thực, tôi đã xử không đẹp với Bruce. Lẽ ra, sau cuộc thảo luận gay go về tôn giáo, niềm tin hôm đó, tôi phải tiết lộ với Bruce sự thật này:

Mặc dầu không đi chùa, chẳng đến nhà thờ, cái anh chàng mỗi sáng Chủ nhật đều quyết tâm nằm ngủ còng queo trong vùng đồi núi Santee lại chính là một chàng được chứng kiến nhiều phép lạ, và không ngờ vực gì về sự hiện hữu của Thượng Đế.■

Vòng chân trời văn học nghệ thuật

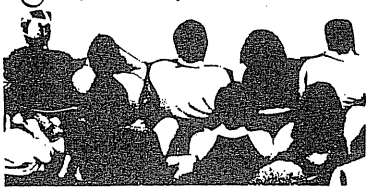

VIỆT NAM

Sau Khái Hưng, Thạch Lam...

Trong phong trào tìm hiểu văn chương Tự Lực Văn Đoàn, nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Nội, đã ấn hành cuốn **Thạch Lam, thân thế và sự nghiệp**, của **Vu Gia.**

Người viết, Vu Gia, vốn là một tiểu thuyết gia không nổi tiếng; ông đã viết cuốn nghiên cứu đầu tiên là **Khái Hưng, nhà tiểu thuyết.**

Cuốn **Thạch Lam** chứng tỏ người viết bỏ công phu riêng tìm hiểu về gia đình họ Nguyễn Tường ở Cẩm Phô, Hội An, và tìm hiểu tư liệu về các tác phẩm đầu tiên của Thạch Lam, kể cả một tiểu thuyết ít người biết đến (?).

VIỆT NAM

Giáo sư Nguyễn Văn Hầu từ trần

Giáo sư **Nguyễn Văn Hầu**, một nhà giáo và một nhà nghiên cứu văn học ở miền Nam trước 1975, vừa từ trần ngày 12 tháng Ba 1995 tại An Giang, hưởng thọ 74 tuổi.

GS Nguyễn Văn Hầu

Ông đã từng phụ trách môn văn học tại các đại học Cần Thơ, Vạn Hạnh và An Giang. Ông chuyên nghiên cứu về văn học và lịch sử địa phương, đã xuất bản các cuốn *Thuật viết văn* (1959), *Phong trào Đông Du miền Nam* (1966), *Nửa tháng trong miền Thất Sơn* (1973), *Thoại Ngọc Hầu và công cuộc khai phá miền Hậu Giang* (1973), ...

Từ 1975, ông bị bệnh, nhưng vẫn tiếp tục nghiên cứu và viết. Hiện ông để lại bản thảo hai tác phẩm văn học: *300 năm văn học dân gian* và *Văn học miền Nam lục tỉnh*.(Theo TT)

VIỆT NAM

Nhân tài và thời đại

Nhạc sĩ trẻ từng đoạt giải nhất trình diễn đàn tranh, **Hải Phượng**, ở Saigon, được hãng Ocora (Pháp) thực hiện một đĩa gọn (CD) mang tên *Le Dan Tranh d'hier et aujourd'hui* (Đàn Tranh hôm qua và hôm nay). Đĩa này lại được giới phê bình âm nhạc của Đức chọn trao giải đặc biệt của năm 1994.

Hải Phượng lại đã từng đi lưu diễn giới thiệu âm nhạc truyền thống Việt Nam tại các nước Pháp, Hong Kong, Trung Quốc, Đại Hàn, Thái Lan...

Với những thành tích như thế, báo *Tuổi Trẻ* cho biết, Hải Phượng vẫn chật vật với đời sống. Mỗi tối, cô phải đi trình diễn ở các nhà hàng. Cô lại phải học thêm những "nghề tay trái" (như Anh ngữ, trang điểm cô dâu, hóa trang điện ảnh, v. v...)

Hải Phượng

Tuy nhiên, có lẽ "trót mang cái nghiệp (âm nhạc dân tộc) vào thân," Hải Phượng vẫn kiên trì theo đuổi đàn tranh, và còn học thêm các nhạc cụ dân tộc khác. Phải chăng vì trong cô có dòng máu văn nghệ dân tộc của mẹ: nhạc sĩ Phạm Thúy Hoan (cùng thời và cùng ban Hoa Sim, với Đỗ Phương Oanh, Huyền Trân, Ngọc Dung)?

NAM TƯ

Nỗi buồn chiến tranh... Nam Tư

Trong một đất nước mà thông thường tài phải đợi... tuổi, nước Nam Tư (nay bị xé đôi do hai chủng tộc Serb và Croat), một nhà văn 29 tuổi được trao một giải văn học cao quý nhất nước, là một điều lạ, ngay cả với người lãnh giải. **Vladimir Arsenijevic** kể lại một câu chuyện "gia đình" — một cặp vợ chồng sắp có đứa con đầu lòng thì chiến tranh bùng nổ. Cuộc chiến không được mô tả

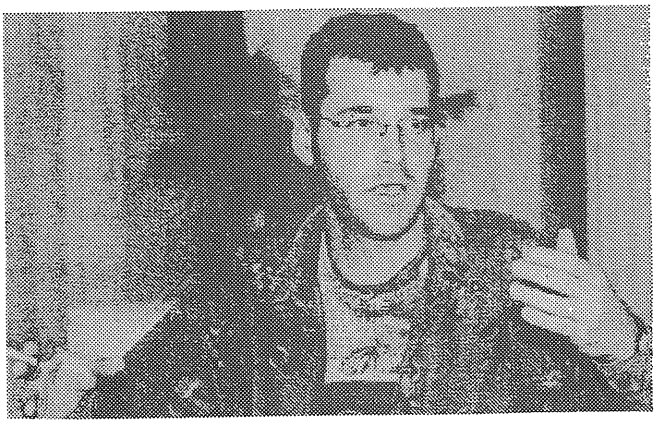

Vladimir Arsenijevic

trong truyện, nhưng chính cuộc chiến đó đã làm tan nát đời sống bao người trong truyện.

Mang tựa "Trong Hầm Tầu," cuốn tiểu thuyết của Arsenijevic được trao giải văn học của báo NIN ở Belgrade, và ngay sau đó được cả các nhà xuất bản và làm phim ngoài Nam Tư chú ý. Có nhà phê bình đã ví "Trong Hầm Tầu" như một thứ "Kẻ Lạ" của Albert Camus.

Arsenijevic cho rằng thế hệ lớn tuổi ở Nam Tư có lẽ dễ thích nghi với đời sống chiến tranh hơn, vì họ đã trải qua nhiều cuộc chiến suốt từ đầu thế kỷ đến nay. Còn lứa tuổi của anh, dù phải sống dưới sự cai trị của lá cờ búa liềm, nhưng nay đang cảm thấy bị méo mó vì chiến tranh xảy ra ngay đất nước mình, ngay thành phố mình sinh sống. Anh nói: "Tôi nhìn quanh, và tôi thấy những bộ mặt xấu xí, những con người dắt theo chó dữ, lên gân và kè kè súng ống."

Về hiện tình đất nước (Nam Tư hậu Cộng sản), Arsenijevic cho biết: "Mấy năm trước, người ta tưởng rằng đẩy được mấy ông chóp bu xuống là mọi sự thay đổi. Bây giờ hỏi, chắc người ta sẽ bảo chẳng có gì khác hết." (Theo LAT)

BẮC HÀN

Hội họa "phải đạo"

"Phải đạo" là một thuộc từ do chính các nhà văn của chế độ cộng sản mô tả nền văn học trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Một bài thơ, một câu chuyện xứng đáng được in và phổ biến trong chế độ này trước hết phải đáp ứng nhu cầu chính trị. Nền văn học đó đang có một chút thay đổi ở Việt Nam, nhưng ở "nước anh em" Bắc Triều Tiên coi bộ "thế vẫn còn chưa đủ!"

Họa sĩ **Chong Yong Man** vẽ bức "Hoàng hôn ở Cương Sơn" có ánh chiều đỏ rực, có dòng sông êm đềm và có nhà máy đang nỗ lực phun khói, thật đúng ý "trên," nên đã được

"Hoàng hôn ở Cương Sơn" phải có lãnh tụ đứng giữa mới... đẹp!

chọn treo ngay tiền sảnh của Cung Mỹ Thuật Bình Nhưỡng, một nơi mà nhà nghệ thuật tạo hình Bắc Hàn nào cũng mơ ước được trưng bày tác phẩm của mình.

Nhưng họa sĩ Chong chưa hài lòng (hay chưa an tâm?) với tác phẩm "phải đạo" đó. Ông vẽ lại cảnh Cương Sơn, cũng có mây, có nước, có nhà máy; nhưng lần này có thêm "lãnh tụ muôn vàn kính yêu" Kim Chính Nhật đứng ngay tiền cảnh. Chắc ăn như bắp! "Phải đạo, phải đạo, đại phải đạo. Chắc ăn, chắc ăn, đại chắc ăn."

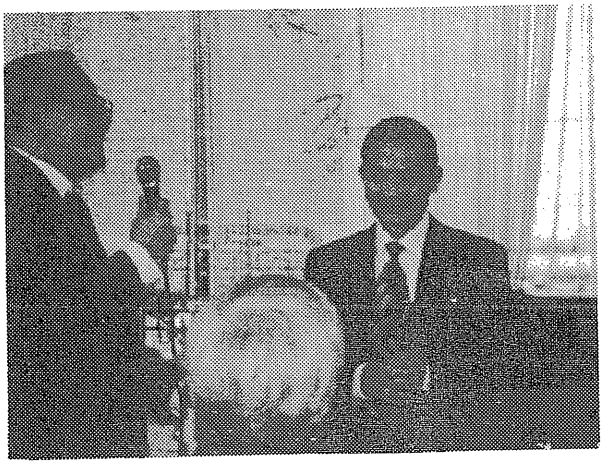

BS Lê Văn Lân giới thiệu nhà văn Hà Kỳ Lam.

PHILADELPHIA (HOA KỲ)

Hà Kỳ Lam ra mắt Vùng Đá Ngầm

Hơn một trăm khách yêu văn chương đã đến tham dự buổi ra mắt tập truyện đầu tay **Vùng Đá Ngầm** của **Hà Kỳ Lam** (Thế Kỷ xuất bản 1994), do nhóm *Duyên Văn* tổ chức, tại nhà hàng Việt Nam Palace, hôm 19 tháng Ba.

Nhiều văn hữu từ các nơi xa cũng đã về tham dự, như nhà thơ Trần Trung Đạo từ Boston, họa sĩ Vũ Hối từ Washington DC, nhà thơ Trần Thiên Đạt từ New York, các nhà văn và họa sĩ Trần Hoài Thư, Phạm Bách Hợp, Phạm Cơ từ New Jersey,...

Dưới sự điều hợp chương trình của nhà văn Trần Quán Niệm, các văn hữu Lê Văn Lân, Huỳnh Văn Phú và Vũ Thất đã lần lượt giới thiệu tác giả và tác phẩm, nhận xét về văn phong, bút pháp của Hà Kỳ Lam. Tác giả khiêm nhường không nhận mình là nhà văn, mà chỉ là "người ghi lại những xúc cảm và suy tư trước cái đa dạng của cuộc sống."

PARIS (PHÁP)

Phạm Xuân Tích ra mắt Hoa Vàng Cũ

Buổi ra mắt Tuyển Tập Kịch Thơ **Hoa Vàng Cũ** của **Phạm Xuân Tích** (Thế Kỷ xuất bản 1995) đã được tổ chức vào hồi 3 giờ chiều Chủ Nhật mùng 9 tháng Tư 1995, tại Phòng Hội Diễn số 43 Rue Boileau, Quận 16 Paris.

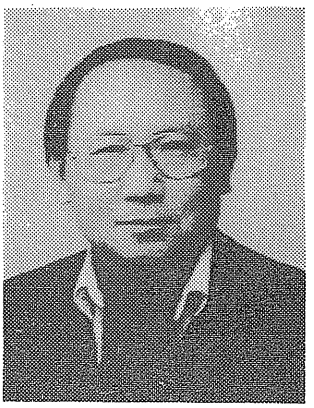

Phạm Xuân Tích

Luật sư Vương Văn Bắc, tức văn hữu Hoàng Linh, đã phân tích các sắc thái về thi phong, tình tiết và ý nghĩa của các vở kịch. Ông chia sẻ những suy tư và thao thức của tác giả về những giá trị truyền thống của nhân sinh xuyên qua các hình tượng nhân vật lịch sử, giữa thời đại mà các giá trị căn bản của con người đang cần đặt lại trên quê hương.

Nữ nghệ sĩ Bích Thuận đã ngâm một bài thơ của Phạm Xuân Tích để mở đầu chương trình văn nghệ với các giọng hát, tiếng đàn của Thu Hương, Nguyễn Phan Huy, Quỳnh Tư, Phạm Minh Thiện, Nguyệt Nga, Văn Tấn Phước, Nguyễn Phúc Bửu Phôi, Patrick Malval, Motty, Quỳnh Hạnh và Đào Tuấn Ngọc. Người giới thiệu chương trình: Quản Mỹ Lan.

Trước đó, Luật sư Trần Thanh Hiệp, người viết *Tựa* cho tập kịch, đã nói về ý nghĩa của buổi họp mặt, ngoài việc ra mắt một cuốn sách mới, còn là một sinh hoạt kết chặt tình thân ái của các bằng hữu. Hai họa sĩ Lê Tài Điển và Đới Ngoạn Quân (vẽ bìa và phụ bản cho tập kịch) cũng có mặt để cùng tác giả ký lưu niệm trên sách.

QUẬN CAM (HOA KỲ)

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ họp mặt với thân hữu và độc giả

Doãn Quốc Sỹ, một nhà giáo lão thành, một nhà văn nổi danh, người từng bị Cộng sản Việt Nam giam giữ hai lần tổng cộng 12 năm, đến

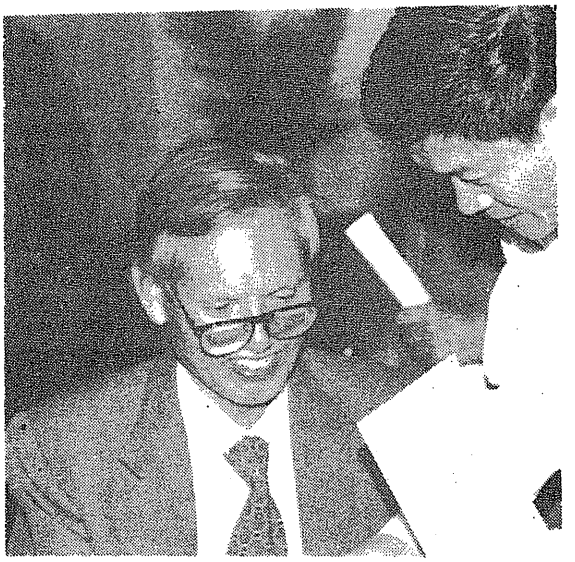

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ

Mỹ định cư (cùng gia đình con trai là Doãn Quốc Thái ở Houston, Texas) hồi tháng Hai 1995, đã đến họp mặt với thân hữu và độc giả của ông tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt, chiều thứ Bảy 18 tháng Ba.

Trước cử tọa khoảng 200 người, nhà văn họ Doãn không có lời nào nhắc nhở đến những gian truân, khổ cực mà ông gánh chịu gần 20 năm qua ở quê nhà. Ông hướng về tương lai với niềm tin sâu sắc vào sức sống mạnh mẽ của dân tộc, và khẳng định: "Cái ác đến rồi đi, mưu mô xảo quyệt thể hiện rồi tàn lụi."

Nhà văn Mai Thảo nhắc lại nhiều kỷ niệm của ông với ông Sỹ thời cùng làm báo *Người Việt, Liên Việt, Sáng Tạo* sau năm 1954. Nhà văn Võ Phiến cho rằng với ông Doãn đến Mỹ "cộng đồng người Việt hải ngoại giầu thêm bằng một người Việt đáng yêu, và bếp lửa cộng đồng ấm hơn."

Các thân hữu khác như nhà văn Ngô Thế Vinh, ca sĩ Quỳnh Giao, và "một độc giả chưa gặp nhà văn lần nào," nha sĩ Nguyễn diệu

Liên Hương, đã lên phát biểu cảm tưởng và chào mừng ông Sỹ.

Nhân dịp này nhà văn Doãn Quốc sỹ cũng ký lưu niệm trên ba cuốn sách của ông do nhà Văn Nghệ ấn hành. Đó là các cuốn *Dấu chân cát xóa, Người vái tứ phương*, và *Mình lại soi mình*.

QUẬN CAM (HOA KỲ)

Kịch nói: Ngôi nhà không có đàn ông

Buổi trình diễn đầu tiên vở kịch "Ngôi nhà không có đàn ông" của nhóm kịch nói "Sân Khấu Saigon Nhỏ" đã thu hút trên 500 khán giả, vào chiều Chủ Nhật 2 tháng Tư 1995, tại vũ trường Ritz, thành phố Anaheim, Nam California.

"Sân Khấu Saigon Nhỏ" do một nhóm nghệ sĩ sân khấu chuyên nghiệp và tài tử lập nên, trong đó có Việt Hùng, Xuân Phát, Phượng Liên, Băng Châu, Mai Phương, Hồng Đào, Thu Ba, Quang Minh, Lâu Hùng và đạo diễn Hồng Phúc.

Đa số khán giả đều ngợi khen sự cố gắng của các nghệ sĩ, nhất là từ lâu sân khấu kịch nói hoàn toàn vắng mặt trong sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam hải ngoại. Người ta hy vọng những buổi trình diễn như thế này ít nhất cũng kích thích được các nhà soạn kịch để trong tương lai sân khấu Việt Nam có thêm kịch bản.

QUẬN CAM (HOA KỲ)

Văn Bút tổ chức Giải dịch thuật

Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại — hiện do nhà thơ Viên Linh làm chủ tịch, và trụ sở tại Little Saigon — vừa thông báo thành lập giải thưởng lấy tên là "Giải Dịch Thuật Nguyễn Văn Vĩnh."

Theo thông báo, trong bước đầu, "Giải Nguyễn Văn Vĩnh" chỉ trao cho các tác phẩm dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, xuất bản từ 1954 đến 1975 (ở trong nước) và từ sau 1975 tại hải ngoại.

Dịch phẩm có thể là truyện dài, hồi ký, kịch, tuyển tập thơ, tuyển tập truyện ngắn (của một tác giả, hoặc của nhiều tác giả). Tác phẩm dự thi gửi đến Văn Bút VNHN trước ngày 30 tháng Chín 1995.

Có ba giải thưởng: Nhất 2,000 mỹ kim; nhì 1,000 mỹ kim; và ba 500 mỹ kim. Hội đồng giám khảo gồm có quý ông Nguyễn Khắc Kham, Nguyễn Khắc Hoạch, Nguyễn Sỹ Tế, Huỳnh Sanh Thông và Võ Đình.

Mọi chi tiết xin liên lạc: VBVNHN, 9306 Bolsa Ave., Westminster CA 92683 USA.

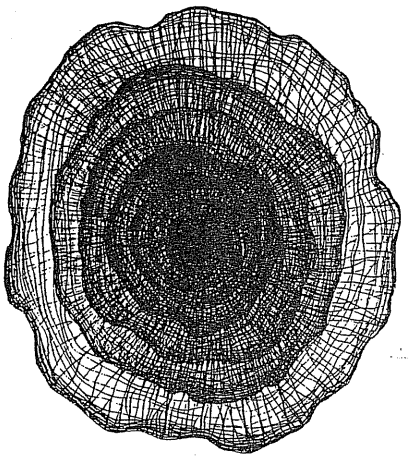

"RỌ TRONG RỌ"

Triển lãm luận án Master of Fine Arts
của họa sĩ

HOÀNG VŨ

Gồm các tác phẩm điêu khắc và những bức vẽ 3 chiều mới sáng tác

Tại West Gallery
của trường
California State University, Fullerton
từ ngày 13 đến 26 tháng Năm 1995

TIẾP TÂN
Thứ Bảy ngày 13 tháng Năm 1995
Từ 6 giờ đến 9 giờ tối.

Giờ mở cửa:
Thứ Hai đến thứ Sáu
12 giờ trưa đến 5 giờ chiều

Parking: $1.50 tại Lot D. Cuối tuần miễn phí. Hướng đi: Freeway 57, exit Nutwood về hướng Tây, quẹo phải State College Blvd., quẹo phải ngã ba đầu tiên, vào Lot D.

Kính mời quý vị đến tham dự.

Mọi chi tiết xin liên lạc về số điện thoại (714) 441-1557

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

Dấu Chân Cát Xóa, Người Vái Tứ Phương, Mình Lại Soi Mình là ba tác phẩm của **Doãn Quốc Sỹ** ra đời cùng một lúc sau khi tác giả đến Hoa Kỳ, do nhà Văn Nghệ phát hành. Liên lạc: Văn Nghệ, P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683 hoặc 10881 Oak St. Stanton, CA 90680. Tel (714) 527-5761.

Dấu Chân Cát Xóa là một tập sách mỏng, 87 trang, (giá bán 9 MK trong nước Mỹ, 10 MK ngoài nước Mỹ) được tác giả viết xong từ 1974, đây là lần đầu tiên ra mắt độc giả. Chuyện kể một "chuyến đi lang thang" thăm thú nhiều nơi, nhiều người của một trí thức Việt Nam trên đất Mỹ, làm ngời sáng, như nhà xuất bản giới thiệu, "cái đẹp của thiên nhiên, của tình người, của kiến thiết, của nghệ thuật, của lý tưởng..."

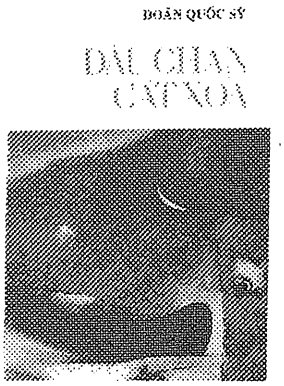

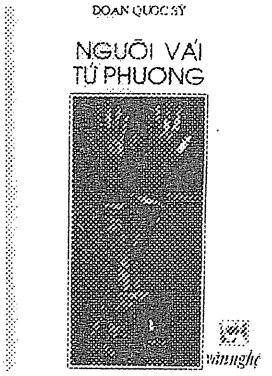

Người Vái Tứ Phương, 103 trang, giá 10 MK và 11 MK ngoài nước Mỹ, viết năm 1982. Một viên trung tá công an cộng sản "giác ngộ" trở về với đời sống tâm linh truyền thống của dân tộc, đã thực hành bằng cách vào khuya những đêm rằm và mồng một ra Ngã Sáu Sài Gòn thắp nhang mà vái tứ phương. Tác giả tin cái thiện căn của con người rồi sẽ thắng những dối trá và tàn bạo.

Mình Lại Soi Mình, truyện dài, 353 trang, giá 16 MK và 19 MK ngoài nước Mỹ. Khởi viết năm 1881, xong năm 1882, bối cảnh của truyện phần lớn là thành phố Sài Gòn những năm sau 1975, khi chế độ cộng sản lộ rõ bộ mặt thật ghê tởm của nó qua những đợt "cải tạo" nếp sống, đánh tư sản, tiêu diệt văn hóa cũ... Tác giả vạch ra rất cụ thể *"bí quyết của người cộng sản là họ tự giải thoát khỏi gánh nặng của liêm sĩ và lòng nhân, do đó họ thênh thang thực hiện những điếm nhục, những tội ác hỏa ngục nhưng lại phủ lên bằng những danh từ thiên đường, hoa mỹ."*

Nhiều người nhận xét truyện của **Doãn Quốc Sỹ** bây giờ không giống như ngày xưa, đã từng làm họ say mê thời thập niên 50, 60. Nhưng ai cũng đồng ý rằng cái bất biến trong tác phẩm của ông là lòng nhân hậu, sự trong sáng, luôn luôn tin vào lẽ thiện. Dù là ba bốn mươi năm trước hay bây giờ, giữa thập niên 90, sách của ông vẫn đem lại cho chúng ta một nguồn nhân ái vô tận giữa cái thế giới vẫn còn đầy chia rẽ căm hận của người Việt Nam chúng ta.

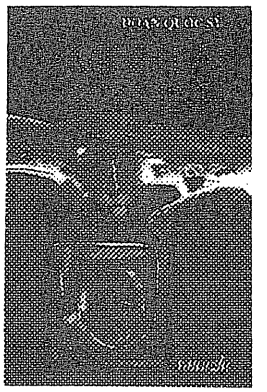

Hạt Bụi Nào Bay Qua, thơ **Thái Tú Hạp**, bìa của Đinh Cường, Mai Thảo viết tựa. Tập thơ dày 257 trang, với các phụ bản đẹp, trang nhã của các họa sĩ Nguyên Khai, Khánh Trường, Bé Ký, Hồ Thành Đức, Võ Đình, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường. Sông Thu xuất bản, giá 12 Mỹ kim. Liên lạc: Trần Ái Cầm, P.O.Box 428 Rosemead, CA 91770. Tel (818) 286-9798. Fax (818) 286-3293.

Từ cuối những năm 50 cho đến năm 1975, thơ **Thái Tú Hạp** liên tục xuất hiện trên nhiều tạp chí của miền Nam Việt Nam. Ra hải ngoại vẫn tiếp tục làm thơ, và đây là tập thơ thứ ba của anh được xuất bản. Về thơ Thái Tú Hạp bây giờ, nhà văn Mai Thảo nhận xét: *"Một gắn bó sắt son và bất biến với giống nòi và nguồn gốc do nơi những rung động ở quê nhà ngày trước, trên quê người bây giờ, trước sau là nhất quán, không bao giờ đổi thay. Những bài thơ trong sáng êm đềm, như có một thiền định nào đó giữa hai giòng chữ.*

Làm thơ đều đặn trong bốn mươi năm, ở tuổi thanh niên và tuổi trung niên, ở quê nhà và ở hải ngoại, lúc nào cũng êm mát, ngày càng đi vào một tầng cao của tâm thức, *"ở đó tầm nghĩ và tầm nhìn thấy được những biển trời bát*

ngát", tác giả đã đạt một sức sáng tạo rất lạ không phải ai cũng có được.

Hương Thơm Từ Núi Lạ, tập truyện ngắn, nguyên tác *A Good Scent From a Strange Mountain* của *Robert Olen Butler*, **Thiên Nhất Phương** dịch ra Việt ngữ. Sách gồm 14 truyện ngắn và một truyện vừa, dày 266 trang, do Người Việt Tây Bắc xuất bản. Không đề giá bán. Liên lạc: 3111 M.L.King Jr. Way South, Seattle, WA 98144. Tel (206) 722-6984. Fax (206) 722-0445.

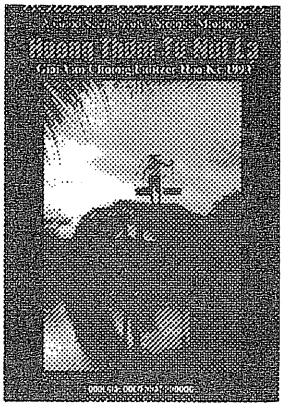

A Good Scent From a Strange Mountain được giải Văn Chương Pulitzer Hoa Kỳ năm 1993, là một cuốn sách viết về người Việt Nam, phần lớn nhân vật trong sách là người Việt Nam tị nạn tại Mỹ. Butler đã thành công khi mô tả trung thực nếp sinh hoạt, suy tưởng, tâm tình của người Việt Nam di cư. Nhưng bao trùm những câu chuyện ấy là tính chất nhân bản bất biến vượt khỏi ranh giới màu da, chủng tộc và văn hóa. Nhờ thế cuốn sách đã đến dễ dàng với độc giả Mỹ, đem lại cho họ những hiểu biết và thông cảm về nét tinh thần Việt Nam.

Dịch truyện về người Việt Nam viết bằng tiếng Anh ra tiếng Việt Nam chắc có cái dễ mà cũng có cái khó của nó. Dễ vì đó chỉ là việc "Việt hóa" những gì vốn là Việt, nhưng khó là nếu bản dịch còn vướng những nét "tây" quá của bản Anh ngữ thì câu chuyện lại mất đi vẻ Việt Nam ngay, như một người ngoại quốc nói tiếng Việt chưa sõi. Dịch giả **Thiên Nhất Phương** đã làm chủ được cái dễ và vượt qua cái khó một cách rất tốt đẹp. Trong khi độc giả Mỹ có một cuốn truyện xuất sắc về đề tài người Việt Nam thì độc giả Việt có được một bản dịch hay. **Hương Thơm Từ Núi Lạ** là một nhịp cầu tốt cho việc cảm thông giữa hai nền văn hóa.

Lục Bát Trường Thiên Biển Sầu, thơ của Thanh Hiền, bìa và phụ bản của Thanh Hiền, tác giả xuất bản. Sách dày 292 trang, giá bán 12 mỹ kim. Liên lạc: Tủ sách Hồn Việt, P.O.Box 609, Midway City, CA 92655. Tel (714) 839-6517.

Tuy gọi là **Trường Thiên**, đây là một tập gồm toàn những bài thơ ngắn. Và cũng theo nhan đề, tuyệt đại đa số các bài đều làm theo thể lục bát, và chữ **Biển Sầu** cũng nói trước nội dung của các bài thơ trong tập: sầu vì tình duyên, sầu vì đất nước chiến tranh, vì xa quê hương xứ sở... Diễn tả cái buồn dễ làm rung động lòng người hơn là nói về cái vui, thi ca vẫn là phương tiện hữu hiệu nhất để chuyên chở nỗi buồn. Nhất là khi người ta chân thật.

Thơ của nữ sĩ Thanh Hiền dù thiếu sự bóng bẩy nhưng chân thực và giàu thi tính nên rất nhiều khi bà đã truyền được cái buồn của bà cho người đọc. Không thể phủ nhận bà là người tài hoa: các bức vẽ của bà ở bìa sách và các phụ bản cũng gieo vào lòng người một nỗi buồn man mác, phụ họa thêm cho tính chất ấy nơi thơ của bà, như hai câu sau trong bài *Ai Về Bà Rịa Quê Tôi*:

Gọi chiều bìm bịp nước lên
Dưới sông lau lách buồn tênh tháng ngày!

Người Hoa Tại Việt Nam, biên khảo của **Nguyễn Văn Huy**, do NBC xuất bản. Sách dày 409 trang,giá bán 12 Mỹ kim, ở xa cộng thêm bưu phí: Nội địa Hoa Kỳ 5 MK cho first class, 3 MK cho book rate; ngoài Hoa Kỳ: 8 MK cho air mail, 4 MK cho đường thủy. Liên lạc: Bang Nguyen, P.O. Box 3492, Costa Mesa, CA 92628-3492, USA; ở Âu châu và vùng phụ cận: Huy Nguyen, 9, Allée Bougainville #165 93270 Servan, France.

Nguyễn Văn Huy, tác giả, tốt nghiệp khóa 8 Chính Trị Kinh Doanh Đà Lạt, định cư tại Pháp năm 1983, tốt nghiệp Chuyên viên Ngoại thương, hội viên Hội Nghiên cứu Việt Nam (VINEC) tại Paris. Ông để tâm nghiên cứu về những đề tài như đạo Công giáo, người Hoa, người Thượng, người Chăm tại Việt Nam.

Trong lời giới thiệu cuốn sách, ông Nguyễn Anh Tuấn viết: *"Vấn đề người Hoa ở Việt Nam là một vấn đề rất lớn ... Anh Huy đã dành nhiều thời gian và tâm trí vào cuốn sách này nên nó đã có vóc dáng xứng đáng với tầm nhìn của thời đại ... Với sự đào sâu nghiên cứu của mình, anh Huy đã giúp chúng ta phác họa lên một xã hội*

người Hoa ở Việt Nam có đầy đủ màu sắc về phong tục, tập quán cũng như về nhân cách con người.

Và đối với tác giả, công trình biên khảo này nhằm mục đích "nhìn lại cộng đồng người Hoa qua các giai đoạn lịch sử để hiểu và thông cảm lẫn nhau trong tiến trình xây dựng một tương lai chung."

Một Trăm Năm Việt Nam 1925-2025 với Trạng Trình và Nostradamus, sách giải sấm ký của **Nam Thiên**, Hoa Tiên Rồng xuất bản. Sách dày 85 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Hoa Tiên Rồng, 30 Freeman Rd Durack 4077, Australia.

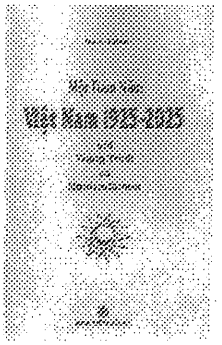

Tập sách giải đoán hai bài thơ thất ngôn bát cú của Trạng Trình và bốn đoạn sấm của Nostradamus, mà theo tác giả, ứng vào những biến cố xảy ra cho dân tộc Việt Nam trong khoảng thời gian từ 1925 tới 2025. Từ 400 năm trước Trạng Trình tiên đoán vào đầu thế kỷ 21 Việt Nam sẽ vào một kỷ nguyên mới hùng cường, còn Nostradamus thì tiên báo Hồ Chí Minh là tên quỷ vương gian trá bạo ngược, gây cuộc chiến 27 năm. Cả hai vị cùng tiên báo một lãnh tụ đặc biệt sẽ ra đời...

50 năm là bao lâu?

Có một nhà văn Trung Hoa sang thăm thành phố San Francisco, người Tầu gọi là thành phố Cựu Kim Sơn. Ông thăm thư viện thành phố, hết sức ngạc nhiên, trầm trồ khen ngợi mãi. Ông khâm phục thư viện cho mọi người ai cũng có thể đến mượn sách miễn phí. Nhưng điều ông khen ngợi nhất là dân chúng mượn sách về đọc xong rồi lại mang trả. Không ai giữ sách công làm của riêng. Ông cho rằng tinh thần tôn trọng của công này là một đức tính cần thiết cho chế độ dân chủ. Ông nói bao giờ người Trung Quốc học được tính tôn trọng của công như vậy thì nước ông mới hy vọng thật sự sống thể chế dân chủ. Ông tiên đoán phải mất 50 năm nữa mới hy vọng đạt tới trình độ đó.

Nhà văn này là Lương Khải Siêu, và thời gian ông qua thăm Mỹ là vào đầu thập niên 1920. Tính đến giờ đã 70 năm rồi.

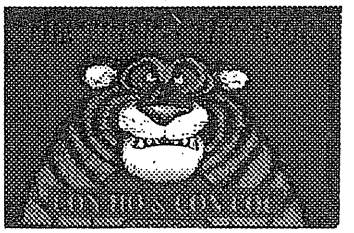

Con Hổ và Con Cóc, The Tiger and the Frog truyện cổ tích Việt Nam, song ngữ Anh Việt dành cho nhi đồng do **Bùi Bảo Thạch** soạn và vẽ tranh. Artattack Books xuất bản, không ghi giá bán. Liên lạc: 128 Stephenson Ave., Toronto, Ontario, M4C 1G4 Canada. Fax (416)694-7559.

Sách in rất đẹp và công phu, lời văn giản dị trong sáng, tranh vẽ mỹ thuật. Một món quà quý cho các em nhi đồng Việt Nam để tập đọc vừa tiếng Anh lẫn tiếng Việt với một nội dung đượm màu sắc văn hóa Việt Nam.

Tạp chí Thơ, số mùa Xuân 1995. Tạp chí chuyên đề thơ, mỗi năm xuất hiện ba lần. Số này do Phạm Hoán trình bày, phụ bản của Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Đinh Cường. Mỗi số 5 mỹ kim. Liên lạc: Duc Doan, P.O.Box 1745, Garden Grove, CA 92642.

Thơ số mùa Xuân gồm nhiều bài lý luận về sáng tác thơ của Ngu Yên, Nguyễn Tiến, Chân Phương, Nguyễn Khắc Thạch, Lê Đạt, Trần Mạnh Hảo, Đỗ Khiêm... và thơ của Nguyễn Văn Phụng, Lâm Thị Mỹ Dạ, Nguyễn Đăng Thường, Phùng Quán, Hoàng Cầm, Trần Dần, Nguyễn Hoàng Nam, Huỳnh Mạnh Tiên...

Bâng Khuâng, Tình khúc Nguyên Bích, tập nhạc, hầu hết là phổ thơ của nhiều tác giả như Mùi Quý Bồng, Du Tử Lê, Hàn Mặc Tử, Minh Đức Hoài Trinh, Phạm Oanh... Đẹp, trang nhã với bìa và các phụ bản của Mùi Quý Bồng. Thực hiện và phát hành: Nguyên Bích, 10904 Scarsdale Blvd Suite 150, Houston, Texas 77089. Tel (713) 484-0449. Fax (713) 484-7210. Không ghi giá bán.■

THÔNG BÁO VIỆC TỔ CHỨC

ĐÀN TRÀNG CẦU SIÊU CHO THUYỀN NHÂN TỬ NẠN TRÊN BIỂN

Hai mươi năm qua thế giới đã được biết bao thảm cảnh kinh hoàng xảy đến cho người Việt vượt biển đi tìm tự do. Ở cuối Chương trình Cứu nguy người tỵ nạn, Cao Ủy Liên Hiệp Quốc đã ước đoán có khoảng 40 phần trăm thuyền nhân tử nạn trên biển cả, nghĩa là **cứ một triệu người vượt biển thì có đến bốn trăm ngàn người bất hạnh.** Các nỗi đau thương lớn lao ấy vùi lấp rải rác khắp nơi trên biển cả suốt hai mươi năm nay như một vết thương cho tất cả mọi người Việt Nam và cho lịch sử Việt Nam trong mai sau.

Để tưởng niệm những oan hồn tử nạn ấy trong dịp đánh dấu hai mươi năm bất hạnh chung của chúng ta, tuần báo **Saigon Times** có dự án phối hợp với các hội đoàn và thân hữu, tổ chức **Đàn Tràng Siêu Độ Chư Hương Linh Thuyền Nhân Tử Nạn Trên Biển**, vào ngày 30.7.1995, trong Mùa Vu Lan Xá Tội Vong

Nhân rằm tháng Bảy năm Ất Hợi. Đàn tràng dự kiến sẽ có sự tham dự của hằng trăm Chư Tăng, Hòa Thượng, Đại Đức của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại cùng đại diện các tôn giáo: Công Giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo..., và Chư Tăng các quốc gia các nước Á Châu hiện cư ngụ tại Nam California. Địa điểm dự trù: tại Barners Park thuộc thành phố Montery Park (trước chùa Diệu Pháp) thuộc Los Angeles.

Các chi tiết về tổ chức và chương trình sẽ được thông báo trong thời gian sắp tới để kính mời đồng bào tham dự. Hiện nay, chúng tôi kính mong bà con đồng hương gửi tên tuổi những người thân kém may mắn đã bị nạn trên đường vượt thoát đi tìm tự do và những chiến sĩ Quốc Gia đã hy sinh trong các trại cải tạo ở quê nhà, để ghi vào danh sách cầu siêu trong ngày Đại Lễ.

Xin liên lạc về:
SAIGON TIMES,
P.O.Box 428 Rosemead, CA 91770
ĐT: (818) 286-1239. Fax: (818) 286-3293
TM. Ban Vận Động
Ái Cầm - Thái Tú Hạp

MCI LOAN BÁO DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI GIỮA HOA KỲ VÀ BẮC HÀN

Hôm 19 tháng Tư 1995, MCI loan báo chính thức khởi đầu dịch vụ viễn thông giữa Hoa Kỳ và Bắc Hàn, nới rộng mạng dịch vụ MCI hiện đang có với Bắc Hàn từ tháng 9 năm 1993.

MCI nay trở thành công ty Hoa Kỳ đầu tiên cung cấp dịch vụ viễn thông cho Bắc Hàn. Kể từ nay, tất cả khách hàng MCI ở Hoa Kỳ có thể gọi điện thoại đi Bắc Hàn. Tưởng cũng nên biết, trước đây Bắc Hàn, cũng như Cuba, bị Mỹ liệt vào danh sách "những nước thù địch," dĩ nhiên là bị "cấm vận kinh tế."

Ông Larry Codacovi, Phó Tổng Giám Đốc các Dịch Vụ Quốc Tế của MCI International, nói rằng: "Chúng tôi là công ty đầu tiên cung ứng dịch vụ cho Bắc Hàn một năm rưỡi trước đây. Với sự nới rộng này, khách hàng của MCI có thể gọi đi tất cả mọi quốc gia trên thế giới."

Ông Terry Macko, Giám Đốc Thị Trường Mậu Dịch Quốc Tế của MCI đã tuyên bố: "... Chương trình "Vòng Tay Nối Liền Thế Giới SM" sẽ giúp khách hàng giữ sợi giây liên lạc với nhau một cách dễ dàng hơn với sự tiết kiệm nhiều nhất khi gọi điện thoại viễn liên quốc tế."

MCI với trụ sở chính tại Hoa Thịnh Đốn, đã phát triển thành một công ty truyền thông viễn liên quốc tế hàng thứ ba trên thế giới và cũng là một công ty ngoại hạng cung cấp các dữ kiện qua hệ thống điện toán khổng lồ *Internet*. Với thu nhập hàng năm lên đến hơn $13.3 tỷ Mỹ kim, ngày nay công ty này cung cấp thật nhiều dịch vụ khác nhau như dịch vụ điện thoại địa phương cũng như điện thoại viễn liên cho khách hàng tiêu thụ hay cho các cơ sở thương mại, thông tin qua dữ kiện hay hình ảnh, điện thư, dịch vụ quản trị màng lưới và các nhu liệu truyền thông.■

tìm đọc tạp chí

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ
PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

☑ phát hành liên tục từ 1985 đến nay
☑ *nơi quy tụ nhiều sáng tác và biên khảo giá trị của những nhà văn, nhà thơ và biên khảo hằng được bạn đọc mến mộ*
☑ đọc VănHọc để theo sát tình hình sinh hoạt văn học trong nước, hải ngoại và thế giới

Giá mỗi số US$4.00. Dài hạn 1 năm US$42.00 (Hoa Kỳ). Từ tháng 3 cho đến hết tháng 6, 1995, mua dài hạn được ba nhà xuất bản Văn Nghệ, An Tiêm và Thanh Văn tặng sách và bán sách với giá hạ (bớt 30%).

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC
VĂN HỌC, P.O. BOX 1359, GARDEN GROVE
CA 92642-1359 — PHONE (714) 894-8535

ADVANCE BUSINESS COPIERS

Máy Copy Bị Hư ?
Máy Fax Bị Mờ ?
Hết Mực , Hết Giấy ?
Cần mua máy mới ?
Recharge Toner ?
Chăm sóc, Bảo Trì.

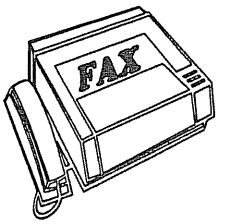

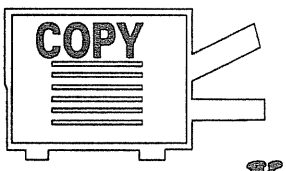

Xin gọi ngay cho A.B.C.

1-800-513-COPY hay 1-800-513-2679

Tìm đọc:

HOA VÀNG CỮ

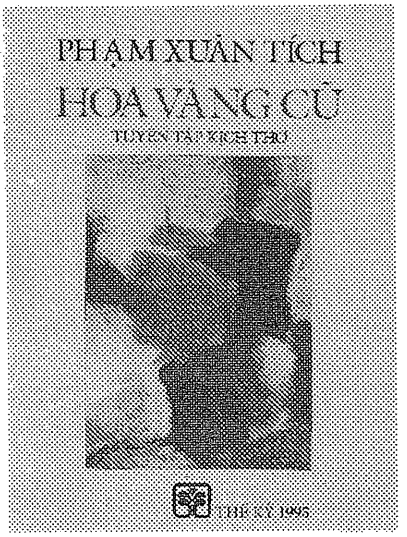

Tuyển tập kịch thơ của Phạm Xuân Tích

Tựa: Trần Thanh Hiệp
Bìa: Lê Tài Điển (tranh) -
Nguyễn Đồng (trình bày)
Phụ bản: Đới Ngoạn Quân, Thái Tuấn,
Ngọc Dũng, Đinh Cường

104 trang khổ lớn. Giá $12.00

THẾ KỶ 11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 USA (714) 638-9510

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277 Garden Grove, CA 92643. USA
Tél: (714) 537-2468

- Hình thức trang nhã, bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
- Nội dung phong phú, với đóng góp của những cây bút tên tuổi trong và ngoài nước.

●

- Qua HỢP LƯU, độc giả có thể cập nhật đầy đủ sinh hoạt văn học nghệ thuật Việt Nam đương đại
- Qua HỢP LƯU, độc giả có cơ hội theo sát những khai phá mới của thế hệ cầm bút trẻ.
- Qua HỢP LƯU, văn chương, nghệ thuật thực sự có được chỗ đứng độc lập: vượt trên mọi tranh chấp có tính cách giai đoạn.

Phở Cali

* Ngon mà lại rẻ
* Không bột ngọt
* Ngò gai rau quế bốn mùa

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GOC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I	VIỄN ĐÔNG II
9684 Westminster, Garden Grove, CA 92644	1911 E. Garvey # C-D, Rosemead, CA 91770
(714) 539-4614	(818) 571-6807
8:30 AM - 8:30 PM	9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

TAXCALI

HÀ DƯƠNG DỰC
Master of Business Administration

HÀ DƯƠNG NGA
Enrolled Agent

- INCOME TAX
- BOOKKEEPING
- BUSINESS CONSULTANT

2619 W. EDINGER, SUITE A2
SANTA ANA, CA 92704
Tel: (714) 662-3149

ARC

KC TRAVEL & TOURS

(KIM CONTINENTAL TRAVEL)

CHUYÊN

- *Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại*
- *Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)*
- *Lo các thủ tục xuất nhập cảnh*

ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY
TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN

9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

Bác Sĩ Y Khoa TRẦN QUỐC TOẢN

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon*
** Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center*

13832 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92643
(714) 636-3595
(Góc Brookhurst & Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

BỆNH NỘI KHOA VÀ NGOÀI DA:

* **BỆNH DỊ ỨNG**: Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa.
* **BỆNH NGOÀI DA**: Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben.
* **BỆNH PHONG THẤP**: Đau khớp xương, đau nhức kinh niên.
* **BỆNH THẦN KINH**: Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
* **BỆNH DINH DƯỠNG và BỆNH TUYẾN NỘI TIẾT**: Áp huyết cao, tiểu đường, mỡ cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
* **BỆNH TIÊU HÓA**: Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
* **BỆNH TIM**: Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
* **BỆNH PHỔI**: Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
* **BỆNH THẬN & ĐƯỜNG TIỂU**: Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ:

* Bệnh suy yếu, run rẩy
* Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
* Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA:

* ***Khám tổng quát định kỳ.***
* ***Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi.***
* ***Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao.***
* ***Truy tầm ung thư máu, vú, phổi, ruột, tử cung.***
* ***Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình.***

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 1:30 PM - 7:30 PM * Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM * Chủ Nhật nghỉ

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103

640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

Thuh

BEAUTY INSTITUTE

8181 Bolsa Ave., Midway City CA 92655
Tel & Fax (714) 894-9904
BẠCH THU HÀ,
RN, BSN . Cosmetician. Esthetician

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

Bánh Mì Cali

$1.35/1 Ổ
MUA 2 TẶNG 1

- Bánh mì thịt nguội
- Bánh mì bì
- Bánh mì chả lụa
- Bánh mì thịt nướng
- Bánh mì nem chua
- Bánh mì xíu mại
- Bánh mì gà rô-ti
- Bánh mì cá mòi

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GOC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

LISE DIEU TRANG VO
Agent

New York Life Insurance Company

NEW YORK LIFE
The Company You Keep

2677 N. Main Street, Suite 700
Santa Ana, CA 92701
Bus: (714) 560-7850 Direct
(714) 560-7800
Fax: (714) 560-7892
Pager Toll Free: **1 (800) 918-1172**

Nha Sĩ DƯ THỊ MỸ LAN

Nguyên Trưởng phòng Nha Khoa Tổng Y viện Khánh Hội
Đã hành nghề 7 năm tại quê hương và 13 năm tại Mỹ.

9141 Bolsa Ave., Suite 302
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 898-6449
(Trong khu Cathay Bank)

THẾ KỶ
XUẤT BẢN và PHÁT HÀNH
PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 □ (714) 638-9510 . FAX (714) 638-1944

THƯ MỤC

9401	Nửa Đời Nhìn Lại (truyện, *Tiêu Dao Bảo Cự*)	HẾT
9402	Thơ Bùi Giáng (thơ, *Bùi Giáng*)	$8.00
9403	Hà Nội Trong Mắt Tôi (ký, *Phạm Xuân Đài*)	$10.00
9404	Câu Chuyện Của Lá Phong (truyện ngắn, *Trần Mộng Tú*)	$10.00
9405	Vùng Đá Ngầm (truyện ngắn, *Hà Kỳ Lam*)	$10.00
9406	Đàn Bà (truyện ngắn, *Hải Vân - Phạm Văn Hải*)	$10.00
9501	Hoa Vàng Cũ (tập kịch thơ, *Phạm Xuân Tích*)	$12.00
9502	Nhớ đất thương trời (thơ, *Trần Hồng Châu*)	Sắp ra
9301	Vườn Dâu Xanh (nhạc, *Trần Đình Quân*)	$10.00
9302	Sử Xanh Lưu Truyền (sưu tầm, *Quý Linh*)	$19.00
9303	Thông Đưa Tiếng Kệ (truyện, *Túy Hồng*)	$12.00
9304	Bạn Gái Nhỏ To (ký, *Bùi Bích Hà*)	$14.00
9305	Văn Nghệ Sĩ Miền Bắc Như Tôi Biết (ký, *Xuân Vũ*)	$11.00
9306	Chuyện Bé Kim I (truyện, *Từ Nguyên*)	$7.00
9307	Chuyện Bé Kim II (truyện, *Từ Nguyên*)	$7.00
9308	Kỹ Thuật Săn Tin Viết Tin (biên khảo, *Trần Văn Ngô*)	$12.00
9309	Ký Giả Chuyên Nghiệp (*Lê Thái Bằng & Lê Đình Điểu* dịch)	$19.50
9310	Hành Trình Về Phương Đông (ký, *Nguyên Phong*)	$10.00
9311	Mùa Hè Năm 1999 (Tuyển tập)	$6.50
9312	Từ Một Giấc Mơ (Tuyển tập)	$12.00
9313	Thơ Trần Mộng Tú (thơ, *Trần Mộng Tú*)	$9.00
9314	Thương Nàng Bấy Nhiêu (truyện, *Kiệt Tấn*)	$12.00
9315	Bút Ký Irina I (ký, *Irina Zisman*)	$10.00
9316	Liêu Trai Chí Dị I (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9317	Liêu Trai Chí Dị II (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9318	Liêu Trai Chí Dị III (truyện, *Kim Y* dịch)	$7.00
9319	Những Ngày Muốn Quên (ký, *Đoàn Thêm*)	$18.00
9320	War & Exile (East Coast VN *PEN*)	$12.00
9321	Duy Văn Sử Quan (biên khảo, *Hoàng Văn Chí*)	$12.00
9322	Trường Ca Lời Mẹ Ru (thơ, *Trương Anh Thụy*)	$12.00
9323	Trạm Nghỉ Chân (truyện, *Trương Anh Thụy*)	$10.00
9324	Con Đường Cải Tạo (ký, *Dương Tử*)	$10.00
9325	Lớp Sóng Phế Hưng (truyện, *Hồ Trường An*)	$7.00
9326	Một Đêm Thứ Bẩy (truyện, *Mai Thảo*)	$8.00
9327	Mồ Hôi Của Đá (truyện, *Nhật Tiến*)	$8.00
9328	Giai Thoại Hồng (ký, *Hồ Trường An*)	$14.00
9329	Đêm Rồi Cũng Đi Qua (truyện, *Nguyễn Thị Ngọc Nhung*)	$8.00
9330	Phật Giáo Hòa Hảo (biên khảo, *Nguyễn Long Thành Nam*)	$25.00
9331	Miền Đất Hứa (truyện, *Trà Lũ*)	$10.00
9332	Hai Mươi Năm Thăng Trầm (ký, *Đinh Văn Ngọc*)	$12.00
9333	Những vấn Đề Việt Nam (Tuyển tập)	$22.00
9334	Tuyển tập (luận, *Nguyễn Kiến Giang*)	$10.00
9335	Trong Cõi (ký, *Trần Quốc Vượng*)	$15.00
9336	Đôi Điều Suy Nghĩ Của... (luận, *Hà Sĩ Phu*)	$6.00
9337	Trăng Mật (thơ, *Nghiêu Minh*)	$15.00
9338	Những Bài Không Tên Tiếp Nối (nhạc, *Vũ Thành An*)	$12.00
9339	Tình Khúc Hồi Hương (nhạc, *Phạm Anh Dũng*)	$6.00

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ

NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**

Tài liệu Nha Khoa do Bác Sĩ Phương Lan biên soạn mến tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

- Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:

- Vá răng sứt mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:

- Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

WESTMINSTER
và các khu lân cận
(714) 893-6768
14044 Magnolia St., # 125
Westminster, CA 92683
(Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Quý vị ở Long Beach xin mời đến
ANAHEIM DENTISTRY
(310) 491-5529
906 E. Anaheim St.,
Long Beach, CA 90813
(Đối diện Phở 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

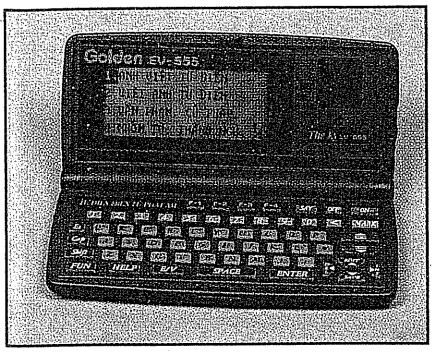

Bộ mới nhất - Hoàn hảo nhất

Từ Điển Phát Âm Điện Tử

THẾ KỶ EV-555

Sẽ giúp bạn mở tung cánh cửa bước vào thế giới mới. Học tiếng Anh dễ dàng, giải quyết mọi khó khăn trong đời sống và giao dịch với người ngoại quốc.

Trên 40 đặc tính và công dụng tuyệt hảo:

Tạm ghi ra đây:

1. *Phát âm giọng Mỹ của Viện Kỹ Thuật Ngữ Học Đại Học Berkeley (USA).*
2. *Anh - Việt, Việt - Anh 85,000 từ (lớn nhất hiện nay), có đối chiếu.*
3. *Đàm thoại thông dụng: Hàng ngàn câu về đời sống, du lịch, thương mại.*
4. *Văn phạm và cú pháp có giải thích và dẫn chứng.*
5. *Đầy đủ nhóm từ, thành ngữ để tra cứu cấp tốc.*
6. *Có Vạn Dụng Tự Điển để dùng riêng trong việc ăn, mặc, ở, đi đứng.*
7. *Làm tự điển riêng với chữ mới hay chữ chuyên môn.*
8. *Chữ đồng nghĩa và phản nghĩa hiện ngay trên môn ảnh.*
9. *Có đủ sổ ghi điện thoại, sổ hẹn, sổ ghi nhớ, có chuông báo, lớn 128K.*
10. *Có các trò chơi nhanh trí để tập luyện trí nhớ và phản ứng.*
11. *Đồng hồ quốc tế Toàn Năng cho giờ địa phương và giờ quốc tế.*
12. *Bộ phận máy tính rất lớn, làm tới 12 hàng số.*
13. *Lịch Vạn Niên có âm dương đối chiếu hiện ngay lên màn ảnh.*
14. *Luyện thi Nhập Tịch Mỹ: Tài liệu song ngữ đầy đủ nhất.*
15. *Cần giữ hồ sơ bí mật có thể đặt mã số riêng.*
16. *Phần phát âm có thể mở lớn nhỏ và nhanh chậm.*
17. *Tự động tắt nếu bị bỏ quên.*
18. *Có màn ảnh và lời chào mừng của chủ nhân khi mở máy.*
19. *Tính hối xuất quốc tế nhanh chóng.*
20. *Dùng pin hay điện nhà đều được (với Adapter).*

Giữ nguyên hệ thống phát âm của Viện Kỹ Thuật Ngữ Học Berkeley USA.

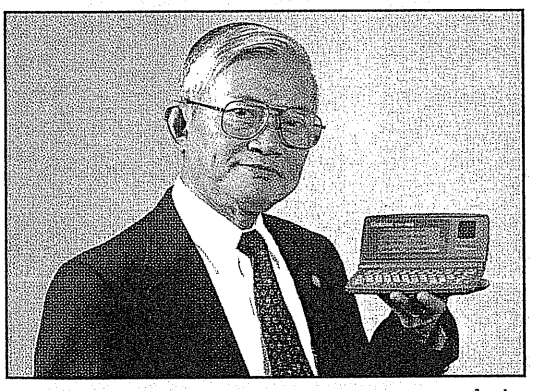

GS. Lê Chính Long: "Tôi muốn giới thiệu tới bạn máy từ điển này."

- **Sức máy mạnh, chuyển chữ nhanh, không phải chờ đợi**
- **Bộ nhớ lớn, lưu trữ hàng ngàn chữ mới và tài liệu riêng**
- **Vạn Dụng Từ Điển có trên 35 lãnh vực sinh hoạt**
- **Luyện Thi Nhập Tịch có phát âm hai phần hỏi đáp**
- **Trục máy tân kỳ, màn ảnh đứng vững nhiều góc**
- **Máy gọn, nhẹ, tiện dụng nhất hiện nay.**

GIÁ CHÍNH THỨC: $329 GIÁ ĐẶT MUA: $279

Tổng đại lý tại Hoa Kỳ & Canada:

GOLDEN MATE INC.

2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732

Các đại lý và khách hàng xin liên lạc cô Mỹ Chi:
1-800-248-3948 hoặc (818) 279-9898
(818) 307-1188 * Fax: (818) 279-9899

Chi nhánh các nơi

MONTEREY PARK:	443-C Garvey Ave.	**(818) 307-1188**
ROWLAND HTS:	18414 Colima Rod.	**(818) 965-2538**
MONTEREY PARK:	127 N. Garfield Ave.	**(818) 571-6598**
CHINATOWN (LA):	727 N. Broadway # 128	**(213) 625-8609**
LITTLE SAIGON:	9200 Bolsa Ave. #226	**(714) 897-9808**

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

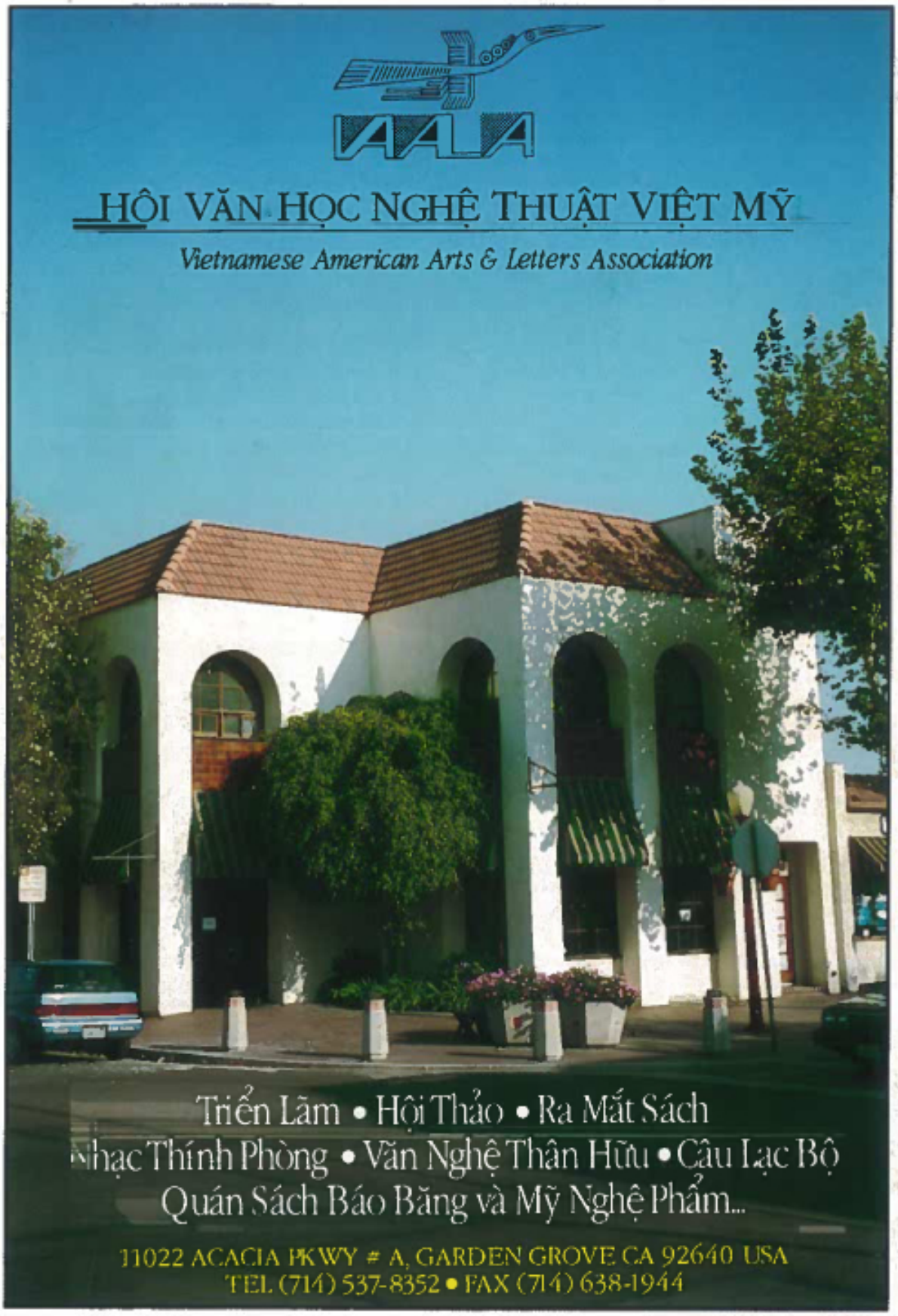

Ấn Phí: Bốn Mỹ Kim